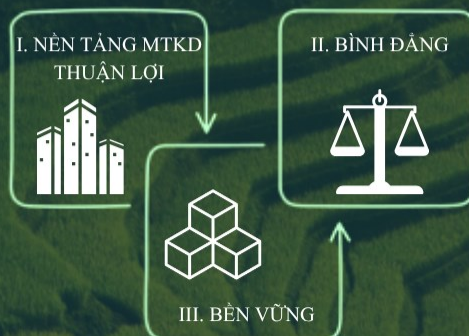


DCCI LÀO CAI

2025



BÁO CÁO

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG (DCCI) LÀO CAI: ĐÁP ỨNG GIỚI VÀ PHÁT TRIỂN BAO TRÙM NĂM 2025

DCCI
LÀO CAI 2025

Đơn vị chủ trì: UBND tỉnh Lào Cai

*Đơn vị điều phối: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư,
Thương mại và Du lịch tỉnh Lào Cai*

Đơn vị cố vấn: Dự án GREAT

Nhóm chuyên gia: Economica Vietnam

LỜI CẢM ƠN

Năm 2025 là thời điểm có ý nghĩa đặc biệt đối với công tác đánh giá chất lượng điều hành và môi trường kinh doanh tại tỉnh Lào Cai. Trong bối cảnh tỉnh đang thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ trọng đại, sáp nhập địa giới hành chính với tỉnh Yên Bái để hình thành đơn vị hành chính mới, chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đồng thời sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành và chính quyền cơ sở. Do đó, bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương cũng được định hình lại với tên gọi chính thức là DCCI (chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương) thay cho tên gọi cũ DDCI (chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ban, ngành). Sự chuyển đổi từ DDCI sang DCCI không đơn thuần là thay đổi về danh xưng, mà thực chất là sự điều chỉnh có chủ đích của bộ công cụ đánh giá nhằm bắt kịp với những thay đổi sâu rộng về thể chế, cơ cấu tổ chức và yêu cầu mới về quản trị kinh tế địa phương trong một giai đoạn chuyển mình quan trọng của tỉnh.

DCCI Lào Cai năm 2025 tiếp tục kế thừa kết quả nghiên cứu, triển khai và hoàn thiện bộ chỉ số trong các giai đoạn trước của cả 2 tỉnh Lào Cai và Yên Bái (trước sáp nhập), đồng thời được rà soát, cập nhật toàn diện để phù hợp hơn với thực tiễn của địa bàn mở rộng sau sáp nhập. Báo cáo là kết quả của quá trình phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị chuyên môn, nhóm nghiên cứu, các chuyên gia tư vấn và đặc biệt là sự tham gia, đóng góp ý kiến tích cực của cộng đồng DN/HTX và HKD trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu chung của DCCI là cung cấp một công cụ đánh giá khách quan, thực chất và có giá trị chẩn đoán, qua đó hỗ trợ các cơ quan, đơn vị nhận diện rõ hơn những mặt đã làm được, những nội dung còn hạn chế, những rào cản, khoảng trống và rút thất để từ đó xác định trọng tâm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Trên cơ sở nghiên cứu các chỉ tiêu của bộ chỉ số PCI, PCI 2.0 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các bộ chỉ số đánh giá của các tỉnh, thành khác, cũng như qua kết quả khảo sát đánh giá giai đoạn 2019–2021 tại tỉnh Lào Cai và góp ý từ các sở, ban, ngành, các hiệp hội DN trên địa bàn, bộ chỉ số DCCI 2025 của tỉnh Lào Cai được hoàn thiện và triển khai đánh giá trong năm 2026. Tổ công tác DCCI Lào Cai là đơn vị điều phối chung và giám sát toàn bộ dự án. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lào Cai là đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện DCCI tỉnh Lào Cai năm 2025. Hoạt động DCCI nhận được sự hỗ trợ của Dự án "Thúc đẩy Bình đẳng Giới thông qua Nâng cao Hiệu quả Kinh tế Sản xuất Nông nghiệp và Phát triển Du lịch" (GREAT) với sự tài trợ của Chính phủ Australia. Đơn vị khảo sát độc lập (Bưu điện tỉnh Lào Cai) chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát DCCI đối với các cơ sở kinh doanh, HKD, DN và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Công ty Tư vấn về Quản lý Kinh tế (Economica Vietnam) chịu trách nhiệm về phương pháp luận của chỉ số DCCI, phân tích dữ liệu điều tra và xếp hạng DCCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh. Chúng tôi cũng xin đặc biệt cảm ơn lãnh đạo và các cán bộ công chức, viên chức của các sở, ban ngành và các xã, phường đã hỗ trợ, tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện DCCI trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Nhóm nghiên cứu đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về mặt phương pháp luận, phương pháp thực hiện và báo cáo từ các chuyên gia Liên đoàn Thương mại Công nghiệp Việt Nam gồm ông Đậu Anh Tuấn (Phó Tổng Thư ký, Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI), TS. Trần Toàn Thắng - Viện Chiến lược và Chính sách Kinh tế - Tài chính, TS. Nguyễn Phương Bắc, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội tỉnh Bắc Ninh, cùng nhiều chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực cải thiện môi trường kinh doanh đến từ các viện nghiên cứu, hiệp hội, doanh nghiệp mà chúng tôi không thể liệt kê hết tại đây.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về mặt nội dung và chuyên môn của cán bộ các xã, phường và các sở, ban, ngành, Hiệp hội, Liên minh hợp tác xã và các cơ quan khác trong quá trình xây dựng phương pháp luận, thiết kế khảo sát của nghiên cứu này.

Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn đến các chuyên gia và cán bộ hỗ trợ của Dự án GREAT vì những đóng góp quý báu. Các ý kiến từ chuyên gia đã giúp hoàn thiện phương pháp luận DCCI và báo cáo khảo sát này, đặc biệt trong việc lồng ghép các yếu tố về đáp ứng giới và bao trùm. Nhờ áp dụng khung Phát triển hệ thống thị trường bao trùm/bền vững, các tiêu chí đánh giá được xây dựng chặt chẽ hơn, báo cáo phân tích này phản ánh tốt hơn mức độ hòa nhập và công bằng trong môi trường kinh tế - xã hội.

Sau cùng, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các DN/HTX, HKD, trong đó có các cơ sở sản xuất kinh doanh do phụ nữ, phụ nữ dân tộc thiểu số và người khuyết tật làm chủ đã dành thời gian quý báu tham gia khảo sát DCCI và cung cấp những thông tin đầy đủ, trung thực, khách quan. Những thông tin này có giá trị thiết thực để nhóm nghiên cứu tổng hợp và phản ánh tới các cơ quan nhà nước, nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy bình đẳng giới và phát triển bao trùm, từ đó mang lại lợi ích thực chất cho toàn thể cộng đồng DN/HTX và HKD trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn phát triển mới.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	3
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	6
DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ	8
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG	9
1.1. Bối cảnh và sự cần thiết	10
1.2. Những điểm mới của DCCI Lào Cai 2025	13
1.3. Nội dung bộ chỉ số	15
1.4. Kết cấu báo cáo DCCI Lào Cai 2025.....	16
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, TRIỂN VỌNG KINH DOANH.....	19
2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh và dự báo triển vọng.....	19
2.2. Nhận diện một số xu hướng và vấn đề nổi bật về môi trường kinh doanh	25
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ DCCI KHỐI SỞ, BAN	29
3.1. Kết quả DCCI khối sở, ban.....	29
3.2. Hồ sơ DCCI khối sở, ban theo các trụ cột	37
CHƯƠNG 4. KẾT QUẢ DCCI KHỐI NGÀNH DỤC	58
4.1. Kết quả DCCI ngành dọc.....	58
4.2. Kết quả DCCI ngành dọc theo trụ cột.....	61
CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ DCCI KHỐI ĐỊA PHƯƠNG	74
5.1. Kết quả DCCI khối địa phương	74
5.2. Kết quả DCCI khối địa phương theo trụ cột.....	77
CHƯƠNG 6. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	97
6.1. Kết luận.....	97
6.2. Khuyến nghị.....	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO	108
PHỤ LỤC.....	109
Phụ lục 1. Tổng quan về phương pháp luận	109
Phụ lục 2. Hồ sơ DCCI sở, ban theo lĩnh vực.....	120
Phụ lục 3. Hồ sơ DCCI theo ngành dọc.....	166
Phụ lục 4. Hồ sơ DCCI khối địa phương	172

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
CCHC	Cải cách hành chính
CSTP	Chỉ số thành phần
DCCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (cấp xã, phường)
DDCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và cấp huyện
DN	Doanh nghiệp
DTTS	Dân tộc thiểu số
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ-TB&XH	Lao động – Thương binh & Xã hội
NKT	Người khuyết tật
NN&MT	Nông nghiệp & Môi trường
PCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
PNDTTS	Phụ nữ dân tộc thiểu số

QLNN	Quản lý nhà nước
SBN	Sở, ban, ngành
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VH-TT	Văn hóa – Thể thao

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Danh mục bảng

Bảng 5.1. Rào cản thực hiện TTHC trực tuyến.....	83
--	----

Danh mục biểu đồ, hình vẽ

Biểu đồ 2.1. Tình hình SXKD theo nhóm nam/nữ DN/HTX làm chủ	20
Biểu đồ 2.2. Tình hình SXKD theo nhóm nam/nữ HKD làm chủ	22
Biểu đồ 2.3. Triển vọng SXKD theo nhóm nam/nữ DN/HTX làm chủ.....	23
Biểu đồ 2.4. Triển vọng SXKD theo nhóm nam/nữ HKD làm chủ	25
Biểu đồ 3.1. Kết quả DCCI theo ngành, lĩnh vực quản lý năm 2025	32
Biểu đồ 3.2. Kết quả DCCI khối sở, ban năm 2025	33
Biểu đồ 3.3. Điểm số của các CSTP của DCCI cấp sở, ban theo các trụ cột chính.....	34
Biểu đồ 3.4. Ma trận ưu tiên cải cách của các chỉ số thành phần	36
Biểu đồ 3.5. Điểm số CSTP thực hiện TTHC, gia nhập thị trường	39
Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP minh bạch và trách nhiệm giải trình	41
Biểu đồ 3.7. Điểm số CSTP chi phí tuân thủ	43
Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTP môi trường cạnh tranh bình đẳng.....	44
Biểu đồ 3.9. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD.....	48
Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế	49
Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	51
Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân.....	53
Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP tăng trưởng bền vững, bao trùm và đáp ứng giới	55
Biểu đồ 4.1. Điểm số các CSTP trong DCCI ngành dọc	59
Biểu đồ 4.2. Ma trận ưu tiên cải cách của các chỉ số thành phần	60
Biểu đồ 4.3. Điểm số các CSTP của Trụ cột 1	61
Biểu đồ 4.4. Điểm số các CSTP của trụ cột 2	65
Biểu đồ 4.5. Điểm số các chỉ số thành phần của trụ cột 3	68
Biểu đồ 5.1. Phân phối điểm số các chỉ số thành phần của khối địa phương	76
Biểu đồ 5.2. Ma trận cải thiện chỉ số thành phần khối địa phương	76
Biểu đồ 5.3. Điểm số thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	79
Biểu đồ 5.4. Điểm số chỉ số tiếp cận nguồn lực	80
Biểu đồ 5.5. Điểm số tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	82
Biểu đồ 5.6. Điểm số môi trường cạnh tranh bình đẳng.....	86
Biểu đồ 5.7. Điểm số hỗ trợ sản xuất kinh doanh.....	88
Biểu đồ 5.8. Điểm số hiệu lực thể chế	89
Biểu đồ 5.9. Điểm số tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới.....	90
Biểu đồ 5.10. Điểm số quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	93
Biểu đồ 5.11. Điểm số sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền địa phương	94

CHƯƠNG

01

GIỚI THIỆU CHUNG



CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Bối cảnh và sự cần thiết

Dự án “Thúc đẩy Bình đẳng giới thông qua Nâng cao Hiệu quả Kinh tế Sản xuất Nông nghiệp và Phát triển Du lịch tại hai tỉnh Sơn La và Lào Cai” (GREAT) do Chính phủ Úc tài trợ nhằm cải thiện vị thế xã hội và kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số các tỉnh Lào Cai và Sơn La. GREAT giai đoạn 1 (2017-2022) đã hoàn thành và GREAT giai đoạn 2 đang được thực hiện từ năm 2022-2027. Trong khuôn khổ GREAT 2, hai Tiểu dự án DCCI Lào Cai và DCCI Sơn La được thực hiện nhằm (i) Cải thiện môi trường kinh doanh thông qua cải thiện chỉ số DCCI tại địa phương; (ii) Nâng cao năng lực phân tích và xây dựng kế hoạch hành động cải thiện DCCI ở cấp sở, ngành, địa phương; (iii) Tăng cường cơ chế giám sát thực hiện và sự tham gia của các bên liên quan và (iv) Tăng cường truyền thông về DCCI. Kết quả của hai Tiểu dự án DCCI sẽ góp phần thực hiện hóa mục tiêu tăng cường môi trường chính sách và cung ứng dịch vụ công đáp ứng giới và bao trùm, qua đó hỗ trợ phụ nữ DTTS thụ hưởng tốt hơn các chính sách, kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế tại địa phương. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lào Cai là đơn vị quản lý tiểu dự án DCCI Lào Cai, và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Sơn La là đơn vị quản lý dự án DCCI Sơn La. Economica đóng vai trò là đối tác kỹ thuật cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật thực hiện đánh giá, viết báo cáo và chuyển giao năng lực đánh giá DCCI.

Trước đó, Lào Cai là tỉnh tiên phong trong cả nước thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp huyện (DCI 2013). Tỉnh Yên Bái cũng đã thực hiện DDCI một cách bài bản từ năm 2016. Trong đó, phương pháp luận và cách tính toán bộ chỉ số DDCI dựa trên phương pháp luận của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), được áp dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện quy trình khảo sát, đánh giá DDCI đảm bảo nguyên tắc chính xác, minh bạch, bảo mật, khả thi và hiệu quả. DDCI đã phát huy khá tốt vai trò là công cụ đo lường và thúc đẩy các đơn vị cải cách thể chế, phương thức làm việc nhằm mục tiêu chung là thúc đẩy đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương.

Đến 01/7/2025, sau sắp xếp bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, tên gọi Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện (Tên tiếng Anh: Department and District Competitiveness Index - viết tắt là DDCI) được điều chỉnh thành Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (Tên tiếng Anh: Department and Commune Competitiveness Index - viết tắt là DCCI) để phù hợp với cơ cấu tổ chức và thực tiễn. Dự án DCCI 2025 tại Lào Cai được triển khai trong bối cảnh có nhiều sự thay đổi như sau:

a) Những thay đổi ở cấp quốc gia

Trong khoảng thời gian vừa qua, bối cảnh cải cách quốc gia được định hình rõ nét qua bốn trụ cột chính:

Thứ nhất, phát triển kinh tế tư nhân trở thành “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế (Nghị quyết số 68-NQ/TW), đánh dấu bước chuyển từ “thừa nhận” sang “bảo vệ, khuyến khích, thúc đẩy” khu vực tư nhân, định vị kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của tăng trưởng. Trọng tâm là hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh; khơi thông nguồn lực về đất đai, tín dụng, công nghệ; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; và xây dựng đội ngũ doanh nhân.

Thứ hai, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xác định là đột phá chiến lược (Nghị quyết số 57-NQ/TW), là nền tảng và động lực chủ yếu để công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nghị quyết yêu cầu phát huy vai trò chủ thể của DN, trí thức và toàn dân; đổi mới tư duy, xóa bỏ rào cản lạc hậu; hoàn thiện thể chế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số ở cả chính quyền và DN.

Thứ ba, đổi mới căn bản công tác xây dựng và thi hành pháp luật (Nghị quyết số 66-NQ/TW) nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, khả thi, minh bạch, có tính dự báo cao, kiến tạo môi trường đầu tư – kinh doanh lành mạnh. Trọng tâm là đổi mới quy trình xây dựng luật theo hướng chủ động, kiến tạo; nâng cao hiệu quả thi hành; phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình.

Ngoài ra, toàn hệ thống chính trị đang thực hiện cải cách sâu rộng tổ chức, bộ máy. Ở cấp Trung ương, các bộ, ngành đã được sáp nhập và đi vào hoạt động từ 1/3/2025. Số lượng đầu mối các cơ quan thuộc Chính phủ đã giảm từ 19 còn 14. Trong nội bộ mỗi cơ quan, số đầu mối cũng được cắt giảm. Đi cùng với đó, là tổ chức lại một số cơ quan ngành dọc của các Bộ, ngành như Ngân hàng nhà nước, hải quan, thuế, bảo hiểm xã hội, viện kiểm sát, toà án... Những thay đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến xây dựng chính sách, pháp luật và thực thi gắn với môi trường kinh doanh ở các địa phương.

Song song với đó, mục tiêu tăng trưởng 8% năm 2025 do Chính phủ đề ra đòi hỏi các địa phương phải chủ động, quyết liệt trong việc nâng cao năng lực quản trị và chất lượng dịch vụ công. Mục tiêu tăng trưởng cao đòi hỏi cách tiếp cận mới về huy động và sử dụng nguồn lực, đề cao vai trò của năng suất lao động, trong đó nâng cao hiệu quả của môi trường kinh doanh là một trong những công cụ quan trọng phục vụ cho tăng trưởng cao từ ngành, địa phương.

Bên cạnh đó, ngày 15/5/2026, VCCI đã công bố Báo cáo Kinh tế tư nhân 2025, ra mắt Chỉ số Hiệu quả Kinh tế tư nhân (BPI) lần đầu tiên cùng phiên bản PCI 2.0. BPI đo lường đầu ra thị trường (hiệu quả phát triển kinh tế tư nhân), trong khi PCI 2.0 tập trung đo lường đầu vào thể chế và môi trường kinh doanh tại các tỉnh, thành. PCI 2.0 cũng

đánh dấu cột mốc đặc biệt khi bước sang năm thứ 21 của hành trình lắng nghe tiếng nói doanh nghiệp, phản ánh chất lượng điều hành kinh tế và thúc đẩy cải cách môi trường kinh doanh.

b) Thay đổi tại cấp tỉnh

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong cải cách tổ chức bộ máy hành chính của Lào Cai, cụ thể:

Một là, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh: Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Lào Cai mới được sáp nhập từ hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

Hai là, triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp: tỉnh triển khai Nghị quyết 60-NQ/TW của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh – xã), cùng với đó là Nghị quyết số 1673/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai năm 2025 để thành lập 99 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 10 phường và 89 xã¹.

Ba là, hợp nhất, tổ chức lại các sở ban ngành: Về sắp xếp đơn vị hành chính cấp sở, ban, ngành, tỉnh Lào Cai có 20 cơ quan².

Trong bối cảnh tái cơ cấu bộ máy chính quyền, DDCI là công cụ vốn được thiết kế để đánh giá các sở, ban, ngành và cấp huyện đứng trước yêu cầu cần được đổi mới để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh – xã), đánh giá cấp sở, ban, ngành và đánh giá các cơ quan ngành dọc. DCCI sẽ là công cụ hiệu quả giúp ghi nhận phản hồi từ cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hợp tác xã về chất lượng điều hành của các cơ quan công quyền sau sáp nhập, đồng thời phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, từ đó làm cơ sở cho việc tham mưu, điều chỉnh chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước tại địa phương.

Trong giai đoạn I (2019-2021), với sự hỗ trợ của dự án GREAT, tỉnh Lào Cai là một trong những tỉnh tiên phong sử dụng DDCI như một công cụ không chỉ đánh giá năng lực điều hành mà còn đo lường khả năng tiếp cận và hưởng lợi của các nhóm yếu thế làm chủ DN/HTX/HKD, đặc biệt là phụ nữ, phụ nữ dân tộc thiểu số, và người khuyết tật đối với dịch vụ công và chính sách mà các cơ quan nhà nước cung cấp. Cách tiếp cận này cần được tiếp tục trong giai đoạn II của dự án.

Hiện nay, song song với các nỗ lực cải cách ở tầm quốc gia, việc đánh giá năng lực điều hành kinh tế cấp tỉnh cũng có những điều chỉnh quan trọng nhằm nhấn mạnh yếu tố môi trường và phát triển bền vững. Chỉ số thành phần về tăng trưởng xanh trong DDCI được

¹ <https://laocai.gov.vn/cac-xa-phuong>

² <https://laocai.gov.vn/cac-so-ban-nganh>

thực hiện thí điểm, tuy nhiên, không xếp hạng chung trong các năm trước đây, cũng cần được thay đổi trong DCCI giai đoạn mới.

Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Nhằm đánh giá và đưa ra các khuyến nghị cải thiện năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương, tăng cường vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND cấp xã/phường trong công tác điều hành, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI 2.0) trong thời gian tới.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đo lường một cách chính xác, khách quan và toàn diện chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền cấp sở, ban, ngành, các đơn vị ngành dọc. Cung cấp bằng chứng về chất lượng điều hành địa phương, sở, ban, ngành để các sở, ban, ngành và UBND cấp xã/phường làm căn cứ đưa ra kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Phản ánh được các điểm nghẽn và nguyên nhân của các địa phương (xã/phường) hiện nay trong quá trình cung cấp dịch vụ công, hoàn thiện thể chế sau sáp nhập.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để nhà đầu tư, DN được tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bộ máy sở, ban, ngành và UBND cấp xã/phường.

- Là tài liệu đầu vào quan trọng cho xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

- Lồng ghép quan điểm bình đẳng xuyên suốt trong DCCI nhằm nhận diện các điểm yếu về mức độ đáp ứng giới của các TTHC, dịch vụ công và các hoạt động hỗ trợ ở khía cạnh sự thống nhất trong quy trình, khả năng tiếp cận và thụ hưởng thực tế của các nhóm khác nhau. Trọng tâm là nhận diện các rào cản về thời gian, đi lại, chi phí cơ hội và mức độ tham gia của nhóm dễ bị tổn thương (PNDTTS, người khuyết tật), qua đó giúp các xã/phường và sở, ban, ngành cải thiện chất lượng phục vụ tốt hơn.

1.2. Những điểm mới của DCCI Lào Cai 2025

- ***Cập nhật thay đổi tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp***

Cập nhật thay đổi tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp vào bộ công cụ đánh giá: bộ công cụ DCCI năm 2025 được điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức mới, cụ thể đánh giá theo 3 khối: DCCI khối các sở, ban thuộc tỉnh; DCCI khối ngành dọc trực thuộc các cơ quan TW phục vụ tại địa phương và DCCI khối xã/phường.

- ***Tập trung vào những cải thiện cốt lõi***

DCCI 2025 không quá tập trung vào so sánh và phân hạng đơn vị được đánh giá mà hướng đến cung cấp thông tin hữu ích cho lãnh đạo tỉnh và từng cơ quan trong việc

nhận diện điểm mạnh, điểm yếu và ưu tiên cải thiện. Cách tiếp cận này giúp tránh tạo áp lực chỉ tập trung vào vị trí trên bảng xếp hạng, mà khuyến khích các đơn vị sử dụng kết quả như một công cụ tự soi chiếu, nhận diện nguyên nhân và xây dựng giải pháp cải thiện thực chất chất lượng phục vụ. Việc xếp hạng trong DCCI 2025 chỉ được thực hiện với các sở, ngành.

- ***Bổ sung câu hỏi định tính***

DCCI có phần câu hỏi định tính Bên cạnh hệ thống chỉ số định lượng, DCCI Lào Cai bổ sung nhóm câu hỏi định tính nhằm làm rõ nguyên nhân của các điểm nghẽn, hạn chế và kết quả nổi bật được phát hiện từ dữ liệu khảo sát định lượng. Các ý kiến phản hồi của DN/HTX/HKD sẽ giúp lý giải sâu hơn những khó khăn trong quá trình sáp nhập, các vướng mắc trong cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và cung ứng dịch vụ công của các sở, ngành, xã, phường. Đồng thời, đây cũng là nguồn thông tin quan trọng để các đơn vị xác định đúng vấn đề cần ưu tiên cải thiện, xây dựng giải pháp sát với thực tiễn và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, địa phương sau này.

- ***Lồng ghép mạnh hơn phát triển bền vững, bao trùm và đáp ứng giới***

Bổ sung một số chỉ tiêu mới phản ánh xu thế phát triển và bối cảnh có nhiều chính sách mới được ban hành, tích hợp tính điểm chỉ số xanh và phát triển bền vững. Những yếu tố mới như phát triển kinh tế tư nhân, khoa học công nghệ được tích hợp trong câu hỏi khảo sát. Để các sở, ban, ngành và địa phương có thể sử dụng hiệu quả hơn kết quả DCCI trong việc thúc đẩy các DN/HTX/HKD sử dụng các biện pháp tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, các chỉ tiêu thí điểm từ năm 2024 sẽ được điều chỉnh và đưa vào tính điểm. Nội dung này được đưa vào một trụ cột riêng về phát triển bền vững.

- ***Phát triển và nâng cấp phần mềm***

Tiếp tục phát triển và nâng cấp phần mềm hỗ trợ khảo sát, quản lý dữ liệu DCCI, cho phép đánh giá theo cấp sở, ban, ngành và các xã, phường. Phần mềm phục vụ công tác nhập liệu, điều tra trực tuyến cũng được cập nhật, cải thiện.

- ***Khuyến khích điều tra trực tuyến***

Tỷ lệ khảo sát trực tuyến là 30%, trong đó tập trung vào nhóm DN/HTX/HKD có trình độ tiếp cận công nghệ thông tin tốt. Trong các năm tiếp sau, tỷ lệ này có thể tăng lên sau khi các đối tượng khảo sát đã từng bước làm quen với khảo sát trực tuyến.

1.3. Nội dung bộ chỉ số

Bộ chỉ số DCCI sẽ gồm ba bộ chỉ số: (i) DCCI khối sở, ban; (ii) DCCI khối các cơ quan ngành dọc; (iii) DCCI khối địa phương (xã/phường).



Nội dung của DCCI tương đồng với cách thiết kế trong PCI 2.0 mặc dù số lượng các trụ cột có sự khác nhau. Các chỉ số thành phần về cơ bản tương đương nhau, tuy nhiên, có một số điều chỉnh phù hợp với chức năng và phạm vi thẩm quyền của từng cấp. Bộ chỉ số thành phần về cơ bản vẫn kế thừa bộ chỉ số trước đây, cụ thể, tại các nội dung về quản lý kinh tế, quản trị công có tính ổn định, không chịu tác động của sự phân cấp lại do tái tổ chức chính quyền. Vì vậy, có cập nhật, hiệu chỉnh phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Đồng thời, cũng đề cao hơn vai trò kiến tạo của chính quyền các cấp.

- **Trụ cột 1: Môi trường kinh doanh thuận lợi**

Đây là những yếu tố cốt lõi, mang tính điều kiện cần, tạo ra một môi trường kinh doanh an toàn, chi phí thấp và có thể dự báo được cho DN/HTX/HKD hoạt động.

- Chỉ số thành phần 1: Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường
- Chỉ số thành phần 2: Tiếp cận nguồn lực phát triển (chỉ áp dụng ở cấp địa phương)
- Chỉ số thành phần 3: Minh bạch và trách nhiệm giải trình
- Chỉ số thành phần 4: Chi phí tuân thủ

- ***Trụ cột 2: Thúc đẩy cạnh tranh***

Đây là những yếu tố góp phần củng cố, hỗ trợ sự phát triển của DN/HTX/HKD.

- Chỉ số thành phần 5: Môi trường cạnh tranh bình đẳng
- Chỉ số thành phần 6: Hỗ trợ sản xuất kinh doanh
- Chỉ số thành phần 7: Hiệu lực thể chế

- ***Trụ cột 3: Tăng trưởng bền vững và vai trò của chính quyền***

Trụ cột này đo lường động lực phát triển nội tại của chính khu vực kinh tế tư nhân, và đo lường vai trò chủ động, tích cực của chính quyền trong việc dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân.

- Chỉ số thành phần 8: Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới
- Chỉ số thành phần 9: Thúc đẩy kinh tế tư nhân
- Chỉ số thành phần 10: Vai trò kiến tạo của chính quyền

1.4. Kết cấu báo cáo DCCI Lào Cai 2025

Báo cáo DCCI Lào Cai năm 2025 gồm các nội dung sau:

Chương 1 giới thiệu về sự cần thiết của việc triển khai DCCI, những điểm đổi mới trong năm 2025, cũng như các vấn đề liên quan đến giới và phát triển bao trùm. Đồng thời, chương này trình bày phương pháp luận và đặc điểm của mẫu khảo sát được áp dụng.

Chương 2 phân tích cảm nhận chung của DN về tình hình và triển vọng kinh doanh từ góc nhìn DCCI cấp sở, ban, ngành dọc và DCCI cấp địa phương.

Chương 3 trình bày đánh giá kết quả DCCI của các sở, ban dựa trên điểm số và xếp hạng. Ngoài ra, chương này phân tích chi tiết các chỉ số thành phần và kết quả của từng lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc các đơn vị này.

Chương 4 trình bày đánh giá kết quả DCCI của ngành dọc bao gồm phân tích cụ thể theo từng chỉ số thành phần để phản ánh mức độ cải thiện môi trường kinh doanh.

Chương 5 tập trung vào phân tích kết quả DCCI của các địa phương, bao gồm phân tích cụ thể theo từng chỉ số thành phần để phản ánh mức độ cải thiện môi trường kinh doanh.

Chương 6 tổng hợp lại các ý chính trong báo cáo và đưa ra các đề xuất và kiến nghị cụ thể để nâng cao chất lượng quản trị nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, và thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng DN trên địa bàn tỉnh.

Các nội dung liên quan đến bình đẳng giới và phát triển bao trùm sẽ được lồng ghép trong tất cả các phần báo cáo, nhằm đo lường mức độ hỗ trợ của các cơ quan quản lý đối với DN do phụ nữ làm chủ và các nhóm yếu thế. Bên cạnh đó, DCCI Lào Cai 2025 có một báo cáo riêng về đáp ứng giới và phát triển bao trùm.

CHƯƠNG

02

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT,
TRIỂN VỌNG KINH DOANH



CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT, TRIỂN VỌNG KINH DOANH

2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh và dự báo triển vọng

2.1.1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025

Theo kết quả khảo sát DCCI 2025, bức tranh tổng thể về tình hình sản xuất kinh doanh của các DN/HTX/HKD cho thấy doanh nghiệp vẫn duy trì được hoạt động, nhưng mức độ lãi thấp.

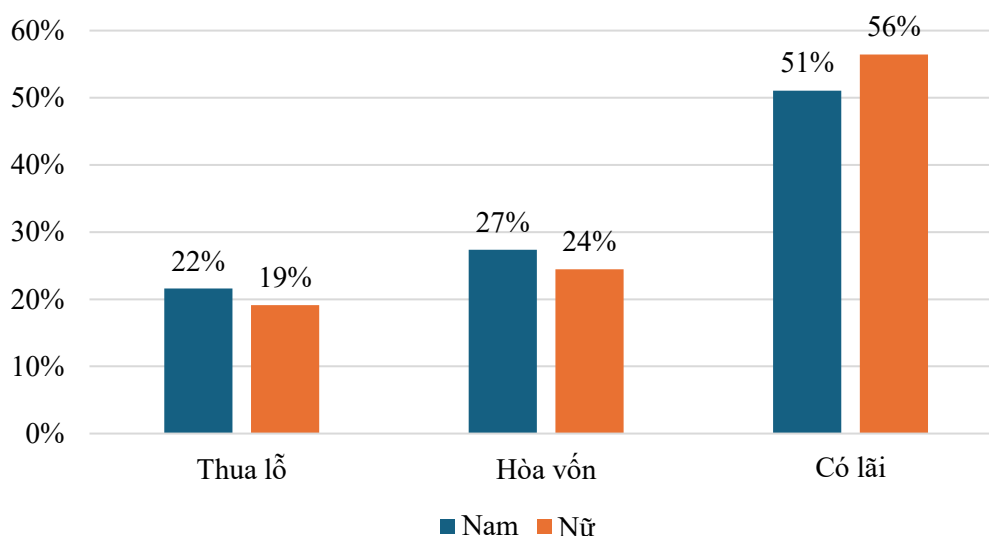
a) Tình hình sản xuất kinh doanh của khối DN/HTX

Bức tranh hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã tại Lào Cai năm 2025 cho thấy dấu hiệu duy trì ổn định nhưng chưa thực sự khởi sắc. Mặc dù hơn một nửa số đơn vị được khảo sát (52%) cho biết hoạt động kinh doanh có lãi, song phần lớn trong số đó chỉ đạt mức "lãi chút ít" (47%), trong khi tỷ lệ doanh nghiệp đạt mức lợi nhuận cao hơn mong đợi chỉ chiếm 5%. Bên cạnh đó, 27% doanh nghiệp chỉ đạt điểm hòa vốn, trong khi 21% vẫn ghi nhận thua lỗ. So với mặt bằng chung cả nước, tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã hòa vốn của Lào Cai thấp hơn đáng kể (27% so với 44,4%), trong khi tỷ lệ thua lỗ cao hơn (21% so với 13%)³ Bức tranh này cho thấy phần lớn doanh nghiệp tại tỉnh đang vận hành với biên lợi nhuận mỏng, năng lực tích lũy thấp và dư địa chống chịu rủi ro còn hạn chế.

Theo giới, trong nhóm doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, 56% đơn vị có lãi, cao hơn không đáng kể so với mức 51% của nhóm nam giới. Đồng thời, tỷ lệ doanh nghiệp nữ ghi nhận thua lỗ ở mức 19%. Nhóm doanh nghiệp do người dân tộc thiểu số làm chủ có tỷ lệ doanh nghiệp có lãi đạt 48%, thấp hơn mức trung bình chung của tỉnh. Đồng thời, tỷ lệ thua lỗ lên tới 26%, cao hơn so với mặt bằng chung. Điều này cho thấy các doanh nghiệp dân tộc thiểu số vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức.

³ Bộ Tài chính, Báo cáo trình bày tại Hội nghị Thường trực Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp ngày 18/7/2026

Biểu đồ 2.1. Tình hình SXKD theo nhóm nam/nữ DN/HTX làm chủ



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Trong cơ cấu ngành nghề, khu vực thương mại - dịch vụ có 50% doanh nghiệp có lãi, 54% DN/HTX trong lĩnh vực nông nghiệp phản ánh có lãi trong năm vừa qua, tuy nhiên chủ yếu vẫn là “lãi chút ít”, tỷ lệ lãi như mong đợi chỉ chiếm khoảng 2%. Đối với lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, tỷ lệ doanh nghiệp có lãi cũng đạt 60%, trong đó tỷ lệ đạt mức lợi nhuận cao hơn mong đợi (11%) cao hơn so với bình quân chung. Điều này cho thấy bên cạnh những khó khăn chung của nền kinh tế, một bộ phận doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và xây dựng đã tận dụng được cơ hội thị trường để cải thiện hiệu quả kinh doanh.

Phân tích cấu trúc lợi nhuận doanh nghiệp: tồn tại khoảng cách giữa doanh nghiệp có quy mô lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong khối doanh nghiệp lớn, hơn một nửa (54%) ghi nhận có lãi, đáng chú ý là 38% trong số đó đạt lợi nhuận vượt kỳ vọng, phản ánh lợi thế về quy mô, năng lực tích lũy và khả năng chống chịu tốt hơn trước biến động thị trường. Ở chiều ngược lại, khối doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), lực lượng chiếm đa số trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang đối mặt với bức tranh kém khả quan hơn, chỉ 4% đạt lợi nhuận như kỳ vọng, trong khi tới 21% thừa nhận thua lỗ. Biên lợi nhuận mỏng, năng lực tích lũy vốn còn hạn chế khiến nhóm này dễ tổn thương trước các cú sốc từ bên ngoài và khó tái đầu tư để nâng cấp năng lực cạnh tranh nếu không có sự hỗ trợ kịp thời. Khoảng cách này không chỉ là vấn đề nội tại của từng doanh nghiệp, mà còn đặt ra bài toán cấu trúc cho chính sách, chương trình, hành động hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh: làm thế nào để vừa thu hút và nuôi dưỡng những doanh nghiệp lớn có vai trò dẫn dắt, vừa củng cố sức khỏe tài chính cho lực lượng DNNVV đông đảo nhưng còn nhiều khó khăn.

b) Tình hình sản xuất kinh doanh của khối HKD

Khu vực hộ kinh doanh đang duy trì được hoạt động nhưng chưa tạo được động lực tăng trưởng. Kết quả khảo sát khối hộ kinh doanh cho thấy 53% số HKD có lãi (51% lãi ít và chỉ 2% lãi nhiều hơn mong muốn), trong khi 27% hòa vốn và 19% đang thua lỗ. Xu hướng này cũng tương đồng với bức tranh chung của khu vực hộ kinh doanh trên cả nước. Theo khảo sát toàn quốc, có tới 81,5% hộ kinh doanh cho biết doanh thu giảm trong năm vừa qua; đồng thời 73,7% chỉ đạt mức lãi ít, 12,9% hòa vốn, 9,3% lỗ ít và 2,2% lỗ lớn⁴. Đi sâu vào chất lượng tăng trưởng, có thể thấy khu vực hộ kinh doanh đang đối mặt với vấn đề về lợi nhuận thấp và thiếu tích lũy. Thực tế, gần như toàn bộ nhóm có lãi đều chỉ dừng ở mức "lãi ít". Trong khi đó, tỷ lệ hộ kinh doanh đạt mức lợi nhuận cao hơn mong muốn chỉ chiếm 2%. Điều này cho thấy phần lớn hộ kinh doanh vẫn đang hoạt động trong trạng thái duy trì dòng tiền để tồn tại nhưng chưa tạo ra nguồn lực đủ lớn để tái đầu tư, mở rộng quy mô hay nâng cấp hoạt động sản xuất kinh doanh. Một điểm đáng chú ý là có tới 27% hộ kinh doanh chỉ đạt mức hòa vốn. Nếu cộng với nhóm thua lỗ, có tới 46% số hộ chưa tạo ra lợi nhuận thực chất trong năm qua. Đây là tỷ lệ khá cao đối với khu vực vốn được xem là linh hoạt và có khả năng thích ứng nhanh với biến động thị trường.

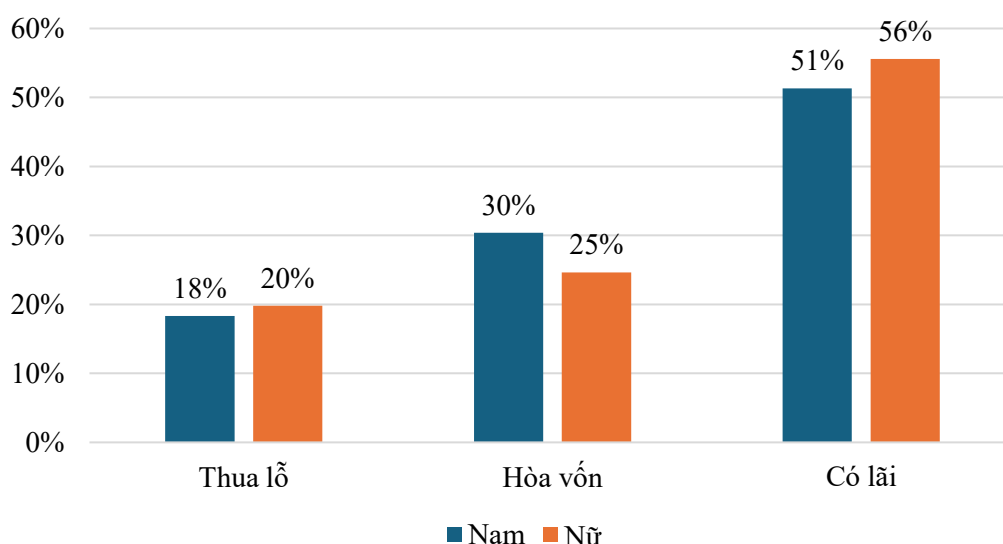
Theo nhóm ngành, khối nông lâm nghiệp đang thể hiện bức tranh kém khả quan nhất trong các nhóm ngành khảo sát. Gần 1/3 số HKD nông, lâm nghiệp tham gia khảo sát phản ánh (32%) phải đối diện với việc làm ăn thua lỗ trong năm vừa qua, trong khi tỷ lệ này ở nhóm ngành công nghiệp xây dựng là 7% và nhóm ngành thương mại dịch vụ là 18%. Kết quả này phản ánh những khó khăn mang tính cơ cấu của khu vực nông nghiệp hiện nay như quy mô sản xuất nhỏ lẻ, giá cả đầu ra thiếu ổn định, phụ thuộc vào thương lái và khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị còn hạn chế. Đây là khu vực cần được quan tâm đặc biệt bởi đây cũng là sinh kế của phần lớn người dân khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Theo giới, nhóm HKD do phụ nữ làm chủ có tỷ lệ hoạt động có lãi cao hơn so với nhóm nam, với (56% so với 51%). Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý là tỷ lệ thua lỗ ở nhóm HKD nữ (20%) lại cao hơn so với nhóm nam (18%). Điều này cho thấy trong khi phần lớn hộ kinh doanh nữ hoạt động hiệu quả, vẫn tồn tại một bộ phận dễ tổn thương hơn trước biến động thị trường, có thể do tập trung vào các ngành nghề có biên lợi nhuận mỏng, thiếu đệm vốn dự phòng. Phân tích sâu kết quả kinh doanh nhóm HKD do phụ nữ làm chủ theo nhóm ngành nghề, kết quả cho thấy tỷ lệ nữ HKD phản ánh thua lỗ trong năm qua tập trung vào nhóm nông lâm nghiệp (31% HKD nông lâm nghiệp phản ánh thua lỗ trong năm vừa qua). Nhìn tổng thể, kết quả khảo sát gợi ý rằng chính sách hỗ trợ HKD cần có góc nhìn về đáp ứng giới rõ ràng hơn, vừa phát huy thế mạnh của nhóm

⁴ VCCI (2025), *Báo cáo thường niên về kinh tế tư nhân năm 2025 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*.

nữ trong tạo lợi nhuận (nhóm ngành thương mại, dịch vụ), vừa có cơ chế bảo vệ và hỗ trợ những hộ kinh doanh nữ đang đứng trước nguy cơ thua lỗ (nhóm ngành nông lâm nghiệp).

Biểu đồ 2.2. Tình hình SXKD theo nhóm nam/nữ HKD làm chủ



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

2.1.2. Dự báo triển vọng

Dự báo triển vọng kinh doanh của toàn khối DN/HTX/HKD trong năm 2025 phản ánh tâm lý thận trọng nhưng vẫn duy trì được niềm tin nhất định vào sự ổn định của thị trường.

a) Dự báo triển vọng của khối DN/HTX

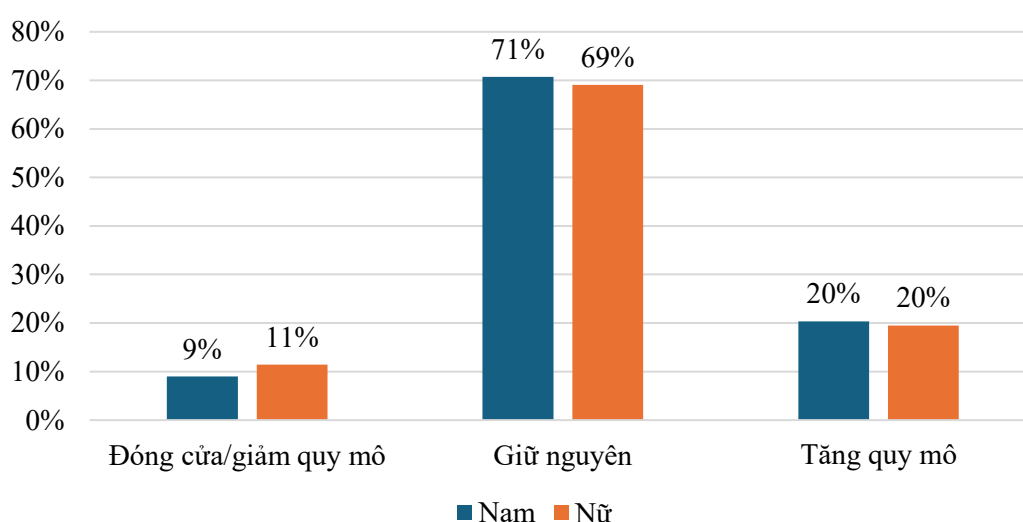
Kết quả khảo sát DCCI 2025 phản ánh trạng thái tâm lý thận trọng của phần lớn DN/HTX tham gia khảo sát. 70% DN/HTX trong danh sách khảo sát lựa chọn duy trì quy mô hiện tại trong thời gian tới. Chỉ 20% DN/HTX có kế hoạch mở rộng, trong đó 16% dự kiến tăng quy mô một chút và 4% có kế hoạch tăng quy mô đáng kể. Ở chiều ngược lại, 10% doanh nghiệp đang hướng tới thu hẹp hoặc rút lui, bao gồm 5% có kế hoạch đóng cửa và 5% dự kiến giảm quy mô. Những con số này phản ánh niềm tin kinh doanh chưa đủ để thúc đẩy làn sóng đầu tư mở rộng, trong khi áp lực tồn tại vẫn đang tạo áp lực lên một bộ phận không nhỏ DN/HTX.

Đặt các đặc điểm của khu vực doanh nghiệp tư nhân tại tỉnh trong bối cảnh so sánh quốc gia, dữ liệu về doanh nghiệp thành lập mới và hoàn thiện thủ tục giải thể phản ánh thực trạng sàng lọc rõ hơn năm 2025. Cụ thể, Lào Cai có 1.440 doanh nghiệp thành lập mới trong năm vừa qua, trong khi khoảng 365 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Xét trong tương quan giữa dòng thành lập mới và giải thể, có thể thấy cứ khoảng 4 doanh nghiệp được thành lập mới thì có 1 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. So với

cả nước, nơi ghi nhận 107.710 doanh nghiệp thành lập mới và 14.264 doanh nghiệp giải thể (tương ứng khoảng 7–8 doanh nghiệp thành lập mới trên mỗi doanh nghiệp giải thể), mức độ sàng lọc của khu vực doanh nghiệp tại Lào Cai diễn ra rõ nét hơn. Từ góc độ phát triển khu vực tư nhân, số lượng doanh nghiệp đăng ký mới chỉ là một chỉ báo ban đầu về mức độ năng động của nền kinh tế; khả năng tồn tại, mở rộng hoạt động và đóng góp bền vững của doanh nghiệp mới là yếu tố phản ánh chất lượng phát triển. Do đó, cùng với các chính sách thúc đẩy khởi sự kinh doanh, Lào Cai cần tiếp tục chú trọng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp hậu đăng ký, cải thiện điều kiện hoạt động để doanh nghiệp có thể thực sự tồn tại, tích lũy, mở rộng và phát triển.

Phân tích theo giới, DN/HTX do nam làm chủ có 21% dự định tăng quy mô (17% tăng một chút, 4% tăng đáng kể), trong khi nhóm nữ là 20% (17% tăng quy mô một chút và 3% tăng quy mô đáng kể). Tuy nhiên, điểm khác biệt đáng chú ý nằm ở nhóm thu hẹp và rút lui khỏi thị trường. Tỷ lệ doanh nghiệp nữ có kế hoạch giảm quy mô hoặc đóng cửa lên tới 12% (7% giảm quy mô và 5% đóng cửa), cao hơn mức 9% của nhóm nam (5% giảm quy mô và 4% đóng cửa). Điều này tạo ra một nghịch lý đáng suy ngẫm: dù tỷ lệ có lãi của DN/HTX do nữ làm chủ cao hơn (như đã phân tích ở phần trước), nhóm này lại đang chịu áp lực giảm quy mô lớn hơn, phản ánh sự phân hóa trong khối doanh nghiệp nữ, giữa một bên là những đơn vị hoạt động hiệu quả và một bên là những DN/HTX dễ tổn thương, có xu hướng giảm quy mô lớn hơn nam giới.

Biểu đồ 2.3. Triển vọng SXKD theo nhóm nam/nữ DN/HTX làm chủ



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

DN/HTX do người dân tộc thiểu số (DTTS) làm chủ có tỷ lệ dự định tăng quy mô lên tới 32% (27% tăng một chút và 5% tăng đáng kể), cao hơn mức bình quân chung (20%). Tương tự, nhóm doanh nghiệp do người khuyết tật (NKT) làm chủ (dù tỷ lệ trong mẫu chưa lớn) cũng ghi nhận tới 33% có kế hoạch tăng quy mô một chút. Đây là những tín hiệu tích cực về ý chí vươn lên và khát vọng phát triển của các nhóm doanh nghiệp yếu

thể. Tuy nhiên, kỳ vọng mở rộng chỉ có thể trở thành hiện thực nếu đi kèm với những điều kiện đủ như tiếp cận vốn, hỗ trợ kỹ thuật, kết nối thị trường và các chính sách đặc thù phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng.

Theo quy mô, sự phân hóa theo quy mô doanh nghiệp là một trong những điểm nổi bật nhất trong toàn bộ kết quả khảo sát. Nhóm doanh nghiệp quy mô lớn thể hiện tâm thế tăng trưởng rõ ràng và mạnh mẽ hơn hẳn: tới 42% có kế hoạch mở rộng (21% tăng một chút và 21% tăng đáng kể). Đây là minh chứng rõ nét cho lợi thế tích lũy của doanh nghiệp lớn với nguồn lực tài chính, năng lực quản trị tốt và khả năng nắm bắt cơ hội thị trường nhanh hơn đã tạo nền tảng để họ tự tin hoạch định chiến lược mở rộng. Ở chiều ngược lại, bức tranh ở khối doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) kém khả quan hơn, chỉ 19% dự định tăng quy mô, trong khi 71% chọn giữ nguyên và 11% có xu hướng thu hẹp hoặc rút lui. Biên lợi nhuận mỏng, tâm lý thận trọng trong mở rộng sản xuất là tín hiệu cảnh báo đáng quan tâm, đặt ra yêu cầu cấp thiết về các chương trình hỗ trợ DNNVV tiếp cận vốn, nâng cao năng lực quản trị và mở rộng thị trường một cách thực chất hơn trong thời gian tới.

Theo ngành nghề, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng là nhóm có động lực mở rộng mạnh nhất, với 29% doanh nghiệp có kế hoạch tăng quy mô (21% tăng một chút và 8% tăng đáng kể), cao hơn so với mức 19% của nông lâm nghiệp và 17% của thương mại - dịch vụ. Kết quả này có thể phản ánh tác động tích cực từ các dự án đầu tư hạ tầng, xây dựng đang được đẩy mạnh trên địa bàn tỉnh, tạo ra dư địa tăng trưởng rõ ràng hơn cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực này, bên cạnh đó khối công nghiệp – xây dựng tập trung nhiều DN lớn hơn các khối còn lại (theo khảo sát DCCI, 65% DN/HTX lớn thuộc khối ngành công nghiệp – xây dựng).

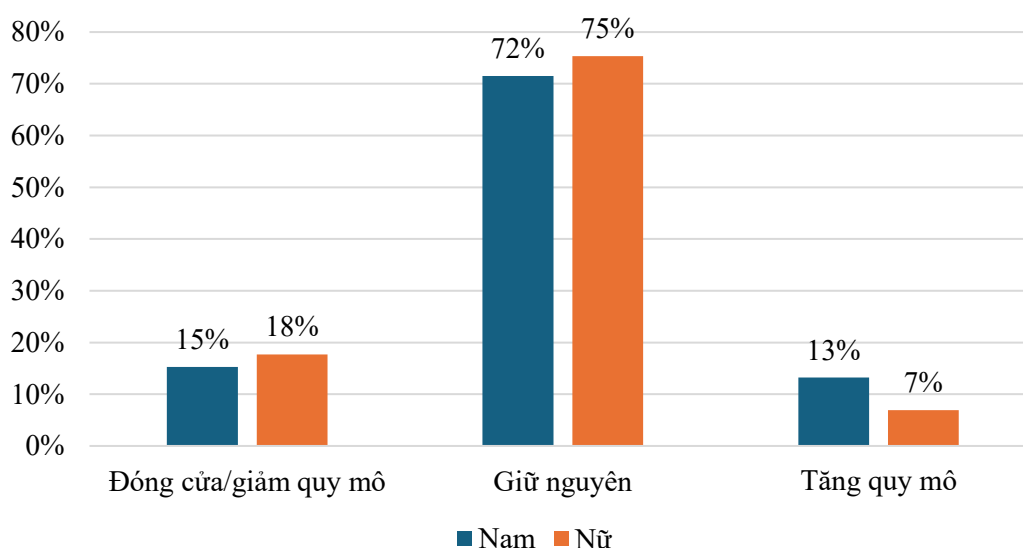
b) Dự báo triển vọng của khối HKD

Theo kết quả khảo sát DCCI 2025, các HKD khá thận trọng trong mở rộng sản xuất. Trong tổng số các HKD được khảo sát, có tới 73% dự kiến duy trì quy mô hiện tại, trong khi chỉ 18% có kế hoạch mở rộng hoạt động (8% mở rộng vừa phải và 9% mở rộng đáng kể). Ngược lại, khoảng 10% dự kiến thu hẹp quy mô hoặc đóng cửa. Điều này phản ánh phần lớn hộ kinh doanh vẫn lựa chọn ưu tiên duy trì sự ổn định thay vì chấp nhận rủi ro để đầu tư mở rộng. Điều đáng chú ý là tỷ lệ hộ dự kiến mở rộng quy mô (18%) chỉ cao hơn không đáng kể so với tỷ lệ dự kiến thu hẹp hoặc đóng cửa (10%). Khoảng cách này cho thấy động lực tăng trưởng của khu vực hộ kinh doanh hiện còn khá yếu. Nhiều HKD có thể đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất nhưng vẫn chưa tích lũy đủ nguồn lực tài chính, lao động và thị trường để bước vào chu kỳ đầu tư mới. Đây là biểu hiện thường thấy của một nền kinh tế đang trong giai đoạn phục hồi nhưng chưa thực sự bền vững.

Theo giới, HKD do nam làm chủ có triển vọng tích cực hơn khi tỷ lệ dự kiến mở rộng đạt khoảng 19%, cao hơn so với 13,9% ở nhóm nữ. Đồng thời, tỷ lệ dự kiến thu hẹp ở

nhóm nữ (10,7%) cũng cao hơn nhóm nam (9,6%). Theo dân tộc, nhóm HKD do người dân tộc thiểu số làm chủ lại thể hiện sự lạc quan tương đối, với khoảng 19 % dự kiến mở rộng quy mô, cao hơn nhóm hộ người Kinh (17%). Tuy nhiên, quy mô mẫu nhỏ khiến kết quả này cần được diễn giải thận trọng. Dù vậy, đây vẫn có thể là tín hiệu cho thấy các chính sách hỗ trợ sản xuất, phát triển sinh kế và kinh tế nông thôn đang tạo ra những kỳ vọng nhất định trong nhóm này.

Biểu đồ 2.4. Triển vọng SXKD theo nhóm nam/nữ HKD làm chủ



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Phân tích theo nhóm ngành, triển vọng kinh doanh giữa các nhóm ngành có sự khác biệt. Khu vực thương mại - dịch vụ có 75% doanh nghiệp/hộ kinh doanh dự kiến duy trì quy mô hoạt động, trong khi tỷ lệ dự kiến đóng cửa hoặc thu hẹp quy mô là 17%. Công nghiệp - xây dựng có 71% giữ nguyên quy mô và 16% dự kiến mở rộng, phản ánh kỳ vọng phục hồi từ đầu tư và xây dựng. Trong khi đó, nông nghiệp là nhóm có mức độ thận trọng cao hơn khi tỷ lệ dự kiến đóng cửa lên tới 19%, cao nhất trong ba nhóm ngành, đồng thời tỷ lệ mở rộng chỉ đạt 17%. Kết quả này cho thấy phần lớn cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn lựa chọn chiến lược duy trì hoạt động thay vì mở rộng đầu tư, phản ánh tâm lý chờ đợi và thận trọng trước những biến động của thị trường trong thời gian tới.

2.2. Nhận diện một số xu hướng và vấn đề nổi bật về môi trường kinh doanh

Kết quả phân tích thực trạng tình hình phát triển sản xuất kinh doanh của DN/HTX/HKD thông qua khảo sát DCCI năm 2025 tại tỉnh Lào Cai cho thấy khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn nhìn chung vẫn duy trì được sự ổn định. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, có thể nhận diện một số xu hướng và vấn đề nổi bật cần lưu ý, liên quan đến kỳ vọng mở rộng thị trường và tính bền vững của khu vực kinh tế tư nhân trong thời gian tới.

DN/HTX/HKD vẫn duy trì hoạt động nhưng chất lượng tăng trưởng thấp

Phần lớn DN/HTX và HKD vẫn lựa chọn duy trì hoạt động với quy mô hiện tại, tuy nhiên chủ yếu trong trạng thái "có lãi ít" hoặc "hòa vốn". Hơn một nửa doanh nghiệp và hộ kinh doanh báo cáo có lãi, nhưng tỷ lệ đạt mức lợi nhuận cao hơn kỳ vọng chỉ dao động từ 2-5%. Điều này cho thấy khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh đang đối mặt với nguy cơ suy giảm chất lượng tăng trưởng. Biên lợi nhuận thấp khiến DN/HTX/HKD khó tích lũy vốn, hạn chế khả năng tái đầu tư, đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tồn tại khoảng cách phát triển giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp DNVVN

Kết quả khảo sát cho thấy sự phân hóa về hiệu quả kinh doanh và kỳ vọng tăng trưởng giữa các nhóm doanh nghiệp. Doanh nghiệp lớn có tỷ lệ lợi nhuận cao hơn, tỷ lệ thua lỗ thấp hơn và đặc biệt có tới 42% dự kiến mở rộng hoạt động trong thời gian tới. Trong khi đó, phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ duy trì quy mô hiện tại, với tỷ lệ thua lỗ và thu hẹp hoạt động cao hơn. Điều này phản ánh một điểm nghẽn mang tính cấu trúc của nền kinh tế địa phương: lực lượng doanh nghiệp đông đảo nhất lại chính là nhóm có sức chống chịu và năng lực tích lũy yếu nhất. Nếu không có các giải pháp hỗ trợ hiệu quả, khoảng cách này có thể tiếp tục gia tăng và làm suy giảm sức sống của khu vực kinh tế tư nhân.

Nông nghiệp đang là khu vực dễ tổn thương và phân hóa mạnh nhất

Trong cả khối DN/HTX và HKD, khu vực nông nghiệp đều thể hiện mức độ rủi ro cao hơn các ngành còn lại. Tỷ lệ hộ kinh doanh nông nghiệp thua lỗ lên tới 32%, cao nhất trong các lĩnh vực khảo sát. Đồng thời, ở phần triển vọng kinh doanh, nông nghiệp cũng là lĩnh vực thể hiện sự phân hóa rõ nét nhất khi vừa có tỷ lệ dự kiến mở rộng tương đối cao, vừa có tỷ lệ dự kiến thu hẹp hoặc chấm dứt hoạt động ở mức cao. Điều này cho thấy khu vực nông nghiệp đang tồn tại đồng thời cả cơ hội và thách thức, nhưng nhìn từ góc độ phát triển dài hạn, điểm nghẽn cốt lõi vẫn là quy mô sản xuất nhỏ lẻ, khả năng tham gia chuỗi giá trị thấp, phụ thuộc lớn vào biến động giá cả và thị trường đầu ra.

Sự phát triển chưa thực sự bao trùm đối với các nhóm yếu thế

Mặc dù một số nhóm doanh nghiệp và hộ kinh doanh do phụ nữ, người dân tộc thiểu số hoặc người khuyết tật làm chủ vẫn cho thấy những tín hiệu tích cực, nhưng kết quả khảo sát cũng phản ánh rõ nguy cơ dễ bị tổn thương của các nhóm này. Các doanh nghiệp dân tộc thiểu số có tỷ lệ thua lỗ cao hơn mức bình quân; nhiều hộ kinh doanh dân tộc thiểu số chỉ hoạt động ở ngưỡng hòa vốn. Đáng chú ý hơn, doanh nghiệp và hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ dù có tỷ lệ sinh lời tốt hơn nhưng lại có xu hướng thận trọng hơn trong mở rộng sản xuất kinh doanh và đối mặt với nguy cơ thu hẹp hoạt động cao hơn ở một số lĩnh vực (nông, lâm nghiệp). Bên cạnh đó, trong phỏng vấn hậu kiểm (phỏng vấn định tính sau khảo sát), nhóm chủ cơ sở là NKT cho biết gặp nhiều khó

khẩn trong việc đi lại, giao tiếp, tiếp cận thông tin khi thực hiện TTHC. Điều này cho thấy các chính sách hỗ trợ hiện nay chưa thực sự giải quyết được các rào cản và khả năng chống chịu đối với các nhóm yếu thế.

Tổng hợp các kết quả khảo sát cho thấy điểm nghẽn lớn nhất của khu vực kinh tế tư nhân tại Lào Cai hiện nay không phải là số lượng doanh nghiệp hay hộ kinh doanh, mà là tình trạng tăng trưởng thấp, lợi nhuận mỏng và thiếu động lực mở rộng đầu tư. Phần lớn DN/HTX lựa chọn duy trì quy mô hiện tại nhưng chưa đủ sự tích lũy, chưa đủ động lực để bứt phá; hộ kinh doanh thận trọng duy trì hoạt động, chưa tích lũy được nguồn lực để phát triển lên quy mô cao hơn. Nếu không tháo gỡ được các điểm nghẽn về thị trường đầu ra, năng lực cạnh tranh, khả năng tham gia chuỗi giá trị và tiếp cận các nguồn lực phát triển, khu vực kinh tế tư nhân có thể tiếp tục duy trì trạng thái ổn định nhưng khó tạo ra động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế địa phương trong những năm tới.

CHƯƠNG

03

KẾT QUẢ DCCI
KHỎI SỞ BAN



CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ DCCI KHỐI SỞ, BAN

3.1. Kết quả DCCI khối sở, ban

Năm 2025, DCCI Lào Cai được triển khai trong bối cảnh tổ chức bộ máy hành chính của tỉnh có những thay đổi rất lớn về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Lào Cai mới được hình thành trên cơ sở sáp nhập hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái. Đây là thay đổi có tác động trực tiếp đến phạm vi quản lý, cơ cấu tổ chức, địa bàn phục vụ và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hành chính cấp tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh đồng thời triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp và hệ thống sở, ban, ngành cấp tỉnh cũng được hợp nhất và tổ chức lại. Sau sắp xếp, tỉnh Lào Cai có 20 cơ quan cấp sở, ban, ngành. Trong bối cảnh này, kết quả DCCI khối sở, ban, ngành không chỉ phản ánh chất lượng điều hành của từng cơ quan, mà còn cho thấy mức độ thích ứng của bộ máy hành chính sau sáp nhập, khả năng duy trì chất lượng phục vụ trong giai đoạn chuyển tiếp, cũng như hiệu quả phối hợp giữa các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Theo báo cáo phương pháp luận DCCI năm 2025, khối sở, ban của tỉnh Lào Cai được đánh giá theo 12 đơn vị và 22 lĩnh vực quản lý. Cách trình bày đồng thời theo đơn vị và theo lĩnh vực là phù hợp về mặt phương pháp luận, vì một sở hoặc cơ quan cấp tỉnh có thể phụ trách nhiều lĩnh vực khác nhau, trong khi trải nghiệm thực tế của DN/HTX/HKD thường gắn với từng thủ tục, từng lĩnh vực quản lý cụ thể hơn là với tên gọi hành chính của cơ quan. Do đó, trong bối cảnh sáp nhập và tổ chức lại bộ máy, cách tiếp cận theo lĩnh vực quản lý giúp phản ánh sát hơn các “điểm chạm” thực tế giữa khu vực sản xuất kinh doanh với cơ quan quản lý nhà nước.

Kết quả đánh giá DCCI khối sở năm 2025 cho thấy một số điểm chính sau:

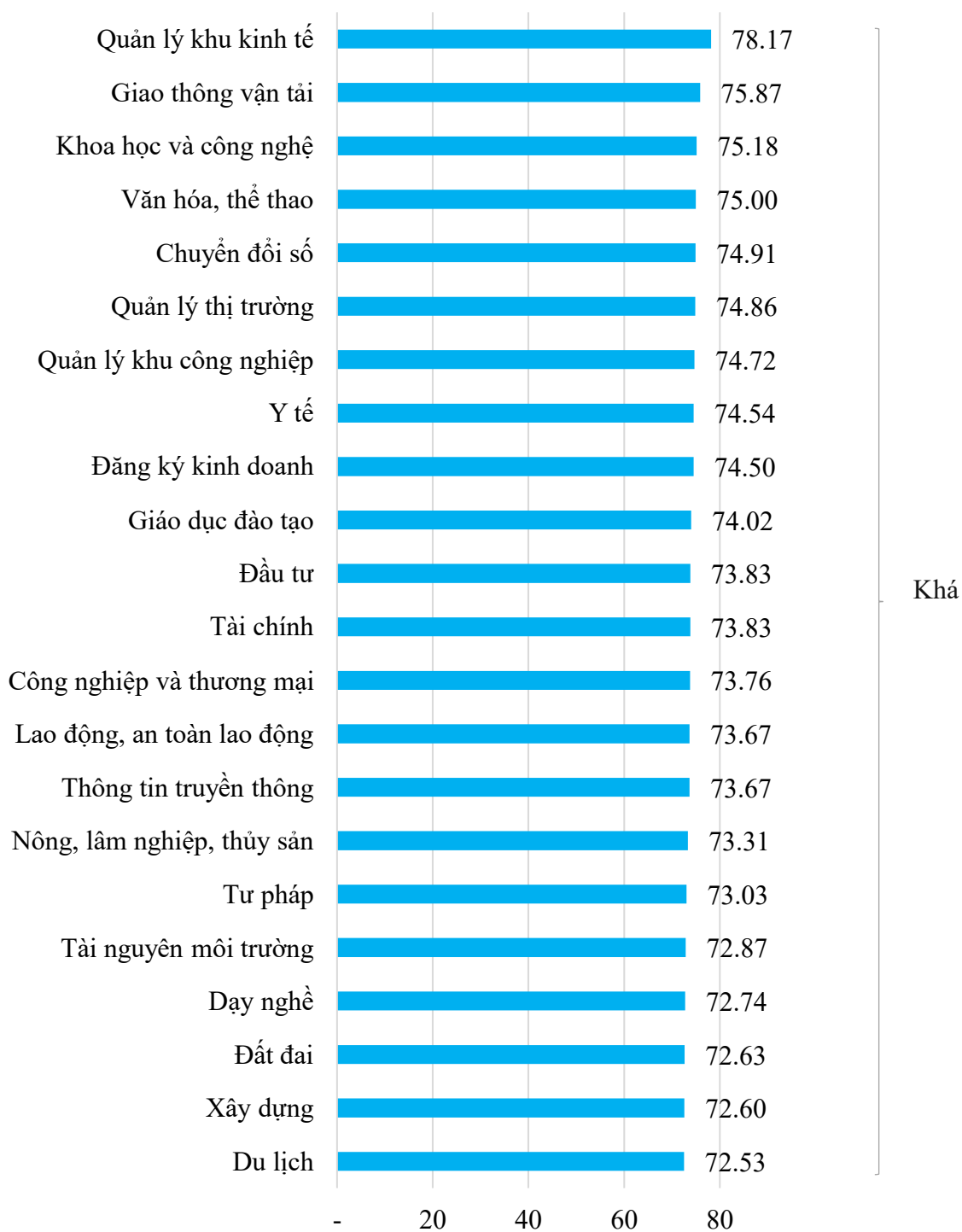
- Điểm số DCCI trung bình của 22 lĩnh vực quản lý năm 2025 đạt 74,11/100 điểm, phân bố trong dải từ 72,53 đến 78,17 điểm, tương ứng biên độ dao động 5,64 điểm, không có đơn vị nào đạt ngưỡng tốt, cho thấy cơ chế khuyến khích hiện tại chưa tạo ra điều kiện để đổi mới và đột phá xuất hiện ở cấp sở, ban. Đặt trong bối cảnh tỉnh Lào Cai vừa hoàn thành sáp nhập, chuyển sang mô hình chính quyền hai cấp và tổ chức lại toàn bộ hệ thống sở, ban, mặt bằng điểm duy trì ở mức 74,11 có thể được đọc là tín hiệu tích cực về khả năng vận hành ổn định trong giai đoạn chuyển tiếp. Tuy nhiên, trong bối cảnh Nghị quyết 68-NQ/TW đặt kinh tế tư nhân là "một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia", phấn đấu mức tăng trưởng GRDP cả năm 2026 của Lào Cai đạt trên 10%, sự ổn định ở mức điểm khá là chưa đủ, cải thiện môi trường cạnh tranh cần được chú trọng hơn nữa để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn này.
- Kết quả DCCI theo lĩnh vực: nhóm điểm cao tập trung ở các lĩnh vực có đặc điểm chung: quy trình phục vụ được chuẩn hóa rõ ràng, đầu ra có thể quan sát

và đo lường trực tiếp, hoặc có tương tác trực tiếp với khu vực sản xuất kinh doanh. Quản lý khu kinh tế, giao thông vận tải, khoa học và công nghệ, văn hóa, thể thao, chuyển đổi số, quản lý thị trường, quản lý khu công nghiệp, y tế và đăng ký kinh doanh đều có đặc trưng này. Ngược lại, nhóm điểm thấp như tài nguyên môi trường, đất đai, xây dựng, dạy nghề và du lịch, trong đó du lịch thấp nhất là các lĩnh vực có tính liên ngành cao, thủ tục phức tạp, và kết quả phụ thuộc vào sự phối hợp giữa nhiều cơ quan và nhiều cấp chính quyền. Đây là mô hình phân hóa có tính cấu trúc, cho thấy các cải cách hiện đang hiệu quả hơn ở những đơn vị có thể đơn giản hóa và chuẩn hóa, trong khi gặp khó khăn ở những đơn vị đòi hỏi phối hợp liên ngành, phân định trách nhiệm rõ ràng giữa cấp tỉnh và cấp xã, và xử lý các vấn đề phát sinh ngoài quy trình định sẵn. Trọng tâm cải cách giai đoạn tới do đó không thể chỉ tập trung vào từng sở riêng lẻ, mà cần hướng vào cơ chế phối hợp liên ngành, phân định thẩm quyền theo chiều dọc giữa các cấp chính quyền, và năng lực xử lý các tình huống phát sinh trong thực tế.

- Kết quả DCCI theo sở: Nhóm đứng đầu là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai với 78,17 điểm, cao hơn đáng kể so với các cơ quan còn lại. Nhóm tiếp theo gồm Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lào Cai, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo. Nhóm thấp hơn gồm Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và Sở Nông nghiệp và Môi trường. Do đó, xét về mặt quản trị, đây là bảng điểm có mức phân hóa không lớn ở nhóm giữa và nhóm cuối.
- Kết quả DCCI năm 2025 cho thấy một thực tế đáng chú ý là chất lượng điều hành giữa các lĩnh vực thuộc cùng một sở, ban chưa thực sự đồng đều. Một số sở, ban có sự chênh lệch khá lớn giữa các lĩnh vực quản lý, điển hình như Sở Xây dựng khi lĩnh vực Giao thông vận tải thuộc nhóm dẫn đầu, trong khi lĩnh vực Xây dựng lại nằm trong nhóm cuối bảng. Tình trạng tương tự cũng xuất hiện tại một số sở, ban khác như Sở Khoa học và Công nghệ hay Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Từ góc độ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đây là một tín hiệu quan trọng. Thách thức đặt ra đối với nhiều sở, ban hiện nay không chỉ ở việc nâng cao điểm trung bình chung, mà nằm ở việc thu hẹp khoảng cách chất lượng giữa các lĩnh vực quản lý trong cùng một cơ quan. Nếu không giải quyết được sự mất cân bằng này, doanh nghiệp vẫn sẽ tiếp tục gặp phải những trải nghiệm rất khác nhau khi thực hiện các thủ tục thuộc cùng một sở, ngành. Điều đó làm giảm tính nhất quán trong chất lượng phục vụ, ảnh hưởng đến niềm tin của doanh nghiệp và hạn chế hiệu quả của các nỗ lực cải cách hành chính.
- Phân tích theo 3 trụ cột cho thấy DCCI Lào Cai năm 2025 cung cấp thêm chiều sâu để nhận diện điểm nghẽn. Trụ cột 1 - Môi trường kinh doanh thuận lợi đạt điểm cao nhất, khoảng 7,49 điểm, chủ yếu nhờ chi phí tuân thủ đạt 7,69 điểm và thực hiện thủ tục hành chính, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,47 điểm. Đây là

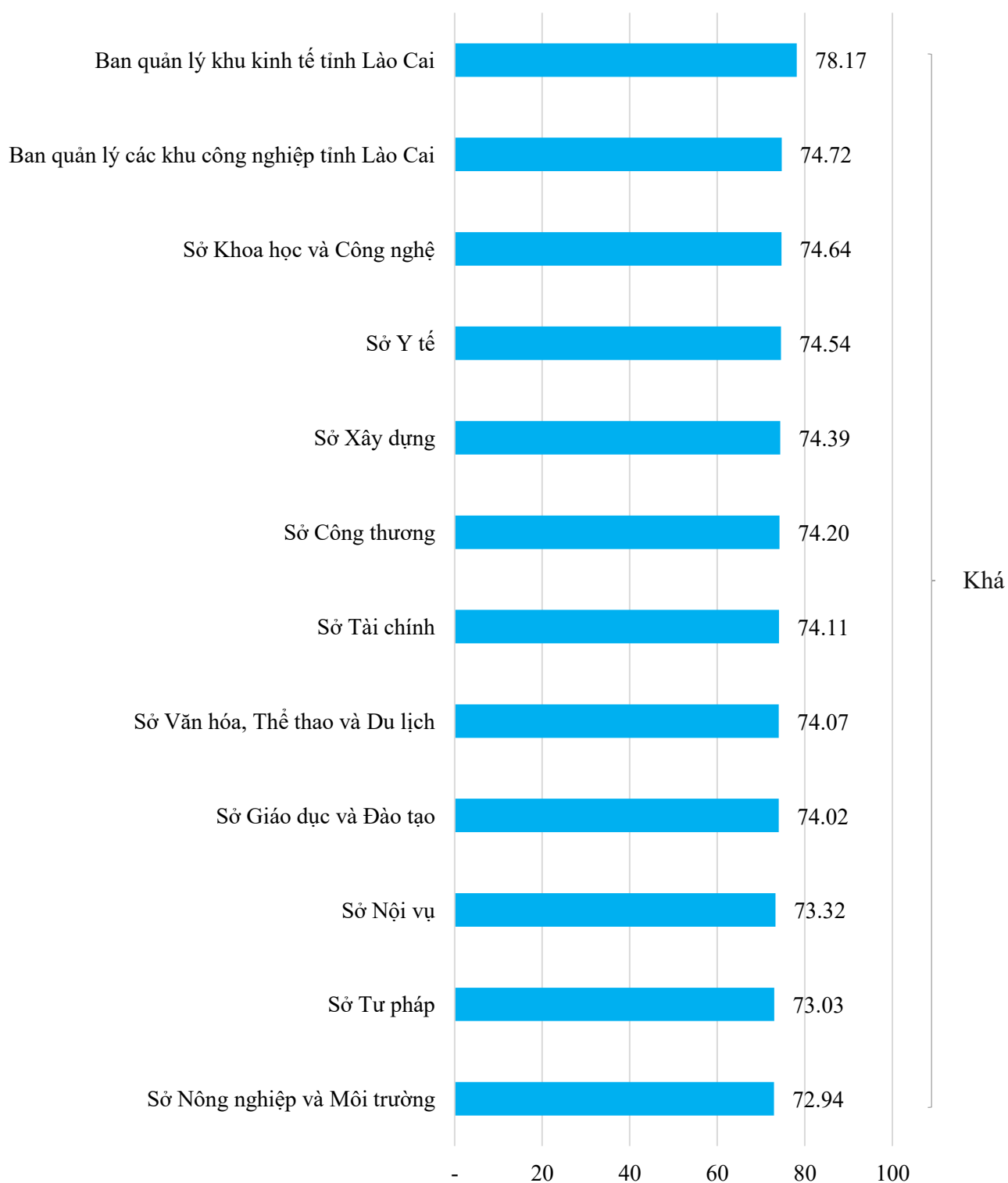
kết quả của các cải cách có tính kỹ thuật, tập trung vào rút ngắn quy trình và giảm tiếp xúc trực tiếp, những thay đổi có thể thực hiện trong ngắn hạn và có thể dễ dàng đo lường. Tuy nhiên, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình chỉ đạt 7,30 điểm, cho thấy vẫn còn dư địa cải thiện về công khai thông tin và phản hồi chính sách. Trụ cột 2 - Thúc đẩy cạnh tranh có điểm thấp nhất, 7,33 điểm, đáng chú ý là chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 6,86 điểm, thấp nhất trong toàn bộ các chỉ số thành phần của cả ba trụ cột. Đây là điểm nghẽn quan trọng nhất cần ưu tiên. Trong khi môi trường cạnh tranh bình đẳng (7,67 điểm) và hiệu lực thể chế (7,45 điểm) ở mức khá, khoảng cách giữa hai chỉ số này và chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh đặt ra yêu cầu cần tăng khả năng đồng hành thực chất với DN/HTX/HKD sau khi đã gia nhập thị trường môi trường kinh doanh. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh báo cáo PCI 2025 ghi nhận khu vực tư nhân Việt Nam đang trong trạng thái "đông nhưng nhỏ" với phần lớn doanh nghiệp không có khả năng mở rộng quy mô, một vấn đề mà hỗ trợ hậu gia nhập thị trường có thể tác động trực tiếp. Trụ cột 3 - Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt khoảng 7,42 điểm. Trong đó, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,68 điểm, phản ánh đánh giá tích cực về tính chủ động của chính quyền. Tuy nhiên, tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới chỉ đạt 7,09 điểm, khoảng cách gần 0,6 điểm so với chỉ số kiến tạo, sự năng động của chính quyền chưa được chuyển hóa hiệu quả thành kết quả phát triển bao trùm cho các nhóm yếu thế trong cộng đồng kinh doanh.

Biểu đồ 3.1. Kết quả DCCI theo ngành, lĩnh vực quản lý năm 2025



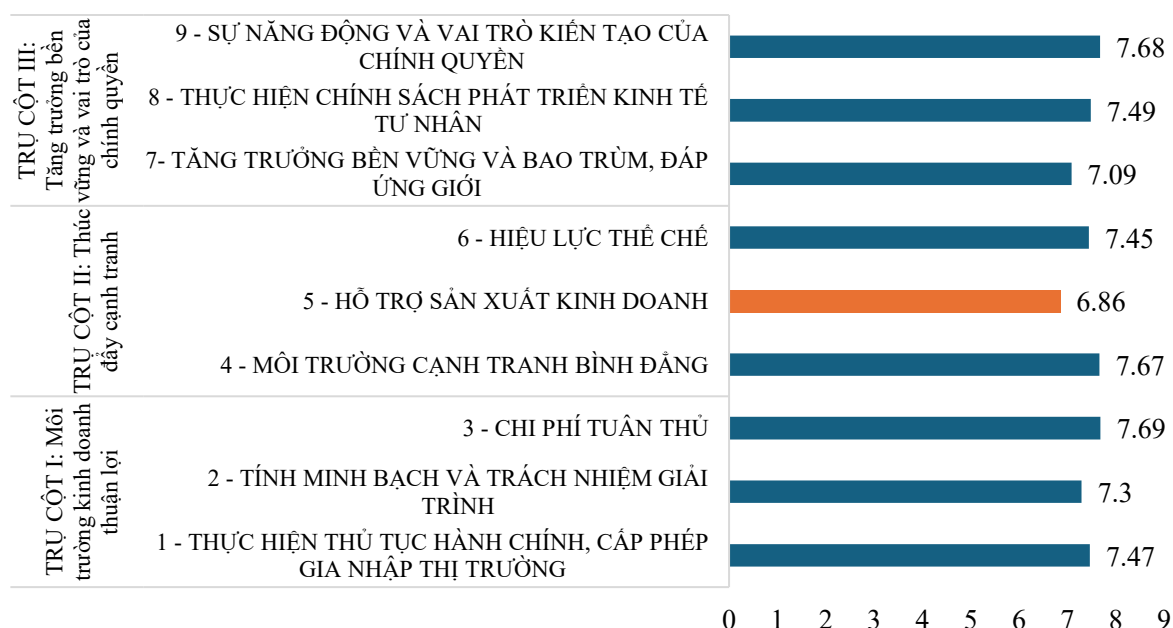
Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Biểu đồ 3.2. Kết quả DCCI khối sở, ban năm 2025

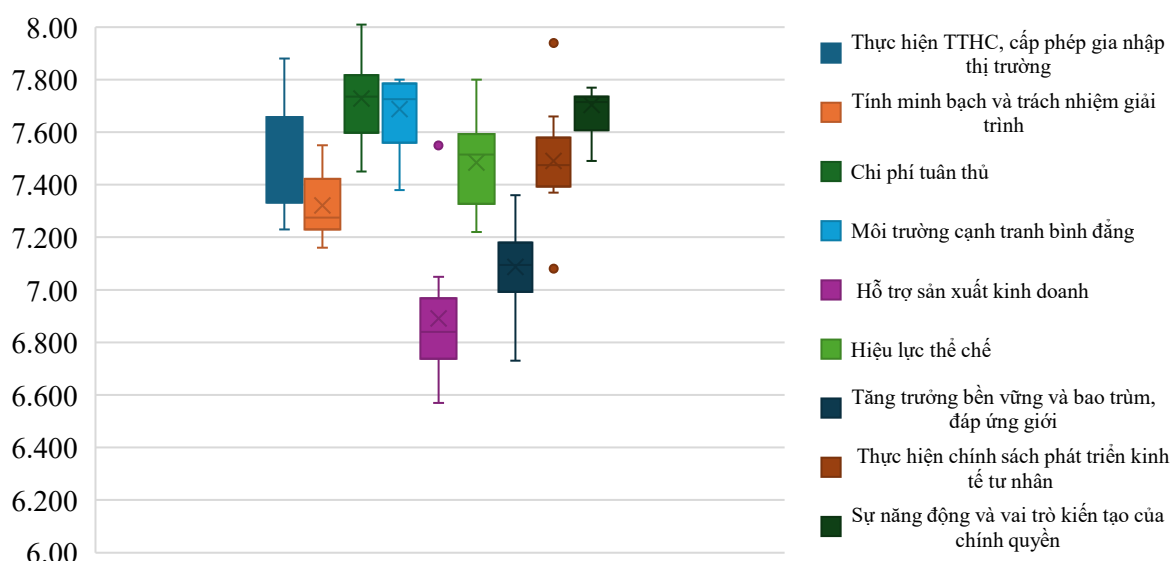


Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Biểu đồ 3.3. Điểm số của các CSTP của DCCI cấp sở, ban theo các trụ cột chính (tính theo kết quả lĩnh vực)



Phân phối điểm số của các chỉ số thành phần



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

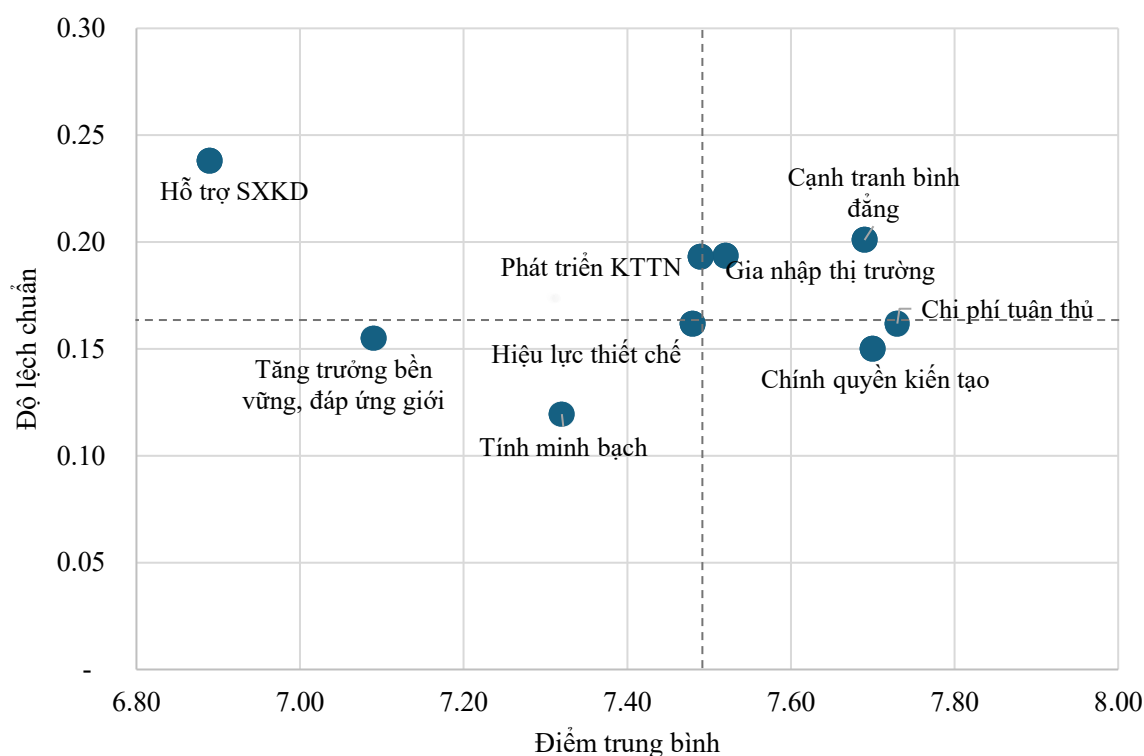
Ghi chú: Biểu đồ hộp (box plot) cung cấp thông tin mà điểm trung bình đơn thuần có thể che khuất: không chỉ đơn vị nào đứng đầu, mà còn sự đồng đều hay bất đồng đều trong trải nghiệm thực tế của DN/HTX/HKD khi tiếp xúc với từng lĩnh vực.

Phân tích phân phối điểm số của DCCI của các sở, ban theo chỉ số thành phần cho thấy vị trí của giá trị trung bình (mean) và trung vị (median) ở hầu hết các chỉ số khá tương

đồng, phản ánh phân phối điểm số tương đối đối xứng và ít bị ảnh hưởng bởi các giá trị cực đoan. Điều này củng cố độ tin cậy của kết quả khảo sát và cho phép sử dụng trực tiếp điểm trung bình làm thước đo đại diện trong các so sánh chính sách. Khoảng tứ phân vị nhỏ, phản ánh mức độ hội tụ cao hơn giữa các đơn vị. Tuy nhiên, mức độ chênh lệch giữa các sở, ban vẫn tồn tại khi phân tích theo từng CSTP cụ thể. Chi phí tuân thủ và sự năng động vai trò kiến tạo có điểm trung vị cao hơn so với các CSTP còn lại, độ phân tán của hai chỉ số này khá thấp, thể hiện sự đồng thuận cao giữa các doanh nghiệp được khảo sát. Nhóm chỉ số đạt mức điểm trung bình khá, dao động quanh 7,4 – 7,6, gồm Thực hiện thủ tục hành chính và cấp phép, gia nhập thị trường, Hiệu lực thể chế. Các chỉ số này có mức phân tán vừa phải, phản ánh sự không đồng đều nhất định giữa các đơn vị. Ở chiều ngược lại, Hỗ trợ sản xuất kinh doanh là chỉ số có điểm trung vị thấp nhất, phản ánh nhu cầu cải thiện đáng kể trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh là chỉ số có điểm thấp nhất với trung vị chỉ đạt khoảng 6,9 điểm, toàn bộ phân phối nằm dưới ngưỡng 7,0. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cũng có điểm số chưa cao. Điều đáng lo ngại là mức độ phân tán của hai chỉ số này tương đối thấp (ngoại trừ kết quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh của BQL khu kinh tế), cho thấy kết quả yếu kém mang tính hệ thống, phổ biến trên diện rộng chứ không chỉ xuất hiện cục bộ tại một số sở, ban. Bên cạnh đó, chỉ số Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới cũng ghi nhận mức điểm thấp kèm theo sự phân kỳ đáng kể giữa các đơn vị (một số đơn vị đạt điểm cao hơn trong khi nhiều nơi khác vẫn ở mức hạn chế, cho thấy khoảng cách trong năng lực thực thi giữa các sở, ban còn khá lớn).

Báo cáo DCCI bổ sung góc nhìn bằng cách đặt đồng thời mỗi CSTP vào hai trục: mức độ phân hóa giữa các địa phương (độ lệch chuẩn) và mặt bằng kết quả chung (điểm trung bình), từ đó phát hiện ma trận ưu tiên cải cách thông qua các CSTP. Theo cách tiếp cận này, các chỉ số nằm gần khu vực điểm nghẽn hệ thống cần được ưu tiên cải cách nhằm nâng cao mặt bằng chất lượng điều hành chung, trong khi các chỉ số có độ phân hóa cao nhưng điểm số tương đối tốt lại là những lĩnh vực có tiềm năng cải thiện nhanh thông qua việc chuẩn hóa và lan tỏa các kinh nghiệm thành công.

Biểu đồ 3.4. Ma trận ưu tiên cải cách của các chỉ số thành phần



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Ghi chú: Các CSTP ở khu vực phía dưới bên trái của ma trận là những lĩnh vực có điểm số thấp và mức độ phân tán thấp, phản ánh các hạn chế mang tính hệ thống cần ưu tiên cải thiện. Các chỉ số ở khu vực phía dưới bên phải là những lĩnh vực đạt kết quả tương đối tốt và có sự hội tụ cao. Các chỉ số ở nửa trên đồ thị có mức độ phân hóa lớn hơn, cho thấy còn dư địa học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các thực tiễn tốt.

Từ các kết quả trên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cần được xác định là lĩnh vực ưu tiên cải cách trong giai đoạn tới, với các giải pháp mang tính hệ thống và đồng bộ. Song song đó, cần có cơ chế chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ có mục tiêu để thu hẹp khoảng cách giữa các sở, ban trong thực hiện chỉ số Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới. Đối với các chỉ số đang có phần tích cực hơn như Chi phí tuân thủ và Môi trường cạnh tranh bình đẳng, chính quyền kiến tạo củng cố và nhân rộng các mô hình, sáng kiến hiệu quả. Mặc dù vậy, các chỉ số này cũng vẫn đang ở mức điểm khá, còn nhiều dư địa để cải thiện.

3.2. Hồ sơ DCCI khối sở, ban theo các trụ cột

3.2.1. Trụ cột 1: Môi trường kinh doanh thuận lợi

Trụ cột 1 gồm 3 chỉ số: (i) Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường; (ii) Minh bạch và trách nhiệm giải trình; (iii) Chi phí tuân thủ. Trong 3 chỉ số, chỉ phí tuân thủ là chỉ số có điểm cao nhất và ổn định nhất; minh bạch và trách nhiệm giải trình là chỉ số thấp nhất; trong khi đó thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường ở mức trung bình trong Trụ cột 1. Điều này cũng cho thấy chất lượng thuận lợi của môi trường kinh doanh hiện nay không còn được quyết định chủ yếu bởi việc có cắt giảm thủ tục hay không, mà phụ thuộc ngày càng nhiều vào tốc độ xử lý thực tế, mức độ rõ ràng của thông tin, khả năng giải trình và chất lượng tương tác với DN.

Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường thuận lợi hơn

Chỉ số Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,47 điểm, phản ánh đánh giá tương đối tích cực của DN/HTX/HKD về chất lượng xử lý TTHC trong các lĩnh vực quản lý của tỉnh Lào Cai. Điểm số giữa các lĩnh vực dao động từ 7,18 đến 7,88 điểm, với mức chênh lệch 0,70 điểm, cho thấy sự phân hóa giữa các lĩnh vực không lớn. Nhóm điểm cao gồm quản lý khu kinh tế đạt 7,88 điểm, văn hóa, thể thao đạt 7,85 điểm, y tế đạt 7,79 điểm, giao thông vận tải đạt 7,69 điểm, chuyển đổi số đạt 7,60 điểm, quản lý khu công nghiệp đạt 7,59 điểm và tư pháp đạt 7,58 điểm. Nhóm điểm thấp hơn gồm công nghiệp và thương mại đạt 7,26 điểm, lao động, an toàn lao động đạt 7,25 điểm, dạy nghề đạt 7,20 điểm và xây dựng đạt 7,18 điểm.

Xét theo tỷ lệ trả lời, kết quả cho thấy phần lớn DN/HTX/HKD có đánh giá khá tích cực về chất lượng hướng dẫn thủ tục. Có 62,5% người trả lời đánh giá khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn trình tự, hồ sơ thủ tục hành chính; trong đó 48,7% khá hài lòng và 13,8% rất hài lòng. Tỷ lệ không hài lòng ở mức thấp, chỉ khoảng 1,8%, gồm 1,6% rất không hài lòng và 0,3% không hài lòng. Tuy nhiên, vẫn có 35,7% đánh giá ở mức bình thường, cho thấy chất lượng hướng dẫn tuy tương đối ổn định nhưng chưa tạo được mức hài lòng thật sự nổi bật.

Về thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động, có 69,1% người trả lời cho rằng thời gian xử lý đúng quy định, 19,3% cho rằng nhanh hơn chút và 7,8% cho rằng nhanh hơn nhiều. Như vậy, khoảng 96,1% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động là đúng quy định hoặc nhanh hơn quy định, trong khi tỷ lệ đánh giá chậm hơn chỉ khoảng 3,9%. Tương tự, đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 71,5% đánh giá đúng quy định, 17,6% nhanh hơn chút và 8,0% nhanh hơn nhiều; tỷ lệ đánh giá chậm hơn chỉ khoảng 3,0%. Đây là tín hiệu tích cực về khả năng duy trì tiến độ xử lý thủ tục.

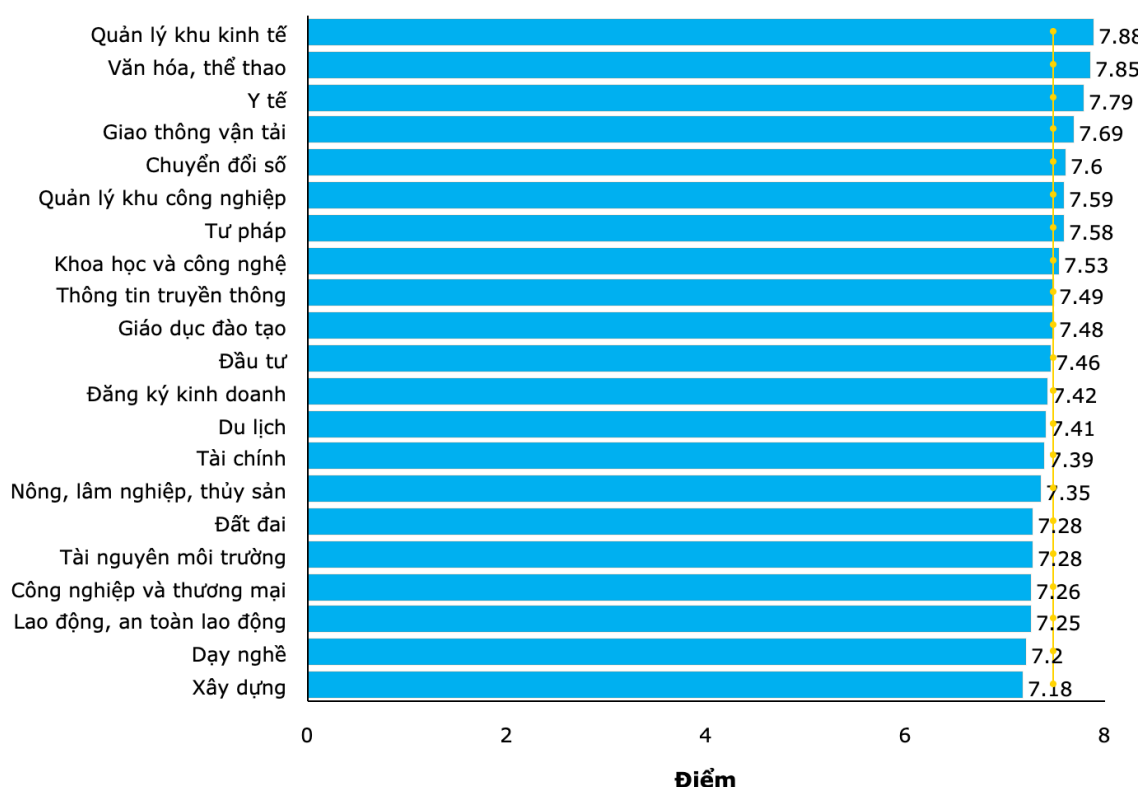
Tuy nhiên, điểm cần chú ý là tình trạng phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ vẫn còn tương đối phổ biến. Chỉ có 37,5% người trả lời cho biết hồ sơ không phải sửa đổi, bổ sung và

được chấp nhận ngay; 43,0% phải sửa đổi, bổ sung 1 lần; 18,3% phải sửa đổi 2–3 lần. Như vậy, mặc dù đa số trường hợp chỉ phải bổ sung không quá một lần, vẫn có khoảng 62,5% người trả lời từng phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Điều này cho thấy cần tiếp tục cải thiện chất lượng hướng dẫn ban đầu, giảm tình trạng hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng yêu cầu ngay từ lần nộp đầu tiên.

Ở khối sở, ban, mức độ hài lòng về chất lượng hướng dẫn đạt mức khá tích cực và tương đối đồng đều theo giới, dân tộc và người khuyết tật. Tỷ lệ đánh giá tích cực là 66,9% đối với DN/HTX/HKD do nam làm chủ và 67,3% đối với DN/HTX/HKD do nữ làm chủ. Theo dân tộc, tỷ lệ này là 67,7% đối với nhóm do người Kinh làm chủ và 61,4% đối với DN/HTX/HKD do người dân tộc thiểu số làm chủ -khoảng cách hẹp hơn so với khối xã/phường. Đối với nhóm nữ DTTS, tỷ lệ đánh giá tích cực ở khối sở, ban đạt 60,0%, gần tương đương nhóm DTTS chung. Việc khai thác thêm thông tin từ phía DN/HTX/HKD cho thấy, doanh nghiệp nhỏ, cơ sở ở vùng cao hoặc cơ sở do người dân tộc thiểu số làm chủ vẫn gặp bất lợi hơn trong tiếp cận thông tin, kỹ năng số và khả năng tự hoàn thiện hồ sơ – đặc biệt khi các thủ tục liên quan đến nhiều giấy tờ kỹ thuật.

Về thời gian chờ để hoàn thành tất cả thủ tục và chính thức đi vào hoạt động, 41,5% cho biết mất dưới 10 ngày, 34,6% mất 10–15 ngày, và 16,6% mất 15–30 ngày. Như vậy, khoảng 76,1% hoàn thành thủ tục trong vòng 15 ngày, và 92,7% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Tỷ lệ phải chờ trên 1 tháng chỉ khoảng 7,3%, cho thấy thời gian xử lý sau khi nộp hồ sơ nhìn chung không phải là điểm nghẽn lớn nhất, dù vẫn cần chú ý đến nhóm hồ sơ kéo dài. Nhìn chung, chỉ số này cho thấy Lào Cai có nền tảng tương đối tốt trong cải cách TTHC và cấp phép gia nhập thị trường. Điểm mạnh nằm ở thời gian xử lý nhìn chung đúng hạn hoặc nhanh hơn quy định, tỷ lệ không hài lòng thấp, và phần lớn hồ sơ được hoàn thành trong vòng 30 ngày. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy cải cách thủ tục chưa thể chỉ được nhìn nhận qua tiêu chí “đúng hạn” trên hệ thống. Ngay cả khi thủ tục được ghi nhận là xử lý đúng hạn, DN/HTX/HKD vẫn có thể phải dành thêm thời gian để đi lại, chờ đợi, hỏi lại nhiều lần, nhờ hỗ trợ không chính thức hoặc sửa đổi hồ sơ nhiều vòng trước khi hồ sơ được chấp nhận. Khi đó, chi phí tuân thủ không biến mất mà được chuyển một phần từ cơ quan nhà nước sang phía người dân và doanh nghiệp. Điều này cho thấy cần đánh giá chất lượng TTHC không chỉ bằng thời hạn xử lý cuối cùng, mà còn bằng toàn bộ trải nghiệm của người sử dụng dịch vụ, bao gồm mức độ dễ hiểu của hướng dẫn, số lần bổ sung hồ sơ, khả năng theo dõi tiến độ và chi phí thời gian thực tế. Do đó, dự địa cải thiện vẫn nằm ở chất lượng hướng dẫn ban đầu, giảm số lần sửa đổi hồ sơ, nâng tỷ lệ hài lòng thực chất và cải thiện các lĩnh vực có điểm thấp hơn như xây dựng, dạy nghề, lao động - an toàn lao động và công nghiệp - thương mại.

Biểu đồ 3.5. Điểm số CSTP thực hiện TTHC, gia nhập thị trường



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Minh bạch và trách nhiệm giải trình cần cải thiện

Chỉ số tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 7,30 điểm, phản ánh mức đánh giá tương đối khá của DN/HTX/HKD đối với khả năng tiếp cận thông tin, chất lượng công khai thông tin và cơ chế phản hồi của các sở, ban, ngành. Điểm số giữa các lĩnh vực dao động từ 6,99 đến 7,55 điểm, chênh lệch 0,56 điểm, cho thấy mức phân hóa không lớn. Tuy nhiên, đây chưa phải là chỉ số thực sự nổi bật, vì nhiều nội dung vẫn có tỷ lệ trả lời “bình thường” khá cao. Nhóm lĩnh vực có điểm cao gồm quản lý khu công nghiệp đạt 7,55 điểm, chuyển đổi số đạt 7,53 điểm, quản lý khu kinh tế đạt 7,52 điểm, giao thông vận tải đạt 7,48 điểm, khoa học và công nghệ đạt 7,47 điểm. Đây là nhóm có đánh giá tích cực hơn về khả năng tiếp cận thông tin, phản hồi kiến nghị và mức độ minh bạch trong xử lý công việc. Nhóm điểm thấp hơn gồm tài chính đạt 7,17 điểm, tài nguyên môi trường đạt 7,16 điểm, đất đai đạt 7,10 điểm và du lịch đạt 6,99 điểm. Đặc biệt, du lịch là lĩnh vực duy nhất dưới 7 điểm, cho thấy cần rà soát sâu hơn về công khai thông tin, tham vấn chính sách và cơ chế hỗ trợ, phản hồi đối với DN trong lĩnh vực này.

Xét theo tỷ lệ trả lời, kết quả cho thấy chất lượng minh bạch vẫn chưa tạo được cảm nhận thật sự rõ nét. Về khả năng tiếp cận văn bản pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách và chương trình hỗ trợ, có khoảng 49,0% người trả lời đánh giá dễ hoặc rất dễ tiếp cận,

trong khi 49,1% đánh giá ở mức bình thường; tỷ lệ đánh giá khó hoặc không thể tiếp cận chỉ khoảng 1,9%. Điều này cho thấy vấn đề không nằm ở sự cản trở rõ rệt trong tiếp cận thông tin, mà ở việc thông tin chưa đủ dễ hiểu, dễ tìm hoặc đủ hữu ích để tạo mức hài lòng cao hơn. Về chất lượng và tính hữu ích của thông tin công khai, có khoảng 56,7% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng, trong khi 42,2% đánh giá bình thường và chỉ khoảng 1,2% không hài lòng. Tương tự, đối với mức độ minh bạch trong lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ công, đấu thầu và chào hàng cạnh tranh, khoảng 59,4% đánh giá khá minh bạch hoặc rất minh bạch, gần 40,0% đánh giá bình thường, và tỷ lệ đánh giá không minh bạch chỉ khoảng 0,7%. Các kết quả này cho thấy minh bạch thông tin ở khối sở, ban, ngành đã có nền tảng tương đối tốt, nhưng vẫn còn dư địa lớn để chuyển từ “có công khai” sang “công khai dễ hiểu, dễ sử dụng và có giá trị thực tế”.

Một điểm tích cực là nhận định “cần có mối quan hệ với cán bộ để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc thuận lợi” không nhận được mức đồng thuận cao. Chỉ khoảng 5,5% người trả lời đồng ý hoặc tương đối đồng ý, trong khi 54,7% ít đồng ý hoặc rất không đồng ý. Tuy nhiên, vẫn có gần 39,9% lựa chọn mức bình thường, cho thấy vẫn còn một vùng cảm nhận chưa thật sự rõ ràng về tính công bằng và minh bạch trong tiếp cận thông tin, đặc biệt ở các lĩnh vực có thủ tục phức tạp.

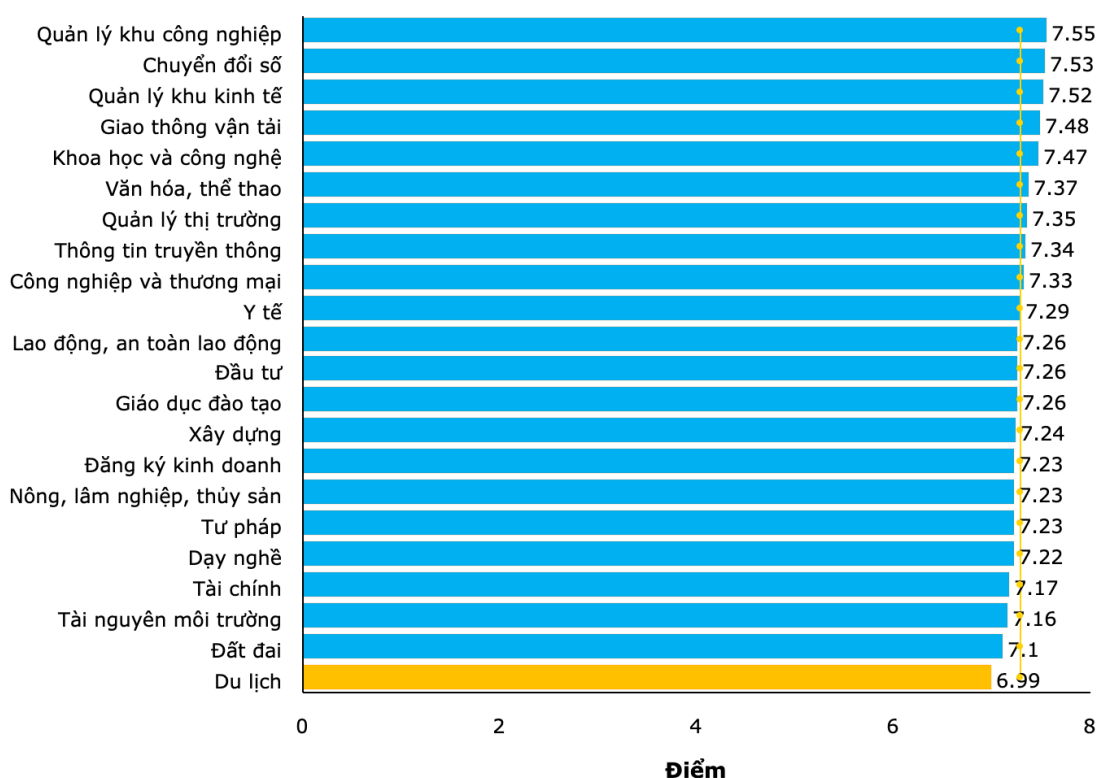
Điểm nghẽn đáng chú ý nhất của chỉ số này nằm ở cơ chế tham vấn. Chỉ khoảng 32,2% người trả lời cho biết thường xuyên hoặc luôn luôn được mời tham gia các kênh, diễn đàn, đối thoại, tham vấn chính sách; trong khi 51,6% chỉ được mời thỉnh thoảng và 16,2% cho biết hiếm khi hoặc không bao giờ. Điều này cho thấy trách nhiệm giải trình theo nghĩa phản hồi kiến nghị đã tương đối tốt, nhưng trách nhiệm giải trình theo nghĩa tham vấn trước chính sách, đối thoại thường xuyên và đồng hành với DN/HTX/HKD vẫn còn hạn chế. Ngược lại, khâu phản hồi kiến nghị có kết quả tích cực hơn. Có khoảng 80,0% người trả lời cho biết thường xuyên hoặc luôn luôn được phản hồi khi gửi kiến nghị, góp ý hoặc phản ánh tới sở, ban, ngành. Về chất lượng phản hồi, khoảng 56,8% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng, trong khi 42,1% đánh giá ở mức bình thường. Như vậy, các sở, ban, ngành đã duy trì được kênh phản hồi tương đối ổn định, nhưng chất lượng phản hồi vẫn cần cải thiện để đi từ trả lời mang tính thủ tục sang giải thích rõ ràng, có hướng xử lý cụ thể và giúp DN/HTX/HKD giải quyết được vấn đề thực tế.

Tại khối sở, ban, tỷ lệ DN/HTX/HKD phản ánh thường xuyên hoặc luôn luôn nhận được phản hồi nhìn chung không có sự chênh lệch đáng kể theo giới tính, với 63,9% ở nhóm nam và 65,7% ở nhóm nữ. Tuy nhiên, xét theo dân tộc của chủ cơ sở, DN/HTX/HKD có chủ cơ sở là người dân tộc thiểu số có tỷ lệ nhận được phản hồi thấp hơn, chỉ đạt 50,9%, so với 66,0% ở DN/HTX/HKD có chủ cơ sở là người dân tộc Kinh. Đặc biệt, khi phân tích giao thoa giữa giới tính và dân tộc, nhóm nữ DTTS chỉ đạt tỷ lệ

67,7%, thấp hơn khoảng 15 điểm phần trăm so với nhóm nữ dân tộc Kinh (83,3%). Điều này cho thấy phụ nữ dân tộc thiểu số vẫn ít có cơ hội nhận được phản hồi thường xuyên hơn, phản ánh hiện tượng bất lợi giao thoa mà nhóm này đang gặp phải. Kết quả hậu kiểm cho thấy nhiều cơ quan đã có những chuyển biến tích cực trong công tác công khai thông tin, đẩy mạnh số hóa và tăng cường phản hồi tới DN/HTX/HKD. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nhỏ và cơ sở kinh doanh tại vùng cao, khu vực biên giới vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc theo dõi thông tin và khai thác hiệu quả các phản hồi được cung cấp, đặc biệt trong bối cảnh thông tin thường được trình bày bằng ngôn ngữ mang tính kỹ thuật hoặc truyền tải qua các cổng thông tin điện tử mà nhóm đối tượng này chưa thực sự quen thuộc.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy Lào Cai có nền tảng khá về minh bạch và trách nhiệm giải trình, với tỷ lệ đánh giá tiêu cực thấp và điểm số giữa các lĩnh vực tương đối đồng đều. Tuy nhiên, điểm cần cải thiện nằm ở tính hữu ích của thông tin công khai, mức độ chủ động tham vấn chính sách, chất lượng phản hồi kiến nghị và tính dễ tiếp cận của thông tin trong các lĩnh vực phức tạp như đất đai, tài nguyên môi trường, tài chính và du lịch. Trọng tâm cải cách thời gian tới không chỉ là công khai thêm thông tin, mà là công khai đúng thông tin DN/HTX/HKD cần, theo cách dễ hiểu, dễ tra cứu và có cơ chế phản hồi rõ ràng.

Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP minh bạch và trách nhiệm giải trình



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Chi phí tuân thủ được cắt giảm

Chỉ số Chi phí tuân thủ đạt 7,69 điểm, là chỉ số có mặt bằng điểm cao trong bộ chỉ số thành phần của khối sở, ban Lào Cai năm 2025. Điểm số giữa các lĩnh vực dao động từ 7,41 đến 8,01 điểm, với mức chênh lệch 0,60 điểm, cho thấy sự phân hóa không lớn. Điều này phản ánh DN/HTX/HKD nhìn chung đánh giá khá tích cực về thời gian xử lý công việc, thái độ phục vụ, hiệu quả giải quyết thủ tục, gánh nặng thanh tra - kiểm tra và mức độ kiểm soát chi phí không chính thức. Nhóm lĩnh vực có điểm cao gồm quản lý khu kinh tế đạt 8,01 điểm, giao thông vận tải đạt 7,98 điểm, tư pháp đạt 7,97 điểm, đăng ký kinh doanh đạt 7,89 điểm, khoa học và công nghệ đạt 7,88 điểm, văn hóa, thể thao đạt 7,83 điểm và đầu tư đạt 7,80 điểm. Đây là nhóm có đánh giá tích cực hơn về khả năng giảm chi phí thời gian, giảm gánh nặng tuân thủ và xử lý công việc tương đối thuận lợi. Nhóm điểm thấp hơn gồm đất đai đạt 7,48 điểm, du lịch đạt 7,44 điểm và lao động, an toàn lao động đạt 7,41 điểm. Tuy nhiên, ngay cả nhóm thấp nhất vẫn đạt trên 7,4 điểm, cho thấy đây không phải là điểm nghẽn nghiêm trọng, mà chủ yếu là nhóm cần tiếp tục cải thiện để thu hẹp khoảng cách với các lĩnh vực dẫn đầu.

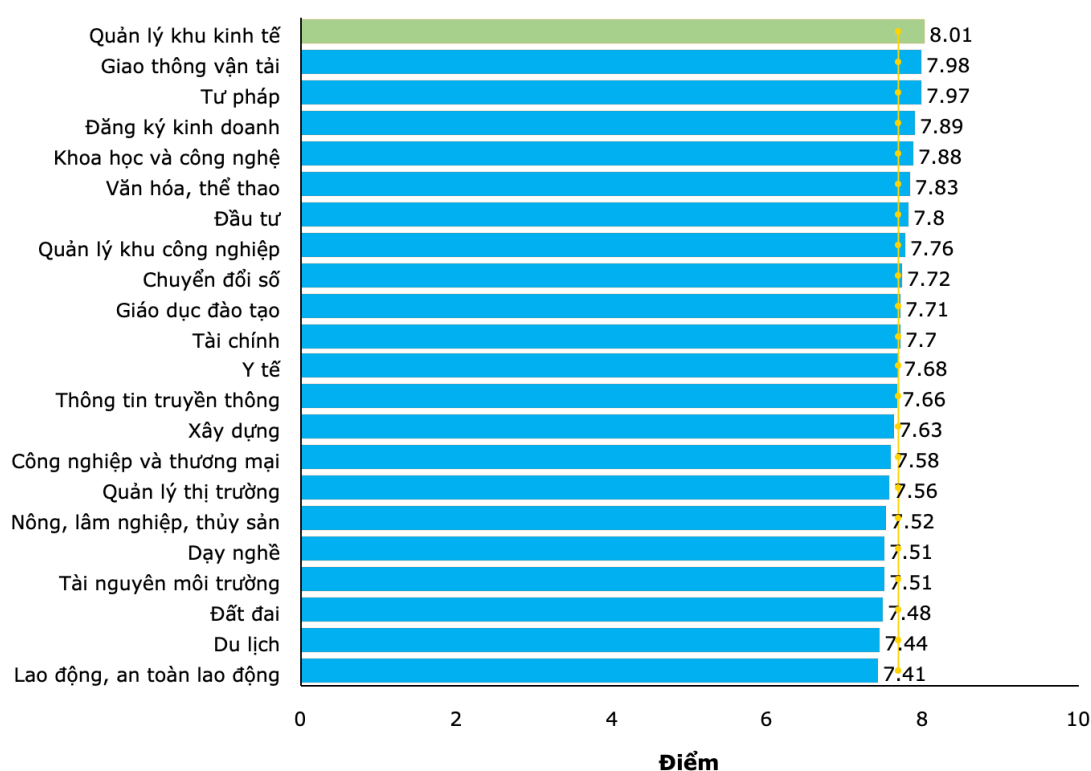
Dữ liệu trả lời cho thấy điểm mạnh rõ nhất nằm ở thời gian thực hiện thủ tục. Có khoảng 95,0% người trả lời cho biết thời gian thực hiện thủ tục hành chính/công việc là đúng quy định hoặc sớm hơn quy định, trong khi chỉ khoảng 5,0% cho rằng lâu hơn quy định. Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy các sở, ban nhìn chung duy trì được tiến độ xử lý công việc trong bối cảnh bộ máy hành chính mới sau sáp nhập đang vận hành. Đối với TTHC trực tuyến và chuyển đổi số, kết quả cho thấy còn dư địa cải thiện. Chỉ khoảng 48,3% người trả lời đánh giá việc thực hiện thủ tục trực tuyến là dễ hoặc rất dễ, trong khi 49,5% đánh giá ở mức bình thường. Mặc dù vậy, hiệu quả tiết kiệm thời gian nhờ ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ công trực tuyến được đánh giá tích cực hơn, với khoảng 58,4% cho rằng hiệu quả hoặc rất hiệu quả. Như vậy, chuyển đổi số đã có tác động nhất định, nhưng trải nghiệm sử dụng dịch vụ công trực tuyến vẫn cần đơn giản, dễ hiểu và thân thiện hơn. Đặc biệt, các cơ quan cần tiếp tục chuẩn hóa hướng dẫn hồ sơ, giảm số lần bổ sung, nâng chất lượng tư vấn ban đầu, đồng thời phát triển các hình thức hỗ trợ trực tiếp, “cầm tay chỉ việc” cho nhóm HKD, HTX, DN nhỏ, người dân tộc thiểu số, người cao tuổi và người khuyết tật. Nếu không có các biện pháp hỗ trợ phù hợp, chuyển đổi số có thể vô hình trung làm gia tăng rào cản tiếp cận dịch vụ công đối với nhóm yếu thế, thay vì giúp họ tham gia hệ thống hành chính một cách thuận lợi hơn.

Về thanh tra, kiểm tra, gánh nặng nhìn chung chưa quá lớn nhưng cần tiếp tục theo dõi. Có 42,5% người trả lời cho biết không phải tiếp đoàn thanh tra trong năm vừa qua và 38,4% chỉ tiếp 1 lần; nghĩa là khoảng 80,9% chỉ tiếp thanh tra không quá 1 lần. Đối với kiểm tra, tỷ lệ không phải tiếp đoàn kiểm tra là 27,6%, và 37,1% tiếp 1 lần; tuy nhiên, khoảng 35,3% phải tiếp từ 2 lần trở lên. Điều này cho thấy hoạt động kiểm tra có tần suất xuất hiện nhiều hơn thanh tra và vẫn có thể tạo áp lực tuân thủ đối với một bộ phận cơ sở sản xuất kinh doanh. Một điểm tích cực là mức độ trùng lặp trong thanh tra, kiểm

tra được đánh giá không cao. Khoảng 81,9% người trả lời cho rằng nội dung làm việc của các đoàn thanh tra, kiểm tra là ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp; chỉ khoảng 2,0% cho rằng trùng lặp nhiều hoặc rất nhiều. Đây là dấu hiệu tốt về khả năng phối hợp và kiểm soát chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra. Về chi phí không chính thức, kết quả nhìn chung khá tích cực. Có 73,9% người trả lời cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này là 75,1% đối với thanh tra, kiểm tra và 76,0% đối với lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Tỷ lệ cho rằng chi phí không chính thức “tương đối phổ biến” hoặc “rất phổ biến” dao động khoảng 4,2%–6,7% tùy nội dung. Mức này không cao, nhưng vẫn là tín hiệu cần theo dõi, vì chi phí không chính thức chỉ cần xuất hiện ở một tỷ lệ nhỏ cũng có thể ảnh hưởng đến niềm tin của DN/HTX/HKD.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy chi phí tuân thủ không phải là điểm nghẽn lớn nhất của khối sở, ban Lào Cai năm 2025. Điểm mạnh nằm ở thời gian xử lý thủ tục, mức độ kiểm soát trùng lặp thanh tra - kiểm tra và tỷ lệ phản ánh chi phí không chính thức ở mức thấp. Tuy nhiên, trọng tâm cải thiện thời gian tới cần tập trung vào nâng chất lượng phục vụ từ mức “đúng quy định” lên mức “hài lòng rõ rệt”, cải thiện trải nghiệm dịch vụ công trực tuyến, kiểm soát tần suất kiểm tra ở một số lĩnh vực, và tiếp tục giảm dư địa phát sinh chi phí không chính thức trong các khâu có tương tác trực tiếp với DN/HTX/HKD.

Biểu đồ 3.7. Điểm số CSTP chi phí tuân thủ



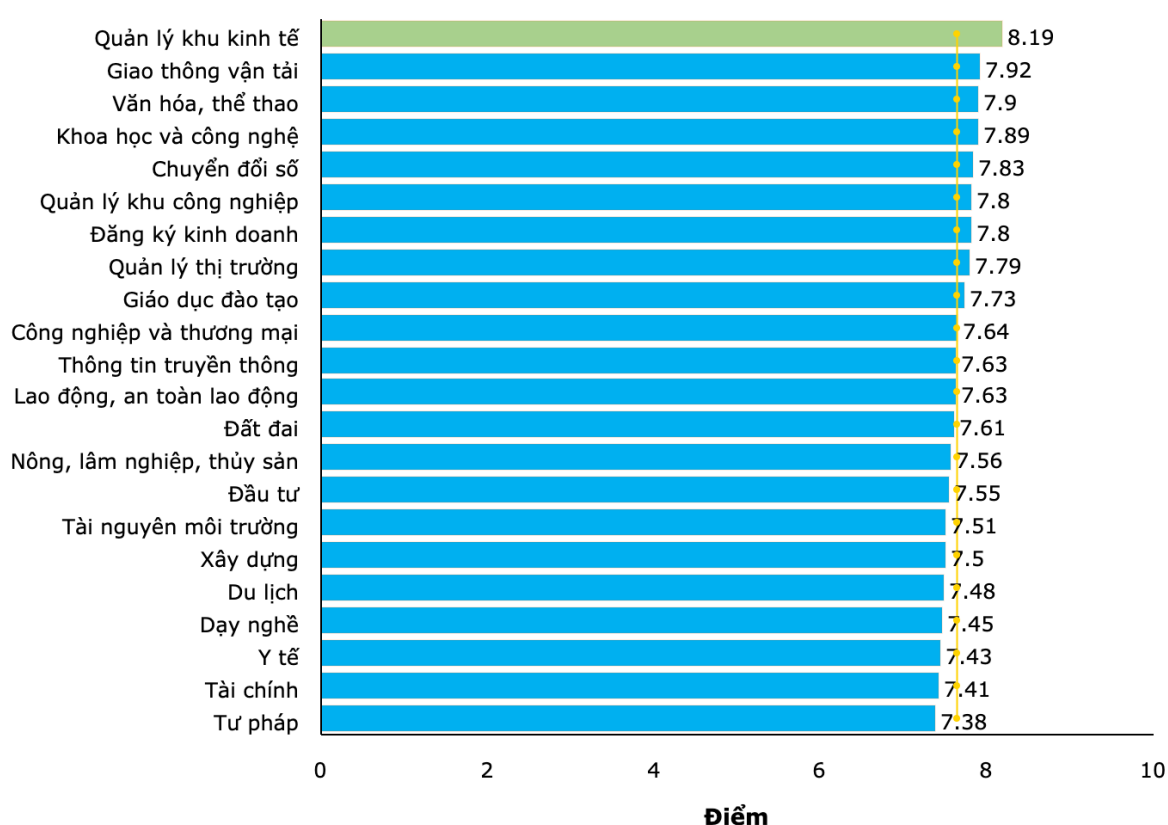
Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

3.2.2. Trụ cột 2: Thúc đẩy cạnh tranh

Trụ cột 2 gồm 3 chỉ số thành phần: (i) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; (ii) Hỗ trợ sản xuất kinh doanh; (iii) Hiệu lực thể chế. Theo kết quả DCCI năm 2025, đây là trụ cột có điểm trung bình thấp nhất trong 3 trụ cột, đạt khoảng 7,33 điểm. Điểm đáng chú ý là trong khi môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt mức cao 7,67 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,45 điểm, thì chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 6,86 điểm, thấp nhất trong toàn bộ các chỉ số thành phần. Điều này cho thấy điểm nghẽn chính của khối sở, ban không nằm ở cảm nhận về cạnh tranh hay chi phí tuân thủ, mà nằm ở mức độ DN/HTX/HKD cảm nhận được sự hỗ trợ thực chất từ chính quyền trong quá trình hoạt động. Nói cách khác, khoảng cách lớn nhất hiện nay là khoảng cách giữa chủ trương, chính sách hỗ trợ và trải nghiệm thực tế của khu vực sản xuất kinh doanh khi cần tiếp cận thông tin, tư vấn, tháo gỡ khó khăn hoặc nhận hỗ trợ sau thủ tục và khả năng tiếp cận và hấp thụ các chương trình hỗ trợ.

Môi trường cạnh tranh bình đẳng

Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTEP môi trường cạnh tranh bình đẳng



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Chỉ số môi trường cạnh tranh bình đẳng được đo lường thông qua 7 chỉ tiêu nhằm đánh giá mức độ bình đẳng và không phân biệt đối xử trong các hoạt động quản lý nhà nước đối với DN/HTX/HKD. Chỉ số Môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,67 điểm, là một

trong các chỉ số có điểm cao của DCCI cấp sở, ban Lào Cai năm 2025. Điểm số giữa các lĩnh vực dao động từ 7,38 đến 8,19 điểm, chênh lệch 0,81 điểm, cho thấy mức phân hóa không lớn. Nhìn chung, DN/HTX/HKD đánh giá tương đối tích cực về sự công bằng trong tiếp cận chính sách, nguồn lực, thủ tục hành chính, thanh tra - kiểm tra và giải quyết kiến nghị.

Nhóm lĩnh vực có điểm cao gồm quản lý khu kinh tế đạt 8,19 điểm, giao thông vận tải đạt 7,92 điểm, văn hóa, thể thao đạt 7,90 điểm, khoa học và công nghệ đạt 7,89 điểm, chuyển đổi số đạt 7,83 điểm, quản lý khu công nghiệp và đăng ký kinh doanh cùng đạt 7,80 điểm. Đây là nhóm có đánh giá tích cực hơn về tính công bằng, không phân biệt đối xử trong thực thi chính sách và xử lý công việc. Nhóm điểm thấp hơn gồm du lịch đạt 7,48 điểm, dạy nghề đạt 7,45 điểm, y tế đạt 7,43 điểm, tài chính đạt 7,41 điểm và tư pháp đạt 7,38 điểm. Tuy vậy, ngay cả nhóm thấp nhất vẫn đạt trên 7,3 điểm, cho thấy đây không phải là điểm nghẽn nghiêm trọng.

Dữ liệu trả lời cho thấy cảm nhận về cạnh tranh bình đẳng tương đối tích cực. Có khoảng 60% người trả lời tương đối đồng ý hoặc rất đồng ý rằng chương trình, ưu đãi của sở, ban được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; chỉ khoảng 0,8% không đồng ý. Về yếu tố giới, khoảng 62% đánh giá các chương trình, ưu đãi được áp dụng khá công bằng hoặc hoàn toàn công bằng giữa cơ sở do nam và nữ làm chủ; tỷ lệ đánh giá thiếu công bằng rất thấp, khoảng 0,4%.

Tuy nhiên, vẫn có một điểm cần chú ý: tỷ lệ trả lời “bình thường” còn khá cao. Cụ thể, có 39% đánh giá bình thường về tính bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp, 37% đánh giá bình thường về công bằng giới trong tiếp cận chương trình ưu đãi, và 42% đánh giá bình thường về sự công bằng trong tiếp cận nguồn lực kinh tế như hợp đồng, đất đai. Điều này cho thấy dù tỷ lệ đánh giá tiêu cực thấp, cảm nhận tích cực vẫn chưa thật sự áp đảo ở một bộ phận đáng kể DN/HTX/HKD.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy môi trường cạnh tranh bình đẳng là điểm mạnh tương đối của khối sở, ban Lào Cai. Vấn đề chính không nằm ở tỷ lệ phản ánh tiêu cực, mà ở việc nhiều DN/HTX/HKD vẫn chỉ đánh giá ở mức “bình thường”. Vì vậy, cải cách thời gian tới cần tập trung vào làm rõ hơn tiêu chí tiếp cận chương trình hỗ trợ, công khai quy trình phân bổ nguồn lực, tăng minh bạch trong lựa chọn đối tượng thụ hưởng và bảo đảm các chính sách ưu đãi được truyền thông theo cách dễ tiếp cận cho mọi nhóm DN/HTX/HKD, nhất là khu vực nhỏ, siêu nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh..

Hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn là điểm nghẽn lớn nhất

Chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh bao gồm 3 chỉ tiêu, đánh giá mức độ hiệu quả và thực chất của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh do cơ quan nhà nước triển khai. Chỉ số Hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,86 điểm, là chỉ số thấp nhất trong nhóm chỉ số thành phần của DCCI cấp sở, ban Lào Cai năm 2025. Điểm số giữa các lĩnh vực dao

động từ 6,54 đến 7,55 điểm, chênh lệch 1,01 điểm, cho thấy mức phân hóa cao hơn so với một số chỉ số khác. Kết quả này phản ánh hỗ trợ sản xuất kinh doanh đang là điểm nghẽn đáng chú ý nhất, nhất là khi so với các chỉ số có điểm cao hơn như chi phí tuân thủ, môi trường cạnh tranh bình đẳng hay sự năng động của chính quyền.

Nhóm lĩnh vực có điểm cao gồm quản lý khu kinh tế đạt 7,55 điểm, giao thông vận tải đạt 7,08 điểm, y tế đạt 7,05 điểm, đăng ký kinh doanh và dạy nghề cùng đạt 7,00 điểm. Đây là nhóm được đánh giá tích cực hơn về khả năng thông tin, kết nối và triển khai các chương trình hỗ trợ cho DN/HTX/HKD. Tuy nhiên, số lĩnh vực đạt từ 7 điểm trở lên không nhiều, cho thấy mặt bằng hỗ trợ sản xuất kinh doanh nhìn chung chưa thật sự nổi bật. Nhóm điểm thấp hơn gồm công nghiệp và thương mại đạt 6,71 điểm, đất đai đạt 6,69 điểm, khoa học và công nghệ, thông tin truyền thông và tư pháp cùng đạt 6,67 điểm, du lịch đạt 6,64 điểm, và thấp nhất là văn hóa, thể thao với 6,54 điểm. Đây là các lĩnh vực cần được rà soát kỹ hơn về khả năng truyền thông chính sách, mức độ dễ tiếp cận của chương trình hỗ trợ và tính phù hợp của hỗ trợ với nhu cầu thực tế của DN/HTX/HKD.

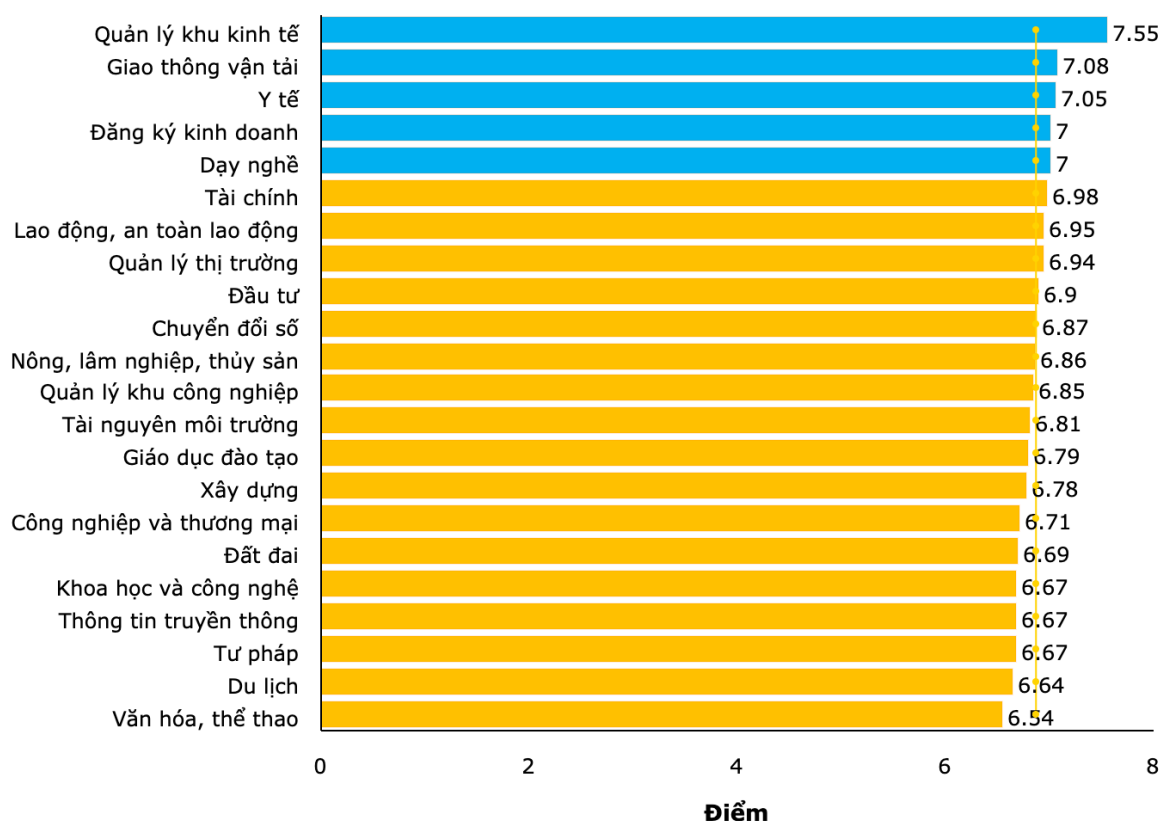
Dữ liệu trả lời cho thấy vấn đề lớn nhất không phải là DN/HTX/HKD đánh giá tiêu cực mạnh, mà là mức độ tiếp cận và hiệu quả hỗ trợ còn khá mờ. Về mức độ tiếp cận các chương trình hỗ trợ, chỉ khoảng 44,1% người trả lời cho biết thường xuyên hoặc luôn luôn được biết đến hoặc được mời tham gia; trong khi 44,1% chỉ tiếp cận thỉnh thoảng và 11,8% cho biết hiếm khi hoặc chưa biết đến. Điều này cho thấy các chương trình hỗ trợ đã có, nhưng chưa đến được một cách thường xuyên và ổn định tới phần lớn DN/HTX/HKD. Về thủ tục để được hưởng chính sách hỗ trợ, chỉ khoảng 40,4% đánh giá là khá dễ dàng hoặc rất dễ dàng, trong khi 54,7% đánh giá ở mức bình thường và khoảng 4,8% cho rằng thủ tục khá phức tạp hoặc quá phức tạp/không được hưởng. Như vậy, thủ tục hỗ trợ chưa phải là điểm gây bất mãn lớn, nhưng cũng chưa đủ đơn giản và thuận tiện để tạo cảm nhận tích cực rõ rệt. Với phần lớn DN/HTX có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, năng lực hấp thụ và thực hiện các chính sách cũng là một khó khăn để cải thiện chỉ số này khi thực hiện các chương trình hỗ trợ. Về mức độ đáp ứng nhu cầu, chỉ khoảng 43,1% người trả lời đánh giá các chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, trong khi 55,3% đánh giá bình thường. Tỷ lệ đánh giá không hiệu quả hoặc kém hiệu quả chỉ khoảng 1,6%, nhưng tỷ lệ “bình thường” cao cho thấy các chương trình hỗ trợ vẫn chưa tạo được tác động đủ rõ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, nhiều chính sách hỗ trợ như vay vốn, xúc tiến thương mại, đổi mới công nghệ hoặc tham gia chương trình hỗ trợ lại thường đòi hỏi hồ sơ tương đối phức tạp, điều kiện tham gia cao, khả năng đối ứng vốn hoặc năng lực tổ chức mà nhiều DN nhỏ, HTX và HKD chưa đáp ứng được. Điều này cho thấy mức độ phù hợp của thiết kế chính sách hỗ trợ với nhóm sử dụng mục tiêu còn hạn chế.

Ở khối sở, ban, khoảng cách giới và dân tộc xuất hiện ngay từ khâu biết đến chương trình hỗ trợ: 45,5% ở nhóm nam so với 41,6% ở nhóm nữ; 44,5% ở nhóm dân tộc Kinh so với 38,6% ở nhóm DTTS thường xuyên hoặc luôn luôn biết đến các chương trình hỗ trợ. Đây là khoảng cách đáng lưu ý nhất, bởi nó xảy ra trước khi DN/HTX/HKD có cơ hội tiếp cận bất kỳ hình thức hỗ trợ nào, đồng nghĩa một bộ phận DN/HTX/HKD do phụ nữ và người DTTS làm chủ đang đứng ngoài chương trình ngay từ vòng thông tin.

Đáng chú ý, một khi đã biết đến chương trình, khoảng cách giữa các nhóm ở khâu thực hiện thủ tục để nhận hỗ trợ lại thu hẹp đáng kể, dao động trong biên độ hẹp 38,7%–41,9% đánh giá các thủ tục khá/dễ dàng, trong đó nhóm nữ DTTS đạt tỷ lệ cao nhất (41,9%). Đây là kết quả đáng ghi nhận trong nỗ lực chuẩn hóa thủ tục hành chính của các sở, ban, cho thấy quy trình hiện áp dụng thống nhất, không phân biệt đối xử giữa các nhóm. Tuy nhiên, một quy trình công bằng về quy trình, thủ tục không đồng nghĩa đã tính đến sự khác biệt thực chất về nhu cầu và điều kiện của từng nhóm, như quỹ thời gian hạn chế của phụ nữ do gánh nặng chăm sóc gia đình, rào cản ngôn ngữ và văn hóa của người DTTS, hay khoảng cách địa lý tại các xã vùng cao, biên giới... Đây là cơ hội để tỉnh, các sở, ban, nghiên cứu bổ sung các giải pháp linh hoạt hơn, phù hợp với đặc thù từng nhóm, bên cạnh kết quả chuẩn hóa đã đạt được.

Về hiệu quả, 48,3% chủ DN/HTX/HKD là người DTTS và 51,6% nữ DTTS đánh giá cao hiệu quả chương trình (cao hơn mức trung bình chung khối sở, ban). Tuy nhiên, con số này chỉ phản ánh trải nghiệm của những chủ thể đã vượt qua được rào cản "biết đến" và "tiếp cận", chứ chưa đại diện cho phần đông phụ nữ DTTS còn đứng ngoài chương trình. Đây là tín hiệu một mặt cho thấy giá trị tiềm năng của chương trình là có thật và đáng nhân rộng, song mặt khác cũng phản ánh tỷ lệ tiếp cận và mức độ hiệu quả trên diện rộng vẫn còn hạn chế, chưa đạt mức cao ở bất kỳ nhóm nào. Nhìn chung, chỉ số này cho thấy điểm nghẽn của Lào Cai không nằm ở việc thiếu hoàn toàn các chương trình hỗ trợ, mà ở khả năng tiếp cận, mức độ dễ sử dụng và tính thực chất, bám sát nhu cầu thực tế của hỗ trợ. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là: chủ động thông tin đến DN/HTX/HKD, đơn giản hóa thủ tục thụ hưởng chính sách, thiết kế hỗ trợ sát nhu cầu từng nhóm đối tượng, và tăng hỗ trợ để đánh giá hiệu quả thực tế, đặc biệt ở các lĩnh vực có điểm thấp như văn hóa - thể thao, du lịch, tư pháp, thông tin truyền thông, khoa học - công nghệ và đất đai.

Biểu đồ 3.9. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

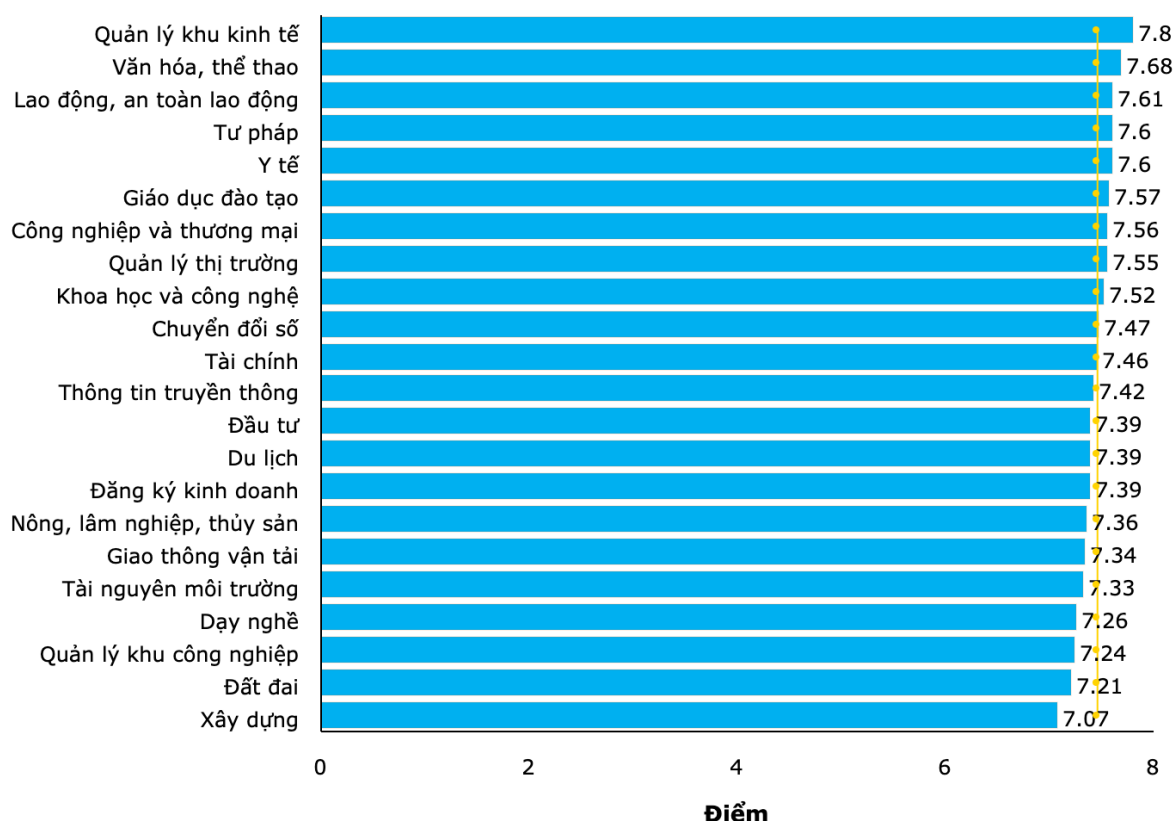
Hiệu lực thể chế được củng cố

Chỉ số hiệu lực thể chế gồm 4 chỉ tiêu, nhằm đánh giá năng lực và hiệu quả thực thi của bộ máy quản lý nhà nước trong việc triển khai chính sách, pháp luật đến cộng đồng DN/HTX. Chỉ số Hiệu lực thể chế đạt 7,45 điểm, thuộc nhóm chỉ số có kết quả khá trong DCCI cấp sở, ban, ngành Lào Cai năm 2025. Điểm số giữa các lĩnh vực dao động từ 7,07 đến 7,80 điểm, chênh lệch 0,73 điểm, cho thấy mức phân hóa không lớn. Nhìn chung, DN/HTX đánh giá tương đối tích cực về việc tuyên truyền, hướng dẫn chính sách, thực hiện cơ chế chính sách và giải quyết phản ánh, kiến nghị. Nhóm lĩnh vực có điểm cao gồm quản lý khu kinh tế đạt 7,80 điểm, văn hóa, thể thao đạt 7,68 điểm, lao động, an toàn lao động đạt 7,61 điểm, tư pháp và y tế cùng đạt 7,60 điểm, giáo dục đào tạo đạt 7,57 điểm, công nghiệp và thương mại đạt 7,56 điểm. Đây là nhóm có đánh giá tốt hơn về hiệu quả thực thi chính sách và khả năng xử lý các vấn đề phát sinh trong quan hệ giữa cơ quan nhà nước với DN/HTX. Nhóm điểm thấp hơn gồm dạy nghề đạt 7,26 điểm, quản lý khu công nghiệp đạt 7,24 điểm, đất đai đạt 7,21 điểm và xây dựng đạt 7,07 điểm. Trong đó, xây dựng là lĩnh vực có điểm thấp nhất. Đây là những lĩnh vực cần được chú ý hơn do thường gắn với thủ tục chuyên ngành, phối hợp liên ngành và yêu cầu giải thích, hướng dẫn chính sách cụ thể cho DN/HTX.

Dữ liệu trả lời cho thấy mức đánh giá tích cực tương đối ổn định nhưng chưa thật sự nổi bật. Về tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật, có khoảng 57,7% người trả lời đánh giá khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, trong khi 41,2% đánh giá bình thường và chỉ khoảng 1,2% đánh giá kém hoặc không hiệu quả. Về thực hiện các cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật, tỷ lệ đánh giá khá/rất hiệu quả đạt khoảng 58,5%, còn tỷ lệ bình thường là 40,9%. Đối với giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khoảng 56,8% người trả lời đánh giá khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, trong khi 42,2% đánh giá bình thường. Tương tự, về các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ DN/HTX/HKD khi có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tỷ lệ đánh giá khá/rất hiệu quả đạt khoảng 56,4%, còn 42,6% đánh giá bình thường. Tỷ lệ đánh giá tiêu cực ở các nội dung này đều rất thấp, khoảng 1%.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy hiệu lực thể chế của khối sở, ban Lào Cai ở mức khá, với tỷ lệ đánh giá tiêu cực thấp và điểm số giữa các lĩnh vực không quá phân tán. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là nâng chất lượng hướng dẫn chính sách, giải thích rõ hơn quy trình và căn cứ xử lý, tăng hiệu quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, đồng thời cải thiện các lĩnh vực có điểm thấp hơn như xây dựng, đất đai, quản lý khu công nghiệp và dạy nghề.

Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

3.2.3. Trụ cột 3: Tăng trưởng bền vững và vai trò của chính quyền

Trụ cột 3 gồm 3 chỉ số: tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới; thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân; sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền. Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt khoảng 7,42 điểm, đứng ở vị trí trung gian giữa hai trụ cột còn lại. Trong trụ cột này, chỉ số sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,68 điểm, là một trong những chỉ số cao nhất, cho thấy DN/HTX ghi nhận nhất định vai trò chủ động của chính quyền trong điều hành và thúc đẩy phát triển kinh tế. Chỉ số thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân cũng đạt mức khá với 7,49 điểm. Tuy nhiên, chỉ số tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới chỉ đạt 7,09 điểm, thấp hơn rõ rệt so với hai chỉ số còn lại. Điều này cho thấy chiều sâu của các nội dung về phát triển bao trùm, bền vững và đáp ứng giới vẫn chưa thực sự nổi bật trong cảm nhận của khu vực sản xuất kinh doanh.

Chính quyền năng động

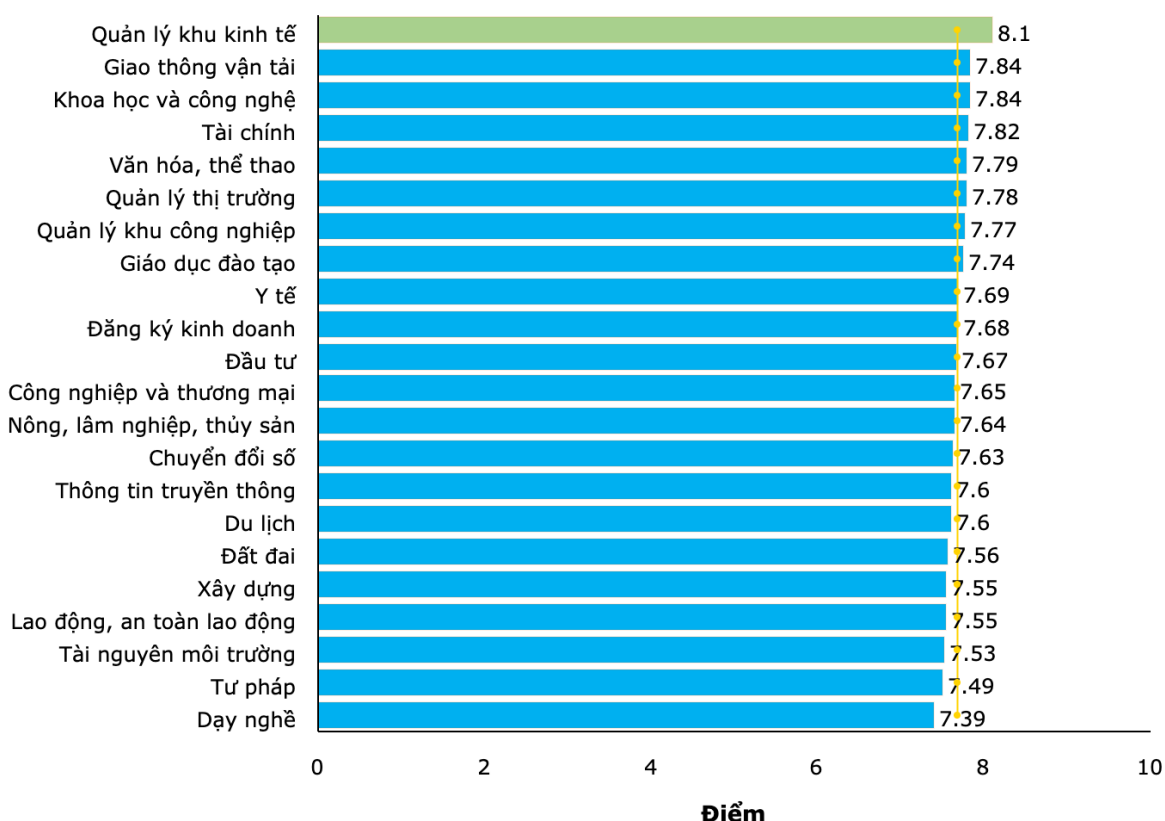
Chỉ số năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền gồm 7 chỉ tiêu nhằm đánh giá mức độ năng động, chủ động và nhất quán của cơ quan quản lý nhà nước trong vai trò kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bao quát hai khía cạnh cốt lõi: chất lượng và thái độ phục vụ của bộ máy hành chính đối với khu vực tư nhân, và mức độ thực thi hiệu quả các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của chính quyền địa phương. Chỉ số sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,68 điểm, là một trong những chỉ số có điểm cao nhất của DCCI cấp sở, ban Lào Cai năm 2025. Điểm số giữa các lĩnh vực dao động từ 7,39 đến 8,10 điểm, với mức chênh lệch 0,71 điểm, cho thấy sự phân hóa không lớn. Kết quả này phản ánh DN/HTX/HKD nhìn chung đánh giá khá tích cực về thái độ của các sở, ban đối với khu vực tư nhân, mức độ linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật và khả năng chủ động tháo gỡ khó khăn cho khu vực sản xuất kinh doanh. Nhóm lĩnh vực có điểm cao gồm quản lý khu kinh tế đạt 8,10 điểm, giao thông vận tải và khoa học và công nghệ cùng đạt 7,84 điểm, tài chính đạt 7,82 điểm, văn hóa, thể thao đạt 7,79 điểm, quản lý thị trường đạt 7,78 điểm và quản lý khu công nghiệp đạt 7,77 điểm. Đây là nhóm được đánh giá tích cực hơn về tính chủ động, linh hoạt và vai trò kiến tạo trong hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhóm điểm thấp hơn gồm tài nguyên môi trường đạt 7,53 điểm, tư pháp đạt 7,49 điểm và dạy nghề đạt 7,39 điểm. Tuy nhiên, ngay cả nhóm thấp nhất vẫn đạt trên 7,3 điểm, cho thấy chỉ số này nhìn chung là điểm mạnh tương đối của khối sở, ban, ngành.

Kết quả trả lời cho thấy mức đánh giá tích cực tương đối rõ. Có khoảng 69% người trả lời tương đối đồng ý hoặc rất đồng ý rằng thái độ của sở, ban đối với khu vực tư nhân là tích cực; chỉ khoảng 0,3% không đồng ý. Tương tự, 67% đồng ý rằng sở, ban linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy khu vực sản xuất kinh doanh ghi nhận nhất định sự thay đổi trong thái độ phục vụ và cách tiếp cận của bộ máy quản lý nhà nước. Tuy nhiên, các nội

dung liên quan đến xử lý vấn đề mới phát sinh và tháo gỡ khó khăn thực tế có tỷ lệ đồng ý thấp hơn. Cụ thể, khoảng 63% người trả lời đồng ý rằng sở, ban năng động và sáng tạo trong giải quyết các vấn đề mới phát sinh; 63% cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc DN/HTX/HKD. Tỷ lệ trả lời “bình thường” ở các nội dung này vẫn ở mức cao, khoảng 36–37%, cho thấy tính chủ động đã được ghi nhận nhưng chưa thật sự tạo cảm nhận nổi bật ở một bộ phận đáng kể DN/HTX/HKD. Một điểm tích cực khác là 67% người trả lời đồng ý rằng sở, ban thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi; tỷ lệ không đồng ý chỉ khoảng 0,2%. Điều này cho thấy định hướng điều hành của tỉnh đã được các sở, ban triển khai tương đối nhất quán.

Nhìn chung, chỉ số này là điểm sáng của DCCI cấp sở, ban Lào Cai năm 2025. Điểm mạnh nằm ở thái độ tích cực đối với khu vực tư nhân, tính linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật và mức độ nhất quán trong thực hiện chủ trương cải thiện môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là nâng cao hơn nữa khả năng xử lý các vấn đề mới phát sinh, tháo gỡ khó khăn sau đối thoại, và chuyển các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh thành kết quả cụ thể mà DN/HTX có thể cảm nhận rõ hơn.

Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân

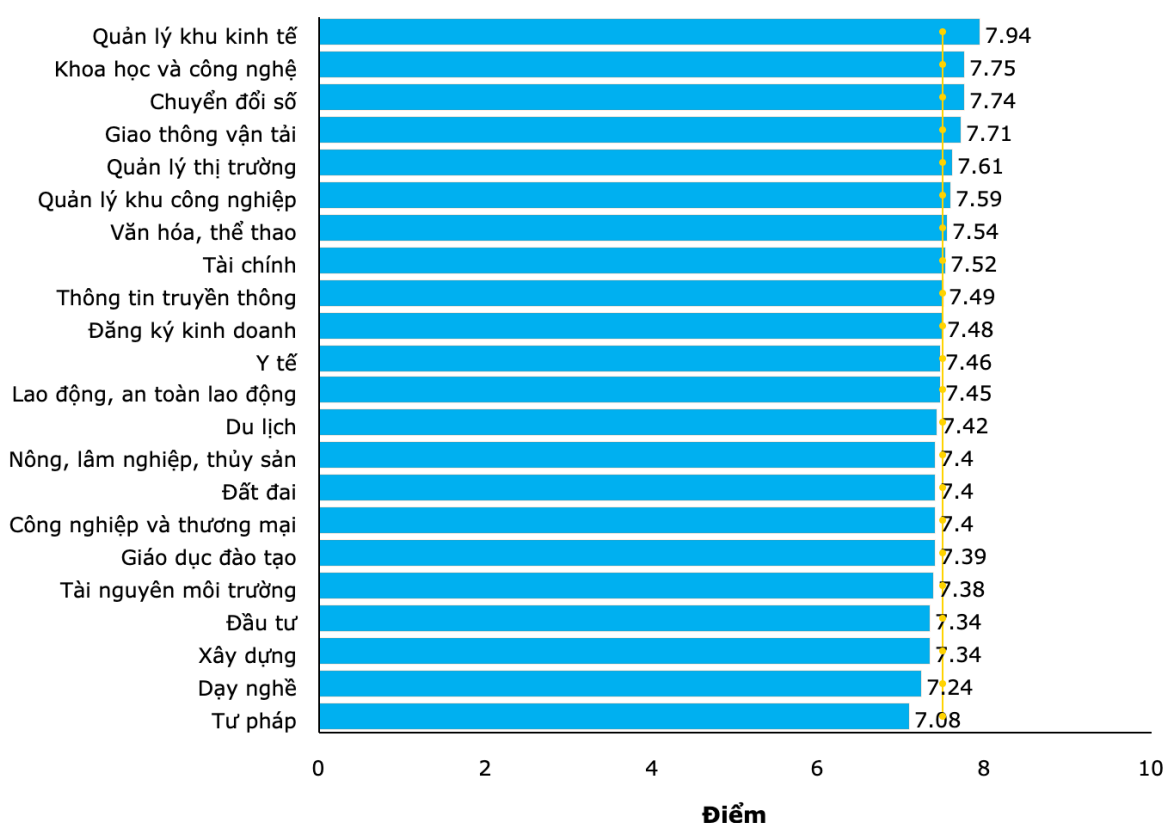
Chỉ số thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân được đo lường qua 8 chỉ tiêu, đánh giá mức độ cam kết và hiệu quả triển khai của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế tư nhân. Chỉ số thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,49 điểm, thuộc nhóm chỉ số có kết quả khá của DCCI cấp sở, ban Lào Cai năm 2025. Điểm số giữa các lĩnh vực dao động từ 7,08 đến 7,94 điểm, chênh lệch 0,86 điểm, cho thấy mức phân hóa không quá lớn nhưng vẫn có khác biệt đáng chú ý giữa các lĩnh vực. Kết quả này phản ánh DN/HTX nhìn chung đánh giá tương đối tích cực về nỗ lực thực hiện các chủ trương, chính sách thúc đẩy kinh tế tư nhân, nhưng mức độ tác động thực chất vẫn chưa thật sự nổi bật.

Nhóm lĩnh vực có điểm cao gồm quản lý khu kinh tế đạt 7,94 điểm, khoa học và công nghệ đạt 7,75 điểm, chuyển đổi số đạt 7,74 điểm, giao thông vận tải đạt 7,71 điểm, quản lý thị trường đạt 7,61 điểm và quản lý khu công nghiệp đạt 7,59 điểm. Đây là nhóm được đánh giá tích cực hơn về khả năng tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân, thúc đẩy đổi mới, chuyển đổi số, kết nối và cải thiện môi trường hoạt động cho DN/HTX. Nhóm điểm thấp hơn gồm tài nguyên môi trường đạt 7,38 điểm, đầu tư và xây dựng cùng đạt 7,34 điểm, dạy nghề đạt 7,24 điểm, và thấp nhất là tư pháp với 7,08 điểm. Các lĩnh vực này vẫn nằm trong mức khá, nhưng cần chú ý hơn đến khả năng chuyển hóa chính sách phát triển kinh tế tư nhân thành hỗ trợ cụ thể, dễ tiếp cận và có tác động rõ hơn đối với khu vực sản xuất kinh doanh.

Xét theo dữ liệu trả lời, tỷ lệ đánh giá tích cực ở các nội dung thành phần dao động quanh mức 58%–62%, trong khi tỷ lệ đánh giá “bình thường” vẫn khá cao, khoảng 37%–40%. Cụ thể, có khoảng 60% người trả lời đánh giá tốt hoặc rất tốt về nội dung đổi mới tư duy, tạo niềm tin cho phát triển kinh tế tư nhân; 62% đánh giá tích cực về cải cách, nâng cao chất lượng chính sách và bảo vệ quyền, lợi ích kinh tế tư nhân; và 61% đánh giá tích cực về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và xanh. Đây là các nội dung có mức ghi nhận tương đối tốt. Tuy nhiên, một số nội dung có tỷ lệ tích cực thấp hơn. Chỉ khoảng 59% đánh giá tốt hoặc rất tốt về việc tạo thuận lợi cho DN/HTX/HKD tiếp cận đất đai, vốn và nhân lực; khoảng 58% đánh giá tích cực về hình thành và phát triển các doanh nghiệp lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ. Đây là các nội dung đòi hỏi chính sách dài hạn, phối hợp liên ngành và nguồn lực thực thi lớn hơn, nên chưa tạo được cảm nhận rõ nét như các nội dung về tư duy chính sách hay chuyển đổi số. Điểm tích cực là tỷ lệ đánh giá tiêu cực ở hầu hết nội dung khá thấp, thường chỉ khoảng 0,3%–1,6%. Điều này cho thấy DN/HTX/HKD không phản ánh sự không hài lòng rõ rệt đối với việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân. Tuy nhiên, tỷ lệ trả lời “bình thường” còn cao cho thấy chính sách đã được ghi nhận, nhưng chưa đủ mạnh để tạo cảm nhận rõ ràng về hiệu quả và lợi ích trực tiếp.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy Lào Cai có nền tảng khá trong thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân, nhất là ở các nội dung đổi mới tư duy, cải thiện chính sách, chuyển đổi số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, trọng tâm cải thiện thời gian tới cần tập trung vào tăng tính thực chất của chính sách, đặc biệt là hỗ trợ tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực; tăng kết nối giữa doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước và FDI; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh; và thúc đẩy đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, tinh thần doanh nhân theo hướng dễ quan sát hơn trong thực tế.

Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Phát triển bền vững, bao trùm và đáp ứng giới

Chỉ số tăng trưởng bao trùm, bền vững và đáp ứng giới được đo lường qua 17 chỉ tiêu, đánh giá mức độ hỗ trợ tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường, tính bao trùm và bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ công, thúc đẩy vai trò của nhóm yếu thế trong kinh doanh, chất lượng hạ tầng số và minh bạch thông tin, và hiệu quả hỗ trợ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho DN. Chỉ số tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,09 điểm, là một trong các chỉ số có điểm thấp hơn trong bộ chỉ số thành phần của DCCI cấp sở, ban Lào Cai năm 2025. Điểm số giữa các lĩnh vực dao động từ 6,73 đến 7,36 điểm, chênh lệch 0,63 điểm, cho thấy mức phân hóa không lớn. Tuy nhiên, mặt bằng điểm chưa cao phản ánh rằng các nội dung về phát triển xanh, bao trùm, hỗ trợ nhóm

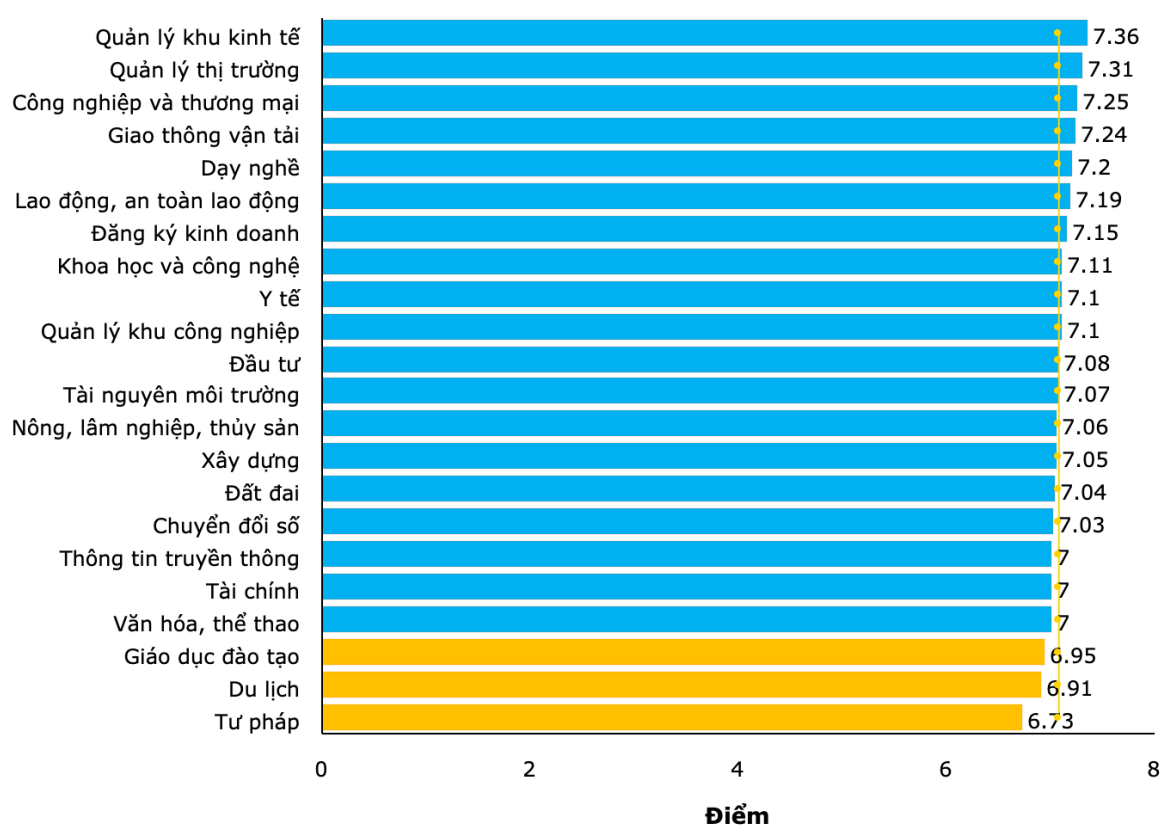
yếu thế, đáp ứng giới, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo vẫn chưa tạo được cảm nhận thật sự rõ nét đối với DN/HTX.

Nhóm lĩnh vực có điểm cao gồm quản lý khu kinh tế đạt 7,36 điểm, quản lý thị trường đạt 7,31 điểm, công nghiệp và thương mại đạt 7,25 điểm, giao thông vận tải đạt 7,24 điểm, dạy nghề đạt 7,20 điểm và lao động, an toàn lao động đạt 7,19 điểm. Đây là nhóm có đánh giá tương đối tích cực hơn về các nội dung liên quan đến phát triển bao trùm, hỗ trợ chuyển đổi và thúc đẩy môi trường kinh doanh bền vững. Nhóm điểm thấp hơn gồm giáo dục đào tạo đạt 6,95 điểm, du lịch đạt 6,91 điểm và thấp nhất là tư pháp với 6,73 điểm. Các lĩnh vực này cần được rà soát thêm về mức độ lồng ghép các mục tiêu bền vững, bao trùm và hỗ trợ nhóm DN/HTX yếu thế trong thực thi chính sách.

Kết quả khảo sát cho thấy ở khía cạnh phát triển xanh, có 76% DN/HTX/HKD cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; trong đó 32% áp dụng một vài biện pháp cơ bản, 30% áp dụng tương đối và 14% áp dụng tích cực nhiều biện pháp. Tuy nhiên, hỗ trợ từ phía cơ quan quản lý chưa thật sự nổi bật: chỉ 47% đánh giá sở, ban tích cực hoặc rất tích cực trong hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, trong khi 50% chỉ đánh giá ở mức bình thường. Tương tự, chỉ 46% đánh giá các chương trình, hành động ưu đãi cho dự án đầu tư xanh là khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, còn 52% đánh giá bình thường. Điều này cho thấy DN/HTX đã có ý thức nhất định về môi trường, nhưng chính sách hỗ trợ chuyển đổi xanh vẫn chưa đủ rõ và đủ mạnh. Ở khía cạnh bao trùm và đáp ứng giới, kết quả tương đối tích cực nhưng chưa thật sự bứt phá. Có 50% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ hoặc rất dễ tiếp cận với người khuyết tật; 51% cho rằng dịch vụ/hỗ trợ phù hợp hoặc rất phù hợp với người khuyết tật. Về đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật, 67% đánh giá bình đẳng hoặc rất bình đẳng. Tuy nhiên, các hoạt động cụ thể để thúc đẩy vai trò lãnh đạo nữ và hỗ trợ DN/HTX/HKD do phụ nữ, người khuyết tật hoặc nhóm yếu thế làm chủ vẫn còn ở mức trung bình khá: 50% cho biết có hoạt động thúc đẩy lãnh đạo nữ thường xuyên hoặc luôn luôn; 53% đánh giá tích cực hoặc rất tích cực về hỗ trợ kết nối mạng lưới kinh doanh cho nhóm này. Ở khía cạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ mô hình kinh doanh mới, kết quả cho thấy dư địa cải thiện còn lớn. Có 53% đánh giá thông tin, số liệu của lĩnh vực khá dễ hoặc rất dễ tiếp cận; 58% đánh giá chất lượng nền tảng số ở mức tốt hoặc rất tốt. Tuy nhiên, các hoạt động hỗ trợ chuyên sâu hơn có tỷ lệ tích cực thấp hơn: chỉ 42% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia chương trình hướng dẫn chuyển đổi số; 40% được giới thiệu, hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 45% đánh giá hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới mô hình kinh doanh là khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả; và 49% đồng ý rằng chính sách hỗ trợ đổi mới mô hình kinh doanh là dễ tiếp cận và thực chất.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy Lào Cai đã có nền tảng nhất định về phát triển bền vững, bao trùm và đáp ứng giới, nhưng mức độ thực thi còn chưa đủ sâu. Điểm nghẽn chính không nằm ở đánh giá tiêu cực cao, mà ở tỷ lệ trả lời “bình thường” còn lớn trong hầu hết nội dung, phản ánh chất lượng chưa dịch vụ của các ban ngành chưa đáp ứng được kì vọng của nhóm người sử dụng dịch vụ (nhóm người yếu thế) về các khía cạnh đề cập như trên Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là cụ thể hóa hỗ trợ chuyển đổi xanh, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ cho nhóm yếu thế, thúc đẩy vai trò của lãnh đạo nữ trong DN/HTX/HKD, và nâng chất lượng hỗ trợ chuyển đổi số, thương mại điện tử, R&D và đổi mới sáng tạo theo hướng thực chất hơn.

Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP tăng trưởng bền vững, bao trùm và đáp ứng giới



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

NĂNG LỰC CẠNH TRANH KHỐI SỞ, BAN

**ĐIỂM SỐ DCCI 2025
KHỐI SỞ, BAN**



78,17 điểm

Ban quản lý
Khu kinh tế
tỉnh Lào Cai

74,72 điểm

Ban quản lý
các khu công nghiệp
tỉnh Lào Cai

74,64 điểm

Sở Khoa học
và Công nghệ



Trung bình: 74,11 điểm

MỘT SỐ CSTP TÍCH CỰC



Chi phí tuân thủ
7,69 điểm



Sự năng động và
vai trò kiến tạo
của chính quyền
7,68 điểm

CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN



Tăng trưởng bền
vững và phát triển
bao trùm
7,09 điểm



Hỗ trợ sản xuất
kinh doanh
6,86 điểm

CHƯƠNG

04

KẾT QUẢ DCCI
KHỐI NGÀNH DỤC



CHƯƠNG 4. KẾT QUẢ DCCI KHỐI NGÀNH DỤC

4.1. Kết quả DCCI ngành dọc

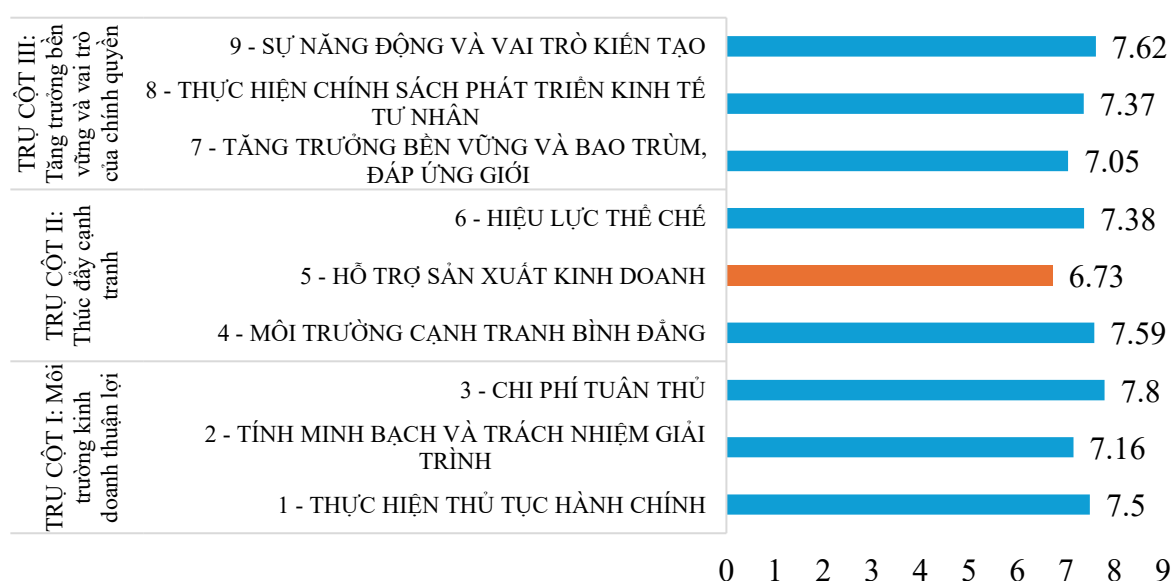
DCCI khối ngành dọc của Lào Cai bao gồm các cơ quan: Chi cục Hải quan tỉnh khu vực VII - Lào Cai, Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai, Bảo hiểm xã hội tỉnh. Theo phương pháp luận DCCI 2025, kết quả điểm số của ngành dọc sẽ không xếp hạng mà tập trung vào phân tích các đặc điểm chính có ý nghĩa cải thiện chất lượng điều hành. Kết quả DCCI ngành dọc 2025 có một số phát hiện chính như sau:

- Kết quả DCCI khối ngành dọc năm 2025 cho thấy 3 đơn vị được khảo sát đều đạt mức khá, với điểm số dao động từ 72,78 đến 74,29 điểm. Điểm trung bình của khối đạt khoảng 73,58/100 điểm, phản ánh chất lượng điều hành tương đối ổn định, nhưng chưa có đơn vị nào tạo được sự bứt phá rõ rệt. Khoảng cách giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất chỉ 1,51 điểm, cho thấy mức phân hóa trong khối ngành dọc không lớn.
- Phân tích theo 3 trụ cột cho thấy Trụ cột I - Môi trường kinh doanh thuận lợi là trụ cột có kết quả tích cực nhất, đạt khoảng 7,49 điểm. Trong đó, chi phí tuân thủ đạt 7,80 điểm, là chỉ số cao nhất trong toàn bộ 9 chỉ số thành phần; thực hiện thủ tục hành chính đạt 7,50 điểm. Điều này cho thấy các cơ quan ngành dọc nhìn chung được đánh giá tương đối tốt ở việc xử lý thủ tục, giảm gánh nặng tuân thủ và duy trì kỷ luật hành chính. Tuy nhiên, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình chỉ đạt 7,16 điểm, thấp hơn hai chỉ số còn lại trong cùng trụ cột, cho thấy vẫn cần cải thiện hơn về công khai thông tin, giải thích chính sách và phản hồi các vướng mắc của DN/HTX/HKD. Ở Trụ cột II - Thúc đẩy cạnh tranh, điểm trung bình đạt khoảng 7,23 điểm, thấp nhất trong ba trụ cột. Trong trụ cột này, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,59 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,38 điểm, cho thấy nền tảng thực thi quy định và cảm nhận về công bằng nhìn chung ở mức khá. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 6,73 điểm, là chỉ số thấp nhất của khối ngành dọc. Đây là điểm nghẽn rõ nhất, phản ánh rằng doanh nghiệp có thể đánh giá tương đối tốt về thủ tục và chi phí tuân thủ, nhưng chưa cảm nhận rõ vai trò đồng hành, hướng dẫn, tư vấn và hỗ trợ thực chất từ các cơ quan ngành dọc trong quá trình hoạt động. Ở Trụ cột III - Tăng trưởng bền vững và vai trò của chính quyền, điểm trung bình đạt khoảng 7,35 điểm. Chỉ số sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,62 điểm, là điểm sáng của trụ cột này, cho thấy các cơ quan ngành dọc vẫn được ghi nhận ở thái độ điều hành và khả năng hỗ trợ trong khuôn khổ chức năng chuyên ngành. Chỉ số thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,37 điểm, ở mức khá. Tuy nhiên, tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới chỉ đạt 7,05 điểm, cho thấy các nội dung về phát

triển bền vững, bao trùm và hỗ trợ các nhóm đối tượng khác nhau chưa thật sự nổi bật trong hoạt động của khối ngành dọc.

Nhìn chung, kết quả DCCI khối ngành dọc cho thấy điểm mạnh chính nằm ở chi phí tuân thủ, thủ tục hành chính và vai trò điều hành tương đối ổn định. Tuy nhiên, hạn chế nổi bật là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới và minh bạch, trách nhiệm giải trình. Do đó, trọng tâm cải thiện trong thời gian tới không chỉ là tiếp tục duy trì tiến độ xử lý thủ tục, mà cần tăng chất lượng hướng dẫn chính sách, cải thiện kênh phản hồi, hỗ trợ doanh nghiệp sau thủ tục và tăng tính dễ hiểu, dễ tiếp cận của các quy định chuyên ngành về thuế, bảo hiểm xã hội và hải quan.

Biểu đồ 4.1. Điểm số các CSTP trong DCCI ngành dọc

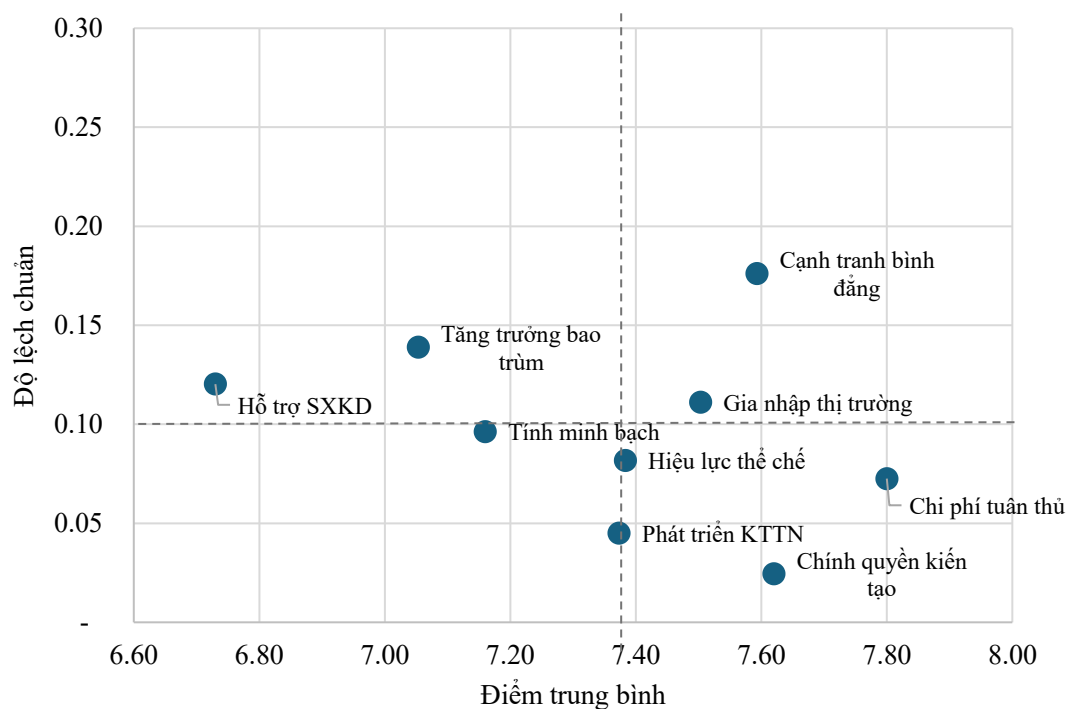


Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Kết quả so sánh mức điểm trung bình chung và độ lệch chuẩn các CSTP khối ngành dọc cho thấy sự khác biệt giữa các chỉ số cả về mức điểm lẫn mức độ đồng thuận trong đánh giá. Nhìn chung, phần lớn các chỉ số tập trung trong khoảng điểm trung bình từ 7,20 đến 7,80 (mức điểm khá), phản ánh chất lượng điều hành ở mức khá, chưa có chỉ số nào đạt mức tốt. Trong nhóm này, tính năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền và Chi phí tuân thủ đạt điểm trung bình cao hơn (lần lượt 7,62 và 7,81) với độ lệch chuẩn thấp, hai chỉ số tương đối ổn định và được doanh nghiệp đánh giá đồng thuận hơn so với các chỉ số còn lại, dù vẫn chưa thực sự nổi bật. Đáng lưu ý, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng có độ lệch chuẩn cao nhất (0,175), phản ánh sự không đồng đều trong trải nghiệm thực tế giữa các doanh nghiệp, một bộ phận vẫn gặp bất lợi trong tiếp cận cơ hội kinh doanh. Hai chỉ số Tăng trưởng bao trùm và Hỗ trợ SXKD đạt điểm thấp nhất toàn nhóm (7,05 và 6,73), là những lĩnh vực còn nhiều hạn chế và cần được ưu tiên cải thiện. Nhìn tổng thể, kết quả cho thấy môi trường kinh doanh theo đánh giá của khối

ngành dọc mới chỉ đạt mức khá, còn khoảng cách so với mức tốt, đặc biệt ở các nội dung liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, tăng trưởng bao trùm và tính minh bạch. Cạnh tranh bình đẳng còn có sự khác biệt trong thực thi.

Biểu đồ 4.2. Ma trận ưu tiên cải cách của các chỉ số thành phần



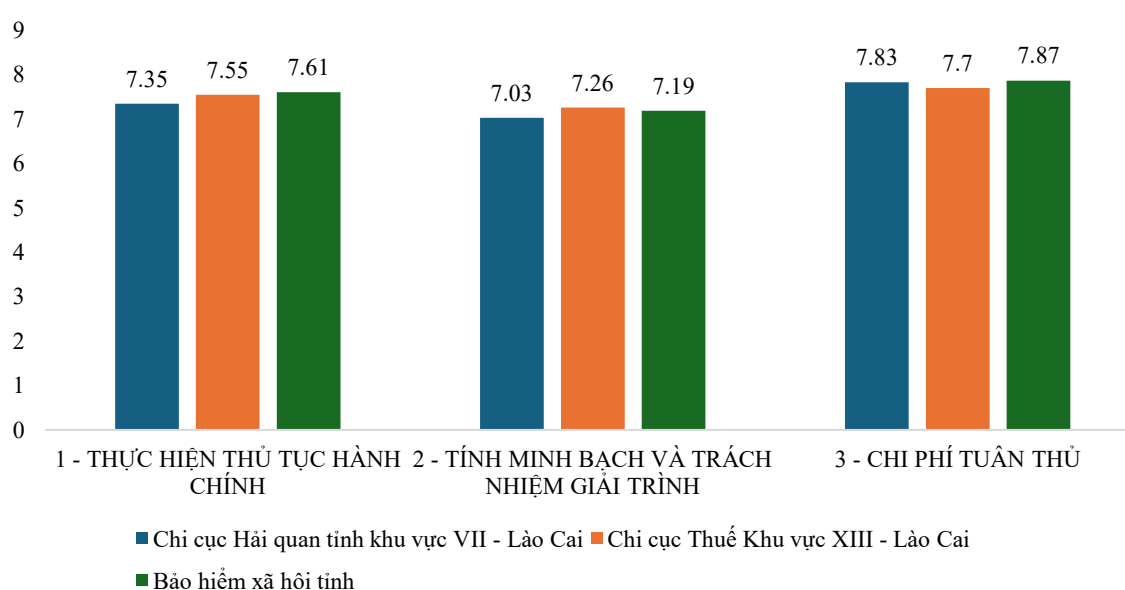
Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

4.2. Kết quả DCCI ngành dọc theo trụ cột

4.2.1. Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi

Trụ cột 1 của khối ngành dọc trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2025 đạt kết quả khá tích cực, với mức điểm bình quân khoảng 7,49 điểm. Trong 3 chỉ số thành phần, chi phí tuân thủ là chỉ số nổi bật nhất của toàn khối, đạt trung bình 7,8 điểm; tiếp đến là thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường với 7,5 điểm; trong khi tính minh bạch và trách nhiệm giải trình là chỉ số thấp nhất, chỉ đạt 7,16 điểm. Kết quả này cho thấy DN nhìn chung đánh giá tương đối tích cực đối với mức độ thuận lợi trong thực hiện thủ tục và gánh nặng chi phí tuân thủ tại các cơ quan ngành dọc.

Biểu đồ 4.3. Điểm số các CSTP của Trụ cột 1



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Thực hiện TTHC duy trì ở mức khá

Chỉ số thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường của khối ngành dọc Chỉ số Thực hiện thủ tục hành chính của khối ngành dọc đạt 7,50 điểm, thuộc nhóm khá. Trong ba đơn vị, Bảo hiểm xã hội tỉnh có điểm số 7,61 điểm, Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai với 7,55 điểm và Chi cục Hải quan khu vực VII - Lào Cai với 7,35 điểm. Chênh lệch giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất là 0,26 điểm, cho thấy mức phân hóa không lớn, nhưng vẫn có sự khác biệt nhất định về cảm nhận của DN/HTX đối với chất lượng xử lý thủ tục.

Xét theo dữ liệu trả lời, điểm tích cực rõ nhất là thời gian xử lý thủ tục. Có 95,1% người trả lời cho biết thời gian thực hiện thủ tục là đúng quy định hoặc nhanh hơn quy định, trong khi chỉ 4,9% cho rằng chậm hơn quy định. Trong đó, Bảo hiểm xã hội có tỷ lệ đánh giá đúng hạn hoặc nhanh hơn cao nhất, đạt 96,9%; Thuế đạt 94,1% và Hải quan

đạt 93,9%. Kết quả này cho thấy kỷ luật xử lý thủ tục của khối ngành dọc nhìn chung được duy trì khá tốt, hướng dẫn thủ tục đã được đánh giá tương đối tích cực, nhưng riêng lĩnh vực hải quan vẫn cần cải thiện thêm về tính rõ ràng, dễ hiểu và khả năng giải thích quy định cho DN.

Một điểm mạnh khác là số lần sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá lớn. Có 86,9% người trả lời cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải sửa đổi, bổ sung 1 lần. Tỷ lệ này ở Bảo hiểm xã hội là 90,7%, Thuế là 85,0% và Hải quan là 83,3%. Tuy nhiên, vẫn còn 13,1% phải sửa đổi, bổ sung từ 2 lần trở lên, cho thấy vẫn cần nâng chất lượng hướng dẫn ngay từ đầu để giảm chi phí thời gian cho DN/HTX.

Ở khối ngành dọc, chất lượng hướng dẫn thủ tục được đánh giá tích cực ở mức tương đối tốt, với 64,4% ở DN/HTX/HKD do nam làm chủ và 67,1% ở DN/HTX/HKD do nữ làm chủ. Đối với DN/HTX/HKD do người dân tộc thiểu số làm chủ, tỷ lệ này đạt 80,0%, và đối với nhóm nữ DTTS đạt 87,5%. Nhìn chung, kết quả ở khối ngành dọc phản ánh các cơ quan như Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội đã tiếp tục duy trì quy trình tương đối chuyên môn hóa, hướng dẫn rõ và sử dụng công nghệ tốt.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy khối ngành dọc có nền tảng khá tốt về thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt ở tiến độ xử lý và kiểm soát số lần bổ sung hồ sơ. Tuy nhiên, trọng tâm cải thiện thời gian tới nên là nâng chất lượng hướng dẫn ban đầu, chuẩn hóa cách giải thích quy định, giảm hồ sơ phải bổ sung nhiều lần và cải thiện trải nghiệm thủ tục trong lĩnh vực hải quan, nơi điểm số và tỷ lệ hài lòng về hướng dẫn còn thấp hơn hai đơn vị còn lại.

Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cần cải thiện

Chỉ số tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của khối ngành dọc đạt 7,16 điểm, là chỉ số thấp nhất trong Trụ cột I – Môi trường kinh doanh thuận lợi. Trong ba đơn vị, Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai đạt 7,26 điểm, Bảo hiểm xã hội tỉnh với 7,19 điểm và Chi cục Hải quan khu vực VII - Lào Cai với 7,03 điểm. Chênh lệch giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất là 0,23 điểm, cho thấy mức phân hóa không lớn, nhưng kết quả cũng phản ánh đây vẫn là nội dung cần cải thiện trong toàn khối.

Về khả năng tiếp cận thông tin, dữ liệu khảo sát cho thấy 47,2% người trả lời đánh giá việc tiếp cận văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách và chương trình hỗ trợ là dễ hoặc rất dễ; 50,8% đánh giá ở mức bình thường; tỷ lệ đánh giá khó tiếp cận chỉ 2,0%. Điều này cho thấy vấn đề không nằm ở sự thiếu vắng thông tin, mà ở việc thông tin chưa thật sự dễ tìm, dễ hiểu và đủ hữu ích đối với DN/HTX/HKD. Về chất lượng và tính hữu ích của thông tin trên cổng thông tin điện tử, có 54,4% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng, trong khi 44,8% đánh giá bình thường. Trong đó, Thuế và Bảo hiểm xã hội có kết quả tích cực hơn, với điểm thành phần lần lượt 7,41 và 7,40; Hải quan thấp hơn với 6,90 điểm. Điều này cho thấy cần tiếp tục cải thiện chất lượng

thông tin công khai, đặc biệt là khả năng giải thích quy định chuyên ngành theo cách dễ hiểu hơn.

Điểm yếu rõ nhất của chỉ số này nằm ở cơ chế tham vấn và đối thoại chính sách. Chỉ 28,6% người trả lời cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia các kênh, diễn đàn, đối thoại, tham vấn chính sách; trong khi 53,5% chỉ được mời thỉnh thoảng và 18,0% cho biết hiếm khi hoặc không bao giờ. Đây là nội dung có điểm thành phần thấp nhất trong nhóm minh bạch, đặc biệt ở Bảo hiểm xã hội và Thuế, lần lượt chỉ đạt 6,02 và 6,20 điểm. Ngược lại, khâu phản hồi kiến nghị có kết quả tích cực hơn. Có 77,6% người trả lời cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị, góp ý hoặc phản ánh tới khối cơ quan ngành dọc. Về chất lượng phản hồi, 55,2% khá hài lòng hoặc rất hài lòng, trong khi 44,0% đánh giá bình thường. Điều này cho thấy các cơ quan ngành dọc đã duy trì được cơ chế phản hồi sau khi có kiến nghị, nhưng chất lượng phản hồi vẫn cần đi sâu hơn vào giải thích căn cứ xử lý, hướng dẫn phương án giải quyết và theo dõi kết quả cuối cùng. Tỷ lệ nhận được phản hồi nhìn chung tương tự khối sở, ban, đạt 65,8% đối với DN/HTX/HKD do nam làm chủ và 68,5% đối với DN/HTX/HKD do nữ làm chủ. Đối với DN/HTX/HKD do người dân tộc thiểu số làm chủ, tỷ lệ này đạt 80,0%, nhóm nữ DTTS đạt 87,5%, nhưng cần lưu ý rằng quy mô mẫu các nhóm DTTS và NKT ở khối ngành dọc nhỏ, nên cần diễn giải thận trọng.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy khối ngành dọc có nền tảng tương đối ổn về công khai thông tin và phản hồi kiến nghị, nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ mạnh về minh bạch chủ động. Điểm cần cải thiện trong thời gian tới là nâng chất lượng thông tin công khai, tăng tính dễ hiểu của hướng dẫn chính sách, mở rộng tham vấn thường xuyên với DN/HTX và cải thiện chất lượng phản hồi kiến nghị, đặc biệt đối với các thủ tục chuyên ngành về thuế, bảo hiểm xã hội và hải quan.

Chi phí tuân thủ được cắt giảm tương đối tốt

Chỉ số Chi phí tuân thủ của khối ngành dọc đạt 7,80 điểm, là chỉ số có điểm cao nhất trong Trụ cột I. Trong ba đơn vị, Bảo hiểm xã hội tỉnh đạt 7,87 điểm, Chi cục Hải quan khu vực VII - Lào Cai với 7,83 điểm và Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai với 7,70 điểm. Khoảng cách giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất chỉ 0,17 điểm, cho thấy mặt bằng chi phí tuân thủ giữa các cơ quan ngành dọc tương đối đồng đều.

Điểm tích cực đầu tiên là thời gian thực hiện thủ tục/công việc nhìn chung được đánh giá khá tốt. Có 96,8% người trả lời cho biết thời gian thực hiện thủ tục/công việc là đúng quy định hoặc sớm hơn quy định, trong đó 81,7% đánh giá đúng quy định, 10,6% sớm hơn một chút và 4,5% sớm hơn rất nhiều. Tỷ lệ cho rằng thời gian xử lý lâu hơn quy định chỉ 3,3%. Điều này cho thấy khối ngành dọc duy trì tương đối tốt kỷ luật xử lý công việc, đặc biệt trong các thủ tục có tính chuyên ngành như thuế, hải quan và bảo hiểm xã hội. Đối với thủ tục hành chính trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin, kết quả cho thấy nền tảng số đã có tác dụng nhưng chưa thật sự đồng đều. Có 50,6%

người trả lời đánh giá thủ tục hành chính trực tuyến là dễ hoặc rất dễ thực hiện, trong khi 46,9% đánh giá bình thường. Về hiệu quả tiết kiệm thời gian nhờ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ đánh giá hiệu quả hoặc rất hiệu quả đạt 63,6%. Như vậy, chuyển đổi số đã giúp giảm chi phí thời gian, nhưng trải nghiệm trực tuyến vẫn cần tiếp tục đơn giản hóa, đặc biệt với nhóm DN/HTX/HKD nhỏ hoặc ít quen với thủ tục số.

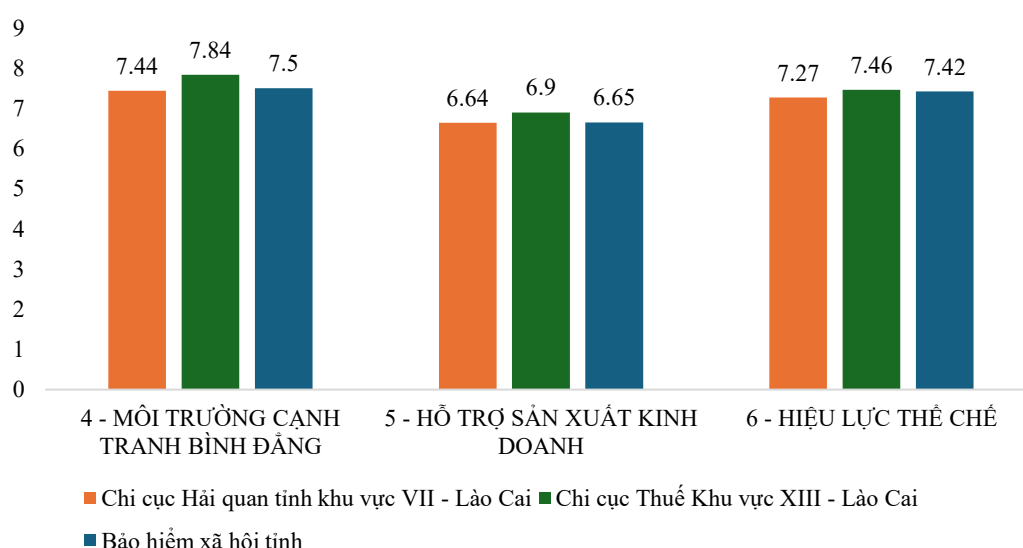
Về thanh tra, kiểm tra, gánh nặng nhìn chung chưa lớn. Có 51,3% người trả lời cho biết không phải tiếp đoàn thanh tra trong năm vừa qua và 36,6% chỉ tiếp 1 lần; nghĩa là khoảng 87,8% chỉ tiếp thanh tra không quá một lần. Với hoạt động kiểm tra, 39,7% không phải tiếp đoàn kiểm tra và 38,4% chỉ tiếp một lần; tức khoảng 78,1% chỉ tiếp kiểm tra không quá một lần. Về chi phí không chính thức, kết quả nhìn chung tích cực. Có 74,4% người trả lời cho rằng chi phí không chính thức khi thực hiện thủ tục hành chính và giải quyết công việc là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có. Tỷ lệ này đạt 75,1% đối với chi phí không chính thức trong thanh tra, kiểm tra và 74,8% đối với lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Tuy vậy, vẫn có khoảng 6%–7% người trả lời cho rằng chi phí không chính thức còn tương đối phổ biến hoặc rất phổ biến ở một số khâu, nên đây vẫn là nội dung cần tiếp tục theo dõi.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy chi phí tuân thủ là điểm mạnh rõ nhất của khối ngành dọc. Các cơ quan thuế, hải quan và bảo hiểm xã hội đều duy trì được mặt bằng khá tốt về thời gian xử lý, kiểm soát tần suất thanh tra - kiểm tra và hạn chế chi phí không chính thức. Tuy nhiên, cải thiện trong thời gian tới không nên chỉ dừng ở việc xử lý đúng hạn, mà cần nâng chất lượng phục vụ, đơn giản hóa trải nghiệm thủ tục trực tuyến và tiếp tục kiểm soát rủi ro phát sinh chi phí không chính thức trong các khâu có tương tác trực tiếp với DN/HTX/HKD.

4.2.2. Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh

Trụ cột 2 của khối ngành dọc năm 2025 phản ánh một đặc điểm khá rõ: các đơn vị được đánh giá tương đối tích cực về môi trường cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế, nhưng còn hạn chế hơn ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Trong 3 chỉ số thành phần, Môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt mức cao nhất với điểm trung bình 7,59 điểm; tiếp theo là Hiệu lực thể chế với 7,38 điểm; trong khi Hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 6,73 điểm, là chỉ số thấp nhất không chỉ trong Trụ cột 2 mà còn thấp nhất trong toàn bộ 9 chỉ số thành phần của khối ngành dọc. Kết quả này cho thấy DN nhìn chung vẫn ghi nhận tính công bằng tương đối trong thực thi công vụ và mức độ ổn định của thể chế ngành dọc, nhưng chưa cảm nhận rõ chiều sâu hỗ trợ thực chất từ các cơ quan này đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Biểu đồ 4.4. Điểm số các CSTP của trụ cột 2



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Môi trường cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số môi trường cạnh tranh bình đẳng của khối ngành dọc đạt 7,59 điểm, thuộc nhóm chỉ số có kết quả khá tích cực. Trong ba đơn vị, Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai đạt điểm 7,84 điểm, Bảo hiểm xã hội tỉnh với 7,50 điểm và Chi cục Hải quan khu vực VII - Lào Cai với 7,44 điểm. Khoảng cách giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất là 0,40 điểm, cho thấy có sự khác biệt nhất định, nhưng mức phân hóa không quá lớn.

Xét theo dữ liệu trả lời, cảm nhận về sự bình đẳng trong thực thi chương trình, ưu đãi nhìn chung khá tích cực. Có 61,1% người trả lời tương đối đồng ý hoặc rất đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi của khối cơ quan ngành dọc được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; chỉ 1,6% không đồng ý hoặc rất không đồng ý. Trong đó, Thuế có mức đánh giá tích cực cao hơn, phù hợp với điểm số dẫn đầu ở chỉ số này. Ở

nội dung tiếp cận các nguồn lực kinh tế như hợp đồng, đất đai và cơ hội kinh doanh, có 59,1% người trả lời tương đối đồng ý hoặc rất đồng ý rằng việc tiếp cận là công bằng, không có sự ưu ái cho đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Tuy nhiên, tỷ lệ trả lời bình thường còn khá cao, ở mức 39,7%. Điều này cho thấy cảm nhận về công bằng trong tiếp cận nguồn lực vẫn là nội dung cần tiếp tục củng cố, nhất là vì đây là nhóm vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của DN/HTX/HKD vào môi trường cạnh tranh.

Tuy vậy, điểm cần chú ý là tỷ lệ đánh giá “bình thường” vẫn tương đối lớn ở nhiều nội dung, dao động khoảng 29%–40%. Nói cách khác, tỷ lệ phản ánh tiêu cực không cao, nhưng cảm nhận tích cực chưa thật sự áp đảo. Điều này hàm ý rằng cải thiện môi trường cạnh tranh bình đẳng trong khối ngành dọc không chỉ là giảm phân biệt đối xử rõ ràng, mà còn cần tăng tính minh bạch, nhất quán và dễ dự đoán trong hướng dẫn, kiểm tra, xử lý thủ tục và phản hồi kiến nghị.

Nhìn chung, Chỉ số này cho thấy môi trường cạnh tranh bình đẳng là một điểm mạnh tương đối của khối ngành dọc, đặc biệt ở Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai. Trọng tâm cải thiện thời gian tới là công khai rõ tiêu chí tiếp cận chương trình, ưu đãi; bảo đảm nhất quán trong thực hiện thủ tục, thanh tra - kiểm tra; và tăng minh bạch trong giải quyết kiến nghị, để DN/HTX/HKD cảm nhận rõ hơn tính công bằng trong thực thi chính sách chuyên ngành..

Hỗ trợ sản xuất kinh doanh là điểm nghẽn lớn nhất

Chỉ số Hỗ trợ sản xuất kinh doanh của khối ngành dọc đạt 6,73 điểm, là chỉ số thấp nhất trong Trụ cột II và cũng là một trong những điểm nghẽn rõ nhất của khối ngành dọc. Trong ba đơn vị, Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai có điểm số 6,90 điểm, tiếp theo là Bảo hiểm xã hội tỉnh với 6,65 điểm và Chi cục Hải quan khu vực VII - Lào Cai với 6,64 điểm. Khoảng cách giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất là 0,26 điểm, cho thấy mức phân hóa không lớn, nhưng mặt bằng chung của chỉ số này còn thấp so với các chỉ số khác như chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng hay thủ tục hành chính.

Xét theo các nội dung thành phần, điểm yếu lớn nhất nằm ở mức độ tiếp cận các chương trình hỗ trợ. Chỉ 37,7% người trả lời cho biết thường xuyên hoặc luôn luôn tiếp cận được các chương trình hỗ trợ do khối cơ quan ngành dọc tổ chức; trong khi 50,4% chỉ tiếp cận thỉnh thoảng và 11,9% cho biết hiếm khi hoặc chưa biết đến. Điều này cho thấy các chương trình hỗ trợ có tồn tại, nhưng chưa đến được với DN/HTX/HKD một cách thường xuyên và ổn định. Về thủ tục để được hưởng hỗ trợ, chỉ 43,3% người trả lời đánh giá thủ tục là khá dễ dàng hoặc rất dễ dàng; 51,4% đánh giá ở mức bình thường; và 5,3% cho rằng thủ tục còn khá phức tạp hoặc không được hưởng hỗ trợ. Trong ba đơn vị, Thuế có kết quả tích cực hơn, với khoảng 51,0% đánh giá thủ tục hỗ trợ khá/rất dễ dàng, trong khi Hải quan đạt khoảng 34,7% và Bảo hiểm xã hội khoảng 39,8%. Như

vậy, vấn đề không phải là thủ tục hỗ trợ gây bất mãn mạnh, mà là thủ tục chưa đủ đơn giản, rõ ràng và hấp dẫn để DN/HTX/HKD chủ động tham gia.

Về mức độ đáp ứng nhu cầu, có 45,7% người trả lời đánh giá các chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, trong khi 50,6% đánh giá ở mức bình thường. Tỷ lệ đánh giá không hiệu quả hoặc kém hiệu quả chỉ khoảng 3,7%, cho thấy mức độ phản ánh tiêu cực không cao. Tuy nhiên, tỷ lệ “bình thường” chiếm hơn một nửa cho thấy hiệu quả hỗ trợ chưa tạo được cảm nhận rõ nét đối với phần lớn đối tượng khảo sát. Ở khối ngành dọc, mức độ biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ đạt 40,4% (nam) và 30,1% (nữ); 36,9% nhóm Kinh và 40,0% nhóm DTTS. Sự khác biệt theo dân tộc không lớn, song khoảng cách theo giới rõ hơn (10 điểm phần trăm). Tỷ lệ đánh giá tiếp cận hỗ trợ là khá/rất dễ dàng đạt 43,8% (nam), 45,3% (nữ), 44,0% (Kinh), 46,7% (DTTS); nhóm nữ DTTS đạt 50,0%; tuy nhiên các con số này cần diễn giải thận trọng do mẫu nhỏ.

Nhìn chung, Chỉ số này cho thấy điểm nghẽn của khối ngành dọc không nằm ở thủ tục hành chính hay chi phí tuân thủ, mà ở chất lượng đồng hành sau thủ tục. Các cơ quan thuế, hải quan và bảo hiểm xã hội cần chuyển từ cách hỗ trợ mang tính thông tin, hướng dẫn chung sang hỗ trợ chủ động hơn, đúng nhu cầu hơn và dễ tiếp cận hơn. Trọng tâm cải thiện là tăng truyền thông về chương trình hỗ trợ, đơn giản hóa điều kiện thụ hưởng, mở rộng tư vấn trực tiếp/ trực tuyến và theo dõi xem các hỗ trợ về thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội có thực sự giải quyết được vướng mắc của DN/HTX/HKD hay không.

Hiệu lực thể chế ở mức khá

Chỉ số Hiệu lực thể chế của khối ngành dọc đạt 7,38 điểm, thuộc nhóm khá. Trong ba đơn vị, Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai có điểm số 7,46 điểm, Bảo hiểm xã hội tỉnh với 7,42 điểm và Chi cục Hải quan khu vực VII - Lào Cai với 7,27 điểm. Khoảng cách giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất là 0,19 điểm, cho thấy mức phân hóa không lớn, nhưng Hải quan vẫn là đơn vị cần chú ý hơn ở nội dung thực thi, hướng dẫn và bảo vệ DN khi phát sinh kiến nghị.

Xét theo các nội dung thành phần, điểm tích cực nằm ở thực hiện cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật. Có khoảng 61,0% người trả lời đánh giá nội dung này khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, trong khi tỷ lệ đánh giá kém/không hiệu quả chỉ khoảng 0,8%. Kết quả này cho thấy khối ngành dọc nhìn chung duy trì được nền tảng thực thi chính sách tương đối ổn định trong các lĩnh vực có tính chuyên môn cao như thuế, hải quan và bảo hiểm xã hội.

Đối với giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khoảng 59,8% người trả lời đánh giá khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, trong khi gần 39,0% đánh giá bình thường. Tỷ lệ đánh giá tiêu cực chỉ khoảng 1,2%, cho thấy mức độ bất mãn trực tiếp không cao. Tuy nhiên,

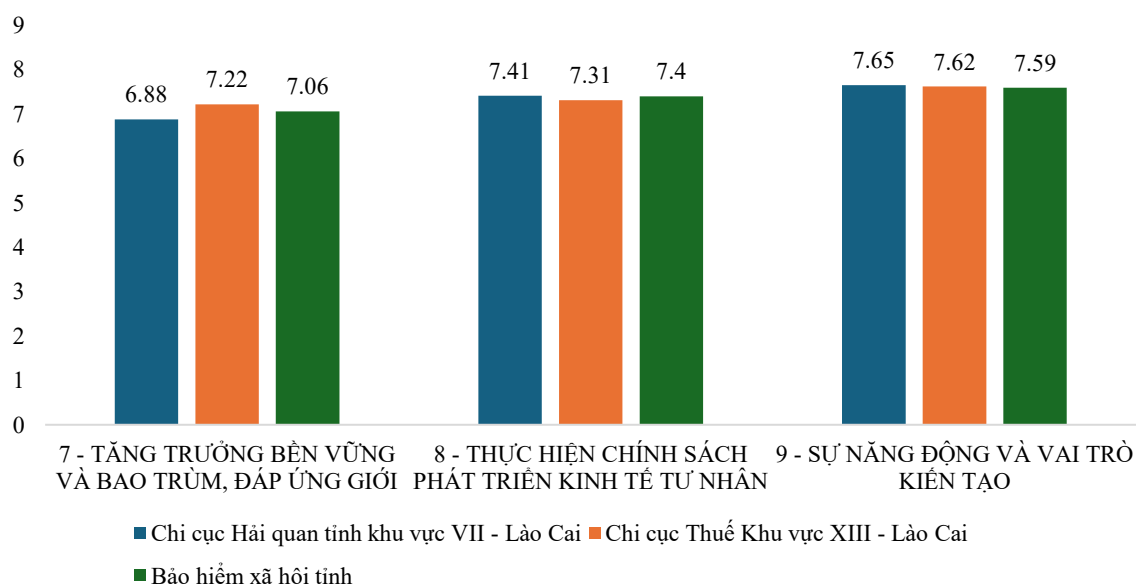
tỷ lệ “bình thường” còn lớn cho thấy quá trình xử lý kiến nghị vẫn cần đi sâu hơn vào chất lượng giải thích, tiến độ theo dõi và kết quả cuối cùng.

Nhìn chung, Chỉ số này cho thấy hiệu lực thể chế của khối ngành dọc ở mức khá nhưng chưa nổi bật. Điểm mạnh là tỷ lệ đánh giá tiêu cực thấp và nền tảng thực thi chính sách tương đối ổn định. Tuy nhiên, điểm cần cải thiện là chất lượng hướng dẫn chính sách, hiệu quả giải quyết kiến nghị và cơ chế hỗ trợ, bảo vệ DN sau khi có phản ánh. Trong thời gian tới, khối ngành dọc cần chuẩn hóa hướng dẫn theo tình huống thực tế, nâng chất lượng phản hồi, tăng theo dõi sau xử lý và cải thiện tính dễ hiểu của các quy định chuyên ngành về thuế, hải quan và bảo hiểm xã hội..

4.2.3. Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò của chính quyền

Trụ cột 3 là trụ cột đạt kết quả khá của khối ngành dọc năm 2025, với điểm trung bình chung khoảng 7,35 điểm. Trong 3 chỉ số thành phần, sự năng động và vai trò kiến tạo đạt mức cao nhất với 7,62 điểm; tiếp đến là thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân với 7,37 điểm; trong khi tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới là chỉ số thấp nhất, chỉ đạt 7,05 điểm. Kết quả này cho thấy điểm mạnh của khối ngành dọc trong trụ cột 3 tập trung chủ yếu ở thái độ điều hành, tính linh hoạt và khả năng xử lý vấn đề trong khuôn khổ pháp luật; ngược lại, các nội dung liên quan đến phát triển bao trùm, hỗ trợ nhóm yếu thế, thúc đẩy chuyển đổi số theo chiều sâu, tăng trưởng xanh và đáp ứng giới vẫn chưa tạo được cảm nhận nổi bật đối với DN.

Biểu đồ 4.5. Điểm số các chỉ số thành phần của trụ cột 3



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Sự năng động và vai trò kiến tạo là điểm sáng rõ nhất của trụ cột 3

Chỉ số sự năng động và vai trò kiến tạo của khối ngành dọc đạt 7,62 điểm, là chỉ số có kết quả cao nhất trong Trụ cột III và thuộc nhóm điểm khá tích cực. Trong ba đơn vị, Chi cục Hải quan khu vực VII - Lào Cai đạt điểm 7,65 điểm, Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai với 7,62 điểm và Bảo hiểm xã hội tỉnh với 7,59 điểm. Khoảng cách giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất chỉ 0,06 điểm, cho thấy mức đánh giá giữa các đơn vị gần như tương đồng.

Xét theo dữ liệu trả lời, điểm tích cực đầu tiên là thái độ của khối cơ quan ngành dọc đối với khu vực tư nhân. Có khoảng 71,7% người trả lời tương đối đồng ý hoặc rất đồng ý rằng thái độ của cơ quan ngành dọc đối với khu vực tư nhân là tích cực; trong đó Bảo hiểm xã hội đạt khoảng 73,5%, Thuế đạt 71,3% và Hải quan đạt 68,8%. Kết quả này cho thấy DN/HTX/HKD nhìn chung ghi nhận sự thay đổi tích cực trong cách tiếp cận và phục vụ của các cơ quan ngành dọc. Điểm tích cực khác là 69,4% người trả lời đồng ý rằng cơ quan ngành dọc thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Đây là tỷ lệ tương đối tốt, phản ánh sự thống nhất nhất định giữa định hướng cải cách của tỉnh và hoạt động của các cơ quan ngành dọc. Tuy vậy, tỷ lệ trả lời “bình thường” vẫn còn khoảng 30,6%, cho thấy dư địa cải thiện vẫn nằm ở việc làm cho các chủ trương cải cách trở nên rõ ràng, cụ thể và dễ cảm nhận hơn đối với DN/HTX/HKD.

Nhìn chung, điểm mạnh nằm ở thái độ tích cực với khu vực tư nhân, tính linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật và sự bám sát chủ trương cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh. Tuy nhiên, trọng tâm cải thiện thời gian tới cần chuyển từ thái độ tích cực sang năng lực xử lý vấn đề cụ thể, nhất là tháo gỡ vướng mắc sau đối thoại, bảo đảm tính nhất quán của hướng dẫn và theo dõi kết quả xử lý đến cùng..

Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt mức khá, nhưng chưa thật sự nổi bật ở chiều sâu hỗ trợ

Chỉ số Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân của khối ngành dọc đạt 7,37 điểm, thuộc nhóm khá. Trong ba đơn vị, Chi cục Hải quan khu vực VII - Lào Cai đạt điểm 7,41 điểm, Bảo hiểm xã hội tỉnh với 7,40 điểm và Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai với 7,31 điểm. Chênh lệch giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất chỉ 0,10 điểm, cho thấy mức độ phân hóa rất thấp; nói cách khác, các cơ quan ngành dọc có mặt bằng đánh giá gần như tương đồng ở nội dung này.

Xét theo dữ liệu trả lời, các nội dung được đánh giá tích cực hơn là cải cách, nâng cao chất lượng chính sách và bảo vệ quyền, lợi ích kinh tế tư nhân, với khoảng 62,3% người trả lời đánh giá tốt hoặc rất tốt; thúc đẩy đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và tinh thần doanh nhân đạt khoảng 61,2%; và đổi mới tư duy, tạo niềm tin cho phát triển kinh tế tư nhân đạt khoảng 60,9%. Điều này cho thấy DN/HTX/HKD ghi nhận nhất định nỗ

lực của khối ngành dọc trong thay đổi tư duy quản lý và cải thiện môi trường chính sách cho khu vực tư nhân.

Tuy nhiên, một số nội dung có mức đánh giá tích cực thấp hơn. Chỉ khoảng 53,7% người trả lời đánh giá tốt hoặc rất tốt về nội dung hình thành và phát triển các doanh nghiệp lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ; 55,0% đánh giá tích cực về tăng cường kết nối giữa DN tư nhân, DN nhà nước và DN FDI; và khoảng 56,6% đánh giá tích cực về việc tạo thuận lợi cho DN/HTX/HKD tiếp cận đất đai, vốn và nhân lực. Đây là các nội dung đòi hỏi phối hợp liên ngành và nguồn lực chính sách lớn hơn, nên chưa tạo được cảm nhận rõ nét như các nội dung về tư duy, chính sách và thái độ điều hành.

Nhìn chung, Chỉ số này cho thấy khối ngành dọc đã duy trì được nền tảng khá trong thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân, nhất là ở thay đổi tư duy, bảo vệ quyền lợi và thúc đẩy tinh thần doanh nhân. Tuy nhiên, trọng tâm cải thiện thời gian tới cần chuyển từ thông điệp chính sách sang hỗ trợ thực chất hơn cho tiếp cận nguồn lực, kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ DN nhỏ/siêu nhỏ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Đây là những nội dung có ý nghĩa trực tiếp hơn đối với khả năng phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trong thực tế.

Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới cần cải thiện mạnh mẽ

Chỉ số Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới của khối ngành dọc đạt 7,05 điểm, là một trong các chỉ số có điểm thấp hơn trong bộ chỉ số thành phần. Trong ba đơn vị, Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai đạt 7,22 điểm, Bảo hiểm xã hội tỉnh với 7,06 điểm và Chi cục Hải quan khu vực VII - Lào Cai với 6,88 điểm. Chênh lệch giữa đơn vị cao nhất và thấp nhất là 0,34 điểm, cho thấy mức phân hóa không quá lớn, nhưng Hải quan là đơn vị cần chú ý hơn ở nhóm nội dung này.

Xét theo dữ liệu trả lời, các nội dung về bao trùm và tiếp cận dịch vụ có kết quả tương đối tích cực hơn. Có khoảng 53,6% người trả lời đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ, hỗ trợ dễ hoặc rất dễ tiếp cận với người khuyết tật; 53,8% cho rằng dịch vụ/hỗ trợ phù hợp hoặc rất phù hợp với người khuyết tật. Đáng chú ý, khoảng 69,6% đánh giá khối ngành dọc đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Đây là điểm sáng tương đối của chỉ số này.

Tuy nhiên, các nội dung về tăng trưởng xanh chưa thật sự nổi bật. Chỉ khoảng 44,4% người trả lời đánh giá nỗ lực hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng là tích cực hoặc rất tích cực; 46,0% đánh giá các chương trình, hành động ưu đãi cho dự án đầu tư xanh là khá/rất hiệu quả. Tỷ lệ trả lời “bình thường” ở hai nội dung này đều trên 53%, cho thấy các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi xanh đã có nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ rõ đối với DN/HTX/HKD.

Ở nhóm nội dung về đáp ứng giới và hỗ trợ nhóm yếu thế, kết quả ở mức trung bình khá. Có khoảng 52,7% cho biết DN/HTX/HKD do phụ nữ, người khuyết tật hoặc người

dân tộc thiểu số làm chủ thường xuyên hoặc luôn được khuyến khích tham gia góp ý; nhưng chỉ khoảng 45,5% đánh giá có hoạt động thường xuyên hoặc luôn thúc đẩy vai trò lãnh đạo nữ. Hoạt động hỗ trợ nhóm yếu thế kết nối mạng lưới kinh doanh cũng mới đạt khoảng 49,8% đánh giá tích cực hoặc rất tích cực. Điều này cho thấy yếu tố bao trùm đã được ghi nhận, nhưng vẫn thiếu các hoạt động đủ cụ thể và thường xuyên.

Đối với chuyển đổi số, R&D và đổi mới sáng tạo, kết quả còn nhiều dư địa cải thiện. Khoảng 56,3% đánh giá chất lượng nền tảng số là tốt hoặc rất tốt; 52,4% cho rằng thông tin, số liệu của lĩnh vực khá dễ hoặc rất dễ tra cứu. Tuy nhiên, chỉ 41,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia các chương trình hướng dẫn chuyển đổi số, và chỉ 38,0% thường xuyên hoặc luôn được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành. Tương tự, hiệu quả hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới mô hình kinh doanh mới đạt khoảng 44,6% đánh giá khá/rất hiệu quả.

Nhìn chung, Chỉ số này cho thấy khối ngành dọc có nền tảng nhất định về đối xử bình đẳng và khả năng tiếp cận dịch vụ, nhưng các nội dung về chuyển đổi xanh, hỗ trợ nhóm yếu thế, chuyển đổi số, thương mại điện tử, R&D và đổi mới sáng tạo vẫn chưa tạo được cảm nhận mạnh. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là cụ thể hóa các chương trình hỗ trợ xanh và số hóa, tăng hỗ trợ thực chất cho DN/HTX/HKD nhỏ, nhóm do phụ nữ hoặc người yếu thế làm chủ, đồng thời chuyển các chính sách đổi mới sáng tạo từ định hướng chung sang hoạt động hướng dẫn, kết nối và hỗ trợ có thể đo lường được.

NĂNG LỰC CẠNH TRANH KHỐI NGÀNH DỤC

ĐIỂM SỐ THEO TRỤ CỘT

1  TRỤ CỘT 1 **7,49**
điểm

2  TRỤ CỘT 2 **7,23**
điểm

3  TRỤ CỘT 3 **7,35**
điểm



ĐIỂM SỐ DCCI 2025 KHỐI NGÀNH DỤC

Trung bình:

73,58 điểm

MỘT SỐ CSTP TÍCH CỰC



7,80 điểm
Chi phí tuân thủ



7,62 điểm
Sự năng động và vai
trò kiến tạo

CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN



Tăng trưởng bền
vững và bao trùm,
đáp ứng giới

7,05
điểm



Hỗ trợ sản xuất
kinh doanh

6,73
điểm

CHƯƠNG

05

KẾT QUẢ DCCI
KHỐI ĐỊA PHƯƠNG



CHƯƠNG 5. KẾT QUẢ DCCI KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

5.1. Kết quả DCCI khối địa phương

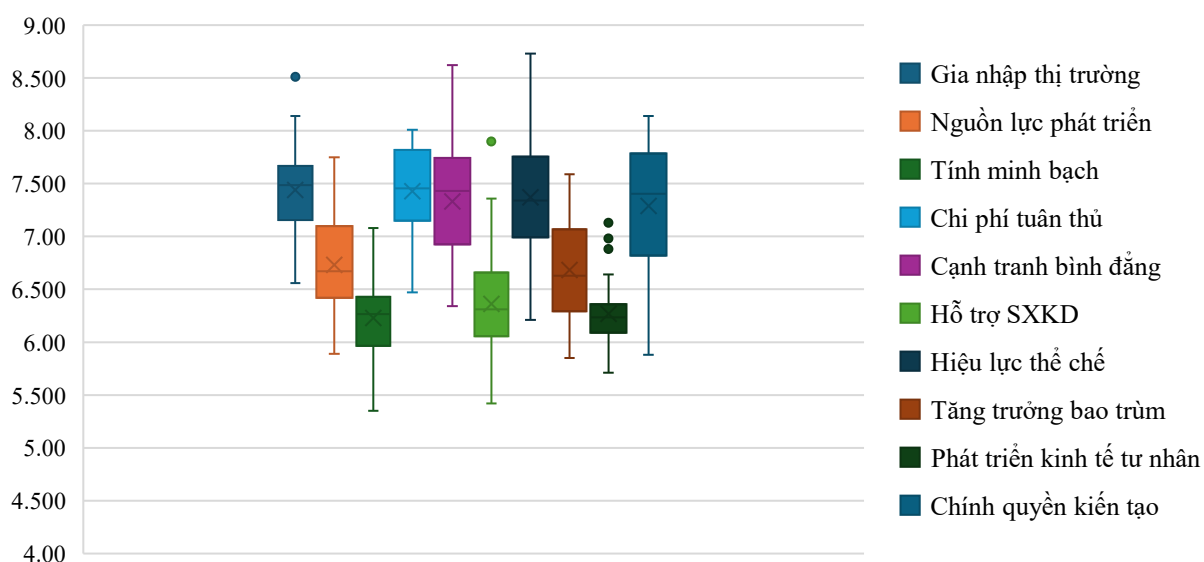
Năm 2025 là năm đầu tiên tỉnh DCCI giới thiệu thước đo thử nghiệm đánh giá DCCI cấp địa phương (xã/phường), với phạm vi khảo sát 30/99 xã, phường. Đây cũng là kỳ báo cáo đầu tiên trong giai đoạn 2 của dự án, khung phân tích mới được vận hành trên địa giới hành chính vừa thay đổi sau sáp nhập. Cần nhấn mạnh rằng, so với cấp sở, ban, ngành, kết quả chưa sử dụng để xếp hạng điểm tổng giữa các địa phương, mà hướng tới tập trung cung cấp thông tin theo các xu hướng chính của các chỉ số thành phần và trụ cột, qua đó hỗ trợ các xã, phường nhận diện rõ hơn những nội dung còn hạn chế, xác định đúng trọng tâm cải thiện và nâng cao chất lượng điều hành trong thời gian tới. Cách tiếp cận này phù hợp với đặc thù của cấp cơ sở. Đây là cấp chính quyền mà DN/HTX/HKD tiếp xúc thường xuyên nhất, cũng là nơi chất lượng điều hành được cảm nhận trực tiếp nhất thông qua trải nghiệm thực tế trong quá trình làm thủ tục, tiếp cận thông tin, phản ánh vướng mắc và nhận hỗ trợ từ chính quyền địa phương. Vì vậy, DCCI cấp xã/phường không chỉ là công cụ ghi nhận mức độ hài lòng, mà còn là công cụ chẩn đoán chất lượng thực thi ở cấp gần dân, gần cơ sở sản xuất kinh doanh nhất. Do phạm vi khảo sát mới bao phủ 30/99 xã, phường, kết quả DCCI cấp xã năm 2025 mang ý nghĩa nhận diện xu hướng và các vấn đề nổi bật hơn là cơ sở để khái quát cho toàn bộ cấp xã trong tỉnh. Một số kết quả chính trong DCCI cấp xã như sau:

- Điểm số trung bình chung DCCI cấp xã năm 2025 là 69,13 điểm, thuộc nhóm điểm trung bình khá. Mặt bằng điểm của 30 xã, phường được khảo sát dao động từ 61,11 điểm đến 76,82 điểm. Trong số này, không có địa phương nào đạt nhóm điểm tốt, 13 địa phương thuộc nhóm khá và 17 địa phương thuộc nhóm trung bình khá. Như vậy, chiếm quá nửa là các xã, phường được khảo sát hiện tập trung ở nhóm trung bình khá, cho thấy chất lượng điều hành cấp xã đã vẫn còn đang đối diện nhiều khó khăn.
- Kết quả DCCI cấp xã năm 2025 cho thấy chất lượng điều hành ở cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Lào Cai có sự phân hóa tương đối rõ. Khoảng cách giữa địa phương có điểm cao nhất và địa phương có điểm thấp nhất là 15,71 điểm, phản ánh chênh lệch đáng kể về chất lượng thực thi, mức độ thuận lợi của môi trường kinh doanh và trải nghiệm thực tế của cộng đồng DN/HTX, HKD ở cấp xã. Độ phân hóa này cho thấy cùng trong một khuôn khổ thể chế và chính sách chung, chất lượng điều hành ở cấp xã vẫn có thể rất khác nhau, chịu tác động bởi nhiều yếu tố như điều kiện địa bàn, mức độ phát triển kinh doanh, khả năng tổ chức thực hiện và năng lực của đội ngũ cán bộ trực tiếp giải quyết công việc, không chỉ là điều kiện của địa bàn.

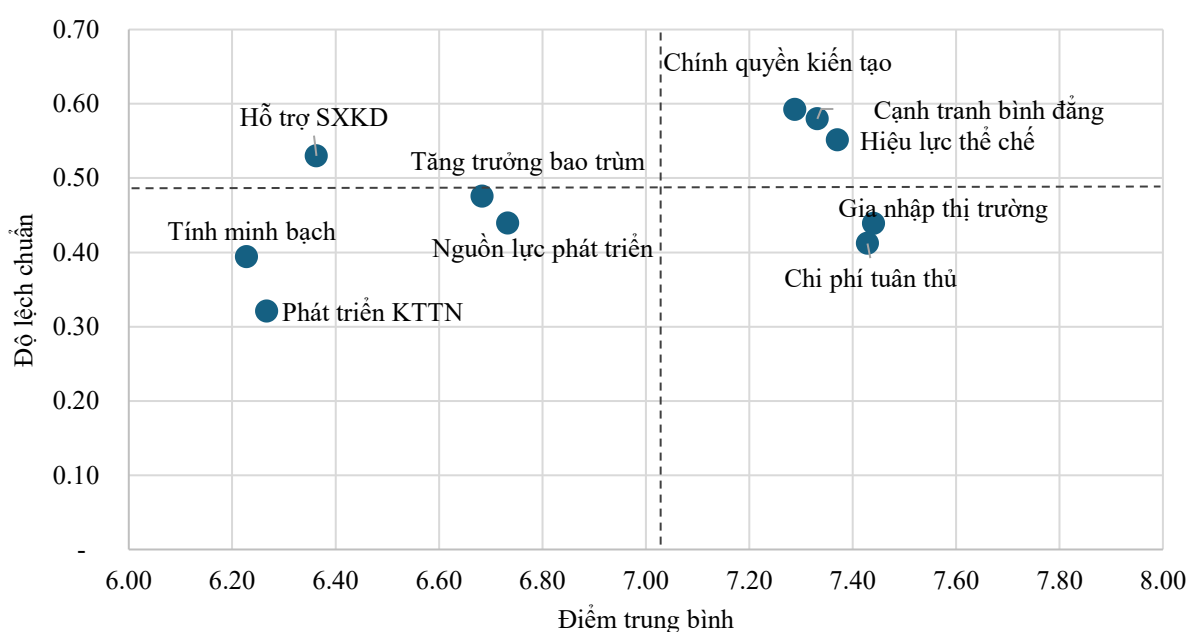
- Kết quả cho thấy điểm DCCI không nhất thiết tương quan thuận với mức độ thuận lợi của địa bàn. Các xã thuộc khu vực II và III vốn đối mặt với nhiều khó khăn hơn về hạ tầng, nguồn lực và mật độ doanh nghiệp vẫn có thể được cộng đồng DN/HTX/HKD đánh giá ở mức điểm khá, trong khi một số phường, trung tâm dừng lại ở nhóm điểm trung bình khá. Điều này phản ánh một thực trạng tương đồng với bức tranh chung trên phạm vi cả nước. Trên thực tế, các phường, xã trung tâm có khối lượng giao dịch hành chính lớn hơn và kỳ vọng của hộ kinh doanh cũng cao hơn; nếu chất lượng thực thi chưa theo kịp tốc độ gia tăng kỳ vọng đó, dễ dẫn đến tâm lý nản lòng trong cộng đồng sản xuất kinh doanh tại cơ sở. Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố có thể cải thiện theo thời gian khi bộ máy cấp xã, phường đi vào hoạt động ổn định. Ngược lại, một số xã khó khăn lại đạt điểm cao nhờ sự chủ động và tận tâm của đội ngũ cán bộ cơ sở cho thấy yếu tố con người và văn hóa phục vụ có thể tạo ra lợi thế đáng kể trong việc nâng cao chất lượng điều hành cấp xã, bất kể điều kiện địa bàn.
- Xét theo nhóm trụ cột, kết quả DCCI cấp xã năm 2025 phản ánh chất lượng điều hành ở cấp cơ sở có xu hướng tích cực hơn ở nhóm chỉ số gắn với Trụ cột 1 - môi trường kinh doanh thuận lợi như TTHC và chi phí tuân thủ, gia nhập thị trường trong khi còn hạn chế hơn ở các nội dung liên quan đến trụ cột 2 và 3 như hỗ trợ phát triển, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân kinh doanh và thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững, bao trùm.
- Kết quả khối địa phương cho thấy thách thức không chỉ nằm ở việc nâng điểm trung bình mà còn ở việc giảm thiểu khoảng cách giữa các địa phương, đặc biệt ở những chỉ số có độ phân tán lớn như Chính quyền kiến tạo, Cạnh tranh bình đẳng và Hiệu lực thể chế, là các lĩnh vực mà khoảng cách các địa phương vẫn còn lớn (2-3 điểm). Cụ thể, kết quả phân tích phân phối điểm số và ma trận cải thiện các chỉ số thành phần khối địa phương năm 2025 cho thấy bức tranh điều hành còn nhiều hạn chế, với điểm trung bình của hầu hết chỉ số chỉ dao động trong khoảng 6,20 đến 7,50, chưa có chỉ số nào đạt mức tốt. Nhìn vào phân phối điểm (biểu đồ hộp), Chi phí tuân thủ và Chính quyền kiến tạo là hai chỉ số có điểm trung vị cao nhất, song độ phân tán giữa các địa phương vẫn khá lớn, phản ánh sự không đồng đều trong thực thi. Ngược lại, Tính minh bạch, Hỗ trợ SXKD và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân có điểm trung vị thấp hơn và khoảng tứ phân vị rộng, cho thấy đây là những lĩnh vực vừa còn nhiều hạn chế vừa thiếu nhất quán giữa các địa phương. Kết hợp với ma trận cải thiện (điểm trung bình — độ lệch chuẩn), có thể phân nhóm các chỉ số theo mức độ ưu tiên can thiệp như sau. Nhóm cần ưu tiên cấp bách cải thiện gồm Hỗ trợ SXKD và Tăng trưởng bao trùm (điểm thấp và độ lệch chuẩn cao). Nhóm ưu tiên gồm Chính quyền kiến tạo và Cạnh tranh bình đẳng (điểm trung bình tương đối khá nhưng độ lệch chuẩn rất cao, cho thấy có địa phương làm tốt nhưng cũng có địa phương còn nhiều khó khăn). Nhóm cải cách đồng bộ gồm: Phát triển kinh tế tư nhân và Tính minh

bạch, trách nhiệm giải trình, nguồn lực phát triển (điểm thấp, độ lệch chuẩn nhỏ), phản ánh tình trạng yếu kém mang tính hệ thống, cần giải pháp cải cách đồng bộ trên toàn tỉnh thay vì can thiệp cục bộ.

Biểu đồ 5.1. Phân phối điểm số các chỉ số thành phần của khối địa phương



Biểu đồ 5.2. Ma trận cải thiện chỉ số thành phần khối địa phương



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

5.2. Kết quả DCCI khối địa phương theo trụ cột

5.2.1. Trụ cột 1: Môi trường kinh doanh thuận lợi

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của khối địa phương Lào Cai đạt khoảng 6,96 điểm, phản ánh chất lượng điều hành cấp xã/phường ở nhóm nội dung nền tảng còn ở mức trung bình khá và chưa đồng đều. Trong trụ cột này, các xã/phường được đánh giá tích cực hơn ở những nội dung mang tính quy trình như thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường và chi phí tuân thủ. Điều này cho thấy cấp cơ sở bước đầu duy trì được khả năng tiếp nhận, xử lý thủ tục và giảm gánh nặng tuân thủ cho DN/HTX/HKD. Tuy nhiên, điểm hạn chế rõ hơn của Trụ cột 1 nằm ở các nội dung đòi hỏi năng lực hỗ trợ và giải trình sâu hơn. Kết quả này cho thấy DN/HTX/HKD chưa cảm nhận rõ sự thuận lợi trong tiếp cận thông tin, nguồn lực, chính sách hỗ trợ, cũng như khả năng phản hồi và giải thích của chính quyền cơ sở khi phát sinh vướng mắc.

Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường được đánh giá khá tích cực

Trong 05 năm trở lại đây, cải cách thủ tục hành chính (TTHC) đã trở thành một trong những ưu tiên trọng tâm của Chính phủ nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Thực hiện chủ trương đó, các bộ, ngành đã triển khai chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 68/NQ-CP cho giai đoạn 2020–2025 và Nghị quyết số 66/NQ-CP cho giai đoạn từ năm 2025 trở đi. Trong giai đoạn 2020–2025, hàng nghìn quy định về kinh doanh đã được bãi bỏ hoặc đơn giản hóa, góp phần cắt giảm đáng kể chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Bước sang năm 2025, Chính phủ tiếp tục triển khai quyết liệt các hoạt động cắt giảm và đơn giản hóa TTHC theo định hướng đổi mới, thực chất và hiệu quả hơn⁵.

Hiệu quả của việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính không chỉ phụ thuộc vào chủ trương, chính sách mà còn phụ thuộc rất lớn vào chất lượng thực thi tại cơ sở. Trên phương diện đó, DCCI là một kênh đo lường quan trọng, phản ánh mức độ mà những nỗ lực cải cách đã thực sự được cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh cảm nhận trong thực tiễn. Dữ liệu khảo sát DCCI Lào Cai 2025 về khâu thực thi thực hiện TTHC, cấp phép, gia nhập thị trường tại các địa phương thuộc tỉnh Lào Cai cho thấy một bức tranh chuyển biến tích cực, phản ánh phần nào nỗ lực thực thi của chính quyền địa phương trong thời gian vừa qua. Chỉ số thực hiện thủ tục hành chính, cấp phép gia nhập thị trường của khối địa phương Lào Cai đạt 7,44 điểm, là một trong những chỉ số có kết quả tích cực trong Trụ cột 1. Mặc dù vậy, điểm số giữa các xã/phường dao động từ 6,56 đến 8,51 điểm, đồng nghĩa chất lượng thực hiện thủ tục hành chính ở cấp cơ sở nhìn chung khá tích cực, nhưng vẫn có sự khác biệt đáng kể giữa các địa bàn.

⁵ VCCI, “Báo cáo dòng chảy Pháp luật kinh doanh 2025”

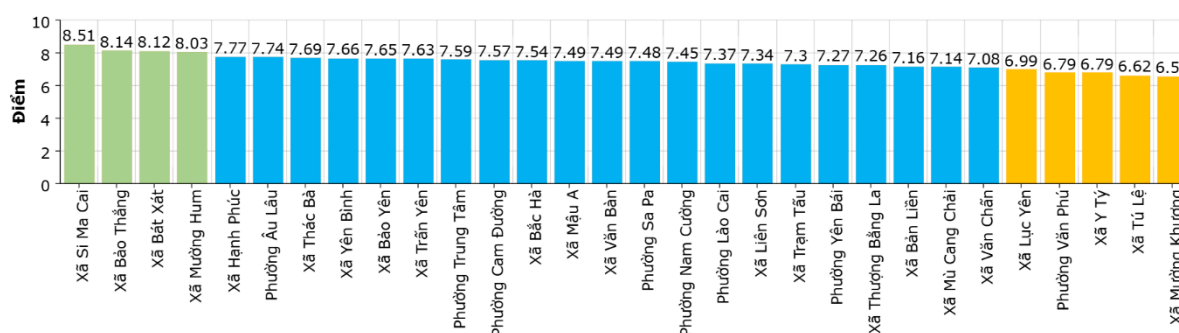
Kết quả khảo sát cho thấy điểm mạnh rõ nhất nằm ở tiến độ xử lý thủ tục. Có khoảng 96,9% DN/HTX/HKD cho biết thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động là đúng quy định hoặc nhanh hơn quy định; tỷ lệ này là khoảng 96,6% đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện. Bên cạnh đó, khoảng 86,2% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải sửa đổi, bổ sung 1 lần. Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy phần lớn xã/phường đã duy trì được kỷ luật xử lý hồ sơ và không tạo ra gánh nặng quá lớn ở khâu hoàn thiện thủ tục. Tuy nhiên, chất lượng hướng dẫn thủ tục vẫn còn dư địa cải thiện. Chỉ khoảng 56,6% người trả lời đánh giá khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn trình tự, hồ sơ thủ tục hành chính; trong khi 40,6% đánh giá ở mức bình thường. Điều này cho thấy tỷ lệ không hài lòng không cao, nhưng mức độ hài lòng thực chất chưa thật sự nổi bật. Nói cách khác, thủ tục có thể được xử lý đúng hạn, nhưng việc hướng dẫn ban đầu vẫn chưa đủ rõ, dễ hiểu hoặc nhất quán ở một số địa phương.

Theo đánh giá của nhóm nam/nữ HKD làm chủ, tỷ lệ đánh giá tích cực (khá hài lòng + rất hài lòng) đạt 56,9% đối với DN/HTX/HKD do nam làm chủ và 55,5% đối với DN/HTX/HKD do nữ làm chủ. Theo dân tộc, tỷ lệ này là 59,1% đối với DN/HTX/HKD do người Kinh làm chủ và 44,7% đối với DN/HTX/HKD do người dân tộc thiểu số làm chủ. Đối với nhóm DN/HTX/HKD do nữ là người dân tộc thiểu số làm chủ, tỷ lệ đánh giá tích cực chỉ đạt 43,0%, thấp hơn nhóm nữ dân tộc Kinh (58,8%) và thấp hơn cả nhóm nam DTTS (47,4%), phản ánh tính giao thoa bất lợi rõ rệt ở nhóm này. Thực tế cho thấy các cơ sở ở xa trung tâm xã, các bản vùng cao, ít quen thao tác hành chính, hoặc gặp rào cản ngôn ngữ khi làm việc với cơ quan nhà nước vẫn gặp khó khăn hơn. Đặc biệt, trong bối cảnh tỉnh vừa sáp nhập và một số xã/phường vừa được thành lập mới, việc làm quen với địa giới hành chính mới, đầu mối cán bộ mới và quy trình mới cũng tạo ra thêm khoảng cách tiếp cận cho các nhóm đã chịu nhiều rào cản từ trước.

Về thời gian hoàn thành toàn bộ thủ tục để chính thức đi vào hoạt động, khoảng 81,7% DN/HTX/HKD cho biết hoàn thành trong vòng 15 ngày, và khoảng 96,2% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Tỷ lệ phải chờ trên 1 tháng chỉ khoảng 3,8%, cho thấy thời gian chờ nhìn chung không phải là điểm nghẽn lớn. Tuy vậy, vẫn có khoảng 9,6% người trả lời đồng ý rằng khó khăn khi thực hiện thủ tục khiến họ phải trì hoãn hoặc hủy kế hoạch kinh doanh; đồng thời gần 60% chọn mức “bình thường”, phản ánh cảm nhận về mức độ thuận lợi chưa thật sự rõ ràng ở một bộ phận lớn đối tượng khảo sát.

Nhìn chung, công tác triển khai thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường cấp xã/phường của Lào Cai được thực hiện khá tốt, thể hiện qua đánh giá của cộng đồng DN/HTX/HKD năm vừa qua. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số vùng trũng ở chất lượng hướng dẫn ban đầu, tính nhất quán trong yêu cầu hồ sơ, khả năng giảm số lần bổ sung hồ sơ và mức độ thuận tiện thực tế đối với DN/HTX/HKD. Trọng tâm thời gian tới là chuẩn hóa hướng dẫn thủ tục, công khai rõ quy trình và mẫu hồ sơ, đồng thời hỗ trợ tốt hơn các trường hợp hồ sơ phức tạp hoặc liên quan đến nhiều lĩnh vực.

Biểu đồ 5.3. Điểm số thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Tiếp cận nguồn lực phát triển vẫn còn hạn chế

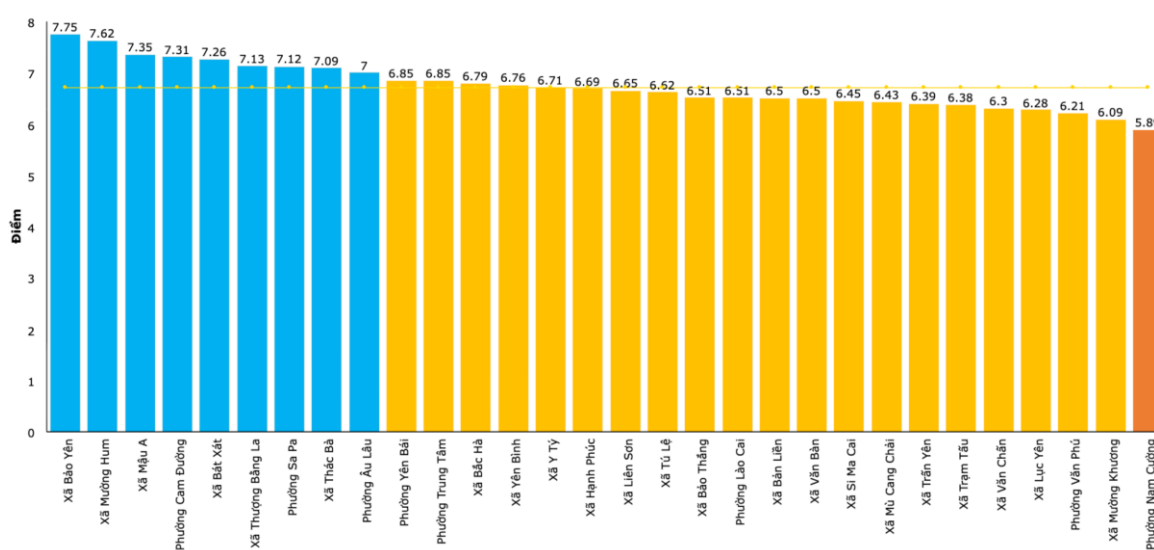
Tiếp cận nguồn lực phát triển của khối địa phương Lào Cai đạt 6,73 điểm, thấp hơn đáng kể so với chỉ số thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường. Đây là chỉ số phản ánh khả năng của chính quyền cấp xã/phường trong hỗ trợ DN/HTX/HKD tiếp cận các điều kiện cần thiết cho sản xuất kinh doanh như thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng, chính sách hỗ trợ và cơ hội phát triển tại địa bàn. Theo kết quả của 30 xã/phường được khảo sát, điểm số của chỉ số này dao động từ 5,89 đến 7,75 điểm, với mức chênh lệch 1,86 điểm. Nhóm địa phương có kết quả cao hơn gồm xã Bảo Yên, xã Mường Hum, xã Mậu A, phường Cam Đường, xã Bát Xát, xã Thượng Bằng La, phường Sa Pa, xã Thác Bà và phường Âu Lâu. Đây là những địa phương có điểm từ 7,00 điểm trở lên, cho thấy DN/HTX/HKD tại các địa bàn này có cảm nhận tích cực hơn về khả năng tiếp cận thông tin, nguồn lực và điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh. Nhóm ở quanh mặt bằng chung gồm phường Yên Bái, phường Trung Tâm, xã Bắc Hà, xã Yên Bình, xã Y Tý, xã Hạnh Phúc, xã Liên Sơn và xã Tú Lệ, với điểm dao động từ 6,62 đến 6,85 điểm. Đây là nhóm chưa quá thấp nhưng cũng chưa tạo được lợi thế rõ rệt về tiếp cận nguồn lực. Trong khi đó, nhóm có kết quả thấp hơn gồm xã Bảo Thắng, phường Lào Cai, xã Bản Liên, xã Văn Bàn, xã Si Ma Cai, xã Mù Cang Chải, xã Trại Tầu, xã Văn Chấn, xã Lục Yên, phường Văn Phú, xã Mường Khương, xã Trấn Yên và phường Nam Cường.

Dữ liệu khảo sát cũng cho thấy điểm nghẽn chính nằm ở tiếp cận thông tin quy hoạch, đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh. Chỉ khoảng 29% người trả lời đánh giá việc tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; và chỉ khoảng 26,0% đánh giá việc tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi. Các tỷ lệ này khá thấp, cho thấy hạn chế không chỉ nằm ở nguồn lực thực tế, mà còn ở cách thông tin được công khai, hướng dẫn và kết nối tới DN/HTX/HKD. Điểm số trung bình của chỉ số này ở nhóm nam giới làm chủ là 6,78 điểm và nữ làm chủ là 6,69 điểm. Điểm do dân tộc Kinh làm chủ là 6,72 điểm, dân tộc khác làm chủ là 6,7 điểm, không có sự chênh lệch lớn. Tuy nhiên, kết quả này vẫn cần được đọc cùng với các rào cản thực tế mà phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa hoặc phụ nữ dân

tộc thiểu số, có thể gặp phải trong quá trình tiếp cận đất đai và thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến đất đai. Các rào cản này thường không nằm ở sự phân biệt đối xử công khai trong quy trình, mà nằm ở điều kiện tiếp cận thực tế như Phụ nữ làm chủ cơ sở kinh doanh, nhất là nhóm ít có điều kiện tham gia các mạng lưới kinh doanh chính thức, có thể gặp khó hơn trong việc nắm bắt thông tin sớm, hiểu đúng quy định và biết cần liên hệ đầu mối nào để được hướng dẫn. trong nhiều trường hợp, quyền kiểm soát tài sản, giấy tờ đất đai hoặc quyết định đầu tư mặt bằng sản xuất kinh doanh trong hộ gia đình vẫn chịu ảnh hưởng của quan hệ gia đình và chuẩn mực xã hội, làm giảm mức độ chủ động của phụ nữ.

Nhìn chung, tiếp cận nguồn lực phát triển là một trong những nội dung tạo ra sự phân hóa rõ giữa các xã/phường. Các địa phương có điểm cao hơn thường có lợi thế hơn về khả năng cung cấp thông tin, hướng dẫn và kết nối nguồn lực tại địa bàn. Ngược lại, các địa phương có điểm thấp hơn cần được hỗ trợ nhiều hơn về công khai thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng, chương trình hỗ trợ và cơ hội kinh doanh. Trọng tâm cải thiện thời gian tới là tăng vai trò của xã/phường như đầu mối hướng dẫn ban đầu, giúp DN/HTX/HKD biết cần tiếp cận thông tin ở đâu, liên hệ cơ quan nào và chuẩn bị điều kiện gì để khai thác nguồn lực phát triển tại địa phương.

Biểu đồ 5.4. Điểm số chỉ số tiếp cận nguồn lực



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cần tiếp tục cải thiện

Chỉ số tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của khối địa phương Lào Cai đạt 6,23 điểm, là chỉ số thấp nhất trong Trụ cột 1. Điểm số của 30 xã/phường dao động từ 5,35 đến 7,08 điểm, cho thấy minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình là nội dung còn phân hóa khá rõ giữa các địa phương. Nhóm địa phương có kết quả cao hơn gồm xã Bảo Yên, xã Mường Hum, phường Âu Lâu, xã Bát Xát, xã Thượng Bằng La và xã Mậu

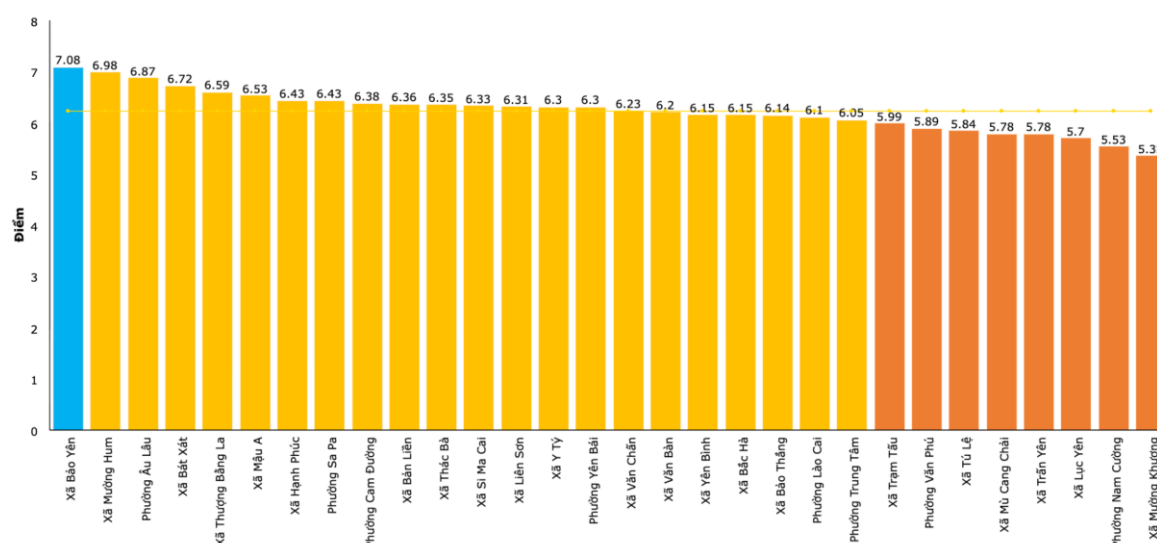
A; trong khi nhóm có điểm thấp hơn gồm xã Mường Khương, phường Nam Cường, xã Lục Yên, xã Trấn Yên, xã Mù Cang Chải, xã Tú Lệ, phường Văn Phú và xã Trạm Tấu.

Dữ liệu khảo sát cho thấy điểm yếu nổi bật nằm ở khả năng tiếp cận thông tin và cơ chế tham vấn. Chỉ khoảng 41,9% DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách và chương trình hỗ trợ là dễ hoặc rất dễ. Đặc biệt, chỉ khoảng 18,4% hộ kinh doanh cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia các hoạt động đối thoại, tham vấn về chính sách, quy hoạch và kế hoạch phát triển tại địa phương. Tỷ lệ này còn thấp hơn ở các nhóm yếu thế, chỉ đạt 15,9% đối với phụ nữ và 16,0% đối với hộ kinh doanh do người dân tộc thiểu số làm chủ. Kết quả này cho thấy mức độ tham gia của cộng đồng kinh doanh vào các hoạt động tham vấn và đối thoại chính sách tại cấp xã, phường vẫn còn khá hạn chế. Đồng thời, cũng gợi mở rằng các cơ chế trao đổi thông tin hai chiều giữa chính quyền và khu vực kinh doanh chưa tiếp cận được đầy đủ tới các nhóm yếu thế, đặc biệt là phụ nữ và phụ nữ dân tộc thiểu số.

Đối với việc giải quyết phản hồi, khuyến nghị, khoảng 70,2% người trả lời cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị, góp ý hoặc phản ánh, đây là chỉ tiêu tương đối tích cực. Tuy nhiên, chỉ khoảng một nửa số phản hồi được DN/HTX/HKD đánh giá là thỏa đáng. Điều này đặt ra câu hỏi: gần 30% kiến nghị còn lại khi nào sẽ được phản hồi, và đối với khoảng một nửa số trường hợp đã nhận được phản hồi nhưng chưa hài lòng, các vướng mắc sẽ tiếp tục được xử lý như thế nào và trong khung thời gian bao lâu. Dễ dàng nhận thấy, vẫn tồn tại khoảng cách giữa việc tiếp nhận, phản hồi và giải quyết dứt điểm vấn đề. Do đó, cần quan tâm không chỉ đến tỷ lệ phản hồi mà còn đến hiệu quả xử lý cuối cùng và khả năng theo dõi kiến nghị đến khi được giải quyết thỏa đáng.

Nhìn chung, chỉ số này cho thấy điểm nghẽn của cấp xã/phường không chỉ nằm ở việc có công khai thông tin hay không, mà ở việc thông tin có dễ tìm, dễ hiểu, kịp thời và hữu ích đối với DN/HTX/HKD hay không, các kiến nghị có được phản hồi/giải trình thỏa đáng hay không. Thời gian tới, các xã/phường cần ưu tiên công khai rõ hơn thủ tục, quy hoạch, chính sách hỗ trợ; tăng đối thoại định kỳ với khu vực kinh doanh trong đó có phụ nữ, phụ nữ DTTS làm chủ, chuẩn hóa kênh tiếp nhận và phản hồi kiến nghị; đồng thời nâng trách nhiệm giải trình trong các vấn đề liên quan đến đất đai, xây dựng, môi trường, kinh doanh và dịch vụ công tại địa bàn.

Biểu đồ 5.5. Điểm số tính minh bạch và trách nhiệm giải trình



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Cắt giảm chi phí tuân thủ là điểm sáng của Trụ cột 1

Chỉ số chi phí tuân thủ của khối địa phương Lào Cai đạt 7,43 điểm, là một trong những chỉ số có kết quả tích cực trong Trụ cột 1. Điểm số của 30 xã/phường dao động từ 6,47 đến 8,01 điểm, cho thấy mặt bằng chung khá tốt nhưng vẫn có sự khác biệt giữa các địa bàn. Nhóm địa phương có kết quả cao hơn gồm xã Bảo Yên, xã Bát Xát, phường Nam Cường, phường Yên Bái, xã Thượng Bằng La, phường Âu Lâu, xã Yên Bình, phường Cam Đường và xã Hạnh Phúc. Trong khi đó, nhóm có điểm thấp hơn gồm xã Lục Yên, xã Tú Lệ, xã Mường Khương, xã Văn Chấn, xã Trấn Yên, phường Sa Pa và phường Văn Phú.

Xét theo dữ liệu trả lời, điểm tích cực là phần lớn HKD không đánh giá chi phí tuân thủ là gánh nặng quá lớn. Một điểm mạnh là hoạt động thanh tra, kiểm tra nhìn chung chưa tạo áp lực lớn. Các chỉ tiêu liên quan đến số lần thanh tra, số lần kiểm tra và mức độ trùng lặp nội dung giữa các đoàn thanh tra, kiểm tra đều có điểm khá cao; trong đó, nội dung về số lần thanh tra đạt 8,32 điểm, mức độ trùng lặp đạt 8,12 điểm, và số lần kiểm tra đạt 7,87 điểm. Theo dữ liệu khảo sát, khoảng 75,8% người trả lời cho rằng nội dung thanh tra, kiểm tra là ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Điều này cho thấy tình trạng chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra ở cấp xã/phường nhìn chung không phải là điểm nghẽn lớn.

Về chi phí không chính thức, kết quả cũng tương đối tích cực nhưng chưa thật sự triệt để. Khoảng 60,8% người trả lời cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện thủ tục hành chính là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có. Các chỉ tiêu liên quan đến chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC, trong thanh tra - kiểm tra và trong lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ đều đạt trên 7,6 điểm. Tuy vậy, tỷ lệ khoảng

60% cũng cho thấy vẫn còn một bộ phận DN/HTX/HKD chưa đánh giá thật sự rõ ràng rằng chi phí ngoài quy định đã được loại bỏ.

Điểm yếu đáng chú ý nhất nằm ở trải nghiệm TTHC trực tuyến. Chỉ khoảng 33% người trả lời đánh giá việc thực hiện TTHC trực tuyến là dễ hoặc rất dễ. Đây là tỷ lệ thấp, cho thấy chuyển đổi số ở cấp xã/phường chưa tạo được trải nghiệm thuận lợi rõ nét cho DN/HTX/HKD. Nói cách khác, dù thời gian xử lý và chi phí tuân thủ nhìn chung được kiểm soát, việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến vẫn còn khó với một bộ phận đáng kể đối tượng khảo sát. Kết quả khảo sát ban đầu cho thấy quá trình chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công ở cấp xã, phường tại Lào Cai đang đứng trước nguy cơ hình thành hai dạng khoảng cách số. Thứ nhất là khoảng cách giữa các địa phương, thể hiện qua các phường trung tâm như phường Âu Lâu, phường Yên Bái, xã Bát Xát, xã Bảo Yên... HKD đánh giá việc thực hiện TTHC trực tuyến tích cực hơn so với các địa phương còn lại, đặc biệt so với các xã vùng sâu, vùng xa. Thứ hai là khoảng cách giữa các nhóm sử dụng dịch vụ, khi những người có kỹ năng số tốt và điều kiện tiếp cận công nghệ thuận lợi dễ dàng hưởng lợi từ các dịch vụ công trực tuyến hơn, trong khi người cao tuổi, người dân tộc thiểu số vẫn gặp nhiều rào cản trong quá trình sử dụng.

Thông qua kết quả phỏng vấn định tính, khảo sát DCCI thống kê 5 rào cản chủ yếu đang tồn tại khi thực hiện TTHC trực tuyến tại các địa phương. Thứ nhất, hạn chế về kỹ năng và hiểu biết công nghệ thông tin là rào cản phổ biến nhất (26,5% các câu trả lời định tính), biểu hiện đa dạng “không biết thao tác, phải “mò” từng bước, hay nhầm lẫn sai sót, không quen với ứng dụng, không được hướng dẫn”. Thứ hai, rào cản về độ tuổi (17,6%), chủ yếu tập trung ở nhóm chủ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh lớn tuổi, những người gặp nhiều hạn chế hơn trong việc tiếp cận và sử dụng công nghệ số (thị lực, phản xạ). Thứ ba, các vấn đề về hạ tầng kỹ thuật (10,3%) như “mạng không ổn định, đường truyền chậm/lag, lỗi hệ thống, khó đồng bộ dữ liệu, ứng dụng bị lỗi” làm ảnh hưởng đến trải nghiệm của người dùng. Thứ tư, sự phức tạp của quy trình và thủ tục trực tuyến (7,4%), với nhiều bước thực hiện, yêu cầu kê khai hoặc tải lên hồ sơ chưa thực sự thuận tiện, làm gia tăng chi phí thời gian và công sức cho doanh nghiệp. Cuối cùng, một bộ phận doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh vẫn có xu hướng ưu tiên thực hiện thủ tục trực tiếp do thói quen hoặc mong muốn được hướng dẫn, hỗ trợ ngay trong quá trình xử lý hồ sơ.

Bảng 5.1. Rào cản thực hiện TTHC trực tuyến

Nhóm khó khăn	Tỷ lệ
Kỹ năng & hiểu biết về CNTT	26,5%
Rào cản tuổi tác	17,6%
Hạ tầng kỹ thuật yếu (mạng, thiết bị, hệ thống lỗi)	10,3%
Thủ tục phức tạp, quy trình khó khăn	7,4%
Chưa từng thực hiện / chưa có ý định thực hiện	2,9%

Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Đáng chú ý, chỉ có 28% hộ kinh doanh do người dân tộc thiểu số làm chủ đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến là tương đối dễ dàng, thấp hơn mức trung bình chung của toàn bộ mẫu khảo sát. Kết quả này cho thấy nhóm hộ kinh doanh dân tộc thiểu số đang gặp nhiều thách thức hơn trong quá trình tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến. Trong số các rào cản được ghi nhận, hạn chế về kỹ năng và hiểu biết công nghệ thông tin, cùng với sự phức tạp của thủ tục và quy trình thực hiện, là những trở ngại nổi bật nhất. Điều này hàm ý rằng khoảng cách số vẫn đang hiện hữu và có nguy cơ trở thành một dạng rào cản mới trong tiếp cận dịch vụ công nếu quá trình chuyển đổi số không được thiết kế theo hướng bao trùm. Việc đẩy mạnh số hóa thủ tục hành chính cần đi đôi với các giải pháp hỗ trợ nâng cao năng lực số cho các nhóm yếu thế, đơn giản hóa quy trình và duy trì các kênh hỗ trợ phù hợp. Mục tiêu không chỉ là gia tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến mà còn bảo đảm rằng quá trình chuyển đổi số không vô tình làm gia tăng bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ công, hay nói rộng khoảng cách số giữa các nhóm và chủ thể kinh doanh. Những kết quả này cho thấy chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công không chỉ là câu chuyện về công nghệ mà còn đòi hỏi các giải pháp đồng bộ ưu tiên đào tạo và hỗ trợ kỹ năng số cho DN/HTX/HKD, cải thiện hạ tầng số và đơn giản hóa giao diện/quy trình trực tuyến.

Nhìn chung, Chỉ số này cho thấy chi phí tuân thủ ở cấp xã/phường được kiểm soát tương đối tốt, nhất là ở các nội dung về thanh tra, kiểm tra, hạn chế trùng lặp và chi phí không chính thức. Tuy nhiên, điểm cần cải thiện là rút ngắn thời gian xử lý theo hướng tạo cảm nhận nhanh hơn, nâng chất lượng phục vụ, đơn giản hóa thủ tục trực tuyến và tiếp tục kiểm soát dư địa phát sinh chi phí ngoài quy định. Trọng tâm thời gian tới là chuẩn hóa quy trình phục vụ giữa các xã/phường, hỗ trợ người dân và cơ sở kinh doanh sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đồng thời duy trì kiểm soát tốt hoạt động thanh tra, kiểm tra để giảm gánh nặng tuân thủ cho DN/HTX/HKD.

5.2.2. Trụ cột 2: Thúc đẩy cạnh tranh

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của khối địa phương Lào Cai đạt khoảng 7,02 điểm, cho thấy chất lượng điều hành cấp xã/phường ở nhóm nội dung này ở mức trung bình khá. Trong trụ cột này, hiệu lực thể chế đạt 7,37 điểm và môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,33 điểm, phản ánh chính quyền cơ sở được đánh giá tương đối tích cực hơn ở việc thực thi quy định, giải quyết phản ánh và duy trì sự công bằng trong tiếp cận thông tin, thủ tục và cơ hội kinh doanh. Tuy nhiên, điểm nghẽn rõ nhất là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ đạt 6,36 điểm, thấp hơn đáng kể so với hai chỉ số còn lại. Kết quả này cho thấy cấp xã/phường đang làm tốt hơn ở vai trò thực thi và bảo đảm tính công bằng, nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ rõ về sự đồng hành, hỗ trợ thực chất cho DN/HTX/HKD trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là tăng khả năng kết nối chính sách hỗ trợ, hướng dẫn thủ tục thụ hưởng, hỗ trợ hộ kinh doanh và HTX tiếp cận thị trường, vốn, mặt bằng, chuyển đổi số và các chương trình phát triển kinh tế tại địa bàn.

Môi trường cạnh tranh bình đẳng được duy trì ở mức khá

Chỉ số môi trường cạnh tranh bình đẳng của khối địa phương Lào Cai đạt 7,33 điểm, thuộc nhóm chỉ số có kết quả ở mức khá trong Trụ cột 2. Nhìn tổng thể, phần lớn doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh đánh giá môi trường kinh doanh ở cấp xã, phường tương đối công bằng, các chủ thể kinh doanh nhìn chung có cơ hội tiếp cận các nguồn lực và cơ hội kinh doanh mà không chịu sự phân biệt đáng kể về loại hình hay nguồn gốc sở hữu. Tuy nhiên, khi đi sâu vào từng lĩnh vực và chỉ tiêu cụ thể, vẫn xuất hiện một số dấu hiệu cho thấy nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng chưa được thực hiện đồng đều giữa các địa bàn.

Điểm số của 30 xã/phường dao động từ 6,34 đến 8,62 điểm, với mức chênh lệch 2,28 điểm, cảm nhận của HKD về tính công bằng trong môi trường kinh doanh có sự phân hóa khá rõ giữa các địa bàn. Nhóm địa phương có kết quả cao hơn gồm xã Mường Hum, xã Văn Chấn, xã Hạnh Phúc, xã Thượng Bằng La, phường Âu Lâu, xã Mậu A, xã Bảo Thắng, xã Trạm Tấu, phường Sa Pa, xã Bát Xát và phường Yên Bái. Ngược lại, nhóm có điểm thấp hơn gồm xã Mường Khương, xã Lục Yên, xã Tú Lệ, xã Mù Cang Chải, xã Văn Bàn, xã Liên Sơn và phường Văn Phú. Kết quả này cho thấy môi trường cạnh tranh bình đẳng không phải là điểm yếu lớn nhất của cấp xã/phường, nhưng mức độ công bằng trong cảm nhận của khu vực kinh doanh vẫn chưa đồng đều giữa các địa phương.

Dữ liệu trả lời cho thấy các nội dung liên quan đến đối xử công bằng trong thực thi công vụ có kết quả tương đối tích cực. Có khoảng 59,1% người trả lời đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính là công bằng; khoảng 58,0% đánh giá công tác thanh tra, kiểm tra công bằng; và khoảng 57,0% cho rằng việc giải quyết kiến nghị, phản ánh được thực hiện công bằng, không phân biệt đối xử. Tỷ lệ đánh giá tiêu cực ở các nội dung này tương đối thấp, thường chỉ khoảng 0,3%–1,0%. Điều này cho thấy phần lớn DN/HTX/HKD không phản ánh sự phân biệt đối xử rõ rệt trong quá trình tiếp xúc với chính quyền cấp xã/phường.

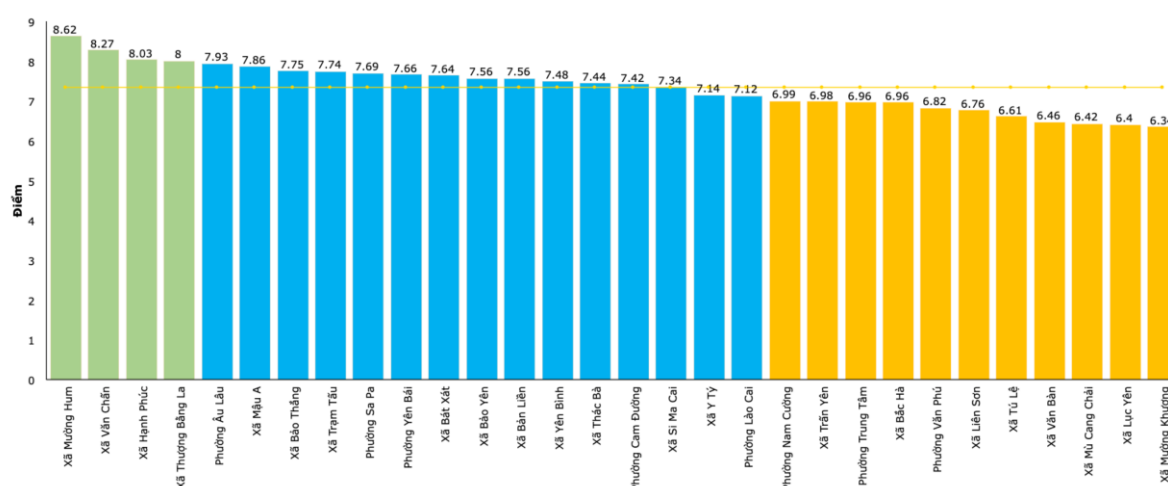
Ở nhóm nội dung về chương trình, hành động của xã/phường, khoảng 50,2% người trả lời đồng ý rằng các chương trình, hành động được thực thi bình đẳng giữa các khu vực DN/HTX/HKD, trong khi 49,2% đánh giá bình thường. Đối với sự bình đẳng giữa cơ sở do nam và nữ làm chủ, tỷ lệ đánh giá tích cực cao hơn, đạt khoảng 56,9%, nhưng vẫn có 42,7% đánh giá bình thường. Như vậy, các chương trình, hành động hỗ trợ nhìn chung không bị đánh giá tiêu cực, nhưng mức độ công bằng và dễ tiếp cận vẫn cần được thể hiện rõ hơn trong thực tế.

Điểm cần chú ý nhất nằm ở nhận định tiêu cực về việc tiếp cận nguồn lực kinh tế chưa thực sự công bằng, thường thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Có khoảng 33,4% người trả lời tương đối đồng ý hoặc rất đồng ý với nhận định này; chỉ khoảng 10,6% không đồng ý, trong khi 56,0% chọn mức bình thường. Đây là

tín hiệu cần quan tâm, vì dù không thể kết luận có tình trạng phân biệt đối xử phổ biến, nhưng cảm nhận về rủi ro “quan hệ quen biết” trong tiếp cận hợp đồng, đất đai, cơ hội kinh doanh hoặc nguồn lực địa phương vẫn còn tồn tại ở một bộ phận đáng kể HKD.

Nhìn chung, Chỉ số 5 cho thấy cấp xã/phường của Lào Cai có nền tảng tương đối tốt về đối xử công bằng trong thủ tục, thanh tra, kiểm tra và giải quyết kiến nghị, nhưng điểm nghẽn nằm ở tính minh bạch trong tiếp cận nguồn lực và mức độ rõ ràng của các tiêu chí phân bổ cơ hội, chính sách và hỗ trợ. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là công khai rõ tiêu chí tiếp cận chương trình hỗ trợ, đất đai, mặt bằng, hợp đồng, cơ hội kinh doanh và các nguồn lực tại địa bàn; đồng thời chuẩn hóa quy trình giải quyết kiến nghị, thanh tra, kiểm tra để DN/HTX/HKD cảm nhận rõ hơn sự công bằng trong thực thi chính sách ở cấp cơ sở.

Biểu đồ 5.6. Điểm số môi trường cạnh tranh bình đẳng



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Các chỉ tiêu cho thấy DN/HTX/HKD nhìn chung đánh giá tích cực hơn đối với các nội dung như thực thi chương trình, hành động công bằng giữa nam và nữ làm chủ đạt 7,74 điểm; tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ không phân biệt đối xử đạt 7,70 điểm; công bằng trong thực hiện TTHC đạt 7,70 điểm; và công bằng trong thanh tra, kiểm tra đạt 7,66 điểm. Tỷ lệ HKD đồng tình với các nhận định này là khoảng 65%. Kết quả khảo sát cũng cho thấy chưa ghi nhận sự chênh lệch lớn giữa nhóm HKD do nam và nữ làm chủ, giữa nhóm chủ hộ là người dân tộc thiểu số và người Kinh, hay giữa HKD do người khuyết tật làm chủ với mặt bằng chung ở nội dung này. Điều đó cho thấy, ở cấp xã, DN/HTX/HKD nhìn chung chưa có sự bất bình đẳng công khai trong thực thi công vụ giữa các nhóm chủ thể.

Tuy nhiên, chỉ tiêu thấp nhất của nhóm này là cảm nhận về việc tiếp cận các nguồn lực kinh tế như hợp đồng, đất đai còn có thể thuận lợi hơn đối với những đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương, chỉ đạt 6,35 điểm. Kết quả này cho thấy dù môi trường

cạnh tranh bình đẳng nhìn chung được đánh giá ở mức khá, DN/HTX/HKD vẫn còn tâm lý dè dặt đối với tính công bằng thực chất trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội. Ở góc độ bao trùm, đây là điểm cần đặc biệt lưu ý, bởi khi khả năng tiếp cận nguồn lực còn bị cảm nhận là phụ thuộc phần nào vào quan hệ quen biết, các nhóm yếu thế như HKD do phụ nữ làm chủ, người dân tộc thiểu số hoặc người khuyết tật làm chủ thường có thể gặp bất lợi hơn trong tiếp cận cơ hội, ngay cả khi chưa xuất hiện biểu hiện phân biệt đối xử rõ ràng trên bề mặt thủ tục.

Hỗ trợ sản xuất kinh doanh là điểm nghẽn lớn nhất của Trụ cột 2

Chỉ số 6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh của khối địa phương Lào Cai đạt 6,36 điểm, là một trong những chỉ số thấp của Trụ cột 2. Điểm số giữa 30 xã/phường dao động từ 5,42 đến 7,90 điểm, cho thấy mức độ hỗ trợ DN/HTX/HKD ở cấp cơ sở còn phân hóa khá rõ. Nhóm có kết quả cao hơn gồm xã Mường Hum, xã Bảo Yên, xã Thượng Bằng La, phường Âu Lâu và xã Liên Sơn; trong khi nhóm có điểm thấp hơn gồm phường Nam Cường, xã Lục Yên, xã Mường Khương, xã Bắc Hà và xã Hạnh Phúc.

Dữ liệu trả lời cho thấy điểm yếu lớn nhất nằm ở mức độ tiếp cận các chương trình hỗ trợ. Chỉ khoảng 19,5% người trả lời cho biết thường xuyên hoặc luôn luôn được biết đến hoặc được mời tham gia các chương trình hỗ trợ do xã/phường tổ chức. Trong khi đó, 57,1% chỉ tiếp cận thỉnh thoảng, và khoảng 23,4% cho biết hiếm khi hoặc không biết đến/không được mời. Điều này cho thấy các chương trình hỗ trợ chưa có độ phủ đủ rộng và chưa đến với DN/HTX/HKD một cách chủ động, thường xuyên.

Ở khối xã/phường, tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết thường xuyên hoặc luôn luôn được biết đến/được mời tham gia chương trình hỗ trợ đạt 20,6% đối với DN/HTX/HKD do nam làm chủ và 18,4% đối với DN/HTX/HKD do nữ làm chủ. Theo dân tộc, tỷ lệ này là 20,4% đối với nhóm Kinh và 15,8% đối với nhóm DTTS; nhóm nữ DTTS ở mức 17,5%, còn nhóm nam DTTS chỉ 13,8%. Khi xét đến mức độ dễ dàng trong việc tiếp cận hỗ trợ, tỷ lệ đánh giá tích cực đạt 29,3% ở cả nhóm nam và nhóm nữ, 29,3% ở nhóm Kinh và 29,5% ở nhóm DTTS, cho thấy không có khoảng cách lớn giữa giới và dân tộc ở chỉ báo này tại khối địa phương. Tuy nhiên, nhóm nữ DTTS có tỷ lệ tiếp cận dễ dàng thấp hơn (27,2%), và đặc biệt nhóm NKT chỉ đạt 16,7%. Thông tin hậu kiểm cho thấy nhiều xã đã nỗ lực phổ biến thông tin hỗ trợ qua nhiều kênh, nhưng việc tham gia thực tế còn phụ thuộc vào thời gian, điều kiện đi lại, mức độ hiểu nội dung và khả năng theo đuổi thủ tục đến cùng. Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số ở vùng cao, biên giới, các yếu tố như khoảng cách đến trung tâm xã, mùa vụ nông nghiệp, trách nhiệm chăm sóc gia đình và rào cản ngôn ngữ có thể làm giảm khả năng tham gia thực chất các chương trình hỗ trợ, ngay cả khi họ đã được mời.

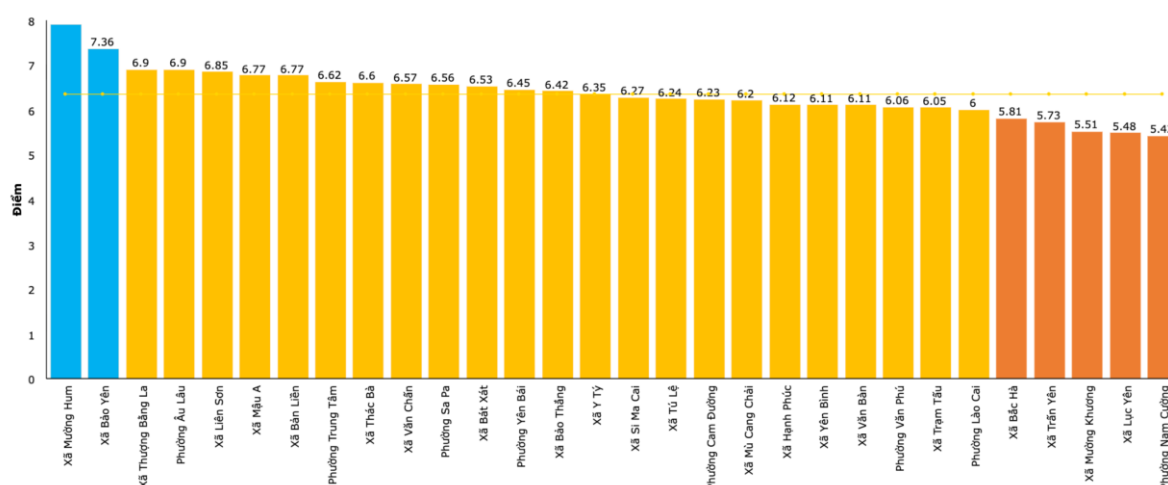
Về thủ tục để được hưởng chính sách hỗ trợ, chỉ khoảng 29,6% đánh giá là khá dễ hoặc rất dễ thực hiện; trong khi 60,6% đánh giá ở mức bình thường và khoảng 9,7% cho rằng

thủ tục còn khá phức tạp hoặc không được hưởng/quá phức tạp. Như vậy, thủ tục hỗ trợ không bị đánh giá quá tiêu cực, nhưng cũng chưa đủ đơn giản, rõ ràng và thuận tiện để tạo cảm nhận tích cực.

Về hiệu quả thực chất của chương trình hỗ trợ, chỉ khoảng 37,7% đánh giá các hỗ trợ như vay vốn, thuê mặt bằng, tư vấn, đào tạo, xúc tiến thương mại là khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả. Trong khi đó, 59,7% đánh giá ở mức bình thường, cho thấy phần lớn DN/HTX/HKD chưa cảm nhận rõ tác động của các chương trình hỗ trợ đối với hoạt động kinh doanh.

Nhìn chung, Chỉ số 6 cho thấy cấp xã/phường của Lào Cai hiện làm tốt hơn ở vai trò thực thi thủ tục so với vai trò đồng hành phát triển sản xuất kinh doanh. Điểm nghẽn không chỉ là có hay không có chương trình hỗ trợ, mà là chương trình đó có được truyền thông đến đúng đối tượng, thủ tục có dễ tiếp cận, và hỗ trợ có giải quyết được nhu cầu thực tế hay không. Thời gian tới, cần ưu tiên tăng truyền thông về các chương trình hỗ trợ, đơn giản hóa thủ tục thụ hưởng, chủ động kết nối DN/HTX/HKD với các hỗ trợ về vốn, mặt bằng, đào tạo, xúc tiến thương mại và theo dõi hiệu quả sau hỗ trợ.

Biểu đồ 5.7. Điểm số hỗ trợ sản xuất kinh doanh



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Hiệu lực thể chế là điểm sáng của Trụ cột 2

Chỉ số 7 – Hiệu lực thể chế của khối địa phương Lào Cai đạt 7,37 điểm, là một trong những chỉ số có kết quả khá trong Trụ cột 2. Điểm số của 30 xã/phường dao động từ 6,21 đến 8,73 điểm, cho thấy năng lực thực thi chính sách, hướng dẫn pháp luật và giải quyết phản ánh ở cấp cơ sở có sự phân hóa khá rõ giữa các địa bàn. Nhóm địa phương có kết quả cao hơn gồm xã Mường Hum, xã Mậu A, xã Thượng Bằng La, xã Bảo Yên, phường Cam Đường, xã Bát Xát, phường Âu Lâu, xã Yên Bình, xã Liên Sơn và phường Sa Pa. Trong khi đó, nhóm có điểm thấp hơn gồm xã Mường Khương, xã Lục Yên, xã Mù Cang Chải, xã Tú Lệ, xã Văn Bàn, xã Trấn Yên và xã Bắc Hà.

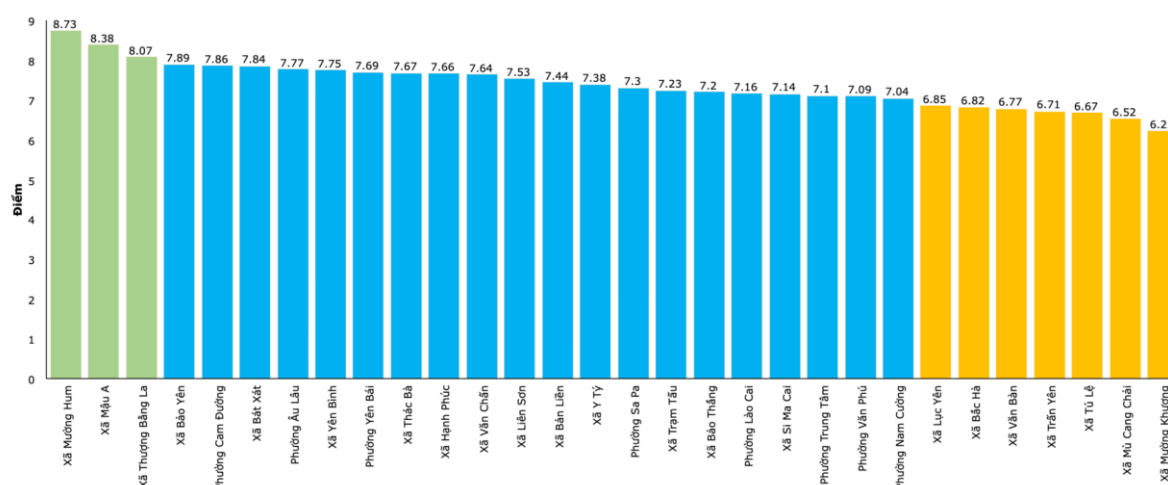
Dữ liệu trả lời cho thấy điểm tích cực nổi bật nhất là tình hình an ninh trật tự tại địa bàn. Khoảng 72,0% người trả lời đánh giá tình hình an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định, an toàn cho kinh doanh; chỉ khoảng 0,6% cho rằng đôi khi còn bất ổn. Đây là nền tảng quan trọng cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở cấp xã/phường, nhất là với hộ kinh doanh, HTX và doanh nghiệp nhỏ.

Tuy nhiên, các nội dung liên quan trực tiếp đến hiệu quả thực thi chính sách và xử lý vướng mắc chỉ đạt mức trung bình khá. Có khoảng 53,7% người trả lời đánh giá việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật là khá/rất hiệu quả; 50,9% hài lòng về hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật; và khoảng 50,9% hài lòng với cách chính quyền giải quyết phản ánh, kiến nghị hoặc khiếu nại. Đáng chú ý, tỷ lệ trả lời “bình thường” ở các nội dung này đều khá cao, khoảng 45%–49%, cho thấy chính quyền cấp xã/phường đã có thực hiện nhưng chưa tạo được cảm nhận thật sự rõ nét về hiệu quả.

Điểm cần cải thiện nhất là biện pháp bảo vệ, hỗ trợ DN/HTX/HKD khi có phản ánh, kiến nghị hoặc khiếu nại. Chỉ khoảng 49,9% đánh giá nội dung này khá/rất hiệu quả, trong khi 49,0% đánh giá bình thường. Điều này cho thấy cơ chế phản hồi và hỗ trợ sau phản ánh vẫn còn tương đối mờ, chưa đủ mạnh để DN/HTX/HKD cảm thấy được đồng hành và bảo vệ khi phát sinh vướng mắc.

Nhìn chung, Chỉ số 7 cho thấy hiệu lực thể chế ở cấp xã/phường có nền tảng khá, đặc biệt ở an ninh trật tự và mức độ ổn định trong thực thi công vụ. Tuy nhiên, điểm nghẽn nằm ở chất lượng tuyên truyền chính sách, hiệu quả giải quyết phản ánh và cơ chế hỗ trợ sau kiến nghị. Thời gian tới cần tập trung chuẩn hóa quy trình tiếp nhận – xử lý – phản hồi kiến nghị, nâng chất lượng hướng dẫn chính sách theo tình huống thực tế, và tăng trách nhiệm theo dõi đến cùng các vấn đề DN/HTX/HKD phản ánh tại địa bàn..

Biểu đồ 5.8. Điểm số hiệu lực thể chế



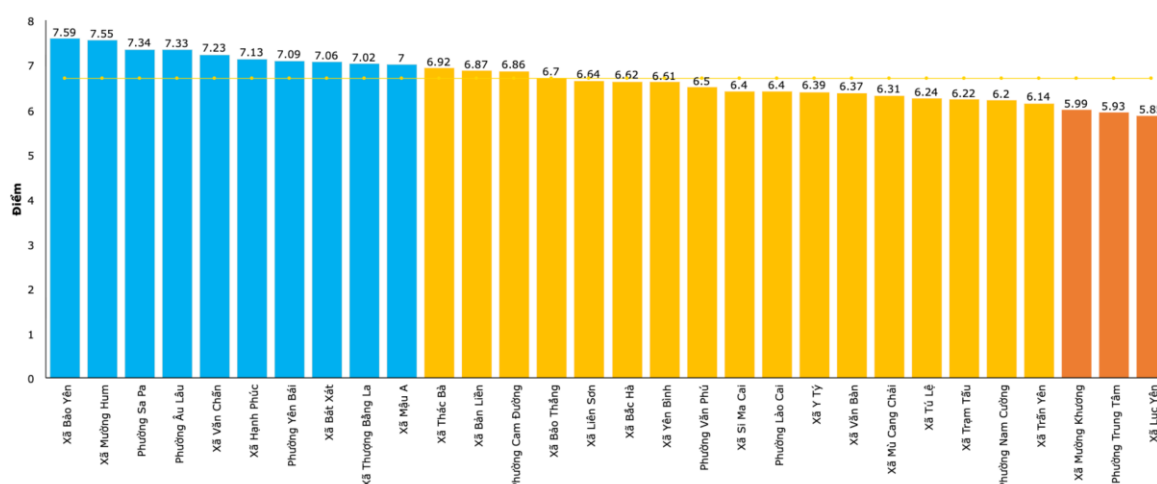
Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

5.2.3. Trụ cột 3: Tăng trưởng bền vững và vai trò của chính quyền

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò của chính quyền địa phương của khối xã/phường Lào Cai cho thấy bức tranh chưa thật sự đồng đều. Trong trụ cột này, điểm tích cực nhất nằm ở Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền địa phương, đạt 7,29 điểm, phản ánh DN/HTX/HKD đã ghi nhận nhất định sự chủ động của chính quyền cơ sở trong điều hành và hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, hai nội dung còn lại có điểm thấp hơn đáng kể: Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,68 điểm, còn Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân chỉ đạt 6,27 điểm. Kết quả này cho thấy cấp xã/phường đã thể hiện vai trò điều hành ở mức tương đối tích cực, nhưng việc chuyển vai trò đó thành kết quả phát triển thực chất của khu vực kinh tế tư nhân, cũng như thúc đẩy các mục tiêu phát triển xanh, bao trùm và bền vững, vẫn còn hạn chế. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là tăng hỗ trợ cho DN/HTX/HKD nhỏ tại địa bàn; thúc đẩy liên kết sản xuất - kinh doanh; hỗ trợ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; và lồng ghép tốt hơn các mục tiêu bao trùm trong các chương trình phát triển kinh tế cấp xã/phường.

Tăng trưởng bền vững, bao trùm và đáp ứng giới cần cải thiện

Biểu đồ 5.9. Điểm số tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Chỉ số 8 – Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới của khối địa phương Lào Cai đạt 6,68 điểm, thuộc nhóm điểm trung bình khá và thấp hơn các chỉ số về thủ tục, chi phí tuân thủ, hiệu lực thể chế. Điểm số giữa các xã/phường dao động từ khoảng 5,85 đến 7,59 điểm, cho thấy mức độ lồng ghép các mục tiêu xanh, bao trùm, hỗ trợ nhóm yếu thế, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo còn phân hóa khá rõ giữa các địa bàn. Nhóm có kết quả cao hơn gồm xã Bảo Yên, xã Mường Hum, phường Sa Pa, phường Âu Lâu, xã Văn Chấn, xã Hạnh Phúc, phường Yên Bái, xã Bát Xát, xã Thượng Bằng La và xã Mậu A. Nhóm có kết quả thấp hơn gồm xã Mường Khương, phường Trung Tâm, xã

Lục Yên, xã Trạm Tấu, xã Tú Lệ, phường Nam Cường và một số địa phương dưới mặt bằng chung.

Dữ liệu khảo sát cho thấy điểm tích cực là một bộ phận lớn DN/HTX/HKD đã bắt đầu có hành động về môi trường. Khoảng 76,0% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; trong đó 39,6% áp dụng một vài biện pháp cơ bản, 29,1% áp dụng tương đối đầy đủ và 7,4% áp dụng tích cực nhiều biện pháp. Tuy nhiên, vai trò hỗ trợ của chính quyền cơ sở trong chuyển đổi xanh chưa thật sự rõ: chỉ 32,8% đánh giá xã/phường tích cực hoặc rất tích cực trong hướng dẫn áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 62,5% chỉ đánh giá ở mức bình thường. Tương tự, chỉ 49,5% đánh giá các chương trình, hành động cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả hoặc rất hiệu quả.

Ở nhóm nội dung bao trùm và đáp ứng giới, kết quả có tín hiệu tích cực nhưng chưa nổi bật. Có 58,9% người trả lời cho rằng xã/phường đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận dịch vụ cho người khuyết tật còn hạn chế: chỉ 39,6% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ hoặc rất dễ tiếp cận, và 41,8% cho rằng dịch vụ/hỗ trợ phù hợp hoặc rất phù hợp với người khuyết tật. Các hoạt động thúc đẩy vai trò lãnh đạo nữ và hỗ trợ nhóm yếu thế cũng chưa mạnh: chỉ 37,6% cho biết xã/phường thường xuyên hoặc luôn có hoạt động thúc đẩy lãnh đạo nữ; 40,5% đánh giá tích cực về hỗ trợ DN/HTX/HKD do phụ nữ, người khuyết tật hoặc người yếu thế làm chủ kết nối mạng lưới kinh doanh.

Điểm yếu rõ nhất nằm ở các nội dung hỗ trợ chuyển đổi số, thương mại điện tử và đổi mới sáng tạo. Chỉ 27,4% DN/HTX/HKD cho biết thường xuyên hoặc luôn được xã/phường giới thiệu, hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành. Về R&D, chỉ 36,0% đánh giá xã/phường quan tâm hoặc rất quan tâm đến khuyến khích nghiên cứu và phát triển, và 35,9% đồng ý rằng xã/phường có hỗ trợ cụ thể cho DN/HTX/HKD trong hoạt động này. Tỷ lệ “bình thường” ở các nội dung này đều rất cao, cho thấy chính sách chưa tạo được cảm nhận đủ rõ.

Nhìn chung, Chỉ số 8 cho thấy cấp xã/phường của Lào Cai đã có nền tảng nhất định về phát triển xanh và đối xử bình đẳng, nhưng các hỗ trợ cụ thể cho chuyển đổi xanh, nhóm yếu thế, lãnh đạo nữ, thương mại điện tử và R&D còn mờ. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là biến các mục tiêu phát triển bền vững và bao trùm thành hoạt động cụ thể hơn: hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, hỗ trợ tiếp cận hạ tầng xử lý chất thải, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ công cho người khuyết tật, hỗ trợ phụ nữ và nhóm yếu thế làm chủ cơ sở kinh doanh, đồng thời tăng kết nối thương mại điện tử và đổi mới sáng tạo ở cấp địa phương.

Quy mô, hiệu quả và đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân còn hạn chế

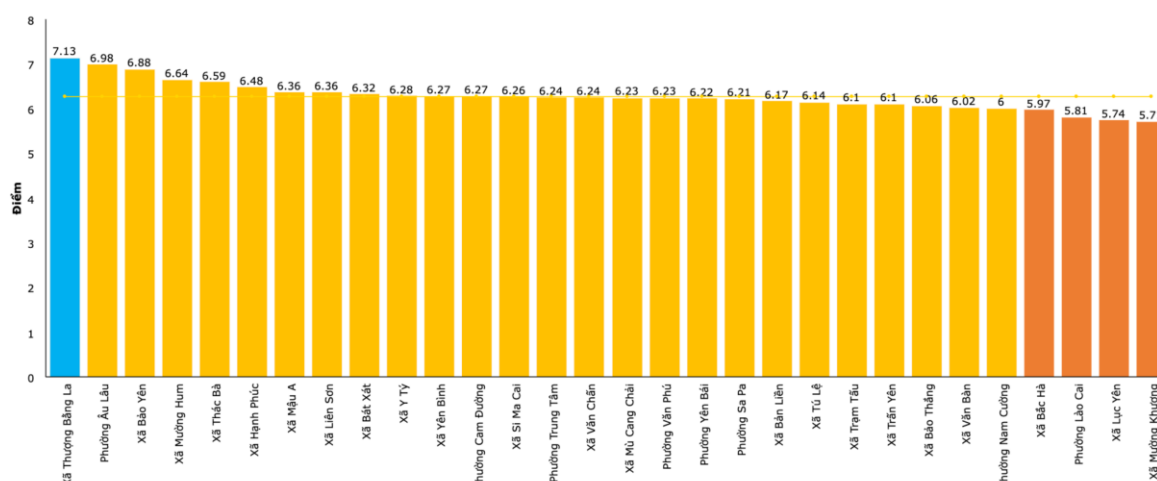
Chỉ số 9 – Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân của khối địa phương Lào Cai đạt 6,27 điểm, là một trong những chỉ số có kết quả thấp trong Trụ cột 3. Điểm số giữa 30 xã/phường dao động từ 5,71 đến 7,13 điểm, cho thấy mức độ phát triển, đóng góp và cảm nhận về hiệu quả hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân tại cấp cơ sở còn tương đối hạn chế. Nhóm địa phương có kết quả cao hơn gồm xã Thượng Bằng La, phường Âu Lâu, xã Bảo Yên, xã Mường Hum, xã Thác Bà, xã Hạnh Phúc, xã Mậu A và xã Liên Sơn. Trong khi đó, nhóm có điểm thấp hơn gồm xã Mường Khương, xã Lục Yên, phường Lào Cai, xã Bắc Hà, phường Nam Cường, xã Yên Bình và xã Bảo Thắng.

Dữ liệu trả lời cho thấy điểm nghẽn nổi bật nhất là ý định chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp còn rất thấp. Trong nhóm hộ kinh doanh trả lời câu hỏi này, chỉ khoảng 7,3% cho biết có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp, trong khi 92,7% không có ý định chuyển đổi. Đây là tín hiệu quan trọng, cho thấy khu vực kinh tế tư nhân ở cấp xã/phường vẫn chủ yếu vận hành ở quy mô nhỏ, thận trọng với việc chính thức hóa thành doanh nghiệp, có thể do lo ngại về chi phí tuân thủ, nghĩa vụ kế toán - thuế, thủ tục quản trị hoặc chưa thấy lợi ích đủ rõ từ việc chuyển đổi. Đồng thời cho thấy các địa phương và tỉnh cần có những chính sách hỗ trợ khuyến khích nhóm HKD chuyển đổi cũng như chính sách hậu đăng ký để thu hút các HKD này.

Ở nội dung tạo thuận lợi cho các dự án đầu tư tư nhân, kết quả cũng chưa thật sự nổi bật. Chỉ khoảng 32,9% người trả lời đánh giá việc tạo thuận lợi là khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, trong khi 65,0% đánh giá ở mức bình thường. Tỷ lệ đánh giá tiêu cực không cao, chỉ khoảng 2,1%, nhưng tỷ lệ “bình thường” quá lớn cho thấy chính quyền xã/phường chưa tạo được cảm nhận rõ về vai trò thúc đẩy đầu tư tư nhân tại địa bàn. Tương tự, đối với hiệu quả triển khai các chương trình, hành động hỗ trợ kinh tế tư nhân, chỉ khoảng 35,1% đánh giá khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, trong khi 63,1% đánh giá bình thường. Điều này cho thấy các hoạt động hỗ trợ kinh tế tư nhân đã có nhưng còn mờ, chưa đủ cụ thể hoặc chưa tác động rõ tới DN/HTX/HKD. Vấn đề không nằm ở mức độ bất mãn cao, mà ở việc phần lớn đối tượng khảo sát chưa cảm nhận được hiệu quả thực chất.

Nhìn chung, Chỉ số 9 phản ánh một hạn chế quan trọng của cấp xã/phường: chính quyền cơ sở đã có vai trò nhất định trong quản lý và phục vụ hành chính, nhưng chưa chuyển hóa mạnh thành năng lực thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là hỗ trợ hộ kinh doanh thấy rõ lợi ích của chuyển đổi lên doanh nghiệp, tư vấn thủ tục sau chuyển đổi, kết nối chính sách hỗ trợ vốn - mặt bằng - thị trường, và thiết kế các chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân cụ thể hơn theo nhu cầu từng địa bàn.

Biểu đồ 5.10. Điểm số quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền là điểm sáng nổi bật

Chỉ số 10 – Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền địa phương đạt 7,29 điểm, là chỉ số có kết quả tích cực nhất trong Trụ cột 3. Điểm số giữa các xã/phường dao động từ 5,88 đến 8,14 điểm, cho thấy mức độ chủ động, linh hoạt và vai trò đồng hành của chính quyền cơ sở có sự khác biệt khá rõ giữa các địa bàn. Nhóm địa phương có kết quả cao hơn gồm xã Bảo Yên, phường Âu Lâu, xã Văn Chấn, xã Văn Bàn, xã Mậu A, xã Thượng Bằng La, xã Yên Bình, xã Hạnh Phúc, phường Sa Pa và xã Bát Xát. Ngược lại, nhóm có điểm thấp hơn gồm xã Lục Yên, xã Mù Cang Chải, xã Mường Khương, phường Lào Cai, xã Tú Lệ, xã Bản Liên, xã Y Tý và xã Si Ma Cai.

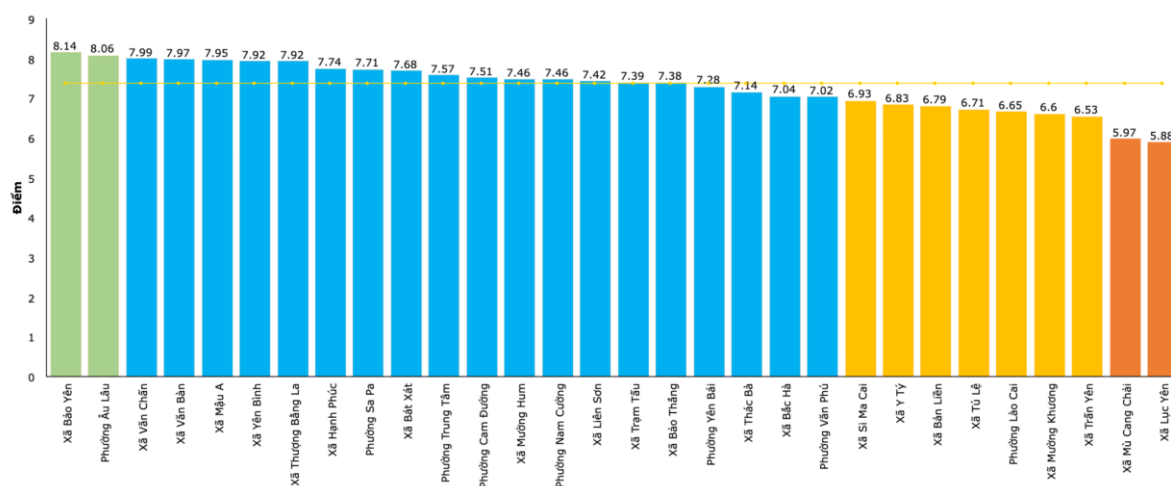
Dữ liệu trả lời cho thấy điểm tích cực nhất là việc chính quyền cấp xã/phường thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi: 58,0% người trả lời tương đối đồng ý hoặc rất đồng ý, trong khi tỷ lệ không đồng ý chỉ 2,0%. Các nội dung khác cũng có tỷ lệ đánh giá tích cực trên 50%, gồm linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật đạt 54,6%, chương trình/hành động tạo thuận lợi cho DN/HTX/HKD ổn định và nhất quán đạt 54,2%, năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh đạt 53,4%, và tháo gỡ khó khăn kịp thời qua đối thoại, tiếp xúc đạt 53,1%.

Tuy nhiên, điểm cần chú ý là tỷ lệ trả lời “bình thường” vẫn còn khá cao ở hầu hết nội dung, dao động khoảng 40,1%–45,0%. Cụ thể, nội dung lãnh đạo xã/phường hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh có 45,0% trả lời bình thường; nội dung thái độ đối với khu vực tư nhân là tích cực có 44,4% trả lời bình thường. Điều này cho thấy mặc dù đánh giá tiêu cực thấp, vai trò kiến tạo của chính quyền cấp xã/phường vẫn chưa tạo được cảm nhận thật sự mạnh và đồng đều trong cộng đồng DN/HTX/HKD.

Nhìn chung, Chỉ số 10 là điểm sáng tương đối của khối địa phương, phản ánh chính quyền cơ sở đã thể hiện được sự chủ động nhất định trong điều hành, thực hiện chủ

trương của tỉnh và hỗ trợ khu vực kinh doanh. Tuy nhiên, trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là chuyển từ thái độ tích cực và cam kết chung sang hành động cụ thể, nhất quán và có kết quả rõ hơn, đặc biệt trong tháo gỡ khó khăn sau đối thoại, xử lý vấn đề mới phát sinh và theo dõi đến cùng các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh tại địa bàn..

Biểu đồ 5.11. Điểm số sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền địa phương



Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

NĂNG LỰC CẠNH TRANH KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

ĐIỂM SỐ THEO TRỤ CỘT

1  **TRỤ CỘT 1** **6,96**
điểm

2  **TRỤ CỘT 2** **7,02**
điểm

3  **TRỤ CỘT 3** **7,29**
điểm



ĐIỂM SỐ DCCI 2025 KHỐI ĐỊA PHƯƠNG

Trung bình:

69,13 điểm

MỘT SỐ CSTP TÍCH CỰC



7,44 điểm

Thực hiện thủ tục
hành chính, cấp phép
gia nhập thị trường



7,43 điểm

Chi phí tuân thủ



CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN



Quy mô, hiệu quả và
đóng góp của kinh tế
tư nhân

6,27
điểm



Tính minh bạch
và trách nhiệm
giải trình

6,23
điểm

CHƯƠNG

06

KẾT LUẬN VÀ
KIẾN NGHỊ



CHƯƠNG 6. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

6.1. Kết luận

Phương pháp DCCI Lào Cai 2025 đã có những điều chỉnh quan trọng, phù hợp hơn với yêu cầu quản trị đổi mới của mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đồng thời sắp xếp, tổ chức lại các sở, ban, ngành và điều chỉnh phương thức hoạt động của một số cơ quan ngành dọc.

Kết quả DCCI 2025 đưa ra một số điểm chính như sau:

Thứ nhất, kết quả DCCI Lào Cai năm 2025 cho thấy bộ máy chính quyền các cấp về cơ bản đã duy trì được chất lượng điều hành trong một năm có nhiều biến động về tổ chức, đặc biệt là quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp và tổ chức lại các sở, ban, ngành. Nỗ lực thích ứng của từng sở, ngành và địa phương là rõ rệt, dù còn chưa đồng đều; năng lực thực thi ở cấp cơ sở, đặc biệt là cấp xã/phường, chịu áp lực lớn hơn. Ở khối sở, ban, điểm DCCI trung bình của 22 lĩnh vực quản lý đạt 74,11/100 điểm, phân bố trong dải từ 72,53 đến 78,17 điểm (nhóm Khá). Ở khối ngành dọc, điểm trung bình đạt 73,58 điểm, với cả 3 đơn vị đều thuộc nhóm khá. Ở cấp xã, điểm trung bình của 30 xã, phường được khảo sát đạt 69,13 điểm; 13 địa phương thuộc nhóm khá và 17 địa phương thuộc nhóm trung bình khá. Tuy nhiên, kết quả phân tích cũng cho thấy cải thiện chung về môi trường kinh doanh chưa đồng nghĩa với việc mọi nhóm chủ thể đều có khả năng tiếp cận và thụ hưởng cải cách một cách bình đẳng. Các khác biệt nổi bật không chủ yếu đến từ sự phân biệt đối xử trực tiếp trong quy trình hành chính, mà đến từ những rào cản trong tiếp cận thực tế, bao gồm khoảng cách địa lý, điều kiện đi lại, kỹ năng hành chính và kỹ năng số, khả năng hiểu và sử dụng thông tin, quỹ thời gian, mức độ tự tin phản ánh kiến nghị, cũng như mức độ phù hợp của các chương trình hỗ trợ với nhu cầu cụ thể của từng nhóm.

Thứ hai, khối xã/phường là nơi bộc lộ rõ nhất sự chênh lệch về năng lực thực thi, với mức phân hóa giữa các địa phương rõ rệt hơn so với khối sở, ban. Khoảng cách giữa địa phương cao điểm nhất và thấp điểm nhất lên tới 15,71 điểm, phản ánh chênh lệch đáng kể về chất lượng thực thi ngay trong cùng một khuôn khổ thể chế. Ở khối sở, ban khoảng cách tương ứng chỉ 5,64 điểm; các sở, ban bám sát nhau về điểm số nhưng vẫn thiếu đơn vị dẫn dắt đột phá. Đáng chú ý, sự phân hóa ở cấp xã không chỉ đến từ những địa phương khó khăn, mà còn từ chính sự suy giảm ở nhóm từng dẫn đầu. Một số địa phương trong lịch sử đánh giá DCI, DDCI luôn thuộc nhóm “tốt”, như Văn Bàn, nay đã không còn xuất hiện trong nhóm dẫn đầu xã/phường. Ngược lại, một số xã thuộc khu vực khó khăn vẫn đạt điểm “khá” nhờ sự chủ động và tận tâm của đội ngũ cán bộ cơ sở, cho thấy yếu tố con người và văn hóa phục vụ có thể tạo lợi thế đáng kể trong nâng cao chất lượng điều hành, bất kể điều kiện địa bàn. Đây là hai chiều vận động trái ngược

nhưng cùng phản ánh một thực tế: vị trí dẫn đầu không là điều mặc nhiên, mà chất lượng điều hành ở cấp xã chịu tác động đan xen của nhiều yếu tố như năng lực tổ chức bộ máy mới, điều kiện hạ tầng - địa bàn, và cả sự chủ động của đội ngũ cán bộ cơ sở...

Thứ ba, các nội dung liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ tiếp tục được đánh giá tương đối tích cực ở cả ba khối (sở, ban, ngành dọc và địa phương). Điều này cho thấy cải cách hành chính theo nghĩa quy trình đã có nền tảng nhất định; tuy nhiên, cải thiện môi trường kinh doanh theo nghĩa thực chất vẫn còn dư địa lớn, nhất là ở các nội dung đòi hỏi phối hợp liên ngành, hỗ trợ sau thủ tục và đồng hành với DN/HTX/HKD trong quá trình phát triển, không chỉ dừng lại ở thời điểm hoàn tất hồ sơ. Sự phân hóa điểm số giữa các lĩnh vực bộc lộ rõ tính cấu trúc: nhóm điểm cao tập trung ở các lĩnh vực có quy trình phục vụ được chuẩn hóa rõ ràng và đầu ra có thể đo lường trực tiếp như quản lý khu kinh tế, giao thông vận tải, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số; trong khi nhóm điểm thấp gồm các lĩnh vực có tính liên ngành cao như tài nguyên môi trường, đất đai, xây dựng và du lịch. Điều này cho thấy trọng tâm cải cách giai đoạn tới không thể chỉ tập trung vào từng sở riêng lẻ, mà cần hướng vào cơ chế phối hợp liên ngành và phân định thẩm quyền theo chiều dọc giữa các cấp chính quyền.

Thứ tư, môi trường kinh doanh của tỉnh chưa tạo được một "cú hích" đủ mạnh để cải thiện rõ rệt chất lượng phục vụ và mức độ đồng hành với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Các nội dung thể hiện vai trò chủ động của cơ quan quản lý như hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn, đồng hành có điểm số thấp hơn so với các nội dung thực thi theo quy định. Cho thấy các sở, ban, ngành và chính quyền cấp xã đã làm tốt vai trò quản lý và thực thi, nhưng chưa phát huy đầy đủ vai trò nhà nước kiến tạo và phục vụ. Soi vào bốn nội dung cốt lõi của vai trò kiến tạo (xây dựng hành lang pháp lý minh bạch, cạnh tranh và an toàn để thu hút đầu tư; định hướng chiến lược thông qua quy hoạch, tầm nhìn dài hạn và lựa chọn ngành mũi nhọn; phát triển hạ tầng, vốn con người và kết nối thị trường; và hỗ trợ hệ sinh thái kinh doanh, đổi mới sáng tạo), có thể thấy tỉnh đã triển khai khá tốt ba nội dung đầu, trong khi nội dung thứ tư, vốn là động lực tăng trưởng dài hạn và bền vững nhất, vẫn còn nhiều dư địa để phát huy. Môi trường thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi xanh, kinh tế số, cũng như ươm tạo doanh nghiệp trong tỉnh và thu hút doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, chưa được thể hiện rõ nét trong thực tiễn điều hành, đặc biệt tại khu vực doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Ngay cả chuyển đổi số, dù mở ra nhiều cơ hội cải thiện dịch vụ công, cũng đồng thời cho thấy khoảng cách tiếp cận và sử dụng giữa các nhóm đối tượng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa nơi hạ tầng thông tin chưa thực sự đồng bộ. Nói cách khác, các sở, ban và chính quyền xã/phường đã thực hiện tốt vai trò quản lý hành chính và duy trì trật tự cho môi trường kinh doanh, song, điều cần bổ sung thêm là vai trò thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng trưởng theo chiều sâu. Đây chính là khoảng trống cần

được ưu tiên trong giai đoạn tới, tạo ra bước chuyển thực chất về chất lượng môi trường kinh doanh trong trung và dài hạn.

Thứ năm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh tiếp tục là điểm nghẽn nổi bật và có tính phổ biến ở cả ba khối, cho thấy đây không phải là hạn chế mang tính thời điểm, mà phản ánh việc tỉnh vẫn thiếu một chiến lược và cách tiếp cận hỗ trợ doanh nghiệp đủ phù hợp, hiệu quả. Ở khối sở, ban, hỗ trợ sản xuất kinh doanh là chỉ số thấp nhất trong toàn bộ các chỉ số thành phần với chỉ 6,86 điểm, thấp hơn đáng kể so với môi trường cạnh tranh bình đẳng (7,67 điểm) và hiệu lực thể chế (7,45 điểm) trong cùng trụ cột. Ở khối ngành dọc, chỉ số này cũng chỉ đạt 6,73 điểm. Ở cấp xã, đây đồng thời là chỉ số có điểm trung bình thấp và độ lệch chuẩn cao, thuộc nhóm cần ưu tiên cải thiện cấp bách, phản ánh các chương trình hỗ trợ còn thiếu chiều sâu, độ phủ hạn chế và chưa đáp ứng tốt nhu cầu thực tế của DN/HTX/HKD. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh khu vực tư nhân đang trong trạng thái "đông nhưng nhỏ" với phần lớn doanh nghiệp chưa có khả năng mở rộng quy mô, một vấn đề mà hỗ trợ hậu gia nhập thị trường có thể tác động trực tiếp.

Thứ sáu, các nội dung về minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng tiếp cận thông tin vẫn là nhóm hạn chế đáng chú ý ở cả ba khối. Ở cấp xã, tính minh bạch có điểm trung vị thấp và khoảng tứ phân vị rộng, vừa phản ánh hạn chế chung vừa cho thấy sự thiếu nhất quán trong thực thi giữa các địa phương. Việc công khai thông tin chưa đồng nghĩa với việc DN/HTX/HKD có thể tiếp cận, hiểu và sử dụng thông tin đó một cách hiệu quả, cho thấy vẫn còn một khoảng trống đáng kể về chất lượng tương tác, năng lực truyền đạt và mức độ phản hồi thực chất của cơ quan quản lý.

Thứ bảy, ở cả khối sở và ngành dọc, tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới là chỉ số có điểm thấp nhất trong Trụ cột 3, cho thấy tính chủ động của bộ máy chưa được chuyển hóa hiệu quả thành kết quả phát triển bao trùm. Ở cấp xã, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và Tăng trưởng bao trùm thuộc nhóm cần ưu tiên cải thiện. Các nhóm yếu thế, đặc biệt là phụ nữ dân tộc thiểu số tại khu vực vùng sâu, vùng xa, vẫn gặp nhiều rào cản hơn trong tiếp cận thông tin, thụ hưởng chính sách và tham gia các không gian đối thoại. Hạn chế về hạ tầng thông tin, ngôn ngữ và khả năng tiếp cận công nghệ tiếp tục làm gia tăng khoảng cách tiếp cận, khiến các nhóm này chưa được tạo điều kiện đầy đủ để tham gia và hưởng lợi một cách bình đẳng từ các cơ hội phát triển. Cần lưu ý rằng, nếu chỉ quan sát điểm số trung bình của chỉ số này, phản ánh cảm nhận chung của toàn bộ mẫu khảo sát, có thể che lấp sự khác biệt giữa các nhóm. Bình đẳng về thủ tục hoặc khả năng tiếp cận hình thức chưa đồng nghĩa với bình đẳng về kết quả thụ hưởng, nhất là đối với các nhóm yếu thế. Các nhóm như phụ nữ dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật, người cao tuổi hoặc HKD quy mô nhỏ có thể gặp nhiều rào cản hơn về thông tin, kỹ năng số, ngôn ngữ, thời gian, chi phí đi lại, mức độ tự tin khi tương tác với cơ quan nhà nước và khả năng tham gia các không gian đối thoại chính sách. Khoảng trống hiện nay không chỉ nằm ở từng chính sách riêng lẻ, mà còn ở tính hệ thống của quá trình

thiết kế và triển khai hỗ trợ. Nhiều dịch vụ và chương trình hỗ trợ vẫn được thiết kế theo cách tương đối đồng nhất cho mọi đối tượng, trong khi nhu cầu, năng lực tiếp cận và điều kiện sử dụng dịch vụ của từng nhóm DN/HTX/HKD rất khác nhau. Đây là nguyên nhân gốc rễ cần tiếp tục theo dõi trong các chu kỳ DCCI tiếp theo.

Thứ tám, ở cả ba khu vực gồm sở, ban, ngành; cơ quan ngành dọc; và cấp địa phương, Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi có kết quả tích cực hơn, nhờ các cải thiện về thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường và kiểm soát chi phí tuân thủ. Điều này cho thấy các cải cách có tính quy trình, kỹ thuật và dễ chuẩn hóa đã tạo được nền tảng nhất định. Tuy nhiên, các điểm nghẽn nổi bật lại nằm ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh và Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, bao trùm và vai trò kiến tạo. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh, minh bạch và trách nhiệm giải trình, phát triển kinh tế tư nhân và tăng trưởng bao trùm là những nội dung còn thấp điểm, đặc biệt ở cấp xã/phường, nơi khoảng cách giữa các địa phương vẫn khá lớn. Kết quả này cho thấy thách thức của Lào Cai trong giai đoạn tới không chỉ là duy trì thủ tục đúng hạn, mà là bài toán xây dựng một hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp thực chất, đồng hành cùng doanh nghiệp.

6.2. Khuyến nghị

6.2.1. Khuyến nghị đối với cấp tỉnh

Cụ thể hóa kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh của tỉnh trên cơ sở kết quả DCCI

Nội dung: UBND tỉnh cần sử dụng kết quả DCCI như một căn cứ quản trị cải cách hằng năm, không chỉ là công cụ xếp hạng. Trên cơ sở các điểm nghẽn được nhận diện từ DCCI 2025, tỉnh cần cụ thể hóa thành kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh với các nhóm nhiệm vụ trọng tâm gồm: nâng cao chất lượng thực hiện TTHC, cải thiện minh bạch và trách nhiệm giải trình, tăng hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hỗ trợ DN/HTX/HKD quy mô nhỏ và các nhóm yếu thế.

Kế hoạch cần xác định rõ nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn hoàn thành và chỉ số theo dõi kết quả. Việc theo dõi không nên chỉ dừng ở số lượng hoạt động đã triển khai, mà cần đo lường mức độ cải thiện cảm nhận của DN/HTX/HKD, tỷ lệ tiếp cận chính sách hỗ trợ, chất lượng phản hồi kiến nghị và mức độ giảm chi phí tuân thủ, cũng như các chỉ số phát triển bền vững như chỉ số tỷ lệ DN, HTX, HKD do phụ nữ làm chủ tiếp cận được chương trình hỗ trợ, tỷ lệ kiến nghị của nhóm yếu thế được phản hồi.

Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh chủ trì; các sở, ban, ngành, cơ quan ngành dọc và UBND cấp xã/phường phối hợp.

Thời gian thực hiện: Xây dựng kế hoạch sau khi công bố kết quả DCCI hằng năm; rà soát tiến độ định kỳ theo quý.

Tăng cường năng lực điều hành và quản trị kinh tế địa phương cho cấp xã/phường

Nội dung: Cấp xã hiện đang đảm nhiệm thêm nhiều chức năng, nhiệm vụ vốn trước đây thuộc thẩm quyền cấp huyện, trong khi đội ngũ nhân lực có không ít biến động và chịu áp lực quá tải trong giai đoạn đầu sắp xếp đơn vị hành chính. Cần tập trung xây dựng năng lực điều hành, quản trị kinh tế địa phương cho cấp xã thông qua tăng cường ứng dụng kỹ năng và công cụ số, nhằm rút ngắn thời gian xử lý công việc hành chính, đồng thời nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật và xử lý thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp trên địa bàn. Cụ thể, cần rà soát và chuẩn hóa quy trình xử lý công việc theo hướng số hóa, tổ chức tập huấn kỹ năng sử dụng các nền tảng, công cụ số cho cán bộ cấp xã, và xây dựng cơ chế chia sẻ, liên thông dữ liệu doanh nghiệp giữa cấp xã với tỉnh để hỗ trợ công tác quản lý và ra quyết định kịp thời hơn.

Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh chủ trì; các sở, ban, ngành, cơ quan ngành dọc và UBND cấp xã/phường phối hợp.

Thời gian thực hiện: Quý IV/2026.

Nâng cao cơ chế điều phối liên ngành đối với các điểm nghẽn có tính liên thông và kịp thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp nắm bắt các cơ hội kinh doanh mới cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh

Nội dung: Tỉnh cần thiết lập cơ chế điều phối liên ngành để xử lý các vướng mắc mà một cơ quan đơn lẻ không thể giải quyết dứt điểm, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư, môi trường, thuế, bảo hiểm, du lịch, hải quan, giao thông và chuyển đổi số. Cơ chế này giúp việc đưa ra các chính sách, các hỗ trợ để tạo điều kiện nắm bắt cơ hội kinh doanh mới. Cơ chế cần quy định rõ đầu mối tiếp nhận, trách nhiệm phối hợp, thời hạn xử lý và trách nhiệm giải trình cuối cùng.

Đối với các vấn đề kéo dài hoặc có nhiều phản ánh từ DN/HTX/HKD, cần phân loại theo nhóm vướng mắc, theo dõi tiến độ xử lý và báo cáo định kỳ với UBND tỉnh. Cách tiếp cận này giúp tránh tình trạng kiến nghị bị chuyển vòng giữa các cơ quan mà không có đơn vị chịu trách nhiệm cuối cùng.

Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh chủ trì; cơ quan đầu mối là Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh, các sở chuyên ngành, cơ quan ngành dọc và UBND cấp xã/phường phối hợp.

Thời gian thực hiện: Thiết lập cơ chế trong năm 2026; vận hành thường xuyên và đánh giá định kỳ hằng quý.

Xây dựng chiến lược hỗ trợ DN/HTX/HKD toàn diện theo hướng phân tầng, có mục tiêu và dễ tiếp cận

Nội dung: Tỉnh cần xây dựng một chiến lược hỗ trợ sản xuất kinh doanh mang tính toàn diện, sát với nhu cầu thực tế của nhiều nhóm đối tượng doanh nghiệp, nhằm từng bước hình thành hệ sinh thái hỗ trợ phát triển kinh doanh bền vững và cạnh tranh trên địa bàn tỉnh. Việc xây dựng theo hướng chiến lược dài hạn, thay vì các chương trình hỗ trợ riêng lẻ theo từng giai đoạn, sẽ giúp tỉnh chủ động định hướng, điều phối và huy động thêm nguồn lực từ các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chuyên nghiệp, bên cạnh nguồn lực của các cơ quan nhà nước, qua đó nâng cao hiệu quả và tính bền vững của công tác hỗ trợ doanh nghiệp.

Đối tượng hỗ trợ nên được phân tầng theo quy mô, ngành nghề, địa bàn và đặc điểm chủ sở hữu, bao gồm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hộ kinh doanh có tiềm năng chuyển đổi thành doanh nghiệp, cơ sở do phụ nữ làm chủ, cơ sở do người dân tộc thiểu số làm chủ và nhóm ở địa bàn khó khăn, để đảm bảo chính sách hỗ trợ đến đúng đối tượng và phát huy hiệu quả cao nhất.

Nội dung chiến lược nên vừa giải quyết các nhu cầu cấp thiết trước mắt của doanh nghiệp (ví dụ: thuế, báo cáo thuế), vừa hướng tới mục tiêu dài hạn (ươm tạo doanh nghiệp và tăng tốc kinh doanh, thúc đẩy HKD chuyển đổi thành doanh nghiệp, chuyển

đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo), qua đó từng bước khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp chủ động sử dụng các dịch vụ hỗ trợ có trả phí, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để thu hút thêm các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chuyên nghiệp đến hoạt động tại tỉnh. Bên cạnh đó, tăng cường công tác truyền thông, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời về các yêu cầu, quy định mới đối với doanh nghiệp.

Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh chỉ đạo; Sở Tài chính, Thuế, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, các sở chuyên ngành, Hội DN, Hội Phụ nữ, Liên minh HTX và UBND cấp xã/phường phối hợp.

Thời gian thực hiện: Xây dựng chương trình trong năm 2026; triển khai thí điểm trong năm 2026 và mở rộng từ năm 2027.

Phát huy vai trò của hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức trung gian

Nội dung: Tỉnh cần tăng cường vai trò của hiệp hội doanh nghiệp, liên minh hợp tác xã, hội ngành nghề, hội phụ nữ, hội nông dân và các tổ chức trung gian trong hỗ trợ DN/HTX/HKD. Trong bối cảnh khu vực tư nhân của Lào Cai phần lớn có quy mô nhỏ, phân tán và năng lực tiếp cận chính sách còn hạn chế, các tổ chức trung gian có thể đóng vai trò quan trọng trong truyền thông chính sách, tư vấn thủ tục, kết nối thị trường, tập hợp kiến nghị và phản hồi chính sách.

Tỉnh có thể xem xét xây dựng mạng lưới hỗ trợ doanh nghiệp ở cấp xã/phường hoặc theo cụm địa bàn, gắn với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Trung tâm Hành chính công hoặc các đơn vị dịch vụ sự nghiệp công. Mạng lưới này cần tập trung vào hỗ trợ thực chất cho DN nhỏ, HTX và HKD, thay vì chỉ tổ chức hội nghị hoặc tập huấn đại trà.

Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh chỉ đạo; Hiệp hội DN tỉnh, Liên minh HTX, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, Trung tâm Hành chính công và UBND cấp xã/phường phối hợp.

Thời gian thực hiện: Xây dựng mô hình trong năm 2026; thí điểm tại một số xã/phường, cụm địa bàn từ năm 2026; nhân rộng từ năm 2027.

Thành lập cơ chế giám sát độc lập và đánh giá giữa kỳ

Nội dung: Để bảo đảm các khuyến nghị DCCI được triển khai thực chất, tỉnh cần thiết lập cơ chế giám sát thực thi với sự tham gia của các bên liên quan, gồm đại diện UBND tỉnh, VCCI, Hiệp hội DN, đại diện DN/HTX/HKD, chương trình GREAT, chuyên gia độc lập và các tổ chức trung gian. Cơ chế này có thể hoạt động dưới hình thức Hội đồng tư vấn cải cách hoặc nhóm công tác giám sát cải thiện môi trường kinh doanh.

Hội đồng hoặc nhóm công tác có nhiệm vụ theo dõi tiến độ thực hiện các giải pháp sau công bố DCCI, đánh giá giữa kỳ, ghi nhận phản hồi từ cộng đồng DN/HTX/HKD và

kiến nghị UBND tỉnh xử lý các điểm nghẽn kéo dài. Việc đánh giá cần tập trung vào kết quả thực chất, không chỉ số lượng văn bản, hội nghị hoặc hoạt động đã tổ chức.

Cơ quan thực hiện: UBND tỉnh chủ trì thành lập; VCCI, Hiệp hội DN, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã/phường, chương trình GREAT và chuyên gia độc lập phối hợp.

Thời gian thực hiện: Thành lập trong năm 2026; đánh giá giữa kỳ hằng năm và tổng kết trước kỳ khảo sát DCCI tiếp theo.

6.2.2. Khuyến nghị đối với cấp sở, ban, ngành

Chuẩn hóa quy trình xử lý, công khai đầu mối và nâng chất lượng giải trình và giám sát kết quả xử lý

Nội dung: Các sở, ban, ngành và cơ quan ngành dọc cần rà soát toàn bộ quy trình tiếp nhận, xử lý và phản hồi TTHC, kiến nghị của DN/HTX/HKD. Cần công khai rõ đầu mối phụ trách, thời hạn xử lý, trạng thái hồ sơ và cơ chế giải trình khi hồ sơ chậm, phải bổ sung nhiều lần hoặc phải phối hợp liên ngành.

Đối với các thủ tục có tỷ lệ bổ sung hồ sơ cao, cần rà soát nguyên nhân để điều chỉnh hướng dẫn, biểu mẫu và cách tiếp nhận. Công khai thông tin không nên chỉ dừng ở đăng tải văn bản pháp lý, mà cần có hướng dẫn dễ hiểu, bộ câu hỏi – trả lời, tình huống thường gặp và ví dụ hồ sơ mẫu. Bên cạnh đó, việc trả lời kiến nghị cần đảm bảo 3 Rõ: Rõ căn cứ pháp lý - Rõ cơ quan chịu trách nhiệm - Rõ thời hạn giải quyết dứt điểm, tránh tình trạng trả lời trích dẫn luật khiến DN/HTX/HKD khó thực hiện yêu cầu.

Cơ quan thực hiện: Từng sở, ban, ngành và cơ quan ngành dọc chủ trì; Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan phụ trách chuyển đổi số phối hợp.

Thời gian thực hiện: Rà soát và chuẩn hóa trong năm 2026; cập nhật thường xuyên hằng năm.

Chuyển trọng tâm từ giải quyết thủ tục sang hỗ trợ đồng hành

Nội dung: Các sở, ban, ngành cần chuyển từ tư duy “xử lý hồ sơ đúng hạn” sang “giải quyết trọn vẹn vấn đề của DN/HTX/HKD”. Bên cạnh việc thực hiện TTHC, các đơn vị cần chủ động hỗ trợ sau thủ tục, nhất là trong các nội dung tiếp cận chính sách, tháo gỡ vướng mắc, kết nối thị trường, chuyển đổi số, thương mại điện tử, đổi mới mô hình kinh doanh và chuyển đổi xanh. Đồng thời, thiết kế dịch vụ hỗ trợ theo nhu cầu nhóm yếu thế (gender responsive service design) - khi thiết kế chương trình hỗ trợ, các sở có thể rà soát kênh thông tin, thời điểm tổ chức và điều kiện tham gia của nhóm phụ nữ, DTTS và NKT.

Mỗi sở, ngành cần xây dựng danh mục hỗ trợ theo lĩnh vực quản lý, có tiêu chí rõ ràng, đầu mối hướng dẫn cụ thể và cơ chế đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ. Kết quả hỗ trợ cần

được đo bằng mức độ hài lòng, tỷ lệ DN/HTX/HKD tiếp cận được chính sách và khả năng áp dụng hỗ trợ vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cơ quan thực hiện: Các sở chuyên ngành chủ trì; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, Hội DN, Liên minh HTX và UBND cấp xã/phường phối hợp.

Thời gian thực hiện: Xây dựng danh mục hỗ trợ trong năm 2026; triển khai thường xuyên và đánh giá hàng năm.

Đổi mới truyền thông chính sách theo hướng dễ hiểu, dễ tiếp cận

Nội dung: Các sở, ngành cần đổi mới cách truyền thông chính sách từ công bố văn bản sang hướng dẫn thực thi. Cần xây dựng tài liệu ngắn gọn, sổ tay hướng dẫn, video ngắn, infographic, câu hỏi thường gặp và quy trình minh họa để DN/HTX/HKD dễ hiểu, dễ thực hiện.

Nội dung truyền thông cần được thiết kế riêng cho từng nhóm đối tượng, đặc biệt là HKD, HTX, DN nhỏ, phụ nữ, người dân tộc thiểu số và các nhóm có hạn chế về kỹ năng số. Cần sử dụng đồng thời kênh trực tuyến và kênh cơ sở như UBND xã/phường, hội đoàn thể, nhóm cộng đồng và các buổi đối thoại trực tiếp.

Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành chủ trì theo lĩnh vực; Sở VH TT & DL, Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp xã/phường và các hội đoàn thể phối hợp.

Thời gian thực hiện: Chuẩn hóa tài liệu trong năm 2026; cập nhật thường xuyên.

6.2.3. Khuyến nghị đối với địa phương

Nâng cao chất lượng thực thi ở cấp xã/phường theo hướng rõ người, rõ việc, rõ cách hướng dẫn

Nội dung: Chính quyền cấp xã/phường cần rà soát lại các nội dung DN/HTX/HKD thường xuyên tương tác, đặc biệt là đăng ký kinh doanh, đất đai, mặt bằng, môi trường, thuế, lao động, bảo hiểm, an toàn thực phẩm, trật tự xây dựng và các chương trình hỗ trợ. Cần công khai đầu mối phụ trách, chuẩn hóa cách hướng dẫn, tăng kỷ luật phản hồi kiến nghị và giảm tình trạng hướng dẫn không thống nhất.

Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, cần ưu tiên hỗ trợ năng lực cán bộ, hạ tầng số và tài liệu hướng dẫn dễ hiểu. Chính quyền cơ sở cần đóng vai trò “người hướng dẫn đầu tiên”, giúp DN/HTX/HKD biết phải liên hệ cơ quan nào, chuẩn bị hồ sơ gì và theo dõi kết quả ra sao.

Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã/phường chủ trì; UBND tỉnh và các sở chuyên ngành hướng dẫn chuyên môn.

Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên từ năm 2026; ưu tiên trước các địa bàn có điểm DCCI thấp.

Mở rộng độ phủ hỗ trợ sản xuất kinh doanh tại cấp xã/phường

Nội dung: Mỗi xã/phường cần xây dựng danh sách DN/HTX/HKD, các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn, phân nhóm theo ngành nghề, quy mô, nhu cầu hỗ trợ và đặc điểm chủ sở hữu. Trên cơ sở đó, địa phương cần chủ động kết nối với các sở, ngành, ngân hàng, hội đoàn thể và đơn vị xúc tiến để tổ chức hỗ trợ về vay vốn, thuế, kế toán, pháp lý, chuyển đổi số, thương mại điện tử, xúc tiến thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

Các chương trình hỗ trợ cần ưu tiên nhóm HKD, HTX, DN nhỏ, phụ nữ, người dân tộc thiểu số và cơ sở ở địa bàn khó khăn. Truyền thông cần đi qua các kênh gần dân như hội phụ nữ, hội nông dân, tổ dân phố, thôn bản, nhóm Zalo cộng đồng và loa truyền thanh cơ sở.

Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã/phường chủ trì; các sở chuyên ngành, Hội DN, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên minh HTX và các đơn vị xúc tiến phối hợp.

Thời gian thực hiện: Thực hiện theo quý từ năm 2026; tổng hợp kết quả trước kỳ khảo sát DCCI hằng năm.

Tăng đối thoại thực chất với DN/HTX/HKD tại cơ sở

Nội dung: Cấp xã/phường cần tổ chức đối thoại định kỳ với DN/HTX/HKD khoảng 2-3 lần/năm, nhưng cần tránh hình thức hội nghị chung. Đối thoại nên đi vào các nhóm vấn đề cụ thể như mặt bằng kinh doanh, chợ, giao thông, điện nước, môi trường, vay vốn, chuyển đổi số, tiêu thụ sản phẩm, chính sách thuế và thủ tục hành chính. Đồng thời, bổ sung hình thức tham vấn phù hợp tại các xã có tỷ lệ DTTS cao, chẳng hạn tổ chức phiên tham vấn nhỏ hoặc thông qua kênh hội/nhóm cộng đồng quen thuộc với phụ nữ DTTS. (không gộp chung với đối thoại đa dạng thành phần) kèm theo chỉ số theo dõi: số buổi tham vấn riêng trong một năm, số kiến nghị của nhóm yếu thế được phản hồi.

Sau đối thoại, cần lập danh sách vấn đề, xác định cơ quan xử lý, thời hạn phản hồi và thông báo lại kết quả cho người phản ánh. Đây là cách nâng chất lượng trách nhiệm giải trình và tạo niềm tin cho khu vực kinh tế tư nhân ở cấp cơ sở.

Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã/phường chủ trì; các sở, ngành liên quan phối hợp xử lý theo thẩm quyền.

Thời gian thực hiện: Tổ chức tối thiểu hằng quý hoặc theo nhóm vấn đề phát sinh..

6.2.4. Khuyến nghị cho triển khai DCCI các năm tiếp theo

Mở rộng và phân tầng mẫu khảo sát theo hướng bền vững, có khả năng so sánh

Nội dung: DCCI các năm tiếp theo cần mở rộng phạm vi đánh giá cấp xã/phường theo lộ trình phù hợp, đồng thời duy trì một tỷ lệ mẫu lặp để theo dõi xu hướng cải thiện qua thời gian. Mẫu khảo sát cần bảo đảm đại diện cho xã trung tâm, xã vùng sâu, vùng xa, địa bàn biên giới, địa bàn có nhiều DN/HTX/HKD, cũng như các nhóm do phụ nữ, người dân tộc thiểu số hoặc nhóm yếu thế làm chủ.

Việc mở rộng mẫu cần đi kèm với chuẩn hóa phương pháp chọn mẫu, kiểm soát chất lượng khảo sát và bảo đảm khả năng so sánh giữa các năm. Tránh thay đổi quá nhiều cấu trúc khảo sát khiến kết quả khó theo dõi xu hướng.

Cơ quan thực hiện: Cơ quan đầu mối DCCI của tỉnh và đơn vị tư vấn kỹ thuật chủ trì; các sở, ngành, xã/phường và cơ quan liên quan cung cấp dữ liệu nền.

Thời gian thực hiện: Chuẩn bị khung mẫu từ đầu năm; chốt mẫu trước khi triển khai khảo sát chính thức hằng năm.

Tăng cường đo lường giới, dân tộc thiểu số và người khuyết tật trong DCCI

Nội dung: DCCI cần tiếp tục phân tách dữ liệu theo giới, dân tộc, tình trạng khuyết tật, quy mô cơ sở kinh doanh và nhóm giao thoa như phụ nữ dân tộc thiểu số. Đối với nhóm người khuyết tật, do số mẫu thường thấp, cần duy trì khảo sát định lượng với phỏng vấn hậu kiểm để nhận diện rõ hơn rào cản tiếp cận dịch vụ công và chính sách hỗ trợ, chuẩn hóa việc phân tách dữ liệu theo giới, dân tộc và khuyết tật.

Cách tiếp cận này giúp DCCI không chỉ đo chất lượng điều hành chung, mà còn phản ánh mức độ bao trùm của môi trường kinh doanh đối với các nhóm dễ bị bỏ lại phía sau.

Cơ quan thực hiện: Cơ quan đầu mối DCCI của tỉnh, đơn vị tư vấn kỹ thuật, Hội Phụ nữ, Hội Người khuyết tật, các đoàn thể và UBND cấp xã/phường phối hợp.

Thời gian thực hiện: Tích hợp cách tiếp cận GEDSI vào thiết kế mẫu và bộ công cụ DCCI hằng năm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024), “Sách trắng DN Việt Nam năm 2024”.
2. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2024), “Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2024”.
3. Cục Thống kê Lào Cai (2010-2024), “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2010-2024”.
4. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) & Viện Nghiên cứu Phát triển Mekong (MDRI) (2024), “Nghiên cứu về mức độ hòa nhập của người khuyết tật trong tiếp cận dịch vụ công tại Việt Nam”. 2024
5. *Economica Vietnam* (2013), *Khu vực HKD Phi Nông nghiệp ở Việt Nam*”.
6. *Economica Vietnam* (2018), “Khu vực Kinh tế Tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh Vượng
7. EUROCHAM-MUTRAP (2011), “*Training Manual: Tools for assessing Business Association’s capacity using modern criteria – Strengthening strategy and management capacity of Business Associations*”.
8. *Gender Differences in website Design: Implications for Education* Gloria MOSS Rod GUNN Glamorgan Business School University of Glamorgan Pontypridd, Wales CF37 1DL, UK
9. GSO (2005 - 2025), “Niên giám thống kê các năm 2005 – 2025”.
10. IDS-VCCI (2012), “Động lực thúc đẩy cải cách kinh tế tại các tỉnh ở Việt Nam – Một số bài học từ cải cách kinh tế”, Nhà xuất bản Thông tin & Truyền Thông.
11. IRC-IPSARD (2011), “Xây dựng chỉ số Môi trường Kinh doanh cấp tỉnh và huyện cho HKD tại Việt Nam”.
12. Lê Duy Bình & Phạm Tiến Dũng (2017), “Chuyển đổi HKD thành DN: Rào cản từ Chi phí Tuân thủ Pháp luật, Báo Pháp luật Việt Nam”, (36)163/9 – 2017.
13. Lê Duy Bình (2017), “Tác động của một số khoản nộp ngân sách đối tích tụ vốn tại DN, Tạp chí Tài chính, Bộ Tài chính, Hà Nội”. Số 2 - tháng Giêng, 2017 (651), p 72-74
14. Luật số 59/2020/Qh14, Luật DN ngày 17 tháng 06 năm 2020.
15. Luật số: 47/2019/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.
16. Luật số: 61/2020/QH14, Luật đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020.
17. Luật số: 65/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 02 năm 2025.
18. Quyết định số 1719/QĐ-TTg, “Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025”, ngày 14 tháng 10 năm 2021.
19. USAID/VNCI-VCCI (2006-2025), “Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006–2025)”. www.pcivietnam.org/reports.php
20. VCCI (2026), “Báo cáo khảo sát về Hộ kinh doanh”.
21. VCCI (2026), “Báo cáo dòng chảy pháp luật Kinh doanh 2025”.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Tổng quan về phương pháp luận

1. Phương pháp thu thập dữ liệu

1.1. Đối tượng khảo sát và đối tượng được đánh giá

- **Đối tượng khảo sát**

a) DCCI khối sở, ban

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DCCI khối sở năm 2025 chủ yếu là DN và HTX. Trong một số trường hợp, các HKD có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu khảo sát DCCI cấp sở khi các HKD đó thực sự có tương tác về quản lý điều hành hoặc thực hiện TTHC.

b) DCCI khối ngành dọc

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DCCI khối ngành dọc năm 2025 chủ yếu là DN và HTX. Trong một số trường hợp, các HKD có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu khảo sát DCCI các đơn vị thuộc khối ngành dọc khi các HKD đó thực sự có tương tác về quản lý điều hành hoặc thực hiện TTHC với các đơn vị thuộc khối ngành dọc.

c) DCCI cấp địa phương (xã/phường)

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DCCI cấp địa phương năm 2025 chủ yếu là các HKD. Ngoài ra, các DN/HTX hoạt động ở xã/phường và có tương tác với chính quyền địa phương cũng có thể lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DCCI cấp địa phương.

- **Đối tượng được đánh giá**

a) DCCI khối sở, ban

DCCI khối sở, ban không đánh giá toàn bộ các chức năng, nhiệm vụ của một sở mà chỉ đánh giá các lĩnh vực có liên quan, tương tác, làm việc với DN, HTX, HKD, phụ thuộc vào số lượng thủ tục thực tế, tương tác phát sinh trong năm đánh giá.

Bảng 1. Danh sách các sở và lĩnh vực chính được đánh giá

STT	Các sở, ban, ngành trong đánh giá DCCI tỉnh Lào Cai năm 2025	Lĩnh vực quản lý/đánh giá tương ứng
1	Sở Tài chính	Đăng ký kinh doanh Đầu tư Tài chính
2	Sở Công thương	Công nghiệp và thương mại Quản lý thị trường
3	Sở Khoa học và Công nghệ	Khoa học và công nghệ

STT	Các sở, ban, ngành trong đánh giá DCCI tỉnh Lào Cai năm 2025	Lĩnh vực quản lý/đánh giá tương ứng
		Thông tin truyền thông Chuyển đổi số
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục đào tạo
5	Sở Nội vụ	Lao động, an toàn lao động Dạy nghề
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đất đai Tài nguyên môi trường Nông, lâm nghiệp, thủy sản
7	Sở Tư pháp	Tư pháp
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa, thể thao Du lịch
9	Sở Xây dựng	Xây dựng Giao thông vận tải
10	Sở Y tế	Y tế
11	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lào Cai	Quản lý khu công nghiệp
12	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai	Quản lý khu kinh tế

Nguồn: Báo cáo phương pháp luận DCCI 2025

b) DCCI khối ngành dọc

Nhóm các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh gồm (3 đơn vị). Năm 2025, không xếp hạng điểm tổng của các cơ quan ngành dọc, song có đầy đủ dữ liệu cho từng chỉ số thành phần để làm cơ sở cho cơ quan ngành dọc trên địa bàn biết được những lĩnh vực cần cải thiện. DCCI với các ngành dọc không đánh giá toàn bộ các chức năng, nhiệm vụ của một đơn vị mà chỉ đánh giá các lĩnh vực có liên quan, tương tác, làm việc với DN, HTX, HKD.

Bảng 2. Danh sách các cơ quan ngành dọc

Số TT	Các ngành dọc	Lĩnh vực quản lý/đánh giá tương ứng
1	Chi cục Thuế khu vực XIII – Lào Cai	Thuế
2	Chi cục Hải quan tỉnh khu vực VII – Lào Cai	Hải quan
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh	BHXH

Nguồn: Báo cáo phương pháp luận DCCI 2025

c) DCCI cấp địa phương (xã/phường)

Nhóm chính quyền cấp xã/phường: Ở giai đoạn đầu, số lượng địa phương đưa vào đánh giá là 30/99 địa phương. Các địa phương sẽ được đánh giá dựa trên các chức năng,

nhiệm vụ chính như: đăng ký kinh doanh, tài chính, đất đai, xây dựng, công thương, nông nghiệp, giáo dục, tư pháp, môi trường... Các địa phương được lựa chọn đưa vào đánh giá là 7 phường hiện nay và 23 xã còn lại được chọn dựa trên tiêu chí đảm bảo có xã biên giới và mỗi huyện cũ có 1-2 xã trong đó có những xã phát triển (trung tâm huyện, thành phố cũ) và có những xã thuộc nhóm phát triển trung bình (trung tâm của huyện cũ (khu vực I – xã bước đầu phát triển), khu vực II (xã còn khó khăn) và khu vực III (xã đặc biệt khó khăn)).

Bảng 3. Danh sách các xã, phường đánh giá DCCI năm 2025

STT	Phường/xã đánh giá	Thuộc khu vực (cũ)
1	Xã Mù Cang Chải	I
2	Xã Hạnh Phúc	I
3	Xã Liên Sơn	I
4	Xã Thượng Bằng La	I
5	Xã Mậu A	I
6	Xã Lục Yên	I
7	Xã Thác Bà	I
8	Xã Yên Bình	I
9	Xã Trấn Yên	I
10	Xã Bảo Thắng	I
11	Xã Văn Bàn	I
12	Xã Bảo Yên	I
13	Phường Sa Pa	I
14	Xã Bắc Hà	I
15	Xã Mường Khương	I
16	Xã Si Ma Cai	I
17	Phường Trung Tâm	I
18	Phường Yên Bái	I
19	Phường Nam Cường	I
20	Phường Lào Cai	I
21	Xã Mường Hum	II
22	Xã Y Tý	II
23	Xã Tú Lệ	III
24	Xã Trạm Tấu	III
25	Xã Bát Xát	I
26	Xã Văn Chấn	III

STT	Phường/xã đánh giá	Thuộc khu vực (cũ)
27	Xã Bản Liền	III
28	Phường Văn Phú	III
29	Phường Âu Lâu	III
30	Phường Cam Đường	III

Nguồn: Báo cáo phương pháp luận DCCI 2025

1.2. Phương pháp và quy trình chọn mẫu khảo sát

a) Nguồn dữ liệu khảo sát

Để đảm bảo tính khách quan, đại diện và ngẫu nhiên trong khảo sát, danh sách mẫu khảo sát DCCI được xây dựng từ ba nguồn chính:

- Danh sách DN/HTX/HKD đã thực hiện TTHC, sử dụng dịch vụ công hoặc có tương tác với các sở, ban, ngành và UBND xã/phường, do chính các cơ quan này cung cấp;
- Danh sách DN/HTX/HKD đang hoạt động, do Thống kê tỉnh cung cấp;
- Danh sách DN/HTX/HKD có nghĩa vụ nộp thuế, do Thuế tỉnh Lào Cai cung cấp.

b) Các bước chọn mẫu

Việc chọn mẫu sẽ thực hiện theo các bước như sau:

- Bước 1. Làm sạch dữ liệu: Tổng hợp và rà soát danh sách từ 3 nguồn nêu trên, loại bỏ mẫu trùng lặp (do một DN/HTX/HKD có thể xuất hiện nhiều lần nếu thực hiện nhiều TTHC khác nhau tại cùng một cơ quan).
- Bước 2. Phân bổ mẫu: Dựa trên số lượng mẫu tổng thể được tổng hợp, đơn vị tư vấn sẽ tiến hành xây dựng khung chọn mẫu bằng cách tính toán tỷ lệ và số lượng phân bổ mẫu dự kiến cho phiếu khảo sát DCCI khối sở, ban; DCCI khối ngành dọc và DCCI khối địa phương.
- Bước 3. Chọn mẫu: Tiến hành chọn ngẫu nhiên theo tỷ lệ đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như có ý nghĩa thống kê (tức là số DN/HTX/HKD đạt được mức tối thiểu đối với từng đơn vị) và phù hợp với tỷ lệ DN/HTX/HKD thực hiện TTHC hoặc đang hoạt động ở địa phương (đơn vị nào có nhiều DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương thì lấy mẫu nhiều hơn đơn vị có ít DN/HTX/HKD thực hiện TTHC/đang hoạt động ở địa phương).
- Bước 4. Mẫu dự phòng: Trong quá trình chọn mẫu này, đơn vị tư vấn đồng thời xây dựng một số lượng mẫu dự phòng cũng theo các nguyên tắc chọn ngẫu nhiên để thay thế trong trường hợp không thể liên lạc được DN/HTX/HKD hoặc DN/HTX/HKD không hợp tác trả lời phiếu khảo sát. Số lượng mẫu dự phòng là gần 3.200 mẫu.

Trong quá trình chọn mẫu, đảm bảo tỷ lệ phụ nữ, phụ nữ dân tộc thiểu số trong danh sách mẫu (30%), khuyến khích các DN/HTX/HKD có chủ là người khuyết tật hoặc có lao động là người khuyết tật tham gia khảo sát. Đối với các nhóm có hạn chế tiếp cận số (phụ nữ DTTS, NKT), khảo sát trực tiếp được ưu tiên, không áp dụng khảo sát trực tuyến, nhằm giảm sai lệch do “khoảng cách số” đồng thời cung cấp hướng dẫn hỗ trợ trả lời với ngôn ngữ dễ hiểu và phù hợp hơn.

Bảng 4. Phân bổ mẫu của khối sở, ban

Ngành, lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ
Sở Nông nghiệp và môi trường	110	15,9%
Sở Tài chính	109	15,8%
Sở Xây dựng	69	10,0%
Sở Công thương	66	9,6%
Sở Nội vụ	65	9,4%
Sở Khoa học và Công nghệ	59	8,6%
Sở Giáo dục và Đào tạo	47	6,8%
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	41	5,9%
Sở Y tế	40	5,8%
Sở Tư pháp	30	4,3%
Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lào Cai	29	4,2%
Ban quản lý các khu kinh tế tỉnh Lào Cai	25	3,6%
Tổng	690	100%

Bảng 5. Phân bổ mẫu của khối ngành dọc

Ngành, lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ
Thuế	102	41,0%
Bảo hiểm xã hội	98	39,4%
Hải quan	49	19,7%
Tổng	249	100%

Bảng 6. Phân bổ mẫu của khối địa phương

Xã, phường	Số phiếu	Tỉ lệ
Xã Trấn Yên	37	4,2%
Xã Văn Chấn	37	4,2%
Phường Yên Bái	34	3,9%
Xã Bảo Yên	34	3,9%
Xã Hạnh Phúc	33	3,8%
Phường Cam Đường	32	3,7%
Xã Mường Khương	31	3,6%
Phường Sa Pa	31	3,6%
Phường Âu Lâu	31	3,6%
Xã Thác Bà	31	3,6%
Phường Trung Tâm	30	3,4%
Xã Tú Lệ	30	3,4%
Phường Nam Cường	30	3,4%
Phường Văn Phú	30	3,4%
Xã Liên Sơn	29	3,3%
Xã Thượng Bằng La	28	3,2%
Xã Yên Bình	27	3,1%
Xã Lục Yên	27	3,1%
Phường Lào Cai	27	3,1%
Xã Mù Cang Chải	27	3,1%
Xã Si Ma Cai	27	3,1%
Xã Bản Liên	27	3,1%
Xã Bảo Thắng	27	3,1%
Xã Trạm Tấu	26	3,0%
Xã Bát Xát	25	2,9%
Xã Y Tý	25	2,9%
Xã Văn Bàn	25	2,9%
Xã Mậu A	25	2,9%
Xã Mường Hum	24	2,8%
Xã Bắc Hà	24	2,8%
Tổng	871	100%

Nguồn: Khảo sát DCCI 2025

1.3. Phương pháp và quy trình triển khai khảo sát, xếp hạng

Quy trình triển khai DCCI năm 2025 được chia thành năm bước chính như sau:

- Bước 1: Xây dựng phương pháp luận DCCI, phiếu điều tra, bảng hỏi. Thực hiện nghiên cứu, đánh giá tình hình mới, các hạn chế của DCCI trước đây và sửa đổi khung tiếp cận của DCCI; sửa đổi các trụ cột, câu hỏi chính; thiết kế phần đánh giá định tính. Khảo sát thử bảng hỏi, lựa chọn một số DN/HTX/HKD khảo sát và một số cơ sở do DTTS làm chủ để đảm bảo ngôn ngữ dễ hiểu, phù hợp với khả năng nhận biết ngôn ngữ của DTTS.
- Bước 2: Tiến hành điều tra bảng hỏi đối với các cơ sở SXKD (DN/HTX/HKD): DCCI khảo sát các DN/HTX/HKD. Các phiếu thu về sẽ được rà soát, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả lời, sau đó sẽ được làm sạch, phê duyệt và nhập liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu và tính toán chỉ số.
- Bước 3: Phân tích số liệu và xây dựng báo cáo. Đơn vị thực hiện DCCI tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát, điều tra DCCI năm 2025, tính toán điểm số và xếp hạng các sở; xây dựng báo cáo đánh giá định tính về tình hình của các xã và các cơ quan ngành dọc; Trên cơ sở các báo cáo đầu vào này, xây dựng các báo cáo tổng hợp về DCCI năm 2025.
- Bước 4: Phê duyệt và công bố kết quả đánh giá DCCI. Căn cứ văn bản trình duyệt của cơ quan phối hợp tại tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức công bố kết quả điểm số, xếp hạng và báo cáo kết quả đánh giá DCCI năm 2025. Sau đó, thực hiện chia sẻ dữ liệu thống kê, báo cáo phân tích, đánh giá, kết quả điểm số và xếp hạng DCCI năm 2025 trên môi trường Internet.
- Bước 5: Trao đổi, thảo luận với các sở/ngành địa phương về kết quả đánh giá, đưa ra các đề xuất xây dựng kế hoạch cải thiện DCCI cho các năm tiếp theo. Dựa trên các đề xuất này, các sở/ngành/địa phương chủ động xây dựng các kế hoạch cải thiện tình hình có tham vấn ý kiến của nhóm chuyên gia.

2. Phương pháp tính điểm chỉ số và xếp hạng

Phương pháp tính điểm

Sử dụng phương pháp Thang điểm Likert, các chỉ số DCCI được chuẩn hóa điểm theo thang điểm từ 1-5 tương ứng với mức độ cảm nhận từ “rất xấu” đến “rất tốt”. Các thông số đều được sắp xếp theo hướng tích cực tăng dần (giá trị càng cao càng tốt).

Chuẩn hóa điểm các chỉ tiêu đánh giá theo thang điểm 10. Điểm số Chỉ số thành phần được tổng hợp từ các chỉ tiêu, chuẩn hóa theo thang điểm 10. Điểm số tổng hợp cuối cùng được chuẩn hóa theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 100.

Phương pháp xếp hạng

	Rất tốt	Điểm số của các chỉ tiêu và chỉ số thành phần sẽ được quy đổi về thang điểm 10, sau đó tổng hợp lại thành điểm số DCCI cuối cùng.
	Tốt	
	Khá	Điểm số DCCI khối sở, DCCI khối cơ quan ngành dọc và điểm số DCCI cấp địa phương cuối cùng sẽ được quy đổi tiếp về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng.
	Trung bình khá	
	Trung bình	Với DCCI khối sở, DCCI khối cơ quan ngành dọc và DCCI khối địa phương, các đơn vị đồng thời cũng được xếp vào các nhóm năng lực điều hành: Rất tốt (≥ 90 điểm), Tốt (Từ 80 đến <90), Khá (Từ 70 đến <80), Trung bình khá (Từ 60 đến <70), Trung bình (Từ 50 đến <60), Trung bình thấp (Từ 40 đến <50), Kém (Từ 30 đến <40), Rất kém (<30).
	Trung bình thấp	
	Kém	
	Rất kém	

3. Cách tiếp cận đáp ứng giới và bao trùm

Phương pháp DCCI đáp ứng giới và bao trùm được xây dựng trên nền tảng các chủ trương, chính sách nhất quán của Trung Ương về bình đẳng giới, phát triển kinh tế bao trùm và nâng cao vai trò của các nhóm yếu thế trong phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có Nghị quyết số 28-NQ/TW về chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Tại Lào Cai, định hướng này được triển khai, với trọng tâm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ và các nhóm dễ bị tổn thương tham gia sâu hơn vào các hoạt động kinh tế.

Phương pháp này tiếp thu khung tăng cường quyền năng kinh tế cho phụ nữ của chương trình GREAT nhằm bổ sung công cụ phân tích, giúp xem xét các dịch vụ và chính sách của chính quyền trên ba chiều: mức độ dễ tiếp cận, khả năng đem lại lợi ích thực chất và tác động nâng cao quyền năng đối với các DN do nhóm yếu thế làm chủ, bao gồm phụ nữ, dân tộc thiểu số, người cao tuổi và người khuyết tật. Cách tiếp cận này cũng giúp phản án rào cản có thể phát sinh từ chất lượng thông tin, năng lực tiếp cận của người sử dụng, mức độ tin cậy đối với cơ quan cung cấp dịch vụ, hoặc thiết kế dịch vụ chưa phù hợp với nhu cầu đa dạng của các nhóm DN/HTX/HKD.

Đồng thời, khung này cũng áp dụng lăng kính giao thoa (như giới, dân tộc, khuyết tật, địa bàn) để nhận diện nhóm chịu bất lợi kép/bất lợi đa chiều như nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa có thể đồng thời gặp bất lợi về giới, dân tộc, điều kiện địa lý, trình độ học vấn, khả năng tiếp cận công nghệ và mạng lưới hỗ trợ. Các bất lợi này không tồn tại riêng lẻ, mà có thể cộng hưởng và khuếch đại lẫn nhau, khiến nhóm này khó tiếp cận thông tin, chính sách hỗ trợ và cơ hội kinh tế hơn so với các nhóm khác. Phương pháp cũng chú trọng tính phù hợp văn hóa trong truyền thông và phỏng vấn, tăng cường cơ chế phản hồi hai chiều và xem xét vai trò của nam giới/hộ gia đình như

một tác nhân có thể hỗ trợ hoặc cản trở sự tham gia kinh tế của phụ nữ. Sự kết hợp này thể hiện tính thống nhất giữa định hướng chính sách của tỉnh Lào Cai với các thông lệ quốc tế tốt trong đánh giá môi trường kinh doanh, tạo cơ sở cho các khuyến nghị chính sách có tính khả thi và phù hợp với thực tiễn địa phương, cụ thể là:

- Tiếp cận: Các dịch vụ, quy trình của các cơ quan nhà nước có những biện pháp tiếp cận hiệu quả đến các nhóm DN, bao gồm DN do người yếu thế làm chủ và giải quyết các thách thức hạn chế sự tham gia kinh doanh của họ
- Đem lại lợi ích: Các dịch vụ, chính sách và quy trình của các cơ quan nhà nước các cấp đem lại lợi ích cho DN nói chung, DN do người yếu thế làm chủ
- Nâng cao quyền năng: Các dịch vụ, hỗ trợ, chính sách và quy trình của các cơ quan nhà nước giúp DN, phụ nữ và phụ nữ dân tộc thiểu số ra quyết định trong kinh doanh

Phương pháp này cũng áp dụng nguyên tắc đáp ứng giới được phản ánh trong các chỉ số thành phần, cụ thể chỉ số Đáp ứng giới trong hoạt động quản lý và điều hành kinh tế. Các chỉ số thành phần này nhằm phản ánh các dịch vụ và quy trình công đã đóng góp như nào cho việc nâng cao quyền năng cho DN do phụ nữ làm chủ qua việc đo lường sự đáp ứng của các sở ngành, địa phương trong các khía cạnh sau đây:

- Mức độ quan tâm và tính đáp ứng của sở ngành địa phương để giải quyết các rào cản bao trùm
- Mức độ tiếng nói của DN/HTX, HKD nhóm yếu thế tham gia thông qua các quy trình của nhà nước.
- Mức độ tiếp cận và sự tham gia sử dụng các dịch vụ công của DN do các nhóm yếu thế làm chủ và mức độ lợi ích từ các dịch vụ họ nhận được từ dịch vụ công đó
- Mức độ hỗ trợ và thúc đẩy vai trò lãnh đạo của phụ nữ và các nhóm yếu thế trong kinh doanh

Do đó, trong DCCI, nhóm nghiên cứu xây dựng chỉ số thành phần riêng về các yếu tố đáp ứng giới và bao trùm, phát triển bền vững về xã hội và môi trường trong quá trình đo lường, thực thi DCCI ở cấp độ cao hơn. Cụ thể như sau:

- Xây dựng các tiêu chí, các câu hỏi về đáp ứng giới, phát triển bao trùm trong bộ câu hỏi DCCI, tương ứng với bộ chỉ số và chỉ tiêu cập nhật;
- Phân tích DCCI với số liệu tách biệt theo giới, dân tộc thiểu số và phân tích riêng các chỉ số thành phần về giới và phát triển bền vững;
- Bổ sung hệ thống các chỉ tiêu, câu hỏi về đáp ứng giới và bao trùm và chỉ số xanh, để so sánh sự khác biệt và kỳ vọng của cộng đồng DN tại các địa phương và sở ban ngành (tương ứng với chỉ số xanh được VCCI công bố năm 2022).

4. Đặc điểm mẫu khảo sát

Năm 2025, DCCI tỉnh Lào Cai tập hợp ý kiến của hơn 1.800 DN/HTX/HKD tham gia khảo sát.

Mẫu khảo sát trong DCCI khối sở, ban

DCCI sở thu về các phiếu đánh giá từ 690 DN/HTX. Tỷ lệ nữ giới làm chủ chiếm 37%.

Theo dân tộc, 88% chủ DN/HTX tham gia khảo sát là dân tộc Kinh, 10% là các DN/HTX do dân tộc thiểu số làm chủ.

Tỷ trọng chủ DN/HTX là người khuyết tật hoặc DN/HTX có lao động là người khuyết tật chiếm 1% trên tổng số DN/HTX tham gia khảo sát. Tuy nhiên, do cỡ mẫu liên quan đến người khuyết tật trong khảo sát định lượng còn rất nhỏ, kết quả này không đủ cơ sở để suy rộng thống kê cho toàn bộ nhóm DN/HTX/HKD do người khuyết tật làm chủ hoặc có lao động là người khuyết tật trên địa bàn tỉnh. Do đó, tỷ lệ này chỉ nên được xem là tín hiệu tham khảo trong mẫu khảo sát.

Để khắc phục hạn chế về cỡ mẫu, nghiên cứu đã bổ sung 10 phỏng vấn hậu kiểm với chủ cơ sở là người khuyết tật nhằm làm rõ hơn các rào cản trong tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục, sử dụng dịch vụ công và thụ hưởng chính sách hỗ trợ.

Xét về lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cơ cấu mẫu khảo sát phản ánh tương đối sát bức tranh kinh tế địa phương khi khu vực thương mại – dịch vụ chiếm đa số 72% DN/HTX DN/HTX tham gia. Tiếp theo là nhóm công nghiệp – xây dựng với 19%, trong khi lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 9%.

Theo thời gian hoạt động, hơn một nửa số DN/HTX trong mẫu khảo sát được thành lập trong vòng 5 năm trở lại đây (54%), cho thấy sự hiện diện đáng kể của các doanh nghiệp mới thành lập. Nhóm DN/HTX có thời gian hoạt động từ 6 đến 10 năm chiếm 17%, trong khi các đơn vị đã hoạt động trên 10 năm chiếm 29%, góp phần bảo đảm tính đa dạng về kinh nghiệm và mức độ hoạt động của doanh nghiệp trong mẫu khảo sát.

Theo quy mô, 95% DN/HTX tham gia khảo sát DCCI sở ban chủ yếu là DNNVV, trong đó doanh nghiệp quy mô vừa chỉ chiếm khoảng 27%, phản ánh đặc trưng phổ biến của cộng đồng doanh nghiệp địa phương hiện nay là quy mô còn nhỏ, nguồn lực hạn chế.

Mẫu khảo sát trong DCCI ngành dọc

Khảo sát DCCI ngành dọc năm 2025 thu nhận ý kiến đánh giá của 249 DN/HTX đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ nữ giới làm chủ chiếm 32%. Theo dân tộc, 94% chủ DN/HTX tham gia khảo sát là dân tộc Kinh, 6% là các DN/HTX do dân tộc thiểu số làm chủ. Tỷ trọng chủ DN/HTX là người khuyết tật hoặc DN/HTX có lao động là người khuyết tật chỉ chiếm gần 2% trên tổng số DN/HTX tham gia khảo sát.

Xét về lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chiếm đa số 69% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, 22% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng và DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ lệ 9%.

Về thời gian hoạt động, hơn một nửa số DN/HTX trong mẫu khảo sát được thành lập trong vòng 5 năm trở lại đây (51%). Nhóm DN/HTX có thời gian hoạt động từ 6 đến 10 năm chiếm 20%, trong khi các đơn vị hoạt động trên 10 năm chiếm 29%. Cơ cấu này cho thấy mẫu khảo sát bảo đảm sự tham gia của cả các doanh nghiệp mới thành lập và các doanh nghiệp có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trên thị trường.

Mẫu khảo sát DCCI địa phương

Năm 2025, DCCI địa phương được tổng hợp và phân tích dựa trên ý kiến của 871 HKD trên địa bàn Lào Cai. Trong đó, có 23% là dân tộc thiểu số. Phụ nữ làm chủ các HKD chiếm 55% mẫu khảo sát, phản ánh vai trò của phụ nữ trong kinh tế hộ kinh doanh.

Số lượng chủ HKD là người khuyết tật hoặc sử dụng lao động là người khuyết tật chiếm gần 1% trong tổng số mẫu tham gia khảo sát. Mặc dù quy mô nhóm này còn nhỏ, các kết quả thu thập được vẫn cung cấp những tín hiệu tham khảo về mức độ tiếp cận và tính bao trùm của môi trường kinh doanh đối với người khuyết tật.

Theo lĩnh vực ngành nghề, trong tổng số các HKD tham gia vào khảo sát DCCI địa phương, chiếm đa số là các HKD hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ (85%), 4% HKD hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng, và 11% HKD làm về nông lâm nghiệp thủy sản.

Trong tổng số HKD tham gia khảo sát, 32% HKD mới thành lập cách đây 2 năm, 22% thành lập cách đây từ 2-5 năm, 15% HKD thành lập cách đây từ 6-10 năm và 31% thành lập cách đây trên 10 năm.

Trung bình, một HKD thu hút 1-2 lao động, phù hợp với đặc trưng sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ và quy mô hộ kinh doanh phổ biến.

Phụ lục 2. Hồ sơ DCCI sở, ban theo lĩnh vực

1. Đăng ký kinh doanh

ĐIỂM SỐ 74,50		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,43	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,23	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,89	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,80	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	7,00	Khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,39	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,15	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,48	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,68	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Đăng ký kinh doanh đạt 74,50 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy đây là lĩnh vực có mặt bằng điều hành tương đối đồng đều, khi cả 9/9 chỉ số thành phần đều thuộc nhóm Khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở chi phí tuân thủ đạt 7,89 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,80 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,68 điểm, và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,48 điểm. Tuy nhiên, lĩnh vực này vẫn còn dư địa cải thiện ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 7,00 điểm, tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,15 điểm, và một số nội dung thuộc minh bạch, tham vấn, phản hồi kiến nghị.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi là trụ cột có nền tảng khá tốt của lĩnh vực Đăng ký kinh doanh, đặc biệt ở giảm chi phí tuân thủ và xử lý thủ tục. Có 63,8% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn trình tự, hồ sơ TTHC. Về thời gian xử lý, 93,2% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động được thực hiện đúng quy định hoặc nhanh hơn; với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, tỷ lệ này đạt 92,4%. Về hồ sơ, 81,9% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 44,8% được chấp nhận ngay từ đầu. Ngoài ra, 71,8% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Những kết quả này cho thấy lĩnh vực đăng ký kinh doanh có điểm mạnh ở khâu đầu vào thị trường, thủ tục cơ bản tương đối thông suốt và ít tạo độ trễ lớn cho cơ sở kinh doanh.

Điểm sáng rõ hơn của Trụ cột 1 là chi phí tuân thủ. Có 92,4% đánh giá thời gian thực hiện các thủ tục/công việc đúng quy định hoặc sớm hơn; 56,1% hài lòng với thái độ phục vụ của cán bộ; 53,5% hài lòng với chuyên môn và hiệu quả giải quyết công việc. Gánh nặng thanh tra, kiểm tra không quá lớn: 87,6% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra, 78,9% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 83,7% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Về chi phí không chính thức, 72,5% cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 71,6%. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này là minh bạch và trách nhiệm giải trình: chỉ 46,7% đánh giá tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 55,2% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử; 34,3% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Dù 71,9% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi kiến nghị, chỉ 47,7% hài lòng với chất lượng phản hồi. Như vậy, lĩnh vực này đã khá tốt ở xử lý hồ sơ, nhưng cần cải thiện thêm ở công khai thông tin, tham vấn sớm và chất lượng giải trình sau phản ánh.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh có kết quả khá tích cực ở môi trường cạnh tranh bình đẳng, nhưng hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn là điểm cần cải thiện. Ở nội dung cạnh tranh bình đẳng, 56,7% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 64,8% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chính sách hỗ trợ; 65,4% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 67,3% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 66,3% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Đây là nền tảng tích cực, cho thấy lĩnh vực đăng ký kinh doanh không bị đánh giá thấp về đối xử phân biệt trong thực thi thông thường.

Tuy nhiên, vẫn có một tín hiệu cần lưu ý: 48,6% người trả lời đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế trong lĩnh vực này thuận lợi hơn với các đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Điều này không phủ nhận kết quả khá tốt về cạnh tranh bình đẳng, nhưng cho thấy niềm tin về công bằng trong tiếp cận nguồn lực, cơ hội và hỗ trợ vẫn chưa thật sự chắc. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 43,8% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 46,6% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 45,2% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả, trong khi 52,9% chỉ đánh giá ở mức bình thường. Điều này cho thấy hoạt động hỗ trợ sau đăng ký chưa thật sự tạo cảm nhận mạnh về tính thiết thực. Như vậy, trụ cột 2 cần tập trung vào chất lượng hỗ trợ thực chất, tiêu chí tiếp cận minh bạch hơn và xử lý phản ánh có kết quả rõ hơn.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo cho thấy lĩnh vực Đăng ký kinh doanh có điểm khá ở vai trò điều hành, nhưng các nội dung phát triển theo chiều sâu chưa thật sự bứt phá. Về tăng trưởng bền vững, 72,3% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi

trường; trong đó 42,6% áp dụng tương đối đầy đủ hoặc tích cực nhiều biện pháp. Tuy nhiên, chỉ 44,2% đánh giá lĩnh vực này tích cực hoặc rất tích cực trong hướng dẫn, hỗ trợ công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 45,7% đánh giá chương trình, ưu đãi cho dự án đầu tư xanh là khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm cũng ở mức trung bình khá: 53,3% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ hoặc rất dễ tiếp cận với người khuyết tật; 50,4% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 66,7% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, hỗ trợ nhóm yếu thế kết nối mạng lưới kinh doanh mới đạt 47,1% đánh giá tích cực hoặc rất tích cực.

Ở nhóm phát triển kinh tế tư nhân, các chỉ tiêu có mặt bằng khá nhưng chưa tạo đột phá. Khoảng 53–56% đánh giá tốt hoặc rất tốt đối với các nội dung như đổi mới tư duy, bảo vệ quyền lợi kinh tế tư nhân, tạo thuận lợi tiếp cận đất đai/vốn/nhân lực, thúc đẩy khoa học công nghệ, kết nối doanh nghiệp, hỗ trợ DN nhỏ và hộ kinh doanh. Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu vẫn có tỷ lệ “bình thường” trên 40%, ví dụ 44,8% đánh giá bình thường về hình thành và phát triển doanh nghiệp lớn, 42,7% đánh giá bình thường về hỗ trợ DN nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Các hoạt động đổi mới sáng tạo, thương mại điện tử và R&D còn dư địa cải thiện: chỉ 34,2% thường xuyên hoặc luôn được giới thiệu, hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử/kết nối doanh nghiệp; 36,5% đánh giá hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới mô hình kinh doanh là khá/rất hiệu quả; và 39,0% đồng ý rằng chính sách hỗ trợ đổi mới mô hình kinh doanh, đổi mới sáng tạo là dễ tiếp cận và thực chất.

Điểm tích cực nhất của Trụ cột 3 là sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền. Có 64,8% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 59,0% đánh giá năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới; 61,9% cho rằng chương trình, hành động tạo thuận lợi cho DN/HTX/HKD là ổn định và nhất quán. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu then chốt vẫn chưa cao: chỉ 56,2% cho rằng lãnh đạo đã hành động rõ để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh, và 54,3% cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Điều này cho thấy vai trò kiến tạo đã được ghi nhận, nhưng cần đi xa hơn từ thái độ tích cực sang giải pháp cụ thể, theo đuổi vấn đề đến cùng và xử lý vướng mắc sau đăng ký.

Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh có điểm mạnh ở xử lý TTHC, kiểm soát chi phí tuân thủ, mức độ công bằng trong thực thi và thái độ điều hành tương đối tích cực. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng minh bạch và trách nhiệm giải trình, nhất là phản hồi kiến nghị và tham vấn chính sách; mở rộng và làm thực chất hơn hỗ trợ sản xuất kinh doanh sau đăng ký; đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu, thông qua hỗ trợ chuyển đổi số, R&D, đổi mới mô hình kinh doanh, kết nối thị trường và các chương trình phù hợp hơn với DN nhỏ, HTX và hộ kinh doanh.

2. Đầu tư

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
73,83		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,46	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,26	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,80	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,55	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,90	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,39	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,08	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,34	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,67	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Đầu tư đạt 73,83 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy chất lượng điều hành của lĩnh vực này tương đối đồng đều, khi cả 9/9 chỉ số thành phần đều thuộc nhóm Khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở chi phí tuân thủ đạt 7,80 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,67 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,55 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,46 điểm. Nội dung còn dư địa cải thiện rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,90 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,08 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Đầu tư có kết quả khá tích cực về thực hiện thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có 56,8% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn TTHC; 95,1% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động được thực hiện đúng quy định hoặc nhanh hơn; 95,0% đánh giá thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng hoặc nhanh hơn quy định. Về hồ sơ, 88,8% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; 70,0% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Chi phí tuân thủ cũng là điểm mạnh khi 92,5% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 83,7% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 79,1% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra. Tuy nhiên, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình vẫn cần cải thiện: chỉ 48,2% đánh giá tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc

rất dễ; 33,8% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, góp ý chính sách; và chỉ 43,7% hài lòng với chất lượng phản hồi khi có kiến nghị.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực Đầu tư có nền tảng khá về cạnh tranh bình đẳng nhưng hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa thật sự nổi bật. Có 54,5% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 58,2% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 56,9% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 57,7% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Tuy nhiên, vẫn có 45,6% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ, cho thấy cảm nhận về công bằng thực chất cần tiếp tục được củng cố. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 42,4% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 40,7% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 38,8% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Điều này cho thấy các chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực đầu tư cần được truyền thông rõ hơn, dễ tiếp cận hơn và gắn sát hơn với nhu cầu thực tế của DN/HTX/HKD.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Đầu tư có điểm sáng ở thái độ điều hành và vai trò kiến tạo của chính quyền. Có 65,0% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 62,5% đánh giá cơ quan linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 60,0% đánh giá năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; và 64,6% đồng ý rằng cơ quan thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Tuy nhiên, các nội dung phát triển theo chiều sâu vẫn còn hạn chế. Chỉ 40,0% đánh giá tích cực về hướng dẫn, hỗ trợ công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 37,5% đánh giá chương trình, ưu đãi cho dự án đầu tư xanh là khá/rất hiệu quả; và các hỗ trợ đổi mới sáng tạo, R&D, thương mại điện tử mới đạt mức khoảng 36–44% đánh giá tích cực.

Lĩnh vực lĩnh vực Đầu tư có điểm mạnh ở xử lý TTHC, kiểm soát chi phí tuân thủ, cạnh tranh tương đối bình đẳng và vai trò điều hành khá chủ động. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng minh bạch, tham vấn và phản hồi kiến nghị; mở rộng độ phủ và tính thực chất của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu, nhất là hỗ trợ đổi mới sáng tạo, R&D, chuyển đổi số, đầu tư xanh và tiếp cận nguồn lực một cách công khai, bình đẳng hơn.

3. Tài chính

ĐIỂM SỐ 73,83		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,39	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,17	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,70	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,41	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,98	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,46	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,00	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,52	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,82	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Tài chính đạt 73,83 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối đồng đều. Điểm mạnh nổi bật nằm ở sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,82 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,70 điểm, thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,52 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,46 điểm. Nội dung còn cần cải thiện là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,98 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,00 điểm.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi có kết quả khá tích cực ở thực hiện TTHC và chi phí tuân thủ. Có 50,0% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục; 91,9% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; 93,2% đánh giá thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 81,9% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; 72,9% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Chi phí tuân thủ là điểm mạnh rõ hơn: 91,9% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 83,5% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 81,1% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 83,6% cho rằng nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, minh bạch và giải trình vẫn cần cải thiện: chỉ 45,9% đánh giá tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ/rất dễ; 47,3% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử; 30,1% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn; và chỉ 45,9% hài lòng với chất lượng phản hồi khi có kiến nghị.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh đạt mức khá, nhưng chưa thật sự nổi bật ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu về công bằng trong thực thi tương đối ổn: 54,0% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 55,4% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 56,8% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 55,4% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Tuy nhiên, vẫn có 39,7% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Đây là tín hiệu cần lưu ý vì có thể làm giảm cảm nhận về công bằng thực chất. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 40,9% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 45,2% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá/rất dễ; và 45,8% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Các nội dung hiệu lực thể chế đạt mức trung bình khá đến khá, với khoảng 52–57% đánh giá tích cực về tuyên truyền chính sách, thực hiện chính sách, giải quyết phản ánh và biện pháp hỗ trợ/bảo vệ khi có kiến nghị.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo có điểm sáng rõ ở vai trò điều hành, nhưng các nội dung phát triển theo chiều sâu còn dư địa cải thiện. Về phát triển bền vững, 68,0% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; tuy nhiên chỉ 39,5% đánh giá lĩnh vực này tích cực/rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 41,4% đánh giá chương trình, ưu đãi cho dự án đầu tư xanh là khá/rất hiệu quả. Các nội dung về hỗ trợ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng chưa cao: 40,9% thường xuyên hoặc luôn được giới thiệu giải pháp chuyển đổi số; 32,3% thường xuyên hoặc luôn được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử/kết nối doanh nghiệp; 38,1% đồng ý rằng có hỗ trợ cụ thể cho R&D.

Điểm tích cực nhất của Trụ cột 3 là vai trò kiến tạo của chính quyền. Có 65,3% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 64,8% đánh giá linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 62,0% đánh giá năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 67,6% cho rằng lãnh đạo đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; và 63,9% cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Lĩnh vực Tài chính cần tiếp tục nâng chất lượng minh bạch và phản hồi kiến nghị, làm thực chất hơn hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời gắn chính sách tài chính với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, đầu tư xanh và hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân phát triển bền vững hơn.

4. Công nghiệp, Thương mại

ĐIỂM SỐ 73,76		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,26	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,33	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,58	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,64	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,71	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,56	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,25	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,40	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,65	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Công nghiệp, Thương mại đạt 73,76 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,71 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,65 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,64 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,58 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,56 điểm. Các nội dung còn cần cải thiện là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường và chất lượng hỗ trợ sau thủ tục.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Công nghiệp, Thương mại có kết quả khá tích cực ở xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có 65,4% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 94% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn. Tuy nhiên, vẫn còn 26,9% phải bổ sung hồ sơ 2–3 lần, cho thấy khâu hướng dẫn ban đầu cần tiếp tục chuẩn hóa hơn. Về minh bạch và giải trình, kết quả có điểm tích cực nhưng chưa thật sự mạnh. 52% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 57% hài lòng với chất lượng thông tin trên cổng thông tin điện tử. Tuy nhiên, chỉ 31% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách; 62% chỉ ở mức thỉnh thoảng. Khi có kiến nghị, 83% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, nhưng chỉ 52,9% hài lòng với chất lượng phản hồi. Về chi phí tuân thủ, 77,6% cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là

không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 82,0%. Tuy vậy, tần suất kiểm tra còn cần lưu ý khi chỉ 42,0% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra trong năm.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực này có điểm mạnh ở cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Có 52,9% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 60,8% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 60,8% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 64,7% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 68,7% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Các chỉ tiêu về hiệu lực thể chế cũng tương đối ổn: 61% đánh giá thực hiện chính sách hiệu quả; 55,8% đánh giá giải quyết phản ánh, kiến nghị hiệu quả và 55,8% đánh giá các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ DN/HTX/HKD khi có phản ánh là hiệu quả. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh là điểm yếu tương đối rõ. Chỉ 38,5% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 32,7% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá/rất dễ; và 40,4% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Điều này cho thấy các chương trình hỗ trợ trong lĩnh vực Công nghiệp, Thương mại tuy đã hiện diện nhưng độ phủ, mức độ dễ tiếp cận và hiệu quả cảm nhận chưa cao.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực này có điểm sáng ở vai trò điều hành. Có 71,2% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 63,4% đánh giá cơ quan linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 61,5% đánh giá năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 61,6% cho rằng lãnh đạo đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; và 59,6% cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Các nội dung phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo có tín hiệu khá nhưng chưa bứt phá. 72,5% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 54,9% đánh giá lĩnh vực tích cực hỗ trợ công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 51,0% đánh giá các chương trình ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Tuy nhiên, các hỗ trợ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo vẫn còn dư địa lớn: 46,2% thường xuyên hoặc luôn được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử/kết nối doanh nghiệp; 45,1% đánh giá hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới mô hình kinh doanh khá/rất hiệu quả; và 46,2% đồng ý rằng có hỗ trợ cụ thể cho R&D.

Lĩnh vực Công nghiệp, Thương mại có điểm mạnh ở chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thể chế và vai trò kiến tạo của chính quyền. Để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng hướng dẫn hồ sơ và phản hồi kiến nghị; mở rộng độ phủ, đơn giản hóa thủ tục và tăng hiệu quả các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; đồng thời đẩy mạnh hỗ trợ chuyển đổi số, thương mại điện tử, R&D, đổi mới sáng tạo và đầu tư xanh cho DN/HTX/HKD trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

5. Quản lý thị trường

ĐIỂM SỐ 74,86		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	N/A	N/A
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,35	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,56	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,79	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,94	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,55	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,31	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,61	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,78	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Quản lý thị trường đạt 74,86 điểm, thuộc nhóm Khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,79 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,78 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,55 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,56 điểm và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,61 điểm. Nội dung còn dư địa cải thiện là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,94 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Quản lý thị trường có kết quả khá tốt ở minh bạch, phản hồi kiến nghị và kiểm soát chi phí không chính thức. Có 41,7% DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ/rất dễ; 90,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị; 61,7% hài lòng với chất lượng phản hồi. Tuy nhiên, hoạt động tham vấn chính sách chưa thật sự mạnh khi chỉ 34% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, góp ý chính sách. Về chi phí tuân thủ, 96,7% đánh giá thời gian xử lý công việc đúng quy định hoặc sớm hơn. Gánh nặng thanh tra, kiểm tra nhìn chung được kiểm soát, nhưng vẫn cần lưu ý tần suất kiểm tra: 63% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra, trong khi với kiểm tra tỷ lệ này chỉ đạt 47%; 43% phải tiếp 2–3 đoàn kiểm tra trong năm. Điểm tích cực là 79,0% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp; 66,7% cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện công việc là không phổ biến/hoàn toàn không có, và tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 71,2%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực Quản lý thị trường có điểm mạnh rõ ở cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Có 57% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 61,6% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 68,3% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 66,7% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 68,3% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Tuy nhiên, chỉ 49,1% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng, không ưu ái đơn vị có quan hệ quen biết, cho thấy cảm nhận về công bằng thực chất vẫn cần được củng cố. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, 43,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến/tham gia chương trình hỗ trợ; 35,0% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 46,6% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Đây là nhóm chỉ số thấp nhất của lĩnh vực, cho thấy hỗ trợ cần được truyền thông rõ hơn, dễ tiếp cận hơn và sát hơn với nhu cầu thực tế. Về hiệu lực thể chế, các tỷ lệ đánh giá tích cực ở mức khá: 60,0% đánh giá thực hiện chính sách hiệu quả; 56,7% đánh giá giải quyết phản ánh, kiến nghị hiệu quả; và 54% đánh giá biện pháp hỗ trợ, bảo vệ khi có phản ánh là hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Quản lý thị trường có kết quả khá tích cực. Có 84,7% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 52,6% đánh giá lĩnh vực tích cực/rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 48,3% đánh giá chương trình, ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm cũng đạt mức khá: 56,7% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ/rất dễ tiếp cận với người khuyết tật; 55,0% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp; và 66,7% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, 58,3% đánh giá thông tin, số liệu của lĩnh vực khá dễ/rất dễ tiếp cận; 60,0% đánh giá nền tảng số tốt/rất tốt; nhưng tỷ lệ thường xuyên được hướng dẫn về chuyển đổi số và thương mại điện tử mới đạt 40,0%, cho thấy còn dư địa hỗ trợ theo chiều sâu. Điểm sáng của trụ cột này là vai trò kiến tạo: 65,0% đồng ý rằng thái độ của cơ quan đối với khu vực tư nhân là tích cực; 66,7% đánh giá linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 66,7% đánh giá năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 65,0% cho rằng lãnh đạo đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; và 63,4% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Lĩnh vực Quản lý thị trường có điểm mạnh ở cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thực thi, chi phí tuân thủ và vai trò kiến tạo của chính quyền. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào ba hướng: tăng tham vấn và đối thoại chính sách, giảm áp lực kiểm tra và bảo đảm kiểm tra có trọng tâm, không trùng lặp, đồng thời nâng chất lượng hỗ trợ sản xuất kinh doanh, nhất là hỗ trợ chuyển đổi số, thương mại điện tử, đổi mới sáng tạo, R&D và các chương trình hỗ trợ thực chất cho DN nhỏ, HTX và hộ kinh doanh.

6. Khoa học và Công nghệ

ĐIỂM SỐ 75,18		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,53	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,47	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,88	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,89	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,67	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,52	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,11	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,75	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,84	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Khoa học và Công nghệ đạt 75,18 điểm, thuộc nhóm Khá. Đây là lĩnh vực có kết quả tương đối tích cực, với 8/9 chỉ số thành phần đạt nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,67 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,89 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,88 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,84 điểm, thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,75 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,53 điểm. Điểm nghẽn chính vẫn là mức độ hỗ trợ trực tiếp cho DN/HTX/HKD trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, R&D và tiếp cận các chương trình khoa học - công nghệ.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Khoa học và Công nghệ có kết quả khá tốt ở thực hiện thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có khoảng 60% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục; trên 90% đánh giá thời gian xử lý thủ tục đúng quy định hoặc nhanh hơn; và phần lớn hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần. Chi phí tuân thủ là điểm mạnh rõ hơn, thể hiện qua mức điểm 7,88, cho thấy thời gian xử lý công việc, tần suất thanh tra - kiểm tra và chi phí ngoài quy định nhìn chung được kiểm soát tương đối tốt. Tuy nhiên, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 7,47 điểm, vẫn còn dư địa cải thiện ở công khai thông tin về chương trình KH&CN, tiêu chí hỗ trợ, quy trình xét chọn nhiệm vụ, cũng như chất lượng phản hồi khi DN/HTX/HKD có kiến nghị.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, điểm sáng của lĩnh vực là môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,89 điểm, cao nhất trong các chỉ số thành phần. Kết quả này cho thấy cộng đồng kinh doanh nhìn nhận tương đối tích cực về tính công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội tham gia chương trình hỗ trợ, thực hiện thủ tục và xử lý kiến nghị. Hiệu lực thể chế đạt 7,52 điểm, phản ánh nền tảng thực thi chính sách khá ổn. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 6,67 điểm, là chỉ số thấp nhất của lĩnh vực. Theo dữ liệu %, tỷ lệ DN/HTX/HKD thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia các chương trình hỗ trợ chưa cao; nhiều đơn vị vẫn đánh giá hiệu quả hỗ trợ ở mức bình thường. Điều này cho thấy các chương trình hỗ trợ KH&CN tuy có triển khai nhưng chưa đủ rộng, chưa thật dễ tiếp cận, hoặc chưa gắn sát với nhu cầu thực tế của DN nhỏ, HTX và hộ kinh doanh.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Khoa học và Công nghệ có kết quả khá tích cực. Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,84 điểm, cho thấy cơ quan phụ trách lĩnh vực được đánh giá tốt về thái độ điều hành, khả năng linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật và nỗ lực đồng hành với khu vực tư nhân. Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,75 điểm, phản ánh vai trò tương đối rõ của lĩnh vực KH&CN trong thúc đẩy đổi mới mô hình kinh doanh, ứng dụng công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới chỉ đạt 7,11 điểm, cho thấy các nội dung như công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, đầu tư xanh, hỗ trợ nhóm yếu thế và thúc đẩy đổi mới sáng tạo bao trùm vẫn chưa thật sự nổi bật. Các chỉ tiêu về R&D, thương mại điện tử, chuyển đổi số và hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cần được triển khai thực chất hơn, thay vì chỉ dừng ở tuyên truyền hoặc giới thiệu chương trình.

Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ có điểm mạnh ở chi phí tuân thủ thấp, cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thực thi khá ổn và vai trò kiến tạo tương đối tích cực. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào ba hướng: nâng tính minh bạch trong thông tin, tiêu chí và quy trình hỗ trợ KH&CN; mở rộng độ phủ và tính thực chất của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; đồng thời đẩy mạnh hỗ trợ DN/HTX/HKD đổi mới sáng tạo, R&D, chuyển đổi số, thương mại điện tử, công nghệ sạch và đầu tư xanh, nhất là đối với nhóm DN nhỏ và hộ kinh doanh có năng lực tiếp cận chính sách còn hạn chế.

7. Thông tin truyền thông

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
73,67		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,49	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,34	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,66	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,63	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,67	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,42	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,00	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,49	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,60	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Thông tin truyền thông đạt 73,67 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,67 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Các điểm mạnh nổi bật nằm ở chi phí tuân thủ đạt 7,66 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,63 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,60 điểm, cùng với thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân cùng đạt 7,49 điểm. Điểm cần cải thiện rõ nhất là độ phủ và tính thiết thực của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Thông tin truyền thông có kết quả khá tốt ở xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có 72,1% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 97,8% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; 97,7% đánh giá thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 79,1% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; 90,7% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Chi phí tuân thủ cũng là điểm mạnh: 100% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 82,0% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 92,1% cho rằng nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp; 76,3% đánh giá chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn

không có. Tuy nhiên, minh bạch và tham vấn vẫn còn dư địa cải thiện: chỉ 50,0% đánh giá dễ/rất dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; 31,7% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực này có nền tảng khá về cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Có 74,3% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 76,9% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 66,6% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 69,2% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Các nội dung về hiệu lực thể chế cũng tương đối tích cực, với 66,7% đánh giá hiệu quả tuyên truyền, phổ biến chính sách; 66,6% đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách; và 66,7% đánh giá hiệu quả giải quyết phản ánh, kiến nghị. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 43,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 35,9% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 41,1% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Điều này cho thấy hoạt động hỗ trợ đã có nhưng chưa đủ rộng, chưa thật dễ tiếp cận và chưa tạo cảm nhận mạnh về hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Thông tin truyền thông có kết quả khá tích cực ở vai trò điều hành và thúc đẩy kinh tế tư nhân. Có 64,1% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 51,3% đánh giá lĩnh vực tích cực hỗ trợ công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 56,4% đánh giá các chương trình ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá hiệu quả. Ở nhóm chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, 46,2% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia chương trình, hướng dẫn ứng dụng giải pháp chuyển đổi số; 48,7% thường xuyên hoặc luôn được giới thiệu, hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử/kết nối doanh nghiệp; 53,8% đánh giá hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới mô hình kinh doanh khá/rất hiệu quả. Điểm sáng rõ hơn nằm ở vai trò kiến tạo: 74,4% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 71,7% đánh giá cơ quan linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 69,2% đánh giá năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; và 71,0% cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Lĩnh vực Thông tin truyền thông có điểm mạnh ở xử lý TTHC, kiểm soát chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng và vai trò kiến tạo tương đối tích cực. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng minh bạch và tham vấn chính sách; mở rộng độ phủ, đơn giản hóa thủ tục và tăng hiệu quả các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; đồng thời đẩy mạnh hỗ trợ chuyển đổi số, thương mại điện tử, dữ liệu số, R&D và đổi mới mô hình kinh doanh, nhất là đối với DN nhỏ, HTX và hộ kinh doanh.

8. Chuyển đổi số

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
74,91		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,60	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,53	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,72	Tốt
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,83	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,87	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,47	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,03	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,74	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,63	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Chuyển đổi số đạt 74,91 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối tích cực, với điểm mạnh nổi bật ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,83 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,72 điểm, thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,74 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,63 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,60 điểm. Nội dung còn cần cải thiện rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,87 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Chuyển đổi số có kết quả tốt ở xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có 70,6% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 100% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động và thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện được thực hiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. 78,1% hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; 87,9% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Chi phí tuân thủ cũng là điểm sáng khi 100% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 80,0% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 86,2% cho rằng nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp; 76,7% đánh giá chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có. Tuy nhiên, vẫn còn dư địa cải thiện ở minh bạch và tham vấn: 64,7% đánh giá dễ/rất dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; 70,6% hài lòng với thông

tin trên cổng thông tin điện tử; nhưng chỉ 47,1% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực này có kết quả nổi bật về cạnh tranh bình đẳng. Có 74,2% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 83,9% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 77,4% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC và trong thanh tra, kiểm tra; 80,6% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Tuy nhiên, một điểm cần lưu ý là 71,0% vẫn đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Điều này cho thấy cảm nhận về công bằng trong quy trình thực thi khá tốt, nhưng niềm tin về công bằng trong tiếp cận nguồn lực vẫn chưa thật sự chắc. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, 56,7% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 51,6% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá dễ; nhưng chỉ 48,4% đánh giá chương trình hỗ trợ khá hiệu quả. Đây là nguyên nhân chính khiến chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa đạt mức cao.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Chuyển đổi số có nhiều tín hiệu tích cực. Về phát triển bền vững, 71,0% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 61,3% đánh giá lĩnh vực tích cực hỗ trợ công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; và 61,3% đánh giá các chương trình, ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá hiệu quả. Về bao trùm, 71,0% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật; 64,5% đánh giá tích cực trong hỗ trợ nhóm yếu thế kết nối mạng lưới kinh doanh. Các nội dung chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo cũng có kết quả khá: 71,0% đánh giá chất lượng nền tảng số tốt; 67,7% cho rằng lĩnh vực có quan tâm đến R&D; 71,0% đồng ý rằng có hỗ trợ cụ thể cho R&D; 51,6% thường xuyên được mời tham gia chương trình hướng dẫn ứng dụng chuyển đổi số; 53,3% thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành. Điểm sáng nữa là vai trò kiến tạo của cơ quan phụ trách lĩnh vực. Có 80,6% đồng ý rằng thái độ của cơ quan đối với khu vực tư nhân là tích cực; 71,0% đánh giá cơ quan linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 74,2% đánh giá năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 71,0% cho rằng lãnh đạo đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; và 77,4% cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Lĩnh vực Chuyển đổi số có điểm mạnh ở xử lý TTHC, chi phí tuân thủ thấp, cạnh tranh bình đẳng, nền tảng số và vai trò kiến tạo. Để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào mở rộng tham vấn chính sách, minh bạch hóa tiếp cận nguồn lực, và nâng hiệu quả thực chất của các chương trình hỗ trợ, nhất là hỗ trợ DN nhỏ, HTX và HKD ứng dụng chuyển đổi số, thương mại điện tử, R&D và đổi mới mô hình kinh doanh.

9. Giáo dục đào tạo

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
74,02		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,48	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,26	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,71	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,73	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,79	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,57	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,95	Trung bình khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,39	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,74	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Giáo dục đào tạo đạt 74,02 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối tích cực, với 7/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá, trong khi hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,79 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,95 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Các điểm mạnh nổi bật nằm ở sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,74 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,73 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,57 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,48 điểm. Điểm cần cải thiện rõ nhất là độ phủ, tính dễ tiếp cận và hiệu quả thực chất của các chương trình hỗ trợ.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Giáo dục đào tạo có kết quả khá tốt ở xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. 64% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 94% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động được thực hiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 85% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần. Chi phí tuân thủ là điểm sáng rõ nhất: 96% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 87% cho rằng nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp; 85% đánh giá chi phí không chính thức trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có. Tuy nhiên, minh bạch và tham vấn vẫn còn dư địa cải thiện: chỉ 47% đánh giá dễ/rất dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách và chỉ 29,8% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Dù

87% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, chỉ 53% hài lòng với chất lượng phản hồi, cho thấy cần nâng chất lượng giải trình sau phản ánh.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực này có điểm mạnh ở cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Có 61,7% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 71,7% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 68,1% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 65,9% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 71,7% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng 57,4% vẫn đồng ý với nhận định việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với các đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Đây là tín hiệu cho thấy cảm nhận về công bằng thực chất trong tiếp cận nguồn lực vẫn chưa thật sự chắc. Điểm yếu rõ hơn của trụ cột này là hỗ trợ sản xuất kinh doanh: chỉ 38,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 36,2% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 38,3% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Trong khi đó, hiệu lực thể chế tương đối tích cực hơn, với 63,9% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 70,2% đánh giá thực hiện chính sách hiệu quả; và 65,9% đánh giá giải quyết phản ánh, kiến nghị hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Giáo dục đào tạo có điểm mạnh ở vai trò điều hành, nhưng các nội dung phát triển theo chiều sâu còn chưa nổi bật. Có 60% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; tuy nhiên chỉ 47% đánh giá lĩnh vực tích cực/rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng. Các nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo cũng còn hạn chế: 36% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia chương trình hướng dẫn ứng dụng chuyển đổi số. Điểm tích cực của Trụ cột 3 là vai trò kiến tạo của chính quyền. Có 66% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực và 67% đồng ý rằng cơ quan thực hiện đúng chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Lĩnh vực Giáo dục đào tạo có điểm mạnh ở xử lý TTHC, kiểm soát chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thực thi và vai trò kiến tạo tương đối tích cực. Để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào nâng chất lượng minh bạch và tham vấn chính sách, mở rộng độ phủ và tăng hiệu quả chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh hỗ trợ chuyển đổi số, R&D, đổi mới mô hình hoạt động, đầu tư xanh và tiếp cận nguồn lực công bằng hơn cho DN/HTX/HKD trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

10. Lao động, an toàn lao động

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
73,67		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,25	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,26	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,41	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,63	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,95	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,61	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,19	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,45	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,55	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Lao động, an toàn lao động đạt 73,67 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,95 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Các điểm mạnh nổi bật nằm ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,63 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,61 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,55 điểm, thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,45 điểm và chi phí tuân thủ đạt 7,41 điểm. Nội dung cần cải thiện rõ nhất là độ phủ và hiệu quả thực chất của các chương trình hỗ trợ.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Lao động, an toàn lao động có kết quả khá tích cực ở xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có 65,0% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 98,3% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn. Tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần mới đạt 62,3%, cho thấy khâu hướng dẫn ban đầu vẫn còn dư địa cải thiện. Về minh bạch, 50,8% đánh giá dễ/rất dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách nhưng chỉ 31,2% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Khi có kiến nghị, 82,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, song chỉ 52,4% hài lòng với chất lượng phản hồi. Về chi phí tuân thủ, 98,4% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 66,6% cho rằng chi phí không

chính thức trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 73,8%. Tuy nhiên, tần suất kiểm tra cần lưu ý khi chỉ 49,2% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra trong năm.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực này có điểm mạnh ở cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Có 65,6% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 59,0% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 62,3% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 60,0% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 58,3% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Các nội dung về hiệu lực thể chế cũng tương đối tích cực: 65,6% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 70,5% đánh giá thực hiện chính sách hiệu quả; 62,3% đánh giá giải quyết phản ánh, kiến nghị hiệu quả; và 63,9% đánh giá các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ DN/HTX/HKD khi có phản ánh là hiệu quả. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn là điểm yếu tương đối: chỉ 42,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 39,3% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 40,9% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Điều này cho thấy các hoạt động hỗ trợ đã có nhưng chưa đủ rộng, chưa thật dễ tiếp cận và chưa tạo cảm nhận mạnh về hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Lao động, an toàn lao động có một số tín hiệu tích cực. Có 88,4% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 50,8% đánh giá lĩnh vực tích cực/rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; và 49,2% đánh giá chương trình ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm ở mức khá: 54,1% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 55,7% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 63,9% đánh giá lĩnh vực đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số, thương mại điện tử và đổi mới sáng tạo còn hạn chế hơn: chỉ 38,3% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia chương trình hướng dẫn chuyển đổi số; 34,4% thường xuyên được giới thiệu, hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử/kết nối doanh nghiệp; 45,0% đánh giá hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới mô hình kinh doanh khá/rất hiệu quả.

Lĩnh vực Lao động, an toàn lao động có điểm mạnh ở xử lý thủ tục đúng hạn, chi phí tuân thủ tương đối kiểm soát được, cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào nâng chất lượng hướng dẫn hồ sơ, tăng tham vấn chính sách, giảm áp lực kiểm tra lặp lại, mở rộng chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh hỗ trợ chuyển đổi số, thương mại điện tử, R&D và các chương trình phát triển bền vững phù hợp với DN nhỏ, HTX và HKD.

11. Dạy nghề

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
72,74		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,20	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,22	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,51	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,45	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	7,00	Khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,26	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,20	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,24	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,39	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Dạy nghề đạt 72,74 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối đồng đều, với 9/9 chỉ số thành phần đều thuộc nhóm Khá, nhưng chưa có chỉ số nào đạt nhóm Tốt. Điểm mạnh tương đối nằm ở chi phí tuân thủ đạt 7,51 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,45 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,39 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,26 điểm. Các nội dung còn cần cải thiện là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 7,00 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,20 điểm, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,20 điểm và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình đạt 7,22 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Dạy nghề có kết quả tích cực ở thời gian xử lý thủ tục, nhưng chất lượng hướng dẫn và minh bạch vẫn còn dư địa cải thiện. Có 50,0% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Tuy nhiên, chỉ 64,3% hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; trong đó chỉ 16,7% được chấp nhận ngay từ đầu, còn 33,3% vẫn phải bổ sung 2–3 lần. Điều này cho thấy thủ tục không bị đánh giá là chậm, nhưng khâu hướng dẫn ban đầu cần rõ hơn để giảm số lần bổ sung hồ sơ. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, chỉ 44% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 51,2% hài lòng với chất lượng thông tin trên cổng thông tin điện tử. Đáng chú ý, chỉ 27,5% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại,

tham vấn chính sách. Dù 90,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, tỷ lệ hài lòng với chất lượng phản hồi chỉ đạt 59,0%. Ở nội dung chi phí tuân thủ, kết quả tích cực hơn: 97,4% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 70,0% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 57,5% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 80,0% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc không trùng lặp. Chi phí không chính thức nhìn chung được kiểm soát khi 69,2% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 70,0%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực Dạy nghề có nền tảng khá về cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế, nhưng mức độ đánh giá tích cực chưa cao. Các DN/HTX đánh giá cơ quan đã tạo lập môi trường kinh doanh tương đối bình đẳng. Có 58,9% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 51,3% đánh giá bình đẳng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 53,8% đánh giá bình đẳng trong thực hiện TTHC và thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, chỉ 42,1% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế là bình đẳng, không có ưu ái cho đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Đây là điểm cần lưu ý trong cảm nhận về bình đẳng thực chất cũng như cần có các cơ chế trong việc hỗ trợ nhóm DN/HTX/HKD nhỏ và siêu nhỏ, nhóm đối tượng yếu thế làm chủ. Điểm yếu chính của Trụ cột 2 là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Mặc dù 53,9% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ, chỉ 35,9% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ hoặc rất dễ, và chỉ 39,5% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, các tỷ lệ đánh giá tích cực cũng ở mức vừa phải: 56,4% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 51,3% đánh giá thực hiện chính sách và giải quyết phản ánh, kiến nghị hiệu quả; 52,6% đánh giá biện pháp hỗ trợ, bảo vệ DN/HTX/HKD khi có phản ánh là hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Dạy nghề có một số tín hiệu tích cực nhưng chưa bứt phá. Có 87,2% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 58,9% đánh giá lĩnh vực tích cực hoặc rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 48,7% đánh giá các chương trình ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm tương đối khá, với 61,5% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật và 71,8% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, các nội dung phát triển theo chiều sâu còn hạn chế. Chỉ 43,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia chương trình hướng dẫn ứng dụng chuyển đổi số; 41,0% thường xuyên được giới thiệu, hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; và 41,0% đánh giá hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới mô hình kinh doanh khá/rất hiệu quả. Về vai trò kiến tạo, 56,4% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 61,5% cho rằng lãnh đạo đã hành động để

thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; nhưng chỉ 47,4% cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Lĩnh vực Dạy nghề có kết quả khá đồng đều nhưng thiếu điểm bứt phá. Điểm mạnh nằm ở thời gian xử lý thủ tục, chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thực thi. Trong thời gian tới, lĩnh vực này cần tập trung cải thiện chất lượng hướng dẫn hồ sơ, minh bạch thông tin, tham vấn chính sách, hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh và liên kết đào tạo nghề với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; đồng thời mở rộng các chương trình hỗ trợ kỹ năng, chuyển đổi số, thương mại điện tử và kết nối giữa cơ sở đào tạo nghề với DN/HTX/HKD và thị trường lao động.

12. Đất đai

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
72,63		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,28	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,10	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,48	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,61	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,69	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,21	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,04	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,40	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,56	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Đất đai đạt 72,63 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,69 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Điểm mạnh tương đối nằm ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,61 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,56 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,48 điểm và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,40 điểm. Các nội dung còn cần cải thiện rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,04 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 7,10 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,21 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Đất đai có kết quả khá ở xử lý thủ tục, nhưng vẫn còn dư địa cải thiện về hướng dẫn hồ sơ và minh bạch thông tin. Có 56,3% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Tuy nhiên, chỉ 79,1% hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 33,7% được chấp nhận ngay từ đầu; vẫn còn 20,9% phải bổ sung 2–3 lần. Về thời gian hoàn thành toàn bộ thủ tục, 70,9% hoàn thành trong vòng 15 ngày và 87,2% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Điều này cho thấy thủ tục đất đai nhìn chung không bị đánh giá là chậm, nhưng khâu hướng dẫn ban đầu cần rõ hơn để giảm số lần bổ sung hồ sơ. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, chỉ 42,5% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ. Đáng chú ý, chỉ 32,2%

cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điểm tích cực là 80,7% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, nhưng chỉ 51,1% hài lòng với chất lượng phản hồi. Ở nội dung chi phí tuân thủ, kết quả khả quan hơn: 91,9% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 82,6% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 72,4% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc không trùng lặp. Tuy nhiên, tần suất kiểm tra vẫn đáng lưu ý khi chỉ 56,3% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra. Chi phí không chính thức nhìn chung được kiểm soát, với 74,4% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 73,6%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực Đất đai có điểm mạnh ở cạnh tranh bình đẳng, nhưng cảm nhận về công bằng thực chất trong tiếp cận nguồn lực vẫn cần tiếp tục củng cố. Có 58,6% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD. Tuy nhiên, chỉ 55,8% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng, không có ưu ái cho đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Với lĩnh vực đất đai, đây là điểm cần lưu ý vì đất đai là nguồn lực đầu vào quan trọng và dễ phát sinh cảm nhận về bất bình đẳng trong tiếp cận thông tin, quy hoạch, mặt bằng và thủ tục. Điểm yếu rõ nhất của Trụ cột 2 là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 40,7% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 40,2% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá dễ hoặc rất dễ; và 41,4% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Đất đai có một số tín hiệu tích cực nhưng chưa bứt phá. Có 87,4% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 44,0% đánh giá lĩnh vực tích cực hoặc rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; và 42,5% đánh giá các chương trình ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm còn khiêm tốn hơn, khi 43,7% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật, 40,2% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật, trong khi 64,4% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật.

Lĩnh vực Đất đai có điểm mạnh ở cạnh tranh bình đẳng, chi phí tuân thủ và vai trò điều hành tương đối tích cực. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào minh bạch hóa thông tin đất đai, quy hoạch, mặt bằng sản xuất kinh doanh; giảm số lần bổ sung hồ sơ; nâng chất lượng phản hồi kiến nghị; mở rộng hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và bảo đảm tiếp cận nguồn lực đất đai công khai, công bằng hơn cho DN/HTX/HKD.

13. Tài nguyên môi trường

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
72,87		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,28	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,16	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,51	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,51	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,81	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,33	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,07	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,38	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,53	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Tài nguyên môi trường đạt 72,87 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,81 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở chi phí tuân thủ đạt 7,51 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,51 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,53 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,33 điểm và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,38 điểm. Các nội dung còn cần cải thiện là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,81 điểm, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới (7,07 điểm) và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình đạt 7,16 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Tài nguyên môi trường có kết quả khá tích cực ở thời gian xử lý thủ tục và chi phí tuân thủ, nhưng minh bạch thông tin và tham vấn vẫn còn dư địa cải thiện. Có 50,0% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về hồ sơ, 81,1% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; trong đó 32,2% được chấp nhận ngay từ đầu. 70,5% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày và 91,0% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Điều này cho thấy thủ tục nhìn chung không bị đánh giá là chậm, nhưng chất lượng hướng dẫn ban đầu vẫn cần cải thiện để giảm số lần bổ sung hồ sơ. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, chỉ 44,5% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ. Đáng chú ý, chỉ 29,2% cho biết

thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Khi có kiến nghị, 75,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, nhưng tỷ lệ hài lòng với chất lượng phản hồi chỉ đạt 56,5%. Ở nội dung chi phí tuân thủ, kết quả tích cực hơn: 95,6% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 79,8% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 60,2% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra. Chi phí không chính thức nhìn chung được kiểm soát, với 71,2% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 70,5%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực này có điểm mạnh về cạnh tranh bình đẳng, nhưng vẫn còn tín hiệu đáng lưu ý về cảm nhận “ưu thế quan hệ”. Có 57,7% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD. Tuy nhiên, 57,3% vẫn đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Đây là điểm cần lưu ý vì lĩnh vực tài nguyên môi trường gắn trực tiếp với các nguồn lực nhạy cảm như đất đai, môi trường, tài nguyên và điều kiện sản xuất kinh doanh. Điểm yếu rõ nhất của Trụ cột 2 là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 43,4% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 36,7% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá dễ hoặc rất dễ; và 40,0% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, các tỷ lệ đánh giá tích cực ở mức vừa phải: 52,2% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 55,0% đánh giá thực hiện chính sách hiệu quả; 55,5% đánh giá giải quyết phản ánh, kiến nghị hiệu quả; và 53,3% đánh giá biện pháp hỗ trợ, bảo vệ DN/HTX/HKD khi có phản ánh là hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Tài nguyên môi trường có một số điểm tích cực nhưng chưa bứt phá. Có 81,2% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; tuy nhiên chỉ 44,4% đánh giá lĩnh vực tích cực hoặc rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; và 41,2% đánh giá các chương trình ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm còn khiêm tốn, với 45,6% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật, 46,6% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật, trong khi 67,1% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật.

Lĩnh vực Tài nguyên môi trường có điểm mạnh ở chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thực thi và vai trò điều hành tương đối tích cực. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào minh bạch hóa thông tin, tăng tham vấn chính sách, nâng chất lượng phản hồi kiến nghị, mở rộng hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời giảm cảm nhận về lợi thế quan hệ trong tiếp cận nguồn lực và tăng hỗ trợ thực chất cho chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

14. Nông, lâm nghiệp, thủy sản

ĐIỂM SỐ	PHÂN NHÓM
73,31	Khá

Kết quả các CSTP

Trụ cột/ Chỉ số thành phần	Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,35 Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,23 Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,52 Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,56 Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,86 Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,36 Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,06 Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,40 Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,64 Khá

Năm 2025, lĩnh vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 73,31 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,86 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Các điểm mạnh nổi bật gồm sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,64 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,56 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,52 điểm, thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,40 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,36 điểm. Các nội dung cần cải thiện rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,06 điểm và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình đạt 7,23 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực này có kết quả khá tích cực về thời gian xử lý thủ tục, nhưng chất lượng hướng dẫn và minh bạch thông tin vẫn cần cải thiện. Có 54,3% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, chỉ 43,0% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 47,3% hài lòng với chất lượng thông tin trên cổng thông tin điện tử. Tỷ lệ thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách đạt 38,1%, cho thấy không gian tham vấn chính sách trong lĩnh vực này chưa thật sự rộng. Điểm tích cực là 82,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, và 61,8% hài lòng với chất lượng phản hồi. Về chi phí tuân thủ, kết quả khả quan hơn: 96,7% đánh giá thời gian thực hiện

công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 79,1% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 61,6% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra. Chi phí không chính thức nhìn chung được kiểm soát, với 70,5% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 67,8%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản có nền tảng khá về cạnh tranh bình đẳng. Có 58,1% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD. Tuy nhiên, chỉ 56,1% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng, không có ưu ái cho đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Đây là điểm cần lưu ý vì lĩnh vực này gắn trực tiếp với đất đai, hỗ trợ sản xuất, thị trường và các chính sách ưu đãi. Điểm yếu chính của trụ cột này là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 42,4% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 46,7% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá dễ hoặc rất dễ; và 50,0% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Như vậy, chính sách hỗ trợ đã có tác động nhất định nhưng chưa đủ rộng và chưa thật sự tạo cảm nhận mạnh về hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực này có một số điểm sáng nhưng chưa bứt phá. Có 78,3% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 54,9% đánh giá lĩnh vực tích cực hoặc rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; và 50,0% đánh giá các chương trình ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm còn ở mức trung bình khá, với 45,5% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật, 52,1% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật và 64,6% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Về phát triển theo chiều sâu, 48,4% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia chương trình hướng dẫn ứng dụng chuyển đổi số; 45,1% thường xuyên được giới thiệu, hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 49,5% đánh giá hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới mô hình kinh doanh khá/rất hiệu quả.

Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản có điểm mạnh ở thời gian xử lý thủ tục, chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng và vai trò kiến tạo của chính quyền. Tuy nhiên, lĩnh vực này cần tiếp tục nâng chất lượng hướng dẫn hồ sơ, minh bạch thông tin, tăng tham vấn chính sách, mở rộng hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, thương mại điện tử, đầu tư xanh, đổi mới mô hình sản xuất và kết nối thị trường cho DN/HTX/HKD.

15. Tư pháp

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
73,03		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,58	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,23	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,97	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,38	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,67	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,60	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,73	Trung bình khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,08	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,49	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Tư pháp đạt 73,03 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với 6/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá, chi phí tuân thủ đạt 7,97 điểm thuộc nhóm Tốt, trong khi hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,67 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,73 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở chi phí tuân thủ, hiệu lực thể chế đạt 7,60 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,58 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,49 điểm. Các nội dung cần cải thiện rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, phát triển bao trùm, minh bạch thông tin và chất lượng tham vấn chính sách.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Tư pháp có kết quả khá tích cực ở xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. Về hồ sơ, 76,7% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 60,0% được chấp nhận ngay từ đầu; 86,6% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Điều này cho thấy quy trình thủ tục trong lĩnh vực Tư pháp nhìn chung không tạo độ trễ lớn, nhưng vẫn còn 23,3% phải bổ sung hồ sơ 2–3 lần, nên khâu hướng dẫn ban đầu vẫn cần tiếp tục chuẩn hóa. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, kết quả có điểm tích cực nhưng chưa thật sự mạnh. 55,2% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 53,3% hài lòng với chất lượng thông tin trên cổng thông tin điện tử. Tuy nhiên, chỉ 24,1% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn

chính sách. Đây là điểm yếu cần lưu ý vì lĩnh vực Tư pháp có vai trò quan trọng trong phổ biến pháp luật, hỗ trợ pháp lý và tạo niềm tin về quy trình thực thi. Khi có kiến nghị, 72,4% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, nhưng chỉ 55,2% hài lòng với chất lượng phản hồi. Như vậy, cơ chế phản hồi đã có, song chất lượng giải trình và đối thoại cần được nâng lên.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực Tư pháp có nền tảng khá về cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Có 63,3% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 60,0% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 63,3% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 63,3% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 63,3% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Ngoài ra, 53,3% đồng ý rằng tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng, không ưu ái đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ. Các tỷ lệ này cho thấy cảm nhận về công bằng ở mức khá, nhưng vẫn còn nhiều ý kiến dừng ở mức “bình thường”, nên chưa thể coi là điểm bứt phá. Điểm yếu chính của Trụ cột 2 là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 40,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 26,7% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ hoặc rất dễ; và chỉ 6,7% đánh giá chương trình hỗ trợ đáp ứng tốt nhu cầu, trong khi 60,0% cho rằng chưa đáp ứng. Đây là điểm nghẽn rõ nhất của lĩnh vực.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Tư pháp có kết quả chưa thật sự nổi bật. Có 24,1% cơ sở đã áp dụng tương đối đầy đủ hoặc tích cực nhiều biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 26,7% đánh giá lĩnh vực tích cực/rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; và 23,3% đánh giá các chương trình ưu đãi cho dự án đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm còn hạn chế: 33,3% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật, 40,0% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật, trong khi chỉ 16,7% đánh giá có đối xử bình đẳng rõ giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật.

Lĩnh vực Tư pháp có điểm mạnh ở chi phí tuân thủ thấp, xử lý thủ tục đúng hạn, ít trùng lặp trong thanh tra/kiểm tra và vai trò kiến tạo tương đối tích cực. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào nâng chất lượng minh bạch và tham vấn chính sách, cải thiện chất lượng phản hồi kiến nghị, làm thực chất hơn các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hỗ trợ pháp lý cho DN nhỏ, HTX và HKD; đồng thời lồng ghép tốt hơn các mục tiêu phát triển bao trùm, chuyển đổi số và hỗ trợ nhóm yếu thế trong hoạt động của ngành.

16. Văn hoá, thể thao

ĐIỂM SỐ 75		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,85	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,37	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,83	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,90	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,54	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,68	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,00	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,54	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,79	Khá

Năm 2025, Năm 2025, lĩnh vực Văn hoá, thể thao đạt 75,00 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành khá tích cực, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,54 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Các điểm mạnh nổi bật là môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,90 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,85 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,83 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,79 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,68 điểm. Điểm cần cải thiện rõ nhất là hỗ trợ sản xuất kinh doanh và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới.

Ở Trụ cột 1, lĩnh vực Văn hoá, thể thao được đánh giá khá tốt về thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 73,7% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 100% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động và cấp phép kinh doanh có điều kiện được thực hiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Hồ sơ cũng tương đối thuận lợi khi 94,9% được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; trong đó 48,7% được chấp nhận ngay từ đầu. Có 79,5% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Tuy nhiên, minh bạch và trách nhiệm giải trình vẫn còn hạn chế: 61,5% đánh giá dễ hoặc rất dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; 66,7% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử, nhưng chỉ 20,5% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách.

Ở Trụ cột 2, điểm mạnh là cạnh tranh bình đẳng. Có 66,7% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng; 79,5% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, thực hiện TTHC, thanh tra, kiểm tra và giải quyết kiến nghị. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh là điểm yếu: chỉ 25,6% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay mời tham gia chương trình hỗ trợ; 25,6% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá dễ hoặc rất dễ; 39,5% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả.

Ở Trụ cột 3, vai trò kiến tạo là điểm tích cực. Có 82,1% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 69,2% đánh giá cơ quan linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 64,1% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Tuy nhiên, chuyển đổi số, đầu tư xanh và đổi mới mô hình kinh doanh vẫn cần được hỗ trợ mạnh hơn. Đây là trọng tâm cải thiện trong các năm tiếp theo của lĩnh vực này.

Lĩnh vực Văn hoá, thể thao có điểm mạnh ở xử lý TTHC, kiểm soát chi phí tuân thủ, cạnh tranh tương đối bình đẳng và vai trò điều hành khá chủ động. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, lĩnh vực này cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng minh bạch, tham vấn và phản hồi kiến nghị; mở rộng độ phủ và tính thực chất của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh.

17. Du lịch

ĐIỂM SỐ 72,53		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,41	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,99	Trung bình khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,44	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,48	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,64	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,39	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,91	Trung bình khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,42	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,60	Khá

Năm 2025, Du lịch đạt 72,53 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này ổn định nhưng chưa bứt phá: 7/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; tính minh bạch đạt 6,99 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,64 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,91 điểm, đều thuộc nhóm Trung bình khá. Điểm mạnh nằm ở vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,60 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,48 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,44 điểm và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,42 điểm.

Ở Trụ cột 1, lĩnh vực Du lịch có kết quả tích cực về thời gian xử lý thủ tục, nhưng minh bạch thông tin còn yếu. Có 60,9% DN/HTX/HKD khá hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian, 95,6% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; tỷ lệ này đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện cũng đạt 95,6%. Hồ sơ tương đối thuận lợi khi 87,0% được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 26,1% được chấp nhận ngay. Có 73,9% hoàn thành thủ tục trong vòng 15 ngày. Tuy nhiên, chỉ 30,4% đánh giá tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 39,1% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử; chỉ 30,4% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn. Về chi phí tuân thủ, kết quả tương đối tốt. Có 95,6% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 81,0% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 63,7% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra. Chi phí không chính thức được kiểm soát, với 69,5% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 73,9%.

Ở Trụ cột 2, cạnh tranh bình đẳng là điểm tích cực. Có 56,5% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng; 65,2% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 60,8% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 60,9% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh là điểm yếu rõ nhất: 52,1% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay mời tham gia chương trình hỗ trợ, nhưng chỉ 34,8% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ và 34,8% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả.

Ở Trụ cột 3, vai trò kiến tạo khá tích cực: 56,5% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 60,8% đánh giá năng động, sáng tạo; 60,8% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Tuy nhiên, phát triển bền vững và đổi mới còn hạn chế: chỉ 34,7% đánh giá tích cực về hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 34,8% đánh giá ưu đãi đầu tư xanh khá/rất hiệu quả; 34,7% thường xuyên được hướng dẫn chuyển đổi số hoặc tham gia sàn thương mại điện tử. Vì vậy, lĩnh vực Du lịch cần cải thiện minh bạch, tham vấn, hỗ trợ SXKD, chuyển đổi số, đầu tư xanh.

Lĩnh vực Du lịch đạt kết quả khá với điểm số 72,53, nổi bật ở môi trường cạnh tranh bình đẳng, chi phí tuân thủ thấp và chất lượng điều hành tương đối tích cực. Thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn, hoạt động thanh tra cơ bản không gây nhiều phiền hà cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, lĩnh vực vẫn cần cải thiện tính minh bạch, chất lượng thông tin và đối thoại với doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường các hoạt động thúc đẩy du lịch xanh, phát triển bền vững và chuyển đổi số để nâng cao chất lượng điều hành trong thời gian tới.

18. Xây dựng

ĐIỂM SỐ 72,60		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,18	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,24	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,63	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,50	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,78	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,07	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,05	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,34	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,55	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Xây dựng đạt 72,60 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành khá ổn định, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,78 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Điểm mạnh nằm ở chi phí tuân thủ đạt 7,63 điểm, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,55 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,50 điểm và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,34 điểm. Các nội dung cần cải thiện gồm hỗ trợ sản xuất kinh doanh, hiệu lực thể chế đạt 7,07 điểm, tăng trưởng bền vững đạt 7,05 điểm và thực hiện TTHC đạt 7,18 điểm.

Ở Trụ cột 1, lĩnh vực Xây dựng có kết quả khá về thời gian xử lý thủ tục, nhưng chất lượng hướng dẫn và minh bạch thông tin chưa nổi bật. Có 56,9% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 94,2% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; tỷ lệ này đối với cấp phép kinh doanh có điều kiện đạt 94,1%. Về hồ sơ, 78,4% được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; trong đó 31,4% được chấp nhận ngay, còn 19,6% phải bổ sung 2–3 lần. Minh bạch là điểm cần cải thiện: chỉ 45,1% đánh giá tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ/rất dễ; 54,9% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử; và 30,8% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn. Khi có kiến nghị, 81,6% thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, nhưng chỉ 54,0% hài lòng với chất lượng phản hồi. Chi phí tuân thủ tích cực hơn: 90,2% đánh giá thời gian thực hiện công việc đúng quy định hoặc sớm hơn; 81,6% không phải

tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 67,3% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 83,3% cho rằng chi phí không chính thức trong thanh tra, kiểm tra không phổ biến hoặc hoàn toàn không có.

Ở Trụ cột 2, lĩnh vực Xây dựng có nền tảng khá về cạnh tranh bình đẳng. Có 63,3% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng; 62,5% đồng ý việc tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng; 57,1% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC và giải quyết kiến nghị; 55,1% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh là điểm yếu rõ nhất: chỉ 47,1% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 34,7% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 38,8% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Hiệu lực thể chế cũng chưa cao, khi chỉ 44,9% đánh giá tuyên truyền và thực hiện chính sách hiệu quả.

Ở Trụ cột 3, vai trò kiến tạo là điểm tích cực. Có 70,8% đồng ý thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 69,4% đánh giá cơ quan linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 61,2% đánh giá năng động, sáng tạo; và 62,5% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Tuy nhiên, phát triển bền vững và đổi mới theo chiều sâu còn cần cải thiện. Có 88,0% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng chỉ 51,0% đánh giá tích cực về hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng. Chỉ 43,8% thường xuyên được mời tham gia chương trình chuyển đổi số; 34,0% thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử; và 41,7% đánh giá hỗ trợ đổi mới mô hình kinh doanh khá/rất hiệu quả. Vì vậy, lĩnh vực Xây dựng cần tập trung nâng chất lượng hướng dẫn hồ sơ, minh bạch thông tin, tham vấn chính sách, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chuyển đổi số và đổi mới mô hình hoạt động.

Lĩnh vực Xây dựng có nền tảng điều hành khá ổn định, nhất là ở chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng và vai trò kiến tạo của chính quyền. Tuy nhiên, điểm số chưa bứt phá do các hạn chế về chất lượng hướng dẫn hồ sơ, minh bạch thông tin, hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh và mức độ hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới mô hình hoạt động. Trong thời gian tới, lĩnh vực này cần ưu tiên chuẩn hóa hướng dẫn thủ tục, giảm số lần bổ sung hồ sơ, tăng đối thoại với DN/HTX/HKD, đồng thời thiết kế các chương trình hỗ trợ thiết thực hơn cho nhóm cơ sở nhỏ, nhất là trong tiếp cận thông tin quy hoạch, giấy phép xây dựng, chuyển đổi số và áp dụng các tiêu chuẩn xây dựng xanh.

19. Giao thông vận tải

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
75,87		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,69	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,48	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,98	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,92	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	7,08	Khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,34	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,24	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,71	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,84	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Giao thông vận tải đạt 75,87 điểm, thuộc nhóm Khá. Đây là một trong những lĩnh vực có kết quả tương đối tốt và đồng đều, với 9/9 chỉ số thành phần đều thuộc nhóm Khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở chi phí tuân thủ đạt 7,98 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,92 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,84 điểm, thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,71 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,69 điểm. Nội dung còn cần cải thiện tương đối là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 7,08 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,24 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Giao thông vận tải có kết quả tích cực ở xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có 73,3% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 98,3% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; tỷ lệ này đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện cũng đạt 98,3%. Hồ sơ tương đối thuận lợi khi 88,3% được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; trong đó 41,7% được chấp nhận ngay từ đầu. Về thời gian hoàn thành thủ tục, 80,0% hoàn thành trong vòng 15 ngày và 100% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Minh bạch và trách nhiệm giải trình cũng có tín hiệu khá tốt nhưng vẫn còn dư địa cải thiện. Có 60,0% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 71,7% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử. Tuy nhiên, chỉ 30,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn được

mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách, cho thấy kênh tham vấn chưa thật sự rộng. Khi có kiến nghị, 81,7% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi và 73,3% hài lòng với chất lượng phản hồi. Về chi phí tuân thủ, kết quả rất tích cực: 98,3% đánh giá thời gian thực hiện công việc đúng quy định hoặc sớm hơn; 93,2% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 81,4% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 96,4% cho rằng nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Chi phí không chính thức được kiểm soát tốt, với 87,5% đánh giá không phổ biến hoặc hoàn toàn không có trong TTHC và 89,3% trong thanh tra, kiểm tra.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực này có điểm mạnh rõ ở cạnh tranh bình đẳng. Có 74,1% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 72,9% đánh giá tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng, không ưu ái đơn vị có quan hệ quen biết. Các tỷ lệ đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, thực hiện TTHC, thanh tra - kiểm tra và giải quyết kiến nghị đều đạt khoảng 71–73%. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn chưa thật sự nổi bật: 49,2% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 44,6% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 49,1% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Giao thông vận tải có điểm sáng ở vai trò điều hành. Có 79,7% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách lĩnh vực đối với khu vực tư nhân là tích cực; 83,0% đánh giá cơ quan linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 69,5% đánh giá năng động, sáng tạo; và 62,1% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Tuy nhiên, các nội dung phát triển bền vững và đổi mới còn cần thúc đẩy thêm: 79,3% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng chỉ 40,4% đánh giá tích cực về hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 45,6% đánh giá ưu đãi đầu tư xanh khá/rất hiệu quả; 43,1% thường xuyên được hướng dẫn chuyển đổi số và 41,4% thường xuyên được giới thiệu tham gia sàn thương mại điện tử.

Lĩnh vực Giao thông vận tải có nền tảng điều hành khá tốt, đặc biệt ở chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng và vai trò kiến tạo. Trong thời gian tới, lĩnh vực này cần tập trung mở rộng tham vấn chính sách, nâng hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số, đầu tư xanh và hỗ trợ đổi mới mô hình hoạt động cho DN/HTX/HKD.

20. Y tế

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
74,54		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,79	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,29	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,68	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,43	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	7,05	Khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,60	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,10	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,46	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,69	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Y tế đạt 74,54 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối tích cực, khi 9/9 chỉ số thành phần đều thuộc nhóm Khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,79 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,69 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,68 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,60 điểm và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,46 điểm. Các nội dung còn cần cải thiện là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 7,05 điểm, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,10 điểm và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình đạt 7,29 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực Y tế có kết quả khá tốt về xử lý thủ tục và chất lượng phục vụ. Có 75,0% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Có 80,0% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày và 92,5% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Điều này cho thấy thủ tục của lĩnh vực Y tế nhìn chung không gây chậm trễ lớn, dù vẫn còn 15,4% phải bổ sung hồ sơ 2–3 lần. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, kết quả ở mức khá nhưng chưa thật sự nổi bật. Có 55,0% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 70,0% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử. Tuy nhiên, tỷ lệ thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách chỉ đạt 30,0%. Khi có kiến nghị, 81,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi,

nhưng chỉ 52,5% hài lòng với chất lượng phản hồi. Điều này cho thấy kênh phản hồi đã vận hành tương đối tốt, song chất lượng giải trình và cơ chế tham vấn vẫn cần cải thiện.

Ở nội dung chi phí tuân thủ, lĩnh vực Y tế có kết quả tích cực. Có 97,5% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục đúng quy định hoặc sớm hơn; 65,0% hài lòng với thái độ phục vụ của cán bộ và 71,8% hài lòng với chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc. Về thanh tra, kiểm tra, 89,4% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 55,3% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 78,4% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Chi phí không chính thức được kiểm soát khá tốt, với 74,3% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 77,5%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực Y tế có nền tảng khá về công bằng và hiệu lực thực thi. Có 52,5% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 60,0% đánh giá công bằng trong tiếp cận nguồn lực kinh tế; 60,0% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 57,5% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 67,5% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 62,5% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn là điểm cần cải thiện: chỉ 45,0% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 47,5% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 47,5% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, kết quả khá hơn, với 65,0% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 62,5% đánh giá thực hiện chính sách hiệu quả; và 60,0% đánh giá giải quyết phản ánh, kiến nghị hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực Y tế có một số điểm tích cực nhưng chưa bứt phá. Có 72,5% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 47,5% đánh giá lĩnh vực tích cực hoặc rất tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; và 45,0% đánh giá ưu đãi đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm ở mức tương đối khá: 52,5% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 50,0% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; và 70,0% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật.

Lĩnh vực Y tế có điểm mạnh ở xử lý thủ tục đúng hạn, chi phí tuân thủ tương đối thấp, hiệu lực thể chế và vai trò kiến tạo khá tích cực. Trong thời gian tới, lĩnh vực này cần tập trung nâng chất lượng minh bạch, mở rộng tham vấn chính sách, cải thiện hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời thúc đẩy mạnh hơn chuyển đổi số, R&D, đầu tư xanh và hỗ trợ đổi mới mô hình hoạt động cho DN/HTX/HKD.

21. Quản lý khu công nghiệp

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
74,72		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,59	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,55	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,76	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,80	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,85	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,24	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,10	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,59	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,77	Khá

Năm 2025, lĩnh vực Quản lý khu công nghiệp đạt 74,72 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy lĩnh vực này có mặt bằng điều hành tương đối tốt và đồng đều, với 9/9 chỉ số thành phần đều thuộc nhóm Khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,80 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,77 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,76 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân cùng đạt 7,59 điểm. Nội dung cần cải thiện rõ nhất là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ đạt 6,85 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực này có kết quả khá tích cực ở hướng dẫn hồ sơ, thời gian xử lý và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có 75,9% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Có 71,4% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày và 92,8% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Điều này cho thấy thủ tục nhìn chung không gây chậm trễ lớn, nhưng vẫn cần tiếp tục chuẩn hóa hướng dẫn để giảm số lần bổ sung hồ sơ. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, kết quả khá nhưng chưa thật sự bứt phá. Có 55,2% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 65,5% hài lòng với chất lượng thông tin trên cổng thông tin điện tử. Tỷ lệ thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách đạt 41,4%, cao hơn một số lĩnh vực khác nhưng vẫn cho

thấy kênh tham vấn chưa đủ rộng. Điểm tích cực là 93,1% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, và 72,4% hài lòng với chất lượng phản hồi.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, điểm mạnh của lĩnh vực là cảm nhận khá tốt về công bằng. Có 71,5% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 72,4% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng, không có ưu ái cho đơn vị có quan hệ quen biết. Bên cạnh đó, 62,1% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 64,3% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 60,7% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn là điểm nghẽn: mặc dù 58,6% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ, chỉ 37,9% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá dễ hoặc rất dễ, và chỉ 34,4% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực này có điểm tích cực ở chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và vai trò điều hành. Có 62,0% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 58,6% đánh giá lĩnh vực tích cực trong hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; và 51,7% đánh giá chương trình ưu đãi đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Về chuyển đổi số, 50,0% thường xuyên được mời tham gia chương trình hướng dẫn ứng dụng chuyển đổi số; 48,1% thường xuyên được giới thiệu tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp; 53,6% đánh giá hỗ trợ đổi mới mô hình kinh doanh khá/rất hiệu quả. Vai trò kiến tạo được đánh giá tương đối tốt: 65,5% đồng ý rằng thái độ của cơ quan phụ trách đối với khu vực tư nhân là tích cực; 67,9% đánh giá cơ quan linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 67,8% đánh giá năng động, sáng tạo; và 75,0% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Lĩnh vực Quản lý khu công nghiệp có nền tảng điều hành khá tốt, nhất là ở chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng, phản hồi kiến nghị và vai trò kiến tạo. Tuy nhiên, để cải thiện điểm số theo chiều sâu, cần tập trung nâng hiệu quả các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hưởng hỗ trợ, mở rộng tham vấn chính sách và tăng hỗ trợ thực chất cho chuyển đổi số, đổi mới mô hình sản xuất, đầu tư xanh và kết nối doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

22. Quản lý khu kinh tế

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
78,17		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,88	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,52	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	8,01	Tốt
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	8,19	Tốt
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	7,55	Khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,80	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,36	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,94	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	8,10	Tốt

Năm 2025, lĩnh vực Quản lý khu kinh tế đạt 78,17 điểm, thuộc nhóm Khá. Đây là một trong những lĩnh vực có kết quả nổi bật, với 3/9 chỉ số thành phần đạt nhóm Tốt gồm môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 8,19 điểm, chi phí tuân thủ đạt 8,01 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 8,10 điểm. Các chỉ số còn lại đều thuộc nhóm Khá, trong đó thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,88 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,80 điểm, thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,94 điểm và hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 7,55 điểm. Kết quả này cho thấy lĩnh vực có nền tảng điều hành tương đối tốt, nhất là ở chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng và vai trò đồng hành của cơ quan quản lý.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, lĩnh vực này được đánh giá tích cực về chất lượng hướng dẫn và thời gian xử lý thủ tục. Có 88,0% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, kết quả khá tốt nhưng vẫn còn dư địa cải thiện ở tham vấn chính sách. Đáng chú ý, chỉ 28,0% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách, trong khi 48,0% mới ở mức thỉnh thoảng. Điểm tích cực là 88,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, và 72,0% hài lòng với chất lượng phản hồi. Như vậy, cơ chế phản hồi vận hành khá tốt, nhưng cần mở rộng hơn các kênh đối thoại sớm với DN/HTX/HKD trong khu kinh tế. Ở nội dung

chi phí tuân thủ, lĩnh vực này là một điểm sáng. Gánh nặng thanh tra tương đối thấp khi 96,0% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; tuy nhiên, kiểm tra vẫn cần theo dõi do chỉ 56,0% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra. Chi phí không chính thức được kiểm soát tốt, với 91,7% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 92,0%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, lĩnh vực này có kết quả rất tích cực. Có 76,0% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 72,0% đồng ý việc tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng, không ưu ái đơn vị có quan hệ quen biết. Các tỷ lệ đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, thực hiện TTHC, thanh tra - kiểm tra và giải quyết kiến nghị đều đạt khoảng 80,0%. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh cũng có độ phủ khá: 72,0% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 76,0% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 64,0% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Tuy vậy, hiệu quả hỗ trợ vẫn cần nâng thêm để tương xứng với tiềm năng của lĩnh vực.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, lĩnh vực này có nhiều tín hiệu tích cực. Có 84,0% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 68,0% đánh giá tích cực về hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; và 68,0% đánh giá ưu đãi đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Các nội dung bao trùm cũng tương đối tốt, với 75,0% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Về đổi mới, 72,0% đánh giá chất lượng nền tảng số tốt/rất tốt; 70,8% cho rằng lĩnh vực có quan tâm đến R&D; nhưng chỉ 48,0% thường xuyên được mời tham gia hướng dẫn chuyển đổi số và 44,0% thường xuyên được giới thiệu tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp.

Lĩnh vực Quản lý khu kinh tế có nền tảng điều hành tốt, nổi bật ở cạnh tranh bình đẳng, chi phí tuân thủ thấp, phản hồi kiến nghị và vai trò kiến tạo. Trong thời gian tới, lĩnh vực này cần tập trung mở rộng tham vấn chính sách, giảm áp lực kiểm tra, nâng hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số, R&D, kết nối doanh nghiệp và đầu tư xanh trong các khu kinh tế.

Phụ lục 3. Hồ sơ DCCI theo ngành dọc

1. Chi cục Hải quan tỉnh khu vực VII - Lào Cai

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
72,78		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,35	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,03	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,83	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,44	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,64	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,27	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,88	Trung bình Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,41	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,65	Khá

Năm 2025, Chi cục Hải quan tỉnh khu vực VII - Lào Cai đạt 72,80 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy đơn vị có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,64 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở chi phí tuân thủ đạt 7,83 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,65 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,44 điểm, thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,41 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,35 điểm. Các nội dung cần cải thiện rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,88 điểm và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình đạt 7,03 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, đơn vị có kết quả tích cực về thời gian xử lý và chi phí tuân thủ. Có 55,1% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian, 93,9% đánh giá thủ tục được thực hiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Hồ sơ tương đối thuận lợi khi 83,3% được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; trong đó 35,4% được chấp nhận ngay từ đầu. Tuy nhiên, vẫn còn 16,7% phải bổ sung hồ sơ 2–3 lần, cho thấy khâu hướng dẫn ban đầu cần tiếp tục rõ hơn. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, kết quả còn khiêm tốn hơn. Chỉ 38,8% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ

hoặc rất dễ; 38,8% hài lòng với chất lượng thông tin trên cổng thông tin điện tử; và 32,6% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Dù 83,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, chỉ 42,5% hài lòng với chất lượng phản hồi. Ngược lại, chi phí tuân thủ là điểm sáng: 98,0% đánh giá thời gian thực hiện công việc đúng quy định hoặc sớm hơn; 100% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 77,1% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra. Chi phí không chính thức được kiểm soát khá tốt, với 77,0% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 79,2%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, đơn vị có nền tảng khá về công bằng trong thực thi. Có 57,1% đánh giá các chương trình, ưu đãi được áp dụng công bằng; 57,1% đồng ý rằng tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng; 65,3% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin và thực hiện TTHC; 67,3% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra và giải quyết kiến nghị. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh là điểm yếu rõ nhất: chỉ 33,3% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 34,7% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá dễ; và 38,8% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo, các nội dung phát triển theo chiều sâu còn hạn chế. Chỉ 30,6% đánh giá tích cực về hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 36,7% đánh giá ưu đãi đầu tư xanh khá/rất hiệu quả; 38,3% thường xuyên được mời tham gia chương trình chuyển đổi số; và 31,3% thường xuyên được giới thiệu tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp. Tuy vậy, vai trò kiến tạo được ghi nhận tích cực hơn: 68,8% đồng ý rằng thái độ của đơn vị với khu vực tư nhân là tích cực; 68,8% đánh giá linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 70,8% đánh giá năng động, sáng tạo; và 66,6% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Chi cục Hải quan tỉnh khu vực VII - Lào Cai có điểm mạnh ở chi phí tuân thủ thấp, thời gian xử lý đúng hạn và vai trò điều hành khá tích cực. Tuy nhiên, đơn vị cần cải thiện mạnh hơn về minh bạch thông tin, chất lượng phản hồi, tham vấn chính sách và hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng hỗ trợ chuyển đổi số, kết nối doanh nghiệp và các chương trình xanh cho DN/HTX/HKD.

2. Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai

ĐIỂM SỐ 74,29		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC	7,55	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,26	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,70	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,84	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,90	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,46	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,22	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,31	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,62	Khá

Năm 2025, Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai đạt 74,29 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy đơn vị có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với 8/9 chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá; riêng hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,90 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,84 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,70 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,62 điểm, thực hiện TTHC đạt 7,55 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,46 điểm. Các nội dung cần cải thiện rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,22 điểm và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình đạt 7,26 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, Chi cục Thuế có kết quả khá tích cực về thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 67,3% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 93,1% đánh giá thủ tục thực tế được thực hiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Hồ sơ tương đối thuận lợi khi 85,0% được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; trong đó 45,0% được chấp nhận ngay từ đầu. Tuy nhiên, vẫn còn 14,0% phải bổ sung 2–3 lần, cho thấy khâu hướng dẫn ban đầu vẫn cần tiếp tục chuẩn hóa. Về minh bạch và trách nhiệm giải trình, kết quả ở mức khá nhưng chưa thật sự nổi bật. Có 50,0% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 56,9% hài lòng với chất lượng thông tin trên cổng thông tin điện tử. Tỷ lệ thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại,

tham vấn chính sách chỉ đạt 29,3%, trong khi 52,5% mới ở mức thỉnh thoảng. Khi có kiến nghị, 75,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, nhưng chỉ 58,2% hài lòng với chất lượng phản hồi. Ở nội dung chi phí tuân thủ, kết quả tích cực hơn: 96,0% đánh giá thời gian thực hiện công việc đúng quy định hoặc sớm hơn; 82,3% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 73,5% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra. Chi phí không chính thức được kiểm soát khá tốt, với 75,0% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 71,7%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, Chi cục Thuế có nền tảng khá về công bằng trong thực thi. Có 68,3% đồng ý rằng các chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 63,4% đồng ý rằng tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng, không có ưu ái cho đơn vị có quan hệ quen biết. Ngoài ra, 74,5% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 73,5% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn là điểm yếu tương đối: chỉ 42,4% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 51,0% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 50,0% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, 59,8% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 62,7% đánh giá thực hiện chính sách hiệu quả; và 60,8% đánh giá giải quyết phản ánh, kiến nghị hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo, đơn vị có tín hiệu tích cực nhưng chưa bứt phá. Có 49,5% đánh giá tích cực/rất tích cực về hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 49,5% đánh giá ưu đãi đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Về chuyển đổi số, 58,0% đánh giá nền tảng số tốt/rất tốt; 45,9% thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia hướng dẫn chuyển đổi số; 42,0% thường xuyên được giới thiệu tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp. Vai trò kiến tạo được ghi nhận khá rõ: 71,3% đồng ý rằng thái độ của cơ quan đối với khu vực tư nhân là tích cực; 67,3% đánh giá cơ quan linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 62,4% đánh giá năng động, sáng tạo và 62,4% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Chi cục Thuế Khu vực XIII - Lào Cai có điểm mạnh ở chi phí tuân thủ, xử lý thủ tục đúng hạn, công bằng trong thực thi và vai trò điều hành tích cực. Thời gian tới, đơn vị cần tập trung nâng chất lượng minh bạch, mở rộng tham vấn chính sách, cải thiện chất lượng phản hồi kiến nghị, đồng thời làm thực chất hơn các chương trình hỗ trợ DN/HTX/HKD, nhất là hỗ trợ chuyển đổi số, tiếp cận chính sách thuế và đổi mới mô hình kinh doanh.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai

ĐIỂM SỐ 73,66		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,61	Khá
	2 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,19	Khá
	3 – Chi phí tuân thủ	7,87	Khá
Trụ cột 2	4 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,50	Khá
	5 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,65	Trung bình khá
	6 – Hiệu lực thể chế	7,42	Khá
Trụ cột 3	7- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,06	Khá
	8- Thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân	7,40	Khá
	9 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,59	Khá

Năm 2025, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai đạt 73,66 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy đơn vị có mặt bằng điều hành tương đối ổn định, với hầu hết chỉ số thành phần thuộc nhóm Khá. Điểm mạnh nổi bật nằm ở chi phí tuân thủ đạt 7,87 điểm, tiếp đến là sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,59 điểm, thực hiện TTHC đạt 7,61 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,5 điểm và thực hiện chính sách phát triển kinh tế tư nhân đạt 7,4 điểm. Các nội dung còn cần cải thiện là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,65 điểm, tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,06 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 7,19 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,42 điểm.

Ở Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai có kết quả khá tích cực về xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có 69,8% DN/HTX/HKD khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn hồ sơ, thủ tục. Về thời gian xử lý, 96,9% đánh giá thủ tục được thực hiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Hồ sơ tương đối thuận lợi khi 90,7% được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; trong đó 47,4% được chấp nhận ngay từ đầu. Điều này cho thấy quy trình thủ tục nhìn chung không tạo độ trễ lớn, dù vẫn còn một nhóm nhỏ phải bổ sung hồ sơ nhiều lần. Tuy nhiên, minh bạch và tham vấn chính sách vẫn là điểm cần cải thiện. Chỉ 48,5% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ hoặc rất dễ; 59,8% hài lòng với chất lượng thông tin trên cổng thông tin điện tử. Đáng chú ý, chỉ 25,8% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Khi có kiến nghị, 77,1% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, nhưng tỷ lệ hài

lòng với chất lượng phản hồi chỉ đạt 58,3%. Ở nội dung chi phí tuân thủ, kết quả tích cực hơn: 96,8% đánh giá thời gian thực hiện công việc đúng quy định hoặc sớm hơn; 87,2% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 83,3% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 89,4% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Chi phí không chính thức được kiểm soát khá tốt, với 72,3% cho rằng chi phí này trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này trong thanh tra, kiểm tra đạt 76,6%.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, đơn vị có nền tảng khá về công bằng trong thực thi. Có 55,1% đồng ý rằng chương trình, ưu đãi được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 55,6% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế là công bằng; 61,2% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin và chương trình hỗ trợ; 64,3% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 61,9% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 66,0% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, khó khăn. Tuy nhiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn là điểm yếu tương đối: chỉ 35,1% thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 39,8% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 44,9% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả.

Ở Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo, đơn vị có điểm tích cực ở thái độ điều hành, nhưng các hỗ trợ phát triển theo chiều sâu còn hạn chế. Có 45,9% đánh giá tích cực về hướng dẫn công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 46,9% đánh giá ưu đãi đầu tư xanh khá/rất hiệu quả. Về chuyển đổi số, chỉ 37,9% thường xuyên được mời tham gia chương trình hướng dẫn chuyển đổi số và 37,1% thường xuyên được giới thiệu tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp. Ngược lại, vai trò kiến tạo được ghi nhận tốt hơn: 73,5% đồng ý thái độ của đơn vị đối với khu vực tư nhân là tích cực; 72,4% đánh giá linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 64,3% đánh giá năng động, sáng tạo; và 64,3% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai có điểm mạnh ở chi phí tuân thủ thấp, xử lý thủ tục đúng hạn, hồ sơ tương đối thuận lợi và thái độ điều hành tích cực. Trong thời gian tới, đơn vị cần tập trung nâng chất lượng minh bạch thông tin, mở rộng đối thoại chính sách, cải thiện chất lượng phản hồi kiến nghị và làm thực chất hơn các chương trình hỗ trợ DN/HTX/HKD, nhất là hỗ trợ chuyển đổi số, kết nối doanh nghiệp và tiếp cận chính sách bảo hiểm.

Phụ lục 4. Hồ sơ DCCI khối địa phương

1. Xã Mù Cang Chải

ĐIỂM SỐ 64,18		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,14	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,43	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	5,78	Trung bình
	4 – Chi phí tuân thủ	7,18	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,42	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,20	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	6,52	Trung bình khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,31	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,23	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	5,97	Trung bình

Năm 2025, xã Mù Cang Chải đạt khoảng 64,18 điểm, thuộc nhóm trung bình khá. Kết quả cho thấy xã có nền tảng tương đối ở các nội dung mang tính hành chính cơ bản như thực hiện TTHC và chi phí tuân thủ, nhưng còn hạn chế rõ ở minh bạch thông tin, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo của chính quyền. Trong 10 chỉ số thành phần, các chỉ số có điểm cao hơn là chi phí tuân thủ đạt 7,18 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,14 điểm; trong khi các chỉ số thấp hơn gồm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 5,78 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 5,97 điểm.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi là trụ cột có nền tảng tốt hơn của xã Mù Cang Chải, chủ yếu nhờ kết quả tích cực ở thực hiện TTHC và chi phí tuân thủ. Có 100% người trả lời cho biết thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 48,0% đánh giá nhanh hơn một chút. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn, trong đó 36,0% đánh giá nhanh hơn một chút. Về hồ sơ, 72,0% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung 1 lần; 84,0% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Ở nhóm chi phí tuân thủ, 48,1% cho biết không phải tiếp đoàn thanh tra trong năm vừa qua, 61,5% không phải tiếp đoàn kiểm tra, và 81,5% đánh giá nội dung

thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy vậy, điểm yếu của trụ cột này nằm ở minh bạch và tiếp cận nguồn lực: chỉ 22,2% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ; 29,6% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ; 22,2% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là khá dễ. Đáng chú ý, chỉ 18,5% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách và chỉ 25,9% thường xuyên nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị. Điều này cho thấy xã xử lý thủ tục tương đối ổn, nhưng chưa mạnh ở công khai thông tin, giải trình và tham vấn.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Mù Cang Chải ở mức trung bình, chưa có chỉ số nào thật sự nổi bật. Môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 6,42 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,20 điểm và hiệu lực thể chế đạt 6,52 điểm. Về cạnh tranh bình đẳng, chỉ 33,3% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 25,9% đánh giá cơ sở kinh doanh được đối xử khá công bằng khi thực hiện TTHC; 23,1% đánh giá khá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 18,5% đánh giá khá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Đáng chú ý, 25,9% tương đối đồng ý với nhận định rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương, cho thấy cảm nhận về tính công bằng trong tiếp cận nguồn lực vẫn cần được cải thiện. Điểm yếu rõ nhất là hỗ trợ sản xuất kinh doanh: chỉ 18,5% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 14,8% đánh giá thủ tục để được hưởng hỗ trợ là khá dễ; và 15,4% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả. Như vậy, xã chưa tạo được cảm nhận rõ về vai trò đồng hành sau thủ tục.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền là nhóm nội dung cần cải thiện nhiều nhất. Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,31 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,23 điểm, còn sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền chỉ đạt 5,97 điểm. Về phát triển bền vững, có tín hiệu tích cực là 92,6% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng phần lớn mới ở mức cơ bản; chỉ 29,6% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng. Về phát triển kinh tế tư nhân, chỉ 12,5% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 34,6% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá hiệu quả; và 23,1% đánh giá các chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân là khá hiệu quả. Các chỉ tiêu về vai trò kiến tạo của chính quyền còn thấp hơn: chỉ 11,1% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 7,4% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 7,4% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; và 7,4% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Mù Cang Chải có điểm mạnh ở xử lý TTHC, thời gian hoàn thành thủ tục và kiểm soát một phần chi phí tuân thủ. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI trong thời gian tới, xã

cần tập trung vào ba nhóm việc: nâng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, nhất là công khai thông tin quy hoạch, đất đai, chính sách hỗ trợ; mở rộng và làm thực chất hơn các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho HKD, HTX và DN nhỏ; và nâng vai trò kiến tạo của chính quyền xã thông qua đối thoại thường xuyên hơn, phản hồi kiến nghị rõ hơn, hỗ trợ chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp, phát triển du lịch cộng đồng, tiêu thụ sản phẩm địa phương, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

2. Xã Hạnh phúc

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
71,85		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,77	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,69	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,43	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,80	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	8,03	Tốt
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,12	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,66	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,13	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,48	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,74	Khá

Năm 2025, xã Hạnh Phúc đạt 71,85 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy xã có nền tảng điều hành tương đối ổn định, với điểm mạnh nổi bật ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 8,03 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,80 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,77 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,66 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,74 điểm. Tuy nhiên, các nội dung cần cải thiện nằm ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 6,12 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,48 điểm, cùng với tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,43 điểm. Như vậy, xã Hạnh Phúc có điểm mạnh ở thực thi thủ tục, chi phí giao dịch và tính công bằng trong điều hành, nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ rõ về hỗ trợ phát triển kinh doanh và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân theo chiều sâu.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Hạnh Phúc có nền tảng khá tốt ở nhóm thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 69,7% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 42,4% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 93,9% đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn. Đặc biệt, 96,9% hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 71,9% được chấp nhận ngay từ đầu; 87,9% hoàn thành toàn bộ thủ

tục trong vòng 15 ngày. Về chi phí tuân thủ, 69,7% cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; 84,8% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra trong năm; 80,6% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này nằm ở tiếp cận nguồn lực và tham vấn: chỉ 15,2% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 27,3% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và chỉ 9,1% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điều này cho thấy xã xử lý thủ tục khá tốt, nhưng cần cải thiện mạnh hơn về công khai thông tin, đối thoại và hỗ trợ tiếp cận nguồn lực.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm nội dung có điểm mạnh rõ nhất của xã Hạnh Phúc, đặc biệt ở môi trường cạnh tranh bình đẳng. Dữ liệu khảo sát cho thấy 60,6% người trả lời đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 75,8% đánh giá các cơ sở kinh doanh được đối xử công bằng khi thực hiện TTHC; 69,7% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 66,7% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, phản ánh. Đây là nền tảng tích cực, lý giải vì sao chỉ số cạnh tranh bình đẳng của xã đạt mức 8,03 điểm. Tuy nhiên, điểm yếu rõ rệt nằm ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 6,1% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 27,3% đánh giá thủ tục để được hưởng hỗ trợ là khá dễ hoặc rất dễ; dù vậy, 51,5% vẫn đánh giá các chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả. Điều này cho thấy chất lượng hỗ trợ có thể có tác dụng với nhóm tiếp cận được, nhưng độ phủ còn thấp. Về hiệu lực thể chế, 81,8% đánh giá tình hình an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định, 68,8% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá/rất hiệu quả, và 54,5% đánh giá chính quyền có biện pháp hỗ trợ, bảo vệ khi DN/HTX/HKD có phản ánh, kiến nghị. Trọng tâm cải thiện của Trụ cột 2 là mở rộng độ phủ chương trình hỗ trợ, làm rõ điều kiện thụ hưởng và tăng khả năng đồng hành sau thủ tục.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy xã Hạnh Phúc có điểm khá tốt ở vai trò điều hành, nhưng khu vực kinh tế tư nhân chưa thật sự bứt lên. Ở nhóm phát triển bền vững, 93,9% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 66,7% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả; 71,9% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ hoặc rất dễ tiếp cận; 69,7% cho rằng dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; và 69,7% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số, tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, các nội dung chuyển đổi số và kết nối kinh doanh còn yếu hơn, khi chỉ 31,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành. Đáng chú ý, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân vẫn là điểm cần cải thiện: chỉ 19,4% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 35,5% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án

đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 37,5% đánh giá các chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân là khá/rất hiệu quả. Ngược lại, nhóm vai trò kiến tạo của chính quyền có tín hiệu tích cực hơn: 69,7% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 57,6% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 63,6% đánh giá các chương trình, hành động tạo thuận lợi là ổn định và nhất quán; và 65,6% đồng ý rằng chính quyền xã thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Xã Hạnh Phúc là địa phương có nền tảng điều hành khá tốt, nổi bật ở thực hiện TTHC, chi phí tuân thủ, cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thể chế và vai trò điều hành của chính quyền. Tuy nhiên, để cải thiện chất lượng DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng chính: tăng minh bạch thông tin và tham vấn chính sách, nhất là về quy hoạch, đất đai, nguồn lực phát triển; mở rộng độ phủ và tính thiết thực của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực HKD/HTX/DN nhỏ phát triển lên quy mô cao hơn, thông qua hỗ trợ chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các chương trình hỗ trợ đầu tư tư nhân tại địa bàn.

3. Xã Liên Sơn

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
69,46		Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,34	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,65	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,31	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,60	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,76	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,85	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,53	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,64	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,36	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,42	Khá

Năm 2025, xã Liên Sơn đạt 69,46 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy xã có nền tảng điều hành ở mức tương đối ổn, nhưng chưa có nhiều chỉ số bứt phá. Điểm mạnh của Liên Sơn nằm ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,34 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,60 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,53 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,42 điểm. Trong khi đó, các nội dung cần cải thiện gồm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,31 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,36 điểm, tăng trưởng bền vững và bao trùm đạt 6,64 điểm và môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 6,76 điểm.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Liên Sơn có điểm mạnh ở xử lý thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 72,4% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% cho biết thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 96,6% đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 75,9% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 55,2% được chấp nhận ngay từ đầu. Ngoài ra, 86,2% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Về chi phí tuân thủ, 81,5% cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; 79,3% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc

hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này nằm ở tiếp cận nguồn lực và minh bạch thông tin: chỉ 10,3% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là dễ; 10,3% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 17,2% đánh giá tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ. Đáng chú ý, chỉ 13,8% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điều này cho thấy xã làm tương đối tốt phần xử lý thủ tục, nhưng chưa mạnh ở công khai thông tin, tham vấn và hỗ trợ tiếp cận nguồn lực.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Liên Sơn có điểm tích cực hơn ở hiệu lực thể chế và hỗ trợ sản xuất kinh doanh, nhưng cảm nhận về cạnh tranh bình đẳng chưa thật sự rõ. Hiệu lực thể chế đạt 7,53 điểm; dữ liệu cho thấy 82,8% đánh giá tình hình an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định, 65,5% hài lòng với cách chính quyền giải quyết phản ánh, kiến nghị, và 72,4% đánh giá chính quyền có biện pháp bảo vệ/hỗ trợ hiệu quả khi có phản ánh, kiến nghị. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, 48,3% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 41,4% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ thực hiện; 44,8% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Đây là kết quả không thấp, nhưng vẫn cho thấy độ phủ và hiệu quả hỗ trợ chưa thật sự mạnh. Điểm yếu của trụ cột này là môi trường cạnh tranh bình đẳng: chỉ 17,2% đồng ý rằng chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 24,1% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 35,7% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC. Vì vậy, xã cần làm rõ hơn tiêu chí tiếp cận chính sách, nguồn lực, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy Liên Sơn có tín hiệu tốt ở một số nội dung về môi trường và vai trò điều hành, nhưng phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu còn hạn chế. Có 96,4% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 82,8% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, chỉ 20,7% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 31,0% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; và chỉ 20,7% đồng ý rằng xã có hỗ trợ cụ thể cho R&D. Về kinh tế tư nhân, 20,7% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 24,1% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá hiệu quả; 27,6% đánh giá các chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân là khá hiệu quả. Ngược lại, nhóm vai trò kiến tạo có kết quả tốt hơn: 41,4% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 51,7% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 51,7% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; và 65,5% cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Liên Sơn có nền tảng khá ở xử lý TTHC, chi phí tuân thủ, hiệu lực thể chế và vai trò điều hành của chính quyền. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI trong thời gian tới, xã

cần tập trung vào ba nhóm việc: nâng minh bạch thông tin và tham vấn chính sách, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, chính sách hỗ trợ; cải thiện cảm nhận về cạnh tranh bình đẳng, thông qua công khai tiêu chí tiếp cận nguồn lực và chương trình hỗ trợ; và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các chương trình hỗ trợ đầu tư tư nhân tại địa bàn.

4. Xã Thượng Bằng La

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
73,91		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,26	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	7,13	Khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,59	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,89	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	8,00	Tốt
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,90	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	8,07	Tốt
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,02	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	7,13	Khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,92	Khá

Năm 2025, xã Thượng Bằng La đạt 73,91 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy xã có nền tảng điều hành khá tích cực và tương đối cân bằng, với điểm mạnh nổi bật ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 8,00 điểm, hiệu lực thể chế đạt 8,07 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,89 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,92 điểm. Nội dung cần cải thiện rõ hơn là tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,59 điểm và hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,90 điểm. Nhìn chung, xã có thế mạnh ở thực thi, công bằng và vai trò điều hành, nhưng cần nâng chất lượng minh bạch, tham vấn và hỗ trợ phát triển kinh doanh.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Thượng Bằng La có kết quả khá tốt ở thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 75,0% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục

đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 62,5% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 81,3% đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 75,0% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, nhưng vẫn còn 25,0% phải bổ sung từ 2 lần trở lên. Về chi phí tuân thủ, 88,5% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 81,5% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 85,2% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này nằm ở minh bạch và tham vấn: chỉ 32,1% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 35,7% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và chỉ 28,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điều này cho thấy xã xử lý thủ tục tương đối tốt, nhưng cần cải thiện thêm công khai thông tin, tham vấn sớm và hỗ trợ tiếp cận nguồn lực.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm nội dung nổi bật của xã Thượng Bằng La. Môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 8,00 điểm và hiệu lực thể chế đạt 8,07 điểm, đều thuộc nhóm tốt. Dữ liệu khảo sát cho thấy 77,8% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 78,6% đánh giá việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ là công bằng; 82,1% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC, thanh tra - kiểm tra và giải quyết kiến nghị. Về hiệu lực thể chế, 85,7% đánh giá tình hình an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 82,1% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá/rất hiệu quả; 80,8% hài lòng với việc thực hiện chính sách, văn bản pháp luật. Tuy vậy, hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa thật sự tương xứng với hai chỉ số còn lại: chỉ 42,9% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến/tham gia chương trình hỗ trợ; 50,0% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 57,1% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Vì vậy, xã cần mở rộng độ phủ hỗ trợ và làm rõ hơn điều kiện thụ hưởng chính sách cho DN/HTX/HKD.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy xã có điểm mạnh ở vai trò điều hành, nhưng vẫn còn dư địa trong phát triển kinh tế tư nhân và các nội dung bao trùm. Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,92 điểm; trong đó 75,0% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực, 71,4% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật, 64,3% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới, và 71,4% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Về phát triển bền vững, 92,9% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 57,1% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 82,1% đánh giá có đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, các nội dung hỗ trợ theo chiều sâu còn cần cải thiện: chỉ 39,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử/kết nối doanh

ngiệp; 46,4% đánh giá xã quan tâm đến R&D; và 30,8% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Xã Thượng Bằng La có nền tảng điều hành khá tích cực, nổi bật ở cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thể chế, chi phí tuân thủ và vai trò kiến tạo của chính quyền. Để cải thiện kết quả DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng chính: nâng chất lượng minh bạch và tham vấn, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai và chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, thông qua hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và đổi mới sáng tạo.

5. Xã Mậu A

ĐIỂM SỐ 73,25		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,49	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	7,35	Khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,53	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,56	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,86	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,77	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	8,38	Tốt
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,00	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,36	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,95	Khá

Năm 2025, xã Mậu A đạt 73,25 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy xã có nền tảng điều hành tương đối tích cực, với điểm mạnh nổi bật ở hiệu lực thể chế đạt 8,38 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,95 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,86 điểm và chi phí tuân thủ đạt 7,56 điểm. Các nội dung còn dư địa cải thiện gồm quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,36 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,53 điểm, và hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,77 điểm. Nhìn chung, xã Mậu A có điểm mạnh ở thực thi chính sách, tính công bằng và vai trò điều hành chủ động, nhưng cần cải thiện thêm về phát triển kinh tế tư nhân, hỗ trợ sau thủ tục và tham vấn chính sách.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Mậu A có nền tảng khá tốt ở nhóm thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 76,0% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 96,0% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; và 100% đánh giá thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Đáng chú ý, 96,0% hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 84,0% được chấp nhận ngay từ đầu; 76,0% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Về chi phí tuân thủ, 100% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 92,0% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 91,7% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra không trùng lặp hoặc trùng lặp không đáng kể. Tuy nhiên, xã vẫn cần cải thiện ở khả năng thuận lợi thực chất

của thủ tục và nguồn lực: 40,0% cho rằng khó khăn khi thực hiện thủ tục từng khiến cơ sở phải trì hoãn hoặc hủy kế hoạch kinh doanh; chỉ 36,0% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là khá dễ; và chỉ 40,0% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm nội dung nổi bật của xã Mậu A, nhất là hiệu lực thể chế và môi trường cạnh tranh bình đẳng. Dữ liệu khảo sát cho thấy 88,0% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 96,0% đồng ý rằng không có phân biệt giữa cơ sở do nam và nữ làm chủ; 88,0% đánh giá việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ là công bằng; 92,0% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; và 84,0% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, phản ánh. Về hiệu lực thể chế, kết quả rất tích cực: 100% đánh giá tình hình an ninh trật tự ổn định hoặc luôn ổn định, 92,0% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá/rất hiệu quả, 92,0% hài lòng với việc thực hiện chính sách, và 84,0% đánh giá chính quyền có biện pháp hỗ trợ, bảo vệ hiệu quả khi có phản ánh, kiến nghị. Dù vậy, hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn chưa tương xứng với các điểm mạnh trên: chỉ 36,0% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ, và chỉ 40,0% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá/rất hiệu quả. Điều này cho thấy xã có nền tảng thực thi tốt, nhưng cần tăng độ phủ và tính thiết thực của hỗ trợ sản xuất kinh doanh.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy xã Mậu A có điểm mạnh rõ ở vai trò điều hành, nhưng phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu còn hạn chế. Ở nhóm vai trò kiến tạo, 84,0% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 84,0% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 84,0% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; và 92,0% cho rằng chính quyền thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Đây là nền tảng quan trọng lý giải vì sao Mậu A đạt kết quả khá tốt. Tuy nhiên, ở nhóm phát triển bền vững và kinh tế tư nhân, một số chỉ tiêu còn yếu: chỉ 32,0% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; chỉ 20,8% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; và 0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp. Các chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân cũng mới đạt mức trung bình, với 48,0% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân khá/rất hiệu quả và 48,0% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả.

Xã Mậu A có nền tảng điều hành khá tích cực, nổi bật ở hiệu lực thể chế, cạnh tranh bình đẳng, chi phí tuân thủ và vai trò kiến tạo của chính quyền. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng chính: giảm cảm nhận khó khăn trong thực hiện thủ tục, nhất là các thủ tục có thể ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh; mở rộng độ phủ và hiệu quả của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển

đổi lên doanh nghiệp, khuyến khích áp dụng biện pháp môi trường, kết nối thương mại điện tử, hỗ trợ R&D và tạo điều kiện rõ hơn cho các dự án đầu tư tư nhân tại địa bàn.

6. Xã Lục Yên

ĐIỂM SỐ 61,64		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	6,99	Trung bình khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,28	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	5,70	Trung bình
	4 – Chi phí tuân thủ	6,47	Trung bình khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,40	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	5,48	Trung bình
	7 – Hiệu lực thể chế	6,85	Trung bình khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	5,85	Trung bình
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	5,74	Trung bình
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	5,88	Trung bình

Năm 2025, xã Lục Yên đạt 61,64 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá theo bảng tổng hợp, nhưng xét theo cấu trúc chỉ số thành phần thì đây là địa phương có nhiều nội dung còn ở mức trung bình và trung bình khá. Điểm số cho thấy xã có nền tảng nhất định ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 6,99 điểm và hiệu lực thể chế đạt 6,85 điểm, nhưng còn hạn chế rõ ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 5,48 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 5,70 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 5,74 điểm, tăng trưởng bền vững và bao trùm đạt 5,85 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 5,88 điểm. Nhìn chung, Lục Yên có điểm mạnh tương đối ở xử lý thủ tục cơ bản, nhưng còn yếu ở minh bạch, hỗ trợ phát triển và vai trò đồng hành với khu vực kinh doanh.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Lục Yên cho thấy kết quả chưa đồng đều. Ở nhóm TTHC, có 92,3% người trả lời đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động là đúng quy định hoặc nhanh hơn; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, tỷ lệ này đạt 96,3%. Ngoài ra, 81,5% cho biết hoàn thành toàn

bộ thủ tục trong vòng 15 ngày và 96,3% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Tuy nhiên, chất lượng hướng dẫn và mức độ thuận lợi thực chất còn hạn chế: chỉ 29,6% khá hài lòng về hướng dẫn thủ tục; chỉ 65,4% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ bổ sung tối đa 1 lần, thấp hơn nhiều địa phương khác. Điểm yếu rõ nhất của trụ cột này nằm ở minh bạch và tiếp cận nguồn lực: chỉ 22,2% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ; 34,6% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; chỉ 11,1% đánh giá dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; và chỉ 14,8% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Về chi phí tuân thủ, Lục Yên cũng còn dư địa cải thiện khi chỉ 12,0% đánh giá thủ tục hành chính trực tuyến dễ thực hiện; 51,9% cho biết phải tiếp 2–3 đoàn thanh tra và 44,4% phải tiếp 2–3 đoàn kiểm tra trong năm. Điều này cho thấy xã cần cải thiện mạnh hơn về công khai thông tin, hướng dẫn thủ tục, dịch vụ công trực tuyến và giảm gánh nặng tiếp xúc hành chính.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm nội dung còn yếu, đặc biệt ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Môi trường cạnh tranh bình đẳng chỉ đạt 6,40 điểm; dữ liệu khảo sát cho thấy cảm nhận tích cực chưa rõ: chỉ 7,7% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 22,2% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 37,0% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; và 44,4% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra cũng như giải quyết kiến nghị. Điểm nghẽn rõ nhất là hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ đạt 5,48 điểm: không có người trả lời nào cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến/tham gia chương trình hỗ trợ; 44,4% cho biết hiếm khi được tiếp cận; chỉ 7,4% đánh giá thủ tục để hưởng hỗ trợ là dễ; và chỉ 18,5% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, xã có nền tảng tốt hơn ở an ninh trật tự, với 74,0% đánh giá địa bàn phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định, an toàn cho kinh doanh. Tuy nhiên, các nội dung thực thi còn thấp: chỉ 33,3% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá hiệu quả; 37,0% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 19,2% hài lòng với cách giải quyết phản ánh; và 14,8% đánh giá biện pháp bảo vệ/hỗ trợ khi có phản ánh là khá hiệu quả. Vì vậy, xã cần ưu tiên mở rộng độ phủ chương trình hỗ trợ, làm rõ điều kiện thụ hưởng và nâng chất lượng xử lý phản ánh của DN/HTX/HKD.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền là nhóm cần cải thiện nhiều nhất. Ở nội dung phát triển bền vững, 96,3% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng chủ yếu mới ở mức cơ bản; chỉ 11,1% đánh giá xã tích cực hướng dẫn áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 18,5% đánh giá chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và chỉ 12,0% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung bao trùm, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo cũng còn rất hạn chế: chỉ 11,1% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 0% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 0% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương

mai điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 0% đánh giá xã có quan tâm hoặc hỗ trợ cụ thể cho R&D. Về khu vực kinh tế tư nhân, 0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; chỉ 3,7% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá hiệu quả; và 7,7% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá hiệu quả. Nhóm vai trò kiến tạo của chính quyền cũng thấp: chỉ 7,4% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 7,4% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 7,4% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; và 3,7% cho rằng lãnh đạo xã đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh.

Xã Lục Yên cần ưu tiên cải thiện theo chiều sâu. Điểm mạnh hiện nay mới nằm ở việc duy trì thời gian xử lý một số thủ tục cơ bản và bảo đảm an ninh trật tự. Các điểm yếu lớn hơn là minh bạch thông tin, tiếp cận nguồn lực, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo của chính quyền. Trọng tâm cải thiện nên là công khai rõ thông tin quy hoạch, đất đai, chính sách hỗ trợ; tăng đối thoại và phản hồi kiến nghị; giảm gánh nặng thanh tra, kiểm tra; mở rộng chương trình hỗ trợ HKD/HTX/DN nhỏ; và chủ động hơn trong hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế tư nhân tại địa bàn.

7. Xã Thác Bà

ĐIỂM SỐ 71,12		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,69	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	7,09	Khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,35	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,63	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,44	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,60	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,67	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,92	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,59	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,14	Khá

Năm 2025, xã Thác Bà đạt 71,12 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy xã có nền tảng điều hành tương đối ổn ở các nội dung mang tính hành chính và thực thi, với điểm mạnh ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,69 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,63 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,44 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,67 điểm. Tuy nhiên, các nội dung cần cải thiện là tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,35 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,60 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,59 điểm. Nhìn chung, xã Thác Bà làm khá tốt phần xử lý thủ tục và duy trì kỷ luật thực thi, nhưng cần cải thiện thêm về tham vấn, hỗ trợ phát triển và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi là nhóm nội dung có nền tảng tương đối tốt của xã Thác Bà. Có 58,1% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 41,9% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 87,1% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 64,5% được chấp nhận ngay từ đầu; 90,3% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Về chi phí tuân thủ, 76,7% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 67,8% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 83,3% đánh giá

nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này nằm ở minh bạch và tham vấn: chỉ 45,2% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 33,3% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và chỉ 19,4% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điều này cho thấy xã xử lý thủ tục khá tốt, nhưng cần cải thiện công khai thông tin và cơ chế tham vấn sớm với DN/HTX/HKD.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Thác Bà có điểm mạnh ở hiệu lực thể chế và môi trường cạnh tranh bình đẳng, nhưng hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa thật sự nổi bật. Về cạnh tranh bình đẳng, 61,3% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 58,1% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 63,3% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 58,1% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, phản ánh. Về hiệu lực thể chế, 74,2% đánh giá tình hình an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 60,0% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá/rất hiệu quả; 60,0% hài lòng với việc thực hiện chính sách; và 61,3% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị. Tuy vậy, hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn dư địa cải thiện: chỉ 22,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến/tham gia chương trình hỗ trợ; 35,5% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; dù 61,3% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Như vậy, chất lượng hỗ trợ có tín hiệu tích cực với nhóm tiếp cận được, nhưng độ phủ hỗ trợ còn thấp.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy xã có một số điểm tích cực, nhưng chưa bứt phá. Về phát triển bền vững, 90,3% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 56,7% đánh giá các chương trình/hành động cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả hoặc rất hiệu quả; và 61,3% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, hỗ trợ chuyển đổi xanh và bao trùm vẫn cần cải thiện: chỉ 38,8% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 42,0% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; và 38,7% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành. Về kinh tế tư nhân, chỉ 10,0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 48,4% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 51,7% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, 45,1% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 43,3% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; và 45,2% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Thác Bà có điểm mạnh ở xử lý TTHC, kiểm soát chi phí tuân thủ, hiệu lực thể chế và duy trì môi trường cạnh tranh tương đối công bằng. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng chính: tăng minh bạch và tham vấn chính sách, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng; mở rộng độ phủ chương

trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh để nhiều HKD/HTX/DN nhỏ tiếp cận được hơn; và thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển thực chất, thông qua hỗ trợ chuyển đổi hộ kinh doanh, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các chương trình đầu tư tư nhân tại địa bàn.

8. Xã Yên Bình

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
70,53		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,66	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,76	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,15	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,82	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,48	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,11	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,75	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,61	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,27	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,92	Khá

Năm 2025, xã Yên Bình đạt 70,53 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy xã có nền tảng điều hành tương đối tích cực, với điểm mạnh rõ nhất ở sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,92 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,82 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,75 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,66 điểm và môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,48 điểm. Các nội dung cần cải thiện gồm hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,11 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,15 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,27 điểm. Nhìn chung, xã Yên Bình làm tương đối tốt ở xử lý thủ tục, kiểm soát chi phí và vai trò điều hành, nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ mạnh về hỗ trợ phát triển kinh doanh và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Yên Bình có điểm mạnh ở thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 70,4% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất

lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 33,3% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 96,3% đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 96,3% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 77,8% được chấp nhận ngay từ đầu; 77,8% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày và 96,3% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Về chi phí tuân thủ, 87,5% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 80,8% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 92,0% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này nằm ở minh bạch, tham vấn và tiếp cận nguồn lực: chỉ 26,9% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 18,5% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 11,5% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Dù vậy, khi có kiến nghị, 84,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, cho thấy xã có phản hồi sau kiến nghị nhưng chưa mạnh ở tham vấn sớm và công khai thông tin chủ động.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Yên Bình có kết quả khá ở môi trường cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế, nhưng hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn yếu. Về cạnh tranh bình đẳng, 37,0% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 55,6% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 63,0% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC. Tuy nhiên, ở thanh tra, kiểm tra và giải quyết kiến nghị, tỷ lệ đánh giá tích cực thấp hơn, lần lượt khoảng 25,9% và 29,6%, cho thấy cảm nhận về công bằng trong các khâu sau thủ tục chưa thật sự rõ. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 22,2% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 19,2% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá/rất dễ; dù 38,5% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Đây là điểm nghẽn chính của trụ cột này. Ngược lại, hiệu lực thể chế có kết quả tốt hơn: 66,7% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá/rất hiệu quả; 56,0% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 57,7% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị; và 59,3% đánh giá chính quyền có biện pháp hỗ trợ, bảo vệ hiệu quả khi có phản ánh.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy xã Yên Bình có điểm mạnh nổi bật ở vai trò điều hành, nhưng khu vực kinh tế tư nhân chưa thật sự bứt lên. Về phát triển bền vững, 63,0% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong đó 40,7% áp dụng tương đối đầy đủ hoặc tích cực nhiều biện pháp. Tuy nhiên, chỉ 29,6% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 34,8% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung bao trùm có kết quả khá hơn: 66,7% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật; nhưng chỉ 16,0% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết

tật. Về kinh tế tư nhân, chỉ 4,8% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 22,2% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 23,1% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Ngược lại, nhóm vai trò kiến tạo có kết quả tích cực: 57,7% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 68,0% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 68,0% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 69,6% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại; và 75,0% đồng ý rằng chính quyền xã thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Xã Yên Bình có nền tảng khá ở xử lý TTHC, chi phí tuân thủ, hiệu lực thể chế và vai trò kiến tạo của chính quyền. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng chính: nâng chất lượng minh bạch và tham vấn, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ và tính thiết thực của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các dự án đầu tư tư nhân tại địa bàn..

9. Xã Trấn Yên

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
65,04		Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,63	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,39	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	5,78	Trung bình
	4 – Chi phí tuân thủ	7,05	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,98	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	5,73	Trung bình
	7 – Hiệu lực thể chế	6,71	Trung bình khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,14	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,10	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	6,53	Trung bình khá

Năm 2025, xã Trấn Yên đạt 65,04 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá theo bảng tổng hợp. Tuy nhiên, xét theo 10 chỉ số thành phần, kết quả của xã còn khá phân hóa và chưa có nhiều nội dung bứt phá. Điểm mạnh tương đối nằm ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,63 điểm và chi phí tuân thủ đạt 7,05 điểm. Trong khi đó, các điểm yếu rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 5,73 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 5,78 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,10 điểm, và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,14 điểm. Nhìn chung, Trấn Yên có nền tảng nhất định ở xử lý thủ tục, nhưng còn hạn chế ở minh bạch, hỗ trợ phát triển và vai trò đồng hành với khu vực kinh doanh.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Trấn Yên có điểm tích cực ở nhóm thủ tục hành chính. Có 62,2% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 94,6% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; và 97,3% đánh giá thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 81,1% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; 97,3% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này nằm ở minh bạch, tiếp cận nguồn lực và phản hồi kiến nghị. Chỉ 24,3% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch

sử dụng đất là khá dễ; 25,0% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 40,5% đánh giá dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách. Đáng chú ý, chỉ 24,3% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách; chỉ 21,6% thường xuyên nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị, và chỉ 20,0% hài lòng với chất lượng phản hồi. Điều này cho thấy xã làm tương đối tốt khâu xử lý thủ tục, nhưng còn yếu ở công khai thông tin, tham vấn và trách nhiệm giải trình.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Trấn Yên ở mức trung bình khá, với môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 6,98 điểm, hiệu lực thể chế đạt 6,71 điểm, còn hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 5,73 điểm. Về cạnh tranh bình đẳng, 54,1% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 51,4% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ. Tuy nhiên, chỉ 40,5% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC và 37,8% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Đáng chú ý, 35,1% tương đối đồng ý hoặc rất đồng ý với nhận định rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 18,9% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 19,4% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá/rất dễ; và 22,2% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá/rất hiệu quả. Đây là điểm nghẽn lớn nhất của Trụ cột 2, cho thấy hỗ trợ của xã chưa đủ rộng và chưa tạo được cảm nhận rõ về hiệu quả.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền là nhóm cần cải thiện nhiều. Về phát triển bền vững, 62,2% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng chỉ 16,2% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng. Chỉ 27,0% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; 28,6% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Ở nhóm bao trùm, 34,3% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 25,0% cho rằng dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; và 41,7% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Về kinh tế tư nhân, chỉ 17,1% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 10,8% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 16,7% đánh giá các chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân là khá/rất hiệu quả. Nhóm vai trò kiến tạo cũng chưa nổi bật: chỉ 32,4% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 29,7% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 29,7% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; và 29,7% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Trấn Yên có điểm mạnh tương đối ở xử lý TTHC và kiểm soát một phần chi phí tuân thủ, nhưng kết quả chưa đồng đều. Các hạn chế lớn nằm ở minh bạch thông tin, phản hồi kiến nghị, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo của chính quyền. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là công khai rõ hơn thông tin quy hoạch, đất đai, chính sách hỗ trợ; tăng đối thoại và phản hồi kiến nghị;

mở rộng chương trình hỗ trợ HKD/HTX/DN nhỏ; đồng thời chủ động hơn trong hỗ trợ chuyển đổi hộ kinh doanh, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và phát triển khu vực kinh tế tư nhân tại địa bàn...

10. Xã Bảo Thắng

ĐIỂM SỐ 69,99		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	8,14	Tốt
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,51	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,14	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,69	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,75	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,42	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,20	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,70	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,06	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,38	Khá

Năm 2025, xã Bảo Thắng đạt 69,99 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy xã có điểm mạnh nổi bật ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 8,14 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,75 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,69 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,38 điểm. Tuy nhiên, các nội dung cần cải thiện rõ hơn gồm quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,06 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,14 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,42 điểm và tiếp cận nguồn lực phát triển đạt 6,51 điểm. Nhìn chung, Bảo Thắng làm tốt ở khâu xử lý thủ tục, kiểm soát chi phí và duy trì tính công bằng trong thực thi, nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ mạnh về hỗ trợ phát triển kinh doanh và thúc đẩy kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi là nhóm có kết quả tương đối tích cực của xã Bảo Thắng. Có 81,5% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn, trong đó 40,7% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 100% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 77,8% được chấp nhận ngay từ đầu; 96,3% hoàn thành toàn bộ

thủ tục trong vòng 15 ngày. Về chi phí tuân thủ, 92,6% cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; 96,2% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu nằm ở tiếp cận nguồn lực và minh bạch: chỉ 29,6% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ; 18,5% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và chỉ 22,2% thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điều này cho thấy xã xử lý thủ tục tốt, nhưng cần cải thiện công khai thông tin, tham vấn và hỗ trợ tiếp cận nguồn lực.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Bảo Thắng có điểm mạnh ở môi trường cạnh tranh bình đẳng, nhưng hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa thật sự nổi bật. Dữ liệu khảo sát cho thấy 70,4% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 63,0% đánh giá tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ là công bằng; 66,6% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; và 65,4% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, có 48,1% tương đối đồng ý hoặc rất đồng ý với nhận định rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Đây là tín hiệu cần chú ý về cảm nhận công bằng trong tiếp cận nguồn lực. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 14,8% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 33,3% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá dễ; và 33,3% đánh giá chương trình hỗ trợ khá hiệu quả. Như vậy, hỗ trợ có tồn tại nhưng độ phủ và hiệu quả cảm nhận còn hạn chế.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy Bảo Thắng có điểm tương đối tốt ở vai trò điều hành, nhưng phát triển kinh tế tư nhân còn yếu. Về phát triển bền vững, chỉ 55,5% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 18,5% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 18,5% đánh giá chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 14,8% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Ở nhóm bao trùm, kết quả khá hơn: 63,0% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật; 48,1% đánh giá xã tích cực hỗ trợ nhóm phụ nữ, người khuyết tật hoặc người yếu thế làm chủ kết nối mạng lưới kinh doanh. Tuy nhiên, kinh tế tư nhân chưa có động lực chuyển đổi rõ: 0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; chỉ 25,9% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá hiệu quả; và 33,3% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, kết quả tích cực hơn: 59,3% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 51,8% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 66,7% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; và 69,2% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Bảo Thắng có điểm mạnh ở TTHC, chi phí tuân thủ và môi trường cạnh tranh bình đẳng. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng: công khai rõ hơn thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ và tính thiết thực của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các dự án đầu tư tư nhân tại địa bàn.

11. Xã Văn Bàn

ĐIỂM SỐ 67,3		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,49	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,50	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,20	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,41	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,46	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,11	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	6,77	Trung bình khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,37	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,02	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,97	Khá

Năm 2025, xã Văn Bàn đạt 67,30 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy xã có điểm mạnh rõ ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,49 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,41 điểm và đặc biệt là sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,97 điểm. Tuy nhiên, các nội dung cần cải thiện còn khá nhiều, nhất là quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân chỉ đạt 6,02 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,11 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,20 điểm, tăng trưởng bền vững và bao trùm đạt 6,37 điểm, và môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 6,46 điểm. Như vậy, Văn Bàn có điểm mạnh ở xử lý hành chính và vai trò điều hành của chính quyền, nhưng chưa chuyển hóa đủ mạnh thành hỗ trợ phát triển kinh doanh và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Văn Bàn có nền tảng tương đối tốt ở nhóm thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 48,0% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 28,0% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 84,0% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 68,0% được chấp nhận ngay từ đầu; 100% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Về chi phí tuân thủ, 100% đánh giá thời gian

thực hiện thủ tục/công việc của chính quyền xã đúng quy định hoặc sớm hơn; 92,0% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 100% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; và 96,0% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này nằm ở tiếp cận nguồn lực và minh bạch: chỉ 20,0% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; chỉ 12,5% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và chỉ 4,0% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điểm tích cực là khi có kiến nghị, 84,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, nhưng mức độ tham vấn sớm và công khai thông tin chủ động vẫn còn yếu.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Văn Bàn chưa thật sự nổi bật. Môi trường cạnh tranh bình đẳng chỉ đạt 6,46 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,11 điểm, và hiệu lực thể chế đạt 6,77 điểm. Về cạnh tranh bình đẳng, dữ liệu cho thấy cảm nhận tích cực còn thấp: chỉ 16,0% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 24,0% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 28,0% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 32,0% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 28,0% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, 0% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 16,0% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ; và 16,0% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá/rất hiệu quả. Đây là điểm nghẽn lớn của Văn Bàn: hỗ trợ có thể tồn tại nhưng độ phủ, mức độ nhận biết và hiệu quả cảm nhận còn rất hạn chế. Về hiệu lực thể chế, chỉ 36,0% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 28,0% đánh giá tuyên truyền chính sách khá/rất hiệu quả; 28,0% hài lòng với thực hiện chính sách và giải quyết phản ánh; 24,0% đánh giá biện pháp hỗ trợ, bảo vệ khi có phản ánh là khá/rất hiệu quả. Điều này cho thấy xã cần củng cố cả truyền thông chính sách, cơ chế hỗ trợ sau kiến nghị và tính công bằng trong thực thi.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền có bức tranh phân hóa rõ. Điểm sáng lớn nhất là sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,97 điểm. Dữ liệu khảo sát cho thấy 84,0% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 80,0% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 80,0% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 80,0% cho rằng chương trình, hành động tạo thuận lợi cho DN/HTX/HKD ổn định và nhất quán; 80,0% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại; và 80,0% đồng ý rằng xã thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Tuy nhiên, kết quả này chưa đi cùng với phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu. Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân chỉ đạt 6,02 điểm; chỉ 8,0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 16,7% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 12,5% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư

nhân là khá hiệu quả. Ở nhóm phát triển bền vững, 72,0% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng chỉ 8,0% đánh giá xã tích cực hỗ trợ công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 16,7% cho biết thường xuyên hoặc luôn được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử/kết nối doanh nghiệp; và 24,0% đánh giá xã quan tâm đến R&D.

Xã Văn Bàn có lợi thế ở xử lý TTHC, kiểm soát chi phí tuân thủ và vai trò điều hành chủ động của chính quyền. Tuy nhiên, kết quả DCCI cho thấy khoảng cách khá rõ giữa cam kết/điều hành tích cực và hiệu quả hỗ trợ phát triển kinh doanh thực chất. Trọng tâm cải thiện thời gian tới cần là: công khai rõ hơn thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; nâng tính công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội và nguồn lực; đồng thời thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, nhất là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các dự án đầu tư tư nhân tại địa bàn.

12. Xã Bảo Yên

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
75,91		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,65	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	7,75	Khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	7,08	Khá
	4 – Chi phí tuân thủ	8,01	Tốt
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,56	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	7,36	Khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,89	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,59	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,88	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	8,14	Tốt

Năm 2025, xã Bảo Yên đạt 75,91 điểm, thuộc nhóm Khá. Đây là một hồ sơ khá toàn diện, với nhiều chỉ số thành phần đạt mức cao. Điểm mạnh nổi bật nằm ở sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 8,14 điểm, chi phí tuân thủ đạt 8,01 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,89 điểm, tiếp cận nguồn lực phát triển đạt 7,75 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,65 điểm. Nội dung còn dư địa cải thiện chủ yếu là quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,88 điểm, cho thấy môi trường điều hành đã khá thuận lợi nhưng động lực chuyển đổi, mở rộng quy mô của khu vực kinh tế tư nhân tại địa bàn vẫn chưa thật sự rõ.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi là nhóm nội dung có kết quả tốt của xã Bảo Yên. Có 90,6% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 37,5% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 84,4% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; 84,4% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày và 96,9% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Về tiếp cận nguồn lực, kết quả cũng tương đối tích cực: 82,3% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 69,7% đánh giá tiếp

cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 67,6% đánh giá cơ sở hạ tầng liên quan đến sản xuất kinh doanh ở mức tốt hoặc rất tốt. Điểm cần cải thiện trong trụ cột này là tham vấn chính sách: dù 94,1% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị, chỉ 44,1% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách.

Ở Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh, xã Bảo Yên có kết quả khá đồng đều. Môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,56 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 7,36 điểm, và hiệu lực thể chế đạt 7,89 điểm. Dữ liệu khảo sát cho thấy 80,7% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 85,3% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 85,3% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 85,3% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, phản ánh. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, 78,8% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá dễ hoặc rất dễ thực hiện; 76,5% đánh giá các chương trình hỗ trợ khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả. Tuy nhiên, độ phủ hỗ trợ vẫn cần mở rộng hơn vì chỉ 36,4% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ. Ngoài ra, vẫn có 32,4% đồng ý với nhận định rằng tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương, đây là điểm cần tiếp tục kiểm soát để củng cố niềm tin về cạnh tranh bình đẳng.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy Bảo Yên có điểm mạnh rất rõ ở vai trò điều hành. Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 8,14 điểm; trong đó 76,4% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực, 88,2% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật, 82,4% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới, và 82,4% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Về phát triển bền vững, xã có kết quả tốt ở hỗ trợ xanh và bao trùm: 76,4% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 88,3% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; 94,1% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả; 88,3% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, điểm hạn chế đáng chú ý là 0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp, dù 85,3% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả và 88,3% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả.

Xã Bảo Yên có nền tảng điều hành tốt trong nhóm địa phương được khảo sát, nổi bật ở chi phí tuân thủ thấp, tiếp cận nguồn lực khá thuận lợi, hiệu lực thể chế tốt và vai trò kiến tạo rõ của chính quyền. Trọng tâm cải thiện thời gian tới nên tập trung vào ba hướng: mở rộng tham vấn chính sách và đối thoại sớm với DN/HTX/HKD; tăng độ phủ chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh, để nhiều cơ sở tiếp cận được hơn; và thúc đẩy chuyển đổi, nâng cấp khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, kết nối thị trường, thương mại điện tử, R&D và các hoạt động phát triển xanh tại địa bàn.

13. Phường Sa Pa

ĐIỂM SỐ 70,90		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,48	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	7,12	Khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,43	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,06	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,69	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,56	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,30	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,34	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,21	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,71	Khá

Năm 2025, phường Sa Pa đạt 70,9 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy phường có một số điểm mạnh đáng chú ý ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,69 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,71 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,48 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 7,34 điểm. Tuy nhiên, các nội dung cần cải thiện là quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,21 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,43 điểm và hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,56 điểm. Với đặc thù là địa bàn trung tâm du lịch, mật độ kinh doanh và kỳ vọng của HKD/DN/HTX cao, kết quả này cho thấy Sa Pa có nền tảng điều hành khá tích cực nhưng vẫn còn khoảng cách giữa xử lý thủ tục với hỗ trợ phát triển kinh doanh theo chiều sâu.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của phường Sa Pa có điểm mạnh ở thực hiện thủ tục và thời gian xử lý hồ sơ. Có 54,8% người trả lời khá hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn, trong đó 74,2% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn, trong đó 67,7% cho rằng nhanh hơn. 96,8% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Tuy nhiên, vẫn còn 35,5% cho biết hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung

2–3 lần trước khi được chấp nhận, cho thấy khâu hướng dẫn ban đầu và rà soát hồ sơ vẫn cần chuẩn hóa hơn. Điểm yếu rõ hơn của trụ cột này nằm ở minh bạch và tiếp cận nguồn lực: chỉ 22,6% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ; 32,3% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; chỉ 16,1% đánh giá dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; và chỉ 3,2% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điểm tích cực là 100% cho biết thường xuyên nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị, nhưng điều này cần được bổ sung bằng cơ chế tham vấn sớm và công khai thông tin chủ động hơn.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm có kết quả tương đối tốt của phường Sa Pa, đặc biệt ở cảm nhận về công bằng trong thực thi. Có 90,3% đồng ý rằng các chương trình, hành động của phường được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 90,0% đánh giá việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ là khá công bằng; 74,2% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 77,4% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 80,6% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Tuy vậy, dữ liệu cũng cho thấy một tín hiệu cần lưu ý: 87,1% tương đối đồng ý với nhận định rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế chưa thật sự công bằng, thường thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Đây là điểm cần được xử lý bằng cách công khai rõ tiêu chí tiếp cận đất đai, mặt bằng, chương trình hỗ trợ và cơ hội kinh doanh. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, độ phủ hỗ trợ còn hạn chế: chỉ 3,2% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ, trong khi 96,8% chỉ ở mức thỉnh thoảng; 29,0% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ; và 51,6% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy phường Sa Pa có điểm mạnh ở vai trò điều hành và các nội dung phát triển bền vững, nhưng khu vực kinh tế tư nhân chưa bứt phá rõ. Về phát triển xanh và bao trùm, 83,9% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 80,6% đánh giá phường tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 96,6% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 80,6% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung bao trùm cũng có kết quả tích cực, như 96,8% đánh giá phường đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, nội dung phát triển kinh tế tư nhân còn yếu: 0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; chỉ 46,7% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá hiệu quả; và 35,5% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá hiệu quả. Ngược lại, vai trò kiến tạo của chính quyền được đánh giá tốt: 87,1% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 83,9% đánh giá UBND phường linh hoạt và năng động trong xử lý vấn đề mới; 87,1% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại; và 90,3% đồng ý rằng phường thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Phường Sa Pa có điểm mạnh ở xử lý thủ tục nhanh, cạnh tranh tương đối công bằng, phát triển xanh và vai trò kiến tạo của chính quyền. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, phường cần tập trung vào ba hướng: nâng tính minh bạch và tham vấn, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ hỗ trợ sản xuất kinh doanh, để HKD/DN/HTX được tiếp cận thường xuyên hơn; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển lên quy mô cao hơn, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các dự án đầu tư tư nhân phù hợp với đặc thù trung tâm du lịch Sa Pa.

14. Xã Bắc Hà

ĐIỂM SỐ 66,89		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,54	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,79	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,15	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,19	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,96	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	5,81	Trung bình
	7 – Hiệu lực thể chế	6,82	Trung bình khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,62	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	5,97	Trung bình
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,04	Khá

Năm 2025, xã Bắc Hà đạt 66,89 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Tuy nhiên, xét theo 10 chỉ số thành phần, kết quả của xã còn khá phân hóa. Điểm mạnh tương đối nằm ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,54 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,19 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,04 điểm. Các điểm yếu rõ hơn gồm hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 5,81 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 5,97 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,15 điểm. Nhìn chung, Bắc Hà có nền tảng ở xử lý thủ tục cơ bản, nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ rõ về minh bạch, hỗ trợ phát triển và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Bắc Hà có điểm tích cực ở nhóm thủ tục hành chính. Có 50,0% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 91,7% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, tỷ lệ này đạt 95,8%. Về hồ sơ, 91,7% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; 91,7% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này nằm ở tiếp cận nguồn lực và minh bạch thông tin: chỉ 20,8% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 20,8% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 33,3% đánh giá

việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ. Đáng chú ý, chỉ 8,3% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách, dù 50,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị. Điều này cho thấy xã xử lý thủ tục tương đối ổn, nhưng còn yếu ở công khai thông tin, tham vấn sớm và giải trình.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Bắc Hà chưa thật sự nổi bật, nhất là ở nội dung hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Về cạnh tranh bình đẳng, 56,5% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 50,0% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC. Tuy nhiên, tỷ lệ đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra chỉ đạt 29,2%, và trong giải quyết kiến nghị, phản ánh chỉ đạt 37,5%. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, kết quả còn thấp hơn: chỉ 12,5% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; chỉ 4,2% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ; và 16,7% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, 45,8% đánh giá tình hình an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định, nhưng chỉ 29,2% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá/rất hiệu quả. Như vậy, Bắc Hà cần cải thiện mạnh hơn về độ phủ hỗ trợ, tính dễ tiếp cận của chính sách và chất lượng xử lý phản ánh.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy xã có nỗ lực nhất định nhưng chưa bứt phá. Có 91,7% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng chỉ 16,7% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 25,0% đánh giá chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 25,0% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Về bao trùm, 50,0% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, các nội dung phát triển kinh tế tư nhân còn yếu: 0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; chỉ 29,2% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; 33,3% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, 50,0% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 45,8% đánh giá UBND xã linh hoạt và năng động trong xử lý vấn đề mới; 41,7% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Bắc Hà có điểm mạnh ở xử lý TTHC, kiểm soát một phần chi phí tuân thủ và bước đầu thể hiện vai trò điều hành của chính quyền. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng: nâng minh bạch và tham vấn, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, chính sách hỗ trợ; mở rộng và làm thực chất hơn hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các chương trình phát triển kinh tế phù hợp với đặc thù địa phương.

15. Xã Mường Khương

ĐIỂM SỐ 61,11		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	6,56	Trung bình khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,09	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	5,35	Trung bình
	4 – Chi phí tuân thủ	6,75	Trung bình khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,34	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	5,51	Trung bình
	7 – Hiệu lực thể chế	6,21	Trung bình khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	5,99	Trung bình
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	5,71	Trung bình
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	6,60	Trung bình khá

Năm 2025, xã Mường Khương đạt 61,11 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá theo bảng tổng hợp. Tuy nhiên, xét theo 10 chỉ số thành phần, kết quả của xã còn khá thấp và phân hóa rõ. Không có chỉ số nào đạt nhóm Tốt; các điểm tương đối khá hơn là chi phí tuân thủ đạt 6,75 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 6,56 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 6,60 điểm. Các điểm yếu nổi bật gồm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình chỉ đạt 5,35 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 5,51 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 5,71 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 5,99 điểm. Nhìn chung, Mường Khương mới duy trì được mặt bằng hành chính cơ bản, nhưng chưa tạo được cảm nhận rõ về minh bạch, hỗ trợ phát triển và vai trò đồng hành với khu vực kinh doanh.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Mường Khương có điểm mạnh tương đối ở việc xử lý thủ tục đúng hạn, nhưng chất lượng phục vụ và minh bạch còn yếu. Có 100% người trả lời cho biết thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động và thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là đúng quy định, nhưng không có trường hợp nào đánh giá nhanh hơn quy định. Về hồ sơ, 83,9% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; 51,6% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày và 100% hoàn thành trong vòng 30 ngày. Tuy nhiên, chỉ 3,2% khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục, trong khi 93,5% chỉ đánh giá ở mức

bình thường. Điểm yếu rõ nhất nằm ở tiếp cận nguồn lực và minh bạch: chỉ 12,9% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ; chỉ 6,4% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 16,1% đánh giá dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách. Đáng chú ý, chỉ 3,2% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách; 12,9% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị; và 12,9% hài lòng với chất lượng phản hồi. Điều này cho thấy xã cần cải thiện mạnh hơn ở công khai thông tin, hướng dẫn ban đầu, đối thoại và trách nhiệm giải trình.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm nội dung còn yếu của xã Mường Khương.

Môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 6,34 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 5,51 điểm, còn hiệu lực thể chế đạt 6,21 điểm. Về cạnh tranh bình đẳng, tỷ lệ đánh giá tích cực còn thấp: chỉ 16,2% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 13,3% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 12,9% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC và thanh tra, kiểm tra; chỉ 9,7% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, phản ánh. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, kết quả còn hạn chế hơn: chỉ 6,5% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 3,2% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ; và 6,5% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, chỉ 19,4% đánh giá tình hình an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 9,7% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá hiệu quả; 9,7% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị. Như vậy, xã cần ưu tiên mở rộng độ phủ hỗ trợ, làm rõ điều kiện tiếp cận chính sách và nâng hiệu quả xử lý phản ánh của DN/HTX/HKD.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cũng chưa tạo được điểm sáng rõ.

Về phát triển bền vững, 96,8% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng chủ yếu mới ở mức cơ bản; chỉ 6,5% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 9,7% đánh giá chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 0% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải là có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung bao trùm, tiếp cận dịch vụ và chuyển đổi số còn rất hạn chế: 0% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 3,2% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 9,7% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành. Về kinh tế tư nhân, 0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; chỉ 6,5% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá hiệu quả; và 3,2% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, kết quả cũng mới ở mức khiêm tốn: 25,9% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 19,4% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 22,6% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 25,8% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Mường Khương cần cải thiện khá toàn diện. Điểm tích cực là thủ tục cơ bản phần lớn được xử lý đúng hạn và chi phí không chính thức không bị đánh giá là phổ biến. Tuy nhiên, điểm nghẽn lớn nằm ở minh bạch thông tin, tiếp cận nguồn lực, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, hiệu lực phản hồi, phát triển kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo của chính quyền. Trọng tâm cải thiện thời gian tới nên là: công khai rõ thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và chính sách hỗ trợ; tăng đối thoại và phản hồi kiến nghị; mở rộng chương trình hỗ trợ HKD/HTX/DN nhỏ; hỗ trợ tiếp cận thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh; và nâng vai trò chủ động của chính quyền xã trong tháo gỡ khó khăn, kết nối nguồn lực và thúc đẩy kinh tế tư nhân tại địa bàn.

16. Xã Si Ma Cai

ĐIỂM SỐ 69,04		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	8,51	Tốt
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,45	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,33	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,41	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,34	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,27	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,14	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,40	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,26	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	6,93	Trung bình khá

Năm 2025, xã Si Ma Cai đạt 69,40 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy xã có một điểm sáng rất rõ ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 8,51 điểm, thuộc nhóm Tốt. Một số nội dung khác đạt mức khá như chi phí tuân thủ đạt 7,41 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,34 điểm và hiệu lực thể chế đạt 7,14 điểm. Tuy nhiên, các chỉ số còn lại chủ yếu ở mức trung bình khá, trong đó cần chú ý đến hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,27 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,26 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,33 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,40 điểm. Nhìn chung, Si Ma Cai có lợi

thể ở xử lý thủ tục, nhưng còn hạn chế ở hỗ trợ phát triển kinh doanh, minh bạch nguồn lực và vai trò kiến tạo theo chiều sâu.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi là nhóm có điểm mạnh rõ nhất của xã Si Ma Cai, đặc biệt ở thủ tục hành chính. Có 77,8% người trả lời khá hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 74,1% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn, trong đó 70,4% đánh giá nhanh hơn. Về hồ sơ, 100% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, đặc biệt 92,6% được chấp nhận ngay từ đầu; 100% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày, trong đó 96,3% hoàn thành dưới 10 ngày. Đây là nền tảng rất tích cực, cho thấy quy trình hành chính cơ bản của xã được vận hành khá thông thoáng.

Tuy nhiên, điểm yếu của Trụ cột 1 nằm ở tiếp cận nguồn lực, minh bạch và tham vấn. Chỉ 18,5% đánh giá việc tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; chỉ 11,1% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và 25,9% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ. Về tham vấn, chỉ 14,8% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, góp ý chính sách. Điểm tích cực là 85,2% thường xuyên nhận được phản hồi khi có kiến nghị, và 66,7% khá hài lòng với chất lượng phản hồi. Như vậy, xã phản hồi tương đối tốt khi có kiến nghị, nhưng cần chủ động hơn trong công khai thông tin và tham vấn sớm.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Si Ma Cai có kết quả tương đối khá ở công bằng trong thực thi, nhưng hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn yếu. Về môi trường cạnh tranh bình đẳng, 76,9% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 70,4% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 81,5% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 63,0% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 77,8% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, phản ánh. Tuy vậy, vẫn có 25,9% tương đối đồng ý với nhận định rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Đây là tín hiệu cần theo dõi để củng cố niềm tin về cạnh tranh bình đẳng.

Điểm nghẽn chính của Trụ cột 2 là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 7,4% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 77,8% chỉ tiếp cận ở mức thỉnh thoảng. Chỉ 37,0% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ, và 33,3% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, xã có nền tảng tốt ở an ninh trật tự, với 92,6% đánh giá địa bàn phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định, an toàn cho kinh doanh. Tuy nhiên, các nội dung thực thi chính sách còn ở mức vừa phải: 48,1% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá hiệu quả; 40,7% hài lòng với thực hiện

chính sách; 44,4% hài lòng với cách giải quyết phản ánh; và 37,0% đánh giá biện pháp hỗ trợ/bảo vệ khi có phản ánh là khá hiệu quả.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy Si Ma Cai còn nhiều dư địa cải thiện. Về phát triển bền vững, chỉ 25,9% cơ sở đã áp dụng một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong khi 70,4% mới ở mức đang cân nhắc. Chỉ 11,1% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 37,0% đánh giá chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 48,1% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung bao trùm cũng chưa thật sự nổi bật: 33,3% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 25,9% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; và 51,9% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật.

Về khu vực kinh tế tư nhân, điểm yếu lớn là 0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp. Dù 48,1% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá hiệu quả và 55,6% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá hiệu quả, động lực chuyển đổi và mở rộng quy mô của khu vực kinh doanh tại địa bàn vẫn chưa rõ. Ở nhóm vai trò kiến tạo, 40,7% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 40,7% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 51,9% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; nhưng chỉ 37,0% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Si Ma Cai có điểm mạnh rất rõ ở thực hiện TTHC, thời gian xử lý hồ sơ và mức độ thuận lợi của thủ tục gia nhập thị trường. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng: nâng minh bạch và khả năng tiếp cận nguồn lực, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ và hiệu quả của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và nâng vai trò chủ động của chính quyền trong tháo gỡ khó khăn cho DN/HTX/HKD.

17. Phường Trung Tâm

ĐIỂM SỐ 68,41		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,59	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,85	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,05	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,50	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,96	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,62	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,10	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	5,93	Trung bình
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,24	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,57	Khá

Năm 2025, phường Trung Tâm đạt 68,41 điểm, thuộc nhóm trung bình khá. Kết quả cho thấy phường có điểm mạnh tương đối ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,59 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,50 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,10 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,57 điểm. Tuy nhiên, một số nội dung còn hạn chế gồm tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới chỉ đạt 5,93 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,05 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,24 điểm và hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,62 điểm. Nhìn chung, phường Trung Tâm có nền tảng khá ở xử lý thủ tục và vai trò điều hành, nhưng chưa tạo được chuyển biến đủ rõ ở minh bạch, hỗ trợ phát triển và phát triển bền vững.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi có điểm mạnh ở thủ tục hành chính và kiểm soát chi phí tuân thủ. Có 37,9% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 90,0% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn, trong đó 40,0% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 96,7% đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn; 96,6% hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 83,3% được chấp nhận ngay từ đầu; 96,7% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Về chi phí tuân thủ, 90,0% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn

thanh tra, 89,7% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra, và 96,7% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu nằm ở minh bạch và tham vấn: chỉ 30,0% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ/rất dễ; 36,6% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh thuận lợi; 40,0% đánh giá dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; và chỉ 10,0% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Dù 83,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, chất lượng phản hồi chưa thật sự nổi bật khi 75,0% chỉ đánh giá ở mức bình thường.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của phường Trung Tâm ở mức trung bình khá.

Môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 6,96 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,62 điểm, và hiệu lực thể chế đạt 7,10 điểm. Về cạnh tranh bình đẳng, 26,7% đồng ý rằng các chương trình, hành động của phường được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 36,7% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 48,2% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 44,8% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 40,0% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Đáng chú ý, 36,7% đồng ý với nhận định rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương, cho thấy cần tiếp tục củng cố minh bạch trong phân bổ cơ hội và nguồn lực. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, 23,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến/tham gia chương trình hỗ trợ; 33,4% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 43,4% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, 60,0% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 53,3% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá/rất hiệu quả; nhưng chỉ 36,6% hài lòng với việc thực hiện chính sách và 39,3% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền có sự phân hóa rõ.

Điểm sáng là sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,57 điểm. Có 43,3% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 60,0% đánh giá UBND phường linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 66,7% đánh giá phường năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 66,6% cho rằng chương trình, hành động tạo thuận lợi cho DN/HTX/HKD ổn định và nhất quán; và 66,7% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại. Tuy nhiên, các nội dung phát triển bền vững và kinh tế tư nhân còn yếu. Chỉ 26,7% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 10,0% đánh giá phường tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 33,3% đánh giá chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 23,3% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Về kinh tế tư nhân, chỉ 6,7% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 30,0% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 33,3% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả.

Phường Trung Tâm có điểm mạnh ở xử lý thủ tục, thời gian hoàn thành hồ sơ, kiểm soát thanh tra - kiểm tra và vai trò điều hành tương đối chủ động. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, phường cần tập trung vào ba hướng: nâng tính minh bạch và tham vấn, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ và hiệu quả của hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy phát triển bền vững, kinh tế tư nhân, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thương mại điện tử, chuyển đổi xanh, xử lý chất thải và các chương trình đầu tư tư nhân phù hợp với đặc thù địa bàn trung tâm.

18. Phường Yên Bái

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
70,72		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,27	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,85	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,30	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,91	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,66	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,45	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,69	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,09	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,22	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,28	Khá

Năm 2025, phường Yên Bái đạt 70,72 điểm, thuộc nhóm khá. Kết quả cho thấy phường có nền tảng tương đối tốt ở các nội dung thực thi và vận hành thường xuyên, nhất là chi phí tuân thủ đạt 7,91 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,69 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,66 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,28 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,27 điểm. Tuy nhiên, các nội dung cần cải thiện rõ hơn là quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,22 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,30 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,45 điểm và tiếp cận nguồn lực phát triển đạt 6,85 điểm.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của phường Yên Bái có điểm mạnh ở kiểm soát chi phí tuân thủ và một số khâu xử lý hồ sơ. Có 60,6% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 73,5% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; 76,5% đánh giá thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng quy định hoặc nhanh hơn. Về hồ sơ, 87,5% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 65,6% được chấp nhận ngay từ đầu; 90,9% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Ở nhóm chi phí tuân thủ, 82,4% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra, 75,8% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra, 85,3% đánh giá nội dung

thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc không trùng lặp, và 76,5% cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có. Tuy nhiên, điểm yếu là minh bạch và tiếp cận nguồn lực: chỉ 41,2% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ; 26,5% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và chỉ 5,9% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Dù 81,8% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, phường vẫn cần cải thiện tham vấn sớm và công khai thông tin chủ động hơn.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh có nền tảng tương đối tốt ở cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế, nhưng hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn hạn chế. Về cạnh tranh bình đẳng, 70,6% đánh giá việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ là công bằng; 79,4% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC. Tuy nhiên, ở các khâu nhạy cảm hơn như thanh tra, kiểm tra và giải quyết kiến nghị, tỷ lệ đánh giá tích cực rõ ràng chỉ khoảng 23,5%, trong khi phần lớn còn ở mức bình thường. Đáng chú ý, 32,4% người trả lời đồng ý với nhận định rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 18,2% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến/tham gia chương trình hỗ trợ; 26,5% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá/rất dễ; và 32,4% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá/rất hiệu quả. Điều này cho thấy phường có nền tảng thực thi tương đối ổn, nhưng vai trò đồng hành, kết nối và hỗ trợ phát triển kinh doanh chưa đủ rõ.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy phường có tín hiệu tích cực ở phát triển xanh và vai trò điều hành, nhưng phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu còn yếu. Có 88,2% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 48,5% đánh giá phường tích cực hỗ trợ công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 67,6% đánh giá chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 82,4% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Về bao trùm, 73,5% đánh giá phường đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Tuy nhiên, các nội dung hỗ trợ theo chiều sâu còn thấp: chỉ 23,5% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 27,3% đánh giá phường quan tâm đến R&D; và 23,5% đánh giá có hỗ trợ cụ thể cho R&D. Đặc biệt, chỉ 6,3% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 26,5% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 29,4% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, kết quả khá hơn: 52,9% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực, 55,9% đánh giá UBND phường linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật, 58,8% đánh giá phường năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới, và 55,9% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Phường Yên Bái có điểm mạnh ở kiểm soát chi phí tuân thủ, xử lý hồ sơ, duy trì hiệu lực thể chế và một phần vai trò điều hành của chính quyền. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, phường cần tập trung vào ba hướng: nâng tính minh bạch và tham vấn, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ và tính thực chất của hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, R&D, chuyển đổi xanh và các dự án đầu tư tư nhân phù hợp với địa bàn.

19. Phường Nam Cường

ĐIỂM SỐ 65,90		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,45	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	5,89	Trung bình
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	5,53	Trung bình
	4 – Chi phí tuân thủ	7,92	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,99	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	5,42	Trung bình
	7 – Hiệu lực thể chế	7,04	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,20	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,00	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,46	Khá

Năm 2025, phường Nam Cường đạt 65,90 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy phường có điểm mạnh tương đối ở các nội dung mang tính thực thi thường xuyên như chi phí tuân thủ đạt 7,92 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,45 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,04 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,46 điểm. Tuy nhiên, các nội dung cần cải thiện rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 5,42 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 5,53 điểm, tiếp cận nguồn lực phát triển đạt 5,89 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,00 điểm. Như vậy, Nam Cường có nền tảng ở xử lý thủ tục và giám sát nặng tuân thủ, nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ rõ về minh bạch, hỗ trợ phát triển và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của phường Nam Cường có điểm mạnh ở thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 76,7% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, tỷ lệ đúng quy định hoặc nhanh hơn đạt 93,3%. Về hồ sơ, 96,7% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 63,3% được chấp nhận ngay từ đầu; 75,9% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày và 93,1% hoàn

thành trong vòng 30 ngày. Về chi phí tuân thủ, 96,7% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 96,6% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 96,7% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này nằm ở tiếp cận nguồn lực và minh bạch: chỉ 23,3% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 13,3% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 20,0% đánh giá việc tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách là dễ. Đáng chú ý, chỉ 10,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách; 53,3% thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị, nhưng chỉ 35,7% hài lòng với chất lượng phản hồi. Điều này cho thấy phường xử lý thủ tục khá ổn, nhưng cần cải thiện mạnh hơn ở công khai thông tin, đối thoại và trách nhiệm giải trình.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của phường Nam Cường ở mức trung bình khá, với điểm mạnh tương đối ở hiệu lực thể chế nhưng điểm yếu rõ ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Về cạnh tranh bình đẳng, 50,0% đồng ý rằng các chương trình, hành động của phường được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 60,0% đồng ý về sự bình đẳng giữa cơ sở do nam và nữ làm chủ. Tuy nhiên, các nội dung công bằng trong thực thi cụ thể còn chưa nổi bật: 41,4% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 46,7% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 40,0% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 36,7% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 16,7% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 16,7% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ hoặc rất dễ; 26,7% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá/rất hiệu quả, trong khi 70,0% chỉ đánh giá ở mức bình thường. Về hiệu lực thể chế, điểm tích cực là 93,3% đánh giá tình hình an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định, an toàn cho kinh doanh. Tuy nhiên, chỉ 43,3% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách khá/rất hiệu quả; 33,3% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 40,0% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị; và 23,3% đánh giá biện pháp bảo vệ/hỗ trợ khi có phản ánh là khá/rất hiệu quả. Như vậy, phường cần chuyển mạnh hơn từ duy trì trật tự, thực thi cơ bản sang hỗ trợ cụ thể và xử lý kiến nghị thực chất.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy phường có tín hiệu khá ở vai trò điều hành, nhưng kinh tế tư nhân và hỗ trợ phát triển theo chiều sâu còn yếu. Về phát triển bền vững, 93,3% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong đó 70,0% áp dụng tương đối đầy đủ hoặc tích cực nhiều biện pháp. Tuy nhiên, chỉ 30,0% đánh giá phường tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 30,0% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Về bao trùm, 71,4% đánh giá phường đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật, nhưng chỉ 30,8% cho biết thường xuyên hoặc luôn có hoạt động thúc đẩy vai trò lãnh đạo nữ; 21,4% đánh giá phường tích cực hỗ trợ DN/HTX/HKD do phụ nữ, người khuyết

tật hoặc nhóm yếu thế làm chủ kết nối mạng lưới kinh doanh. Các nội dung chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo còn thấp: chỉ 13,3% thường xuyên hoặc luôn được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử/kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 13,3% đánh giá phường quan tâm đến R&D; và 13,3% cho rằng có hỗ trợ cụ thể cho R&D.

Về khu vực kinh tế tư nhân, điểm yếu lớn là chỉ 3,7% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp. Ngoài ra, chỉ 20,0% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; 13,8% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Ngược lại, nhóm vai trò kiến tạo có kết quả tốt hơn: 56,7% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 63,3% đánh giá UBND phường linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 60,0% đánh giá phường năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 63,3% cho rằng lãnh đạo phường đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; và 53,3% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Nhìn chung, phường Nam Cường có điểm mạnh ở xử lý TTHC, kiểm soát chi phí tuân thủ, giảm gánh nặng thanh tra - kiểm tra và duy trì an ninh trật tự. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, phường cần tập trung vào ba hướng: nâng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và phản hồi kiến nghị; mở rộng độ phủ và tính thiết thực của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh, R&D và các chương trình đầu tư tư nhân phù hợp với địa bàn.

20. Phường Lào Cai

ĐIỂM SỐ 66,87		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,37	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,51	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,10	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,75	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,12	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,00	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,16	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,40	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	5,81	Trung bình
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	6,65	Trung bình khá

Năm 2025, phường Lào Cai đạt 66,87 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy phường có nền tảng tương đối ở các nội dung hành chính cơ bản như chi phí tuân thủ đạt 7,75 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,37 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,16 điểm và môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,12 điểm. Tuy nhiên, các điểm yếu rõ hơn nằm ở quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân chỉ đạt 5,81 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,00 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,10 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,40 điểm. Nhìn chung, phường Lào Cai làm tương đối ổn ở xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ, nhưng chưa tạo được cảm nhận rõ về hỗ trợ phát triển kinh doanh, minh bạch thông tin và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của phường Lào Cai có điểm mạnh ở thời gian xử lý thủ tục và chi phí tuân thủ. Có 92,6% người trả lời đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, tỷ lệ này đạt 92,3%. Về hồ sơ, 92,6% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 66,7% được chấp nhận ngay từ đầu; 92,0% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Ở nhóm chi phí tuân thủ, 100% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 92,6% không

phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 92,6% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Tuy nhiên, điểm yếu của trụ cột này là chất lượng hướng dẫn, minh bạch và tham vấn. Chỉ 33,3% khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; chỉ 11,5% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ; 11,1% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và chỉ 11,1% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Dù 66,7% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, phường vẫn cần cải thiện mạnh hơn ở công khai thông tin và tham vấn sớm.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của phường Lào Cai có kết quả ở mức trung bình khá, nhưng chưa thật sự nổi bật. Về cạnh tranh bình đẳng, 46,2% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 51,9% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 42,3% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và chỉ 33,3% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, phản ánh. Đáng chú ý, 33,3% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương, cho thấy cảm nhận về công bằng trong tiếp cận nguồn lực vẫn cần được củng cố. Điểm nghẽn rõ nhất là hỗ trợ sản xuất kinh doanh: không có người trả lời nào cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 81,5% chỉ tiếp cận ở mức thỉnh thoảng; chỉ 14,8% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ; và 22,2% đánh giá chương trình hỗ trợ là khá hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, 66,7% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định, nhưng các nội dung thực thi chính sách còn ở mức vừa phải: 44,4% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 37,0% hài lòng với thực hiện chính sách; và 42,3% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền là nhóm cần cải thiện nhiều hơn. Về phát triển bền vững, 74,1% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng chủ yếu mới ở mức cơ bản; chỉ 11,1% đánh giá phường tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng. 46,2% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả, và 40,7% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung bao trùm và hỗ trợ nhóm yếu thế còn khá thấp: chỉ 22,2% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 37,0% đánh giá phường đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật; 14,8% cho biết các cơ sở do phụ nữ, người khuyết tật hoặc người dân tộc thiểu số làm chủ thường xuyên/luôn được khuyến khích tham gia chương trình của phường. Các nội dung chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo cũng yếu: chỉ 7,4% thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 22,2% đánh giá phường quan tâm đến R&D; và 14,8% cho rằng có hỗ trợ cụ thể cho R&D.

Về khu vực kinh tế tư nhân, điểm yếu rất rõ là 0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp. Chỉ 18,5% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá hiệu quả, và 14,8% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, kết quả cũng chưa mạnh: 44,4% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 48,1% đánh giá UBND phường linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 40,7% đánh giá phường năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; nhưng chỉ 18,5% cho rằng lãnh đạo phường đã hành động rõ để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh và cũng chỉ 18,5% đánh giá khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Phường Lào Cai có điểm mạnh ở xử lý thủ tục đúng hạn, hồ sơ ít phải bổ sung, chi phí tuân thủ tương đối thấp và thanh tra - kiểm tra không gây áp lực lớn. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, phường cần tập trung vào ba hướng: nâng tính minh bạch và tham vấn, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ và tính thực chất của hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh, R&D và các chương trình đầu tư tư nhân phù hợp với đặc thù địa bàn trung tâm.

21. Xã Mường Hum

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
76,82		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	8,03	Tốt
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	7,62	Khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,98	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,29	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	8,62	Tốt
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	7,90	Khá
	7 – Hiệu lực thể chế	8,73	Tốt
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,55	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,64	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,46	Khá

Năm 2025, xã Mường Hum đạt 76,82 điểm, thuộc nhóm Khá. Đây là một trong những hồ sơ có kết quả tích cực, với nhiều chỉ số thành phần đạt mức khá và tốt. Điểm mạnh nổi bật nằm ở hiệu lực thể chế đạt 8,73 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 8,62 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 8,03 điểm và hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 7,90 điểm. Các chỉ số còn lại cũng tương đối tốt như tiếp cận nguồn lực phát triển đạt 7,62 điểm, tăng trưởng bền vững và bao trùm đạt 7,55 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,46 điểm. Nội dung cần tiếp tục cải thiện là quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,64 điểm và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình đạt 6,98 điểm.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi là nhóm có kết quả khá tốt của xã Mường Hum. Có 91,7% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục. Về thời gian xử lý, 100% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 37,5% cho rằng nhanh hơn quy định; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 37,5% cũng đánh giá nhanh hơn quy định. Đáng chú ý, 100% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày, trong đó 83,3% hoàn thành dưới 10 ngày. Tuy nhiên, hồ sơ vẫn còn dư địa cải thiện vì chỉ 17,4% được chấp nhận ngay từ đầu, còn 82,6% phải bổ sung 1 lần. Về tiếp cận nguồn lực, kết quả tương đối tích

cực: 95,7% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là khá dễ hoặc rất dễ; 87,5% đánh giá rủi ro thu hồi đất là thấp hoặc rất thấp. Điểm yếu mềm hơn nằm ở hạ tầng và minh bạch: chỉ 34,8% đánh giá cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh là tốt hoặc rất tốt; 50,0% cho rằng cơ sở dữ liệu mở dễ tiếp cận và hữu ích, còn 50,0% đánh giá hữu ích nhưng khó tiếp cận. Dù vậy, xã có điểm rất tích cực ở tham vấn và phản hồi: 100% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn; 100% thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi gửi kiến nghị; và 100% khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng phản hồi.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là trụ cột nổi bật nhất của xã Mường Hum. Các chỉ tiêu về cạnh tranh bình đẳng đều đạt tỷ lệ tích cực cao: 79,2% đồng ý rằng chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 87,0% đồng ý về bình đẳng giữa cơ sở do nam và nữ làm chủ; 91,7% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 95,8% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 87,5% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra và giải quyết kiến nghị. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, 100% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 95,4% đánh giá chương trình hỗ trợ khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, trong đó 63,6% đánh giá rất hiệu quả. Tuy nhiên, thủ tục hưởng hỗ trợ vẫn chưa thật sự thuận lợi, khi chỉ 26,1% đánh giá khá dễ thực hiện, còn 73,9% chỉ đánh giá bình thường. Một điểm cần lưu ý thêm là dù các chỉ tiêu công bằng rất cao, vẫn có 91,7% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Vì vậy, xã cần tiếp tục công khai tiêu chí phân bổ nguồn lực, chương trình hỗ trợ và cơ hội kinh doanh để củng cố niềm tin về cạnh tranh bình đẳng.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền có kết quả khá, nhưng chưa đồng đều bằng Trụ cột 2. Về phát triển bền vững, 83,3% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong đó 33,3% áp dụng tương đối đầy đủ. 65,2% đánh giá xã tích cực hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 83,3% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 87,5% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung bao trùm cũng khá tích cực: 87,5% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật; 95,7% cho biết các cơ sở do phụ nữ, người khuyết tật hoặc người dân tộc thiểu số làm chủ thường xuyên hoặc luôn được khuyến khích tham gia chương trình của xã. Về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, 95,9% cho biết thường xuyên hoặc luôn được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 83,3% đánh giá xã có quan tâm đến R&D và 87,5% đồng ý rằng xã có hỗ trợ cụ thể cho hoạt động này.

Điểm hạn chế lớn nhất của Trụ cột 3 là phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu. 100% hộ kinh doanh không có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp, cho thấy động lực nâng cấp mô hình kinh doanh còn rất yếu. Mặc dù 79,2% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh

tế tư nhân khá hiệu quả hoặc rất hiệu quả, chỉ 29,2% đánh giá việc tạo thuận lợi cho các dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, kết quả nhìn chung tích cực nhưng vẫn còn khoảng cách: 66,6% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 62,5% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 75,0% cho rằng lãnh đạo xã đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; và 79,1% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Mường Hum có nền tảng điều hành khá tốt, nổi bật ở thực hiện TTHC, cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thể chế, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và phản hồi kiến nghị. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng minh bạch và cơ sở dữ liệu mở, đặc biệt là thông tin hạ tầng, quy hoạch và chương trình hỗ trợ; đơn giản hóa thủ tục để thụ hưởng chính sách hỗ trợ; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, nhất là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, tạo thuận lợi hơn cho dự án đầu tư tư nhân, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các mô hình kinh doanh phù hợp với đặc thù địa bàn.

22. Xã Y Tý

ĐIỂM SỐ 67,33		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	6,79	Trung bình khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,71	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,30	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,16	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,14	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,35	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,38	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,39	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,28	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	6,83	Trung bình khá

Năm 2025, xã Y Tý đạt 67,33 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy xã có mặt bằng điều hành tương đối ổn nhưng chưa có nhiều chỉ số bứt phá. Các điểm mạnh tương đối nằm ở hiệu lực thể chế đạt 7,38 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,16 điểm và môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,14 điểm. Trong khi đó, các nội dung cần cải thiện rõ hơn là quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,28 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,30 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,35 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,39 điểm. Nhìn chung, Y Tý duy trì được nền tảng thực thi ở mức trung bình khá, nhưng vai trò hỗ trợ phát triển kinh doanh, minh bạch nguồn lực và thúc đẩy kinh tế tư nhân còn khá hạn chế.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Y Tý có điểm tích cực ở thời gian xử lý thủ tục và phản hồi kiến nghị, nhưng chưa thật sự mạnh về chất lượng hướng dẫn, tiếp cận đất đai và tham vấn chính sách. Có 36,0% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục, trong khi 64,0% chỉ đánh giá ở mức bình thường. Về thời gian xử lý, 96,0% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, tỷ lệ này cũng đạt 96,0%. Về hồ sơ, 84,0% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 40,0% được chấp nhận ngay từ đầu. Tuy nhiên, chỉ 36,0%

hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày, còn 20,0% phải chờ từ 1–2 tháng. Đáng chú ý, 32,0% đồng ý rằng khó khăn khi thực hiện thủ tục từng khiến cơ sở phải trì hoãn hoặc hủy kế hoạch kinh doanh. Về tiếp cận nguồn lực, chỉ 24,0% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ/rất dễ; 8,0% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi. Điểm tích cực hơn là 84,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, nhưng chỉ 12,0% thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điều này cho thấy xã phản hồi sau kiến nghị tương đối tốt, nhưng chưa mạnh ở tham vấn sớm và công khai thông tin chủ động.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Y Tý ở mức trung bình khá, với điểm tương đối tốt hơn ở hiệu lực thể chế nhưng còn hạn chế ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Về cạnh tranh bình đẳng, 44,0% đồng ý rằng các chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 52,0% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 48,0% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 48,0% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 52,0% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Tuy nhiên, 44,0% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương, cho thấy cảm nhận về công bằng trong tiếp cận nguồn lực vẫn là vấn đề cần lưu ý. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 8,0% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 12,0% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá/rất dễ; và 20,0% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Ngược lại, nhóm hiệu lực thể chế có kết quả tốt hơn: 64,0% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 56,0% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 64,0% hài lòng với cách chính quyền giải quyết phản ánh, kiến nghị; và 60,0% đánh giá chính quyền có biện pháp bảo vệ/hỗ trợ hiệu quả khi có phản ánh.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy xã Y Tý có một số tín hiệu tích cực ở ý thức môi trường của cơ sở kinh doanh, nhưng hỗ trợ chuyển đổi xanh, bao trùm và phát triển kinh tế tư nhân còn yếu. Có 88,0% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, nhưng chỉ 16,0% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 28,0% đánh giá chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và chỉ 16,0% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Về bao trùm, chỉ 4,0% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 12,0% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 44,0% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật. Các nội dung hỗ trợ theo chiều sâu cũng còn hạn chế: chỉ 20,0% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 36,0% đánh giá xã có quan tâm đến R&D; và 32,0% cho rằng xã có hỗ trợ cụ thể cho R&D.

Điểm yếu lớn của Y Tý nằm ở phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Chỉ 8,0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 28,0% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 36,0% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, kết quả cũng mới ở mức vừa phải: 28,0% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 44,0% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 40,0% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 20,0% cho rằng lãnh đạo xã đã hành động rõ để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; và 28,0% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Y Tý có điểm mạnh tương đối ở xử lý thủ tục đúng hạn, phản hồi kiến nghị, kiểm soát chi phí không chính thức và duy trì hiệu lực thể chế. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng: nâng minh bạch và khả năng tiếp cận nguồn lực, nhất là đất đai, mặt bằng, quy hoạch và chính sách hỗ trợ; mở rộng độ phủ và tính thực chất của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, thông qua hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh, R&D và các mô hình kinh doanh phù hợp với đặc thù địa bàn vùng cao, biên giới..

23. Xã Tú Lệ

ĐIỂM SỐ 64,31		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	6,62	Trung bình khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,62	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	5,84	Trung bình
	4 – Chi phí tuân thủ	6,62	Trung bình khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,61	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,24	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	6,67	Trung bình khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,24	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,14	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	6,71	Trung bình khá

Năm 2025, xã Tú Lệ đạt 64,31 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy chất lượng điều hành của xã còn ở mức khiêm tốn, chưa có chỉ số thành phần nào vượt ngưỡng 7 điểm. Các nội dung có điểm tương đối cao hơn gồm sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 6,71 điểm, hiệu lực thể chế đạt 6,67 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường, tiếp cận nguồn lực phát triển và chi phí tuân thủ cùng đạt 6,62 điểm. Trong khi đó, các điểm yếu rõ hơn là tính minh bạch và trách nhiệm giải trình chỉ đạt 5,84 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,14 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới cùng đạt 6,24 điểm. Nhìn chung, Tú Lệ có nền tảng thực thi cơ bản nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ mạnh về minh bạch, hỗ trợ phát triển và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Tú Lệ có một số điểm tích cực ở thời gian xử lý thủ tục, nhưng chất lượng phục vụ và minh bạch còn yếu. Có 100% người trả lời đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động và thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không chậm hơn quy định; tuy nhiên, chỉ 16,7% đánh giá nhanh hơn quy định. Về hồ sơ, 63,3% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 40,0% được chấp nhận ngay từ đầu; vẫn còn 36,7% phải bổ sung 2–3 lần. Thời gian hoàn thành toàn bộ thủ tục cũng chưa thật sự nhanh:

chỉ 41,4% hoàn thành trong vòng 15 ngày, trong khi 44,8% mất 15–30 ngày và 13,8% mất 1–2 tháng. Đáng chú ý, chỉ 20,0% khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn thủ tục; 73,3% chỉ đánh giá ở mức bình thường.

Điểm nghẽn lớn của Trụ cột 1 nằm ở tiếp cận nguồn lực, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Chỉ 10,0% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; chỉ 3,3% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và chỉ 6,7% đánh giá cơ sở hạ tầng sản xuất kinh doanh là tốt. Về minh bạch, 43,3% cho rằng cơ sở dữ liệu mở dễ tiếp cận và hữu ích, nhưng vẫn có 26,7% đánh giá tiếp cận được song không hữu ích và 13,3% cho rằng hữu ích nhưng khó tiếp cận. Cơ chế tham vấn còn rất hạn chế: chỉ 6,9% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách; 51,7% thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, nhưng chỉ 16,7% hài lòng với chất lượng phản hồi. Điều này cho thấy xã không chỉ cần xử lý thủ tục đúng hạn, mà cần nâng mạnh chất lượng hướng dẫn, công khai thông tin và giải trình sau phản ánh.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Tú Lệ nhìn chung còn yếu, nhất là ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Về cạnh tranh bình đẳng, chỉ 20,0% đồng ý rằng chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 23,3% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 23,3% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 26,7% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 30,0% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Dù tỷ lệ đánh giá tiêu cực trực tiếp không cao, phần lớn câu trả lời tập trung ở mức “bình thường”, cho thấy cảm nhận tích cực về công bằng chưa rõ.

Điểm yếu đáng chú ý hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 3,3% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 20,0% hiếm khi được tiếp cận và 76,7% chỉ ở mức thỉnh thoảng. Chỉ 21,4% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ hoặc rất dễ; 20,7% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, 48,3% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định, nhưng các nội dung thực thi chính sách còn hạn chế: 30,0% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 16,7% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 20,0% hài lòng với cách giải quyết phản ánh; và 16,7% đánh giá biện pháp bảo vệ/hỗ trợ khi có phản ánh là hiệu quả. Như vậy, xã cần chuyển từ hỗ trợ mang tính thỉnh thoảng sang hỗ trợ có độ phủ, có tiêu chí rõ và có hiệu quả thực chất hơn.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy Tú Lệ có một số tín hiệu tích cực ở ý thức môi trường của cơ sở kinh doanh, nhưng vai trò hỗ trợ của chính quyền còn mờ. Có 82,8% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong đó 34,5% áp dụng tương đối đầy đủ hoặc tích cực nhiều biện pháp. Tuy nhiên, chỉ 13,3% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 40,0% đánh giá các chương trình cho

dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và chỉ 20,0% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung bao trùm cũng chưa nổi bật: chỉ 6,7% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 28,6% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 23,3% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật.

Về phát triển kinh tế tư nhân, kết quả còn yếu. Chỉ 6,9% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 23% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 20% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Các nội dung chuyển đổi số, kết nối thị trường và đổi mới sáng tạo cũng chưa mạnh: chỉ 10,0% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 7% đánh giá xã có quan tâm đến R&D; 13% cho rằng có hỗ trợ cụ thể cho R&D. Ở nhóm vai trò kiến tạo, kết quả khá hơn nhưng chưa thật sự nổi bật: 37% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 40,0% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 30,0% cho rằng lãnh đạo xã đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; 26,7% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Tú Lệ cần cải thiện khá toàn diện. Điểm tích cực là thủ tục cơ bản phần lớn không chậm hơn quy định, tỷ lệ phản hồi kiến nghị ở mức tương đối và một bộ phận cơ sở đã có ý thức áp dụng biện pháp môi trường. Tuy nhiên, các điểm nghẽn lớn nằm ở chất lượng hướng dẫn thủ tục, tiếp cận đất đai và mặt bằng, minh bạch thông tin, tham vấn chính sách, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế tư nhân. Trọng tâm cải thiện thời gian tới nên là công khai rõ hơn thông tin quy hoạch, đất đai và chính sách hỗ trợ; chuẩn hóa hướng dẫn hồ sơ để giảm số lần bổ sung; tăng đối thoại thực chất với DN/HTX/HKD; mở rộng chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy hộ kinh doanh tham gia thương mại điện tử, chuyển đổi xanh, kết nối thị trường và từng bước chuyển đổi lên mô hình kinh doanh có quy mô cao hơn.

24. Xã Trạm Tấu

ĐIỂM SỐ 67,61		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,30	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,38	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	5,99	Trung bình
	4 – Chi phí tuân thủ	7,21	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,74	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,05	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,23	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,22	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,10	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,39	Khá

Năm 2025, xã Trạm Tấu đạt 67,61 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy xã có một số điểm mạnh tương đối ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,74 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,30 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,23 điểm và chi phí tuân thủ đạt 7,21 điểm. Tuy nhiên, các nội dung còn hạn chế gồm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình chỉ đạt 5,99 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,05 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,10 điểm và tăng trưởng bền vững, bao trùm, đáp ứng giới đạt 6,22 điểm. Nhìn chung, Trạm Tấu có nền tảng khá ở xử lý thủ tục và môi trường cạnh tranh, nhưng chưa tạo được cảm nhận đủ mạnh về minh bạch, hỗ trợ phát triển và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Trạm Tấu có điểm tích cực ở xử lý hồ sơ và thời gian thực hiện thủ tục. Có 53,8% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục; 96,0% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, tỷ lệ đúng quy định hoặc nhanh hơn đạt 100%. Đáng chú ý, 100% hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 92,3% được chấp nhận ngay từ đầu; 79,2% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày. Tuy nhiên, vẫn có 20,0% đồng ý rằng khó khăn khi thực hiện thủ tục từng khiến cơ sở phải

trì hoãn hoặc hủy kế hoạch kinh doanh. Về tiếp cận nguồn lực, kết quả chưa thật sự mạnh: chỉ 26,9% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 19,2% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 26,9% đánh giá hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh là tốt. Điểm yếu rõ nhất của trụ cột này là minh bạch và tham vấn: chỉ 7,7% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách; 50,0% thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị; và 44,0% hài lòng với chất lượng phản hồi.

Về chi phí tuân thủ, Trạm Tầu có một số kết quả tích cực. 96,2% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục của chính quyền xã đúng quy định hoặc sớm hơn; 53,8% khá hài lòng hoặc rất hài lòng với thái độ phục vụ của cán bộ; 46,2% hài lòng với chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc. Gánh nặng thanh tra, kiểm tra chưa quá lớn khi 65,4% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra, 65,4% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 68,0% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Ngoài ra, 87,5% cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là ít phổ biến, không phổ biến hoặc hoàn toàn không có. Tuy vậy, dịch vụ công trực tuyến còn dư địa cải thiện khi chỉ 24,0% đánh giá dễ thực hiện.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm có kết quả tương đối nổi bật của Trạm Tầu, nhất là ở chỉ số môi trường cạnh tranh bình đẳng. Có 57,7% đồng ý rằng chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 69,2% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 61,5% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 69,2% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 80,0% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Tuy nhiên, vẫn có 50,0% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Đây là điểm cần lưu ý vì nó có thể làm giảm niềm tin của HKD/HTX/DN vào tính công bằng thực chất của môi trường kinh doanh.

Điểm yếu của Trụ cột 2 nằm ở hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 3,8% cho biết thường xuyên được biết đến hoặc được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 73,1% chỉ tiếp cận ở mức thỉnh thoảng và 23,1% không biết đến hoặc hiếm khi được mời. Chỉ 19,2% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá dễ; 46,2% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, kết quả ở mức trung bình khá: 65,4% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 50,0% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 53,8% hài lòng với thực hiện chính sách; 38,5% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị; và 50,0% đánh giá biện pháp hỗ trợ/bảo vệ khi có phản ánh là hiệu quả. Như vậy, xã có nền tảng cạnh tranh khá hơn, nhưng hỗ trợ sản xuất kinh doanh vẫn chưa có độ phủ và hiệu quả cảm nhận đủ rõ.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy xã có một số tín hiệu tích cực, nhưng chưa đồng đều. Về phát triển bền vững, 84,6% cơ

sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong đó 26,9% áp dụng tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, chỉ 42,3% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 46,2% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và chỉ 32,0% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung bao trùm còn hạn chế: 19,2% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 26,9% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 50,0% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật.

Về phát triển kinh tế tư nhân, Trạm Tấu còn nhiều dư địa cải thiện. Chỉ 4,5% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 25,0% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 33,3% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Các nội dung chuyển đổi số, kết nối thị trường và đổi mới sáng tạo cũng chưa mạnh: chỉ 11,5% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 23,1% đánh giá xã có quan tâm đến R&D; 34,6% đồng ý rằng xã có hỗ trợ cụ thể cho R&D. Ngược lại, vai trò kiến tạo của chính quyền có tín hiệu khá hơn: 52,0% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 48,0% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 60,0% cho rằng lãnh đạo xã đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; 56,0% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Xã Trạm Tấu có điểm mạnh ở xử lý hồ sơ, kiểm soát chi phí tuân thủ, môi trường cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng: nâng minh bạch và tham vấn, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, chính sách hỗ trợ và phản hồi kiến nghị; mở rộng độ phủ và hiệu quả của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh, R&D và tạo thuận lợi hơn cho các dự án đầu tư tư nhân phù hợp với đặc thù địa bàn..

25. Xã Bát Xát

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
73,12		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	8,12	Tốt
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	7,26	Khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,72	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,95	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,64	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,53	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,84	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,06	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,32	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,68	Khá

Năm 2025, xã Bát Xát đạt 73,12 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy xã có nền tảng điều hành tương đối tốt, với điểm mạnh nổi bật ở thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 8,12 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,95 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,84 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,68 điểm và môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,64 điểm. Các nội dung cần cải thiện thêm gồm quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,32 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,53 điểm và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình đạt 6,72 điểm. Nhìn chung, Bát Xát có điểm mạnh ở xử lý thủ tục, kiểm soát chi phí và duy trì hiệu lực thực thi, nhưng cần thúc đẩy mạnh hơn hỗ trợ phát triển kinh doanh và nâng cấp khu vực kinh tế tư nhân.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi là nhóm kết quả tích cực nhất của xã Bát Xát. Có 64,0% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 48,0% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn, trong đó 64,0% cho rằng nhanh hơn. Đáng chú ý, 80,0% hồ sơ được chấp nhận ngay từ đầu, 88,0% được chấp nhận ngay hoặc chỉ bổ sung tối đa 1 lần; 96,0% hoàn thành toàn bộ

thủ tục trong vòng 15 ngày. Tuy nhiên, vẫn còn 12,0% phải bổ sung hồ sơ 2–3 lần, cho thấy khâu hướng dẫn ban đầu vẫn cần tiếp tục chuẩn hóa.

Về tiếp cận nguồn lực và minh bạch, Bát Xát có kết quả tương đối khá nhưng chưa thật sự đồng đều. 60,0% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ; 52,0% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 60,0% đánh giá rủi ro bị thu hồi đất là thấp hoặc rất thấp; 56,0% đánh giá hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh ở mức tốt. Về minh bạch thông tin, 72,0% đánh giá dễ hoặc rất dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; 76,0% khá hài lòng hoặc rất hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử. Tuy vậy, mức độ tham vấn vẫn chưa thật sự cao: chỉ 40,0% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Khi có kiến nghị, 84,0% thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi, nhưng chỉ 60,0% hài lòng với chất lượng phản hồi.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của xã Bát Xát có điểm mạnh ở cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế, nhưng hỗ trợ sản xuất kinh doanh còn dư địa cải thiện.

Về cạnh tranh bình đẳng, 64,0% đồng ý rằng chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 68,0% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 60,8% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 68,0% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 72,0% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Tuy nhiên, vẫn có 48,0% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Đây là điểm cần lưu ý để củng cố niềm tin về cạnh tranh công bằng thực chất.

Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chỉ 20,0% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 48,0% chỉ tiếp cận ở mức thỉnh thoảng và 32,0% không biết đến hoặc hiếm khi được mời. Dù vậy, nhóm đã tiếp cận hỗ trợ đánh giá tương đối tích cực: 48,0% cho rằng thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ thực hiện và 60,0% đánh giá chương trình hỗ trợ khá hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, kết quả khá tốt: 96,0% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 72,0% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 68,0% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 60,0% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị; và 64,0% đánh giá biện pháp bảo vệ/hỗ trợ khi có phản ánh là hiệu quả.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy Bát Xát có nền tảng khá nhưng chưa thật sự bứt phá ở kinh tế tư nhân. Về phát triển bền vững, 72,0% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong đó 32,0% áp dụng tương đối đầy đủ hoặc tích cực nhiều biện pháp. 68,0% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; 60,0% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, chỉ 30,4% đánh giá xã tích

cực hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, cho thấy hỗ trợ chuyển đổi xanh vẫn còn hạn chế.

Các nội dung bao trùm có kết quả tương đối tích cực: 68,0% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 62,5% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 88,0% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật; 64,0% đánh giá xã tích cực hỗ trợ các cơ sở do phụ nữ, người khuyết tật hoặc nhóm yếu thế làm chủ kết nối mạng lưới kinh doanh. Tuy nhiên, các nội dung phát triển theo chiều sâu còn yếu hơn: chỉ 36,0% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 41,7% đánh giá xã quan tâm đến R&D; và 28,0% cho rằng có hỗ trợ cụ thể cho R&D.

Điểm nghẽn lớn nhất của Trụ cột 3 là phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Chỉ 4,2% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 44,0% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá hiệu quả; và 44,0% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, kết quả nhìn chung tích cực: 80,0% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 76,0% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 64,0% cho rằng lãnh đạo xã đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; 76,0% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại; và 80,0% đồng ý rằng xã thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Tuy nhiên, chỉ 48,0% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới, cho thấy dư địa cải thiện ở tính chủ động và sáng tạo trong điều hành.

Xã Bát Xát có nền tảng điều hành khá tốt, nổi bật ở TTHC thông thoáng, hồ sơ ít phải bổ sung, chi phí tuân thủ tương đối thấp, hiệu lực thể chế tốt và vai trò điều hành khá tích cực. Để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng minh bạch và tham vấn chính sách, đặc biệt là đối thoại sớm và phản hồi có chất lượng; mở rộng độ phủ chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, nhất là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, kết nối thị trường, thương mại điện tử, R&D, chuyển đổi xanh và tạo thuận lợi hơn cho các dự án đầu tư tư nhân tại địa bàn.

26. Xã Văn Chấn

ĐIỂM SỐ 70,60		PHÂN NHÓM Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,08	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,30	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,23	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,05	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	8,27	Tốt
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,57	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,64	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,23	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,24	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,99	Khá

Năm 2025, xã Văn Chấn đạt 70,60 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy xã có một số điểm mạnh rõ ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 8,27 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,99 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,64 điểm, cùng với các nội dung hành chính cơ bản như thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,08 điểm và chi phí tuân thủ đạt 7,05 điểm. Tuy nhiên, các nội dung cần cải thiện gồm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,23 điểm, tiếp cận nguồn lực phát triển đạt 6,30 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,24 điểm và hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,57 điểm. Nhìn chung, Văn Chấn có điểm mạnh ở tính công bằng, hiệu lực thực thi và vai trò điều hành, nhưng vẫn còn hạn chế ở minh bạch thông tin, tiếp cận đất đai, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Văn Chấn có kết quả tương đối khá ở xử lý thủ tục và kiểm soát chi phí tuân thủ, nhưng chưa thật sự mạnh ở minh bạch và tiếp cận nguồn lực. Có 52,0% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn thủ tục; 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 36,0% cho rằng nhanh hơn quy định. Đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 96,0% đánh giá đúng quy định hoặc

nhanh hơn. Về hồ sơ, 66,7% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 54,2% được chấp nhận ngay từ đầu; tuy nhiên vẫn còn 33,3% phải bổ sung 2–3 lần. Thời gian hoàn thành toàn bộ thủ tục chưa thật sự nhanh khi chỉ 34,8% hoàn thành trong vòng 15 ngày, trong khi 60,9% mất 15–30 ngày.

Điểm yếu rõ hơn của Trụ cột 1 nằm ở tiếp cận nguồn lực và minh bạch thông tin. Chỉ 8,1% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 19,5% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; và 24,3% đánh giá hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh ở mức tốt. Về minh bạch, 29,7% đánh giá dễ hoặc rất dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; 52,7% khá hài lòng hoặc rất hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử. Cơ chế tham vấn vẫn còn hạn chế khi chỉ 21,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Dù 60,6% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị và 57,2% hài lòng với chất lượng phản hồi, xã vẫn cần cải thiện mạnh hơn ở công khai thông tin chủ động và đối thoại sớm với DN/HTX/HKD.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm có kết quả nổi bật nhất của xã Văn Chấn, đặc biệt ở môi trường cạnh tranh bình đẳng. Có 56,7% đồng ý rằng chương trình, hành động của xã được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 70,3% đồng ý về bình đẳng giữa cơ sở do nam và nữ làm chủ. Các chỉ tiêu công bằng trong thực thi đạt tỷ lệ tích cực khá cao: 70,3% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 75,7% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 81,1% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 73,0% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, phản ánh. Tuy nhiên, vẫn có 40,5% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Đây là điểm cần lưu ý vì có thể làm suy giảm cảm nhận về công bằng thực chất trong phân bổ cơ hội và nguồn lực.

Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, Văn Chấn có độ phủ hỗ trợ tương đối tốt hơn nhiều địa phương khác nhưng hiệu quả cảm nhận còn chưa cao. Có 32,4% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 36,1% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ là khá/rất dễ thực hiện. Tuy nhiên, chỉ 29,7% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả, trong khi 70,3% chỉ đánh giá ở mức bình thường. Về hiệu lực thể chế, xã có kết quả khá tích cực: 89,2% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 59,5% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 54,1% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 59,5% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị; và 64,9% đánh giá chính quyền có biện pháp hỗ trợ/bảo vệ hiệu quả khi có phản ánh.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền có điểm mạnh ở vai trò điều hành và phát triển bao trùm, nhưng kinh tế tư nhân theo chiều sâu vẫn là điểm nghẽn. Về phát triển bền vững, 94,6% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số

biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong đó 27,0% áp dụng tương đối đầy đủ hoặc tích cực nhiều biện pháp. Tuy nhiên, hỗ trợ chuyển đổi xanh của chính quyền còn hạn chế khi chỉ 29,7% đánh giá xã tích cực hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng. 45,9% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả, nhưng chỉ 21,6% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả.

Các nội dung bao trùm có một số điểm tích cực: 48,6% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ hoặc rất dễ tiếp cận với người khuyết tật; 67,6% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 78,4% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật; 72,9% cho biết các cơ sở do phụ nữ, người khuyết tật hoặc người dân tộc thiểu số làm chủ thường xuyên hoặc luôn được khuyến khích tham gia chương trình của xã. Tuy nhiên, các nội dung phát triển theo chiều sâu còn yếu hơn: chỉ 29,7% cho biết thường xuyên hoặc luôn được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 38,9% đánh giá xã có quan tâm đến R&D; và 33,3% cho rằng xã có hỗ trợ cụ thể cho R&D.

Điểm hạn chế lớn nhất của Trụ cột 3 là phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Chỉ 5,0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 43,2% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 36,1% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Ngược lại, vai trò kiến tạo của chính quyền được đánh giá khá tích cực: 75,7% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 78,4% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 75,7% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 81,1% cho rằng chương trình, hành động tạo thuận lợi cho DN/HTX/HKD ổn định và nhất quán; và 89,2% đồng ý rằng xã thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Xã Văn Chấn có nền tảng điều hành khá, nổi bật ở môi trường cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thể chế, vai trò kiến tạo của chính quyền và kiểm soát chi phí tuân thủ. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng minh bạch và tiếp cận nguồn lực, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và hạ tầng; làm thực chất hơn các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh, để không chỉ có độ phủ mà còn tạo hiệu quả rõ hơn; và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, R&D, chuyển đổi xanh và tạo thuận lợi hơn cho các dự án đầu tư tư nhân phù hợp với đặc thù địa bàn.

27. Xã Bản Liền

ĐIỂM SỐ 68,78		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,16	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,50	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,36	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,16	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,56	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,77	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,44	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,87	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,17	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	6,79	Trung bình khá

Năm 2025, xã Bản Liền đạt 68,78 điểm, thuộc nhóm trung bình khá. Kết quả cho thấy xã có nền tảng điều hành tương đối ổn, nhưng chưa thật sự bứt phá ở các nội dung phát triển theo chiều sâu. Điểm mạnh nổi bật hơn nằm ở môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,56 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,44 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường và chi phí tuân thủ cùng đạt 7,16 điểm. Các nội dung còn hạn chế hơn là quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,17 điểm, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,36 điểm, tiếp cận nguồn lực phát triển đạt 6,50 điểm và hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,77 điểm.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của xã Bản Liền có điểm tích cực ở thời gian xử lý thủ tục và hoàn thành hồ sơ, nhưng chất lượng hướng dẫn, tiếp cận nguồn lực và minh bạch vẫn còn dư địa cải thiện. Có 44,4% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn thủ tục, trong khi 48,1% chỉ đánh giá ở mức bình thường. Về thời gian xử lý, 92,6% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, tỷ lệ này đạt 96,3%. Về hồ sơ, 81,5% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 25,9% được chấp nhận ngay từ đầu; 85,2% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày, trong đó 63,0% hoàn thành dưới 10 ngày. Tuy nhiên, tiếp

cận nguồn lực còn hạn chế: chỉ 29,6% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 22,2% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 25,9% đánh giá hạ tầng sản xuất kinh doanh ở mức tốt/rất tốt. Về minh bạch, 62,9% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử, nhưng chỉ 14,8% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điểm tích cực là 81,5% thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị và 55,5% hài lòng với chất lượng phản hồi.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm có kết quả tương đối tốt hơn của xã Bản Liền. Về cạnh tranh bình đẳng, 66,7% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 77,8% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 74,1% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 77,8% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị, phản ánh. Tuy nhiên, vẫn có 37,0% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương, cho thấy cần tiếp tục công khai tiêu chí phân bổ nguồn lực và cơ hội hỗ trợ. Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, độ phủ hỗ trợ chưa cao: chỉ 14,8% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 40,7% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 33,3% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, xã có kết quả khá tích cực ở an ninh trật tự với 85,2% đánh giá phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 59,2% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; nhưng mức hài lòng với thực hiện chính sách và giải quyết phản ánh còn thấp hơn, lần lượt 48,1% và 40,7%.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền cho thấy xã có một số tín hiệu tích cực về môi trường và bao trùm, nhưng kinh tế tư nhân và vai trò kiến tạo chưa thật sự nổi bật. Có 70,3% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 55,5% đánh giá xã tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 37,0% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 59,3% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Về bao trùm, 74,1% đánh giá xã đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật; 63,0% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật. Tuy nhiên, hỗ trợ nhóm yếu thế kết nối kinh doanh còn hạn chế khi chỉ 29,6% đánh giá tích cực. Các nội dung phát triển theo chiều sâu cũng chưa mạnh: 33,3% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 63,0% đánh giá xã có quan tâm đến R&D, nhưng chỉ 51,8% đồng ý rằng có hỗ trợ cụ thể cho hoạt động này.

Điểm nhấn lớn nhất của xã Bản Liền là phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu. Chỉ 8,0% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 29,6% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 33,3% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Ở nhóm vai trò kiến tạo, các tỷ lệ đánh giá tích cực cũng chưa cao: 22,2% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân

là tích cực; 37,0% đánh giá UBND xã linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 25,9% đánh giá xã năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 37,0% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại; và 48,1% đồng ý rằng xã thực hiện đúng các chủ trương của tỉnh về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Xã Bản Liên có điểm mạnh ở xử lý thủ tục đúng hạn, chi phí tuân thủ tương đối kiểm soát được, cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, xã cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng minh bạch và tiếp cận nguồn lực, nhất là thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và hạ tầng; mở rộng độ phủ và hiệu quả của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, R&D, chuyển đổi xanh và tạo thuận lợi hơn cho các dự án đầu tư tư nhân phù hợp với điều kiện địa bàn.

28. Phường Văn Phú

ĐIỂM SỐ 65,73		PHÂN NHÓM Trung bình khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	6,79	Trung bình khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	6,21	Trung bình khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	5,89	Trung bình
	4 – Chi phí tuân thủ	7,12	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	6,82	Trung bình khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,06	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,09	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,50	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,23	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,02	Khá

Năm 2025, phường Văn Phú đạt 65,73 điểm, thuộc nhóm Trung bình khá. Kết quả cho thấy phường có nền tảng điều hành ở mức trung bình khá, với điểm mạnh tương đối ở chi phí tuân thủ đạt 7,12 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,09 điểm và sự năng động, vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,02 điểm. Tuy nhiên, nhiều nội dung còn ở mức thấp hơn, nhất là tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 5,89 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,06 điểm, tiếp cận nguồn lực phát triển đạt 6,21 điểm và quy mô, hiệu quả, đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,23 điểm. Nhìn chung, Văn Phú duy trì được một số khâu thực thi cơ bản, nhưng chưa tạo được cảm nhận rõ về minh bạch, hỗ trợ kinh doanh và thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của phường Văn Phú có điểm tích cực ở việc xử lý thủ tục đúng hạn, nhưng chất lượng hướng dẫn và minh bạch còn yếu. Chỉ 25,0% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục, trong khi 75,0% chỉ đánh giá ở mức bình thường. Về thời gian xử lý, 95,0% đánh giá thủ tục đăng ký hoạt động đúng quy định hoặc nhanh hơn; với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, tỷ lệ này đạt 90,0%. Về hồ sơ, 85,0% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần, trong đó 45,0% được chấp nhận ngay từ

đầu. Tuy nhiên, thời gian hoàn thành toàn bộ thủ tục chưa thật sự nhanh: chỉ 60,0% hoàn thành trong vòng 15 ngày, trong khi 35,0% mất 15–30 ngày.

Điểm nhấn lớn hơn của Trụ cột 1 nằm ở tiếp cận nguồn lực, minh bạch và tham vấn. Chỉ 13,3% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ/rất dễ; 13,3% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 30,0% đánh giá hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh ở mức tốt. Về minh bạch, chỉ 23,3% đánh giá dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; 33,3% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử. Đáng chú ý, chỉ 3,3% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Mặc dù 64,3% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, chỉ 3,3% hài lòng với chất lượng phản hồi. Điều này cho thấy phường cần cải thiện mạnh hơn ở công khai thông tin, đối thoại sớm và chất lượng giải trình sau phản ánh.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh của phường Văn Phú ở mức trung bình khá, nhưng chưa có điểm nổi bật. Về cạnh tranh bình đẳng, 40,0% đồng ý rằng chương trình, hành động của phường được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 33,3% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 36,7% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 33,3% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 36,7% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Tín hiệu tích cực là chỉ 13,3% đồng ý rằng tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương, thấp hơn nhiều địa phương khác; tuy nhiên, tỷ lệ đánh giá tích cực về công bằng vẫn chưa cao, cho thấy niềm tin về cạnh tranh bình đẳng cần được củng cố thêm.

Điểm yếu rõ nhất của Trụ cột 2 là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 6,9% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 20,0% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 20,0% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Về hiệu lực thể chế, 33,3% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 40,0% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 33,4% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 41,4% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị; và 33,3% đánh giá biện pháp hỗ trợ/bảo vệ khi có phản ánh là hiệu quả. Như vậy, phường cần nâng cả độ phủ hỗ trợ lẫn chất lượng thực thi chính sách sau khi chính sách được ban hành.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền có một số điểm tích cực về ý thức môi trường của cơ sở kinh doanh, nhưng vai trò hỗ trợ của chính quyền và phát triển kinh tế tư nhân còn hạn chế. Có 89,3% cơ sở cho biết đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong đó 57,1% áp dụng tương đối đầy đủ hoặc tích cực nhiều biện pháp. Tuy nhiên, chỉ 24,1% đánh giá phường tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 26,9% đánh giá chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 40,7% đánh giá hạ tầng xử lý chất

thải có và hoạt động hiệu quả. Về bao trùm, 46,7% đánh giá phường đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật; nhưng chỉ 30,0% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật và 26,7% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật.

Điểm nghẽn lớn của Trụ cột 3 là phát triển kinh tế tư nhân theo chiều sâu. Chỉ 9,1% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp; 20,7% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân là khá/rất hiệu quả; và 24,1% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Các nội dung chuyển đổi số, kết nối thị trường và đổi mới sáng tạo cũng còn thấp: chỉ 16,7% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 24,1% đánh giá phường quan tâm đến R&D; và 24,1% cho rằng có hỗ trợ cụ thể cho R&D. Ở nhóm vai trò kiến tạo, các tỷ lệ tích cực chưa cao: 33,3% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 36,7% đánh giá UBND phường linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 40,0% đánh giá phường năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 30,0% cho rằng lãnh đạo phường đã hành động để thực hiện cam kết cải thiện môi trường kinh doanh; và 30,0% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Phường Văn Phú có điểm mạnh tương đối ở xử lý thủ tục đúng hạn, kiểm soát chi phí tuân thủ và một phần hiệu lực thể chế. Tuy nhiên, các điểm nghẽn lớn nằm ở minh bạch thông tin, tham vấn chính sách, chất lượng phản hồi kiến nghị, hỗ trợ sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế tư nhân. Trọng tâm cải thiện thời gian tới nên là công khai rõ hơn thông tin quy hoạch, đất đai, mặt bằng và chính sách hỗ trợ; tăng đối thoại thực chất với DN/HTX/HKD; nâng chất lượng phản hồi sau kiến nghị; mở rộng độ phủ chương trình hỗ trợ; và thúc đẩy hộ kinh doanh tham gia thương mại điện tử, chuyển đổi xanh, R&D và từng bước chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp.

29. Phường Âu Lâu

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
74,46		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,74	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	7,00	Khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,87	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,88	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,93	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,90	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,77	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	7,33	Khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,98	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	8,06	Tốt

Năm 2025, phường Âu Lâu đạt 74,46 điểm, thuộc nhóm Khá. Đây là hồ sơ có kết quả tương đối tích cực và khá đồng đều, với nhiều chỉ số thành phần đạt mức khá cao. Điểm mạnh nổi bật nằm ở sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 8,06 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,93 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,88 điểm, hiệu lực thể chế đạt 7,77 điểm và thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,74 điểm. Các nội dung còn dư địa cải thiện gồm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đạt 6,87 điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đạt 6,90 điểm và quy mô, hiệu quả, đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,98 điểm. Nhìn chung, Âu Lâu có nền tảng điều hành khá tốt, nhưng cần cải thiện thêm ở tham vấn, hỗ trợ kinh doanh và chất lượng tiếp cận nguồn lực.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của phường Âu Lâu có kết quả tích cực ở xử lý thủ tục, thời gian hoàn thành hồ sơ và chi phí tuân thủ. Có 77,4% người trả lời khá hài lòng hoặc rất hài lòng với chất lượng hướng dẫn thủ tục. 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 45,2% cho rằng nhanh hơn quy định; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng quy định hoặc nhanh hơn, trong đó 36,7% cho rằng nhanh hơn. Về hồ sơ, 93,5% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần,

trong đó 71,0% được chấp nhận ngay từ đầu; 83,9% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày và 96,8% hoàn thành trong vòng 30 ngày.

Ở nhóm tiếp cận nguồn lực và minh bạch, kết quả khá nhưng chưa thật sự đồng đều. 51,6% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 35,5% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; 38,7% đánh giá hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh ở mức tốt. Về minh bạch, 71,0% đánh giá dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách và 71,0% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử. Tuy nhiên, chỉ 38,7% cho biết thường xuyên hoặc luôn được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Điểm tích cực là 83,9% thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị và 67,7% hài lòng với chất lượng phản hồi. Về chi phí tuân thủ, 90,3% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra, 87,1% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 83,9% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp; 67,7% cho rằng chi phí không chính thức trong TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh là nhóm kết quả nổi bật của phường Âu Lâu, nhất là ở cạnh tranh bình đẳng và hiệu lực thể chế. Có 66,7% đồng ý rằng chương trình, hành động của phường được thực thi bình đẳng giữa các loại hình DN/HTX/HKD; 77,4% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 74,2% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 74,2% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 67,7% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Tuy nhiên, vẫn có 45,2% đồng ý rằng tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Đây là điểm cần lưu ý vì có thể làm giảm cảm nhận về công bằng thực chất, dù các chỉ tiêu công bằng khác khá tích cực.

Về hỗ trợ sản xuất kinh doanh, kết quả mới ở mức khá, chưa thật sự nổi bật. Chỉ 25,8% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 48,4% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ thực hiện; và 51,6% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Như vậy, các chương trình hỗ trợ có tín hiệu tích cực nhưng độ phủ chưa cao. Về hiệu lực thể chế, Âu Lâu có nền tảng tốt: 83,9% đánh giá an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 67,7% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 67,7% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 76,7% hài lòng với cách giải quyết phản ánh, kiến nghị; và 67,7% đánh giá biện pháp hỗ trợ/bảo vệ khi có phản ánh là hiệu quả.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền là nhóm có nhiều điểm sáng. Về phát triển xanh, 71,0% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, trong đó 58,1% áp dụng tương đối đầy đủ hoặc tích cực nhiều biện pháp. 67,7% đánh giá phường tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; 77,4% đánh giá các chương trình cho dự án đầu tư xanh là hiệu quả; và 77,4% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Các nội dung

bao trùm cũng tương đối tích cực: 58,1% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 56,7% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 63,3% đánh giá phường đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật.

Về phát triển kinh tế tư nhân, Âu Lâu có tín hiệu tốt hơn nhiều địa phương khác khi 34,5% hộ kinh doanh có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp. Tuy nhiên, hiệu quả hỗ trợ khu vực tư nhân vẫn cần cải thiện thêm: 44,8% đánh giá việc tạo thuận lợi cho dự án đầu tư tư nhân khá/rất hiệu quả và 59,3% đánh giá chương trình hỗ trợ kinh tế tư nhân khá/rất hiệu quả. Điểm mạnh rõ nhất của Trụ cột 3 là vai trò kiến tạo của chính quyền. 83,9% đồng ý rằng thái độ của chính quyền đối với khu vực tư nhân là tích cực; 83,9% đánh giá UBND phường linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 80,6% đánh giá phường năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 87,1% cho rằng chương trình, hành động tạo thuận lợi cho DN/HTX/HKD ổn định và nhất quán; 80,6% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Phường Âu Lâu có nền tảng điều hành khá tốt, nổi bật ở TTHC thông thoáng, chi phí tuân thủ thấp, cạnh tranh bình đẳng, hiệu lực thể chế và vai trò kiến tạo của chính quyền. Để cải thiện DCCI theo chiều sâu, phường cần tập trung vào ba hướng: mở rộng tham vấn chính sách và đối thoại sớm với DN/HTX/HKD; công khai rõ hơn tiêu chí tiếp cận nguồn lực, đất đai, mặt bằng và chương trình hỗ trợ nhằm giảm cảm nhận về lợi thế quan hệ; đồng thời nâng độ phủ và tính thực chất của hỗ trợ sản xuất kinh doanh, nhất là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, kết nối thị trường, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và các dự án đầu tư tư nhân phù hợp với địa bàn.

30. Phường Cam Đường

ĐIỂM SỐ		PHÂN NHÓM	
71,23		Khá	
Kết quả các CSTP			
Trụ cột/ Chỉ số thành phần		Điểm số	Phân nhóm
Trụ cột 1	1 - Thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường	7,57	Khá
	2 - Tiếp cận nguồn lực phát triển	7,31	Khá
	3 – Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình	6,38	Trung bình khá
	4 – Chi phí tuân thủ	7,82	Khá
Trụ cột 2	5 – Môi trường cạnh tranh bình đẳng	7,42	Khá
	6 – Hỗ trợ sản xuất kinh doanh	6,23	Trung bình khá
	7 – Hiệu lực thể chế	7,86	Khá
Trụ cột 3	8- Tăng trưởng bền vững và bao trùm, đáp ứng giới	6,86	Trung bình khá
	9- Quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân	6,27	Trung bình khá
	10 - Sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền	7,51	Khá

Năm 2025, phường Cam Đường đạt 71,23 điểm, thuộc nhóm Khá. Kết quả cho thấy phường có nền tảng điều hành tương đối tốt, nhất là ở hiệu lực thể chế đạt 7,86 điểm, chi phí tuân thủ đạt 7,82 điểm, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường đạt 7,57 điểm, sự năng động và vai trò kiến tạo của chính quyền đạt 7,51 điểm, môi trường cạnh tranh bình đẳng đạt 7,42 điểm và tiếp cận nguồn lực phát triển đạt 7,31 điểm. Các nội dung cần cải thiện rõ hơn là hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 6,23 điểm, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tư nhân đạt 6,27 điểm, và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình đạt 6,38 điểm. Nhìn chung, Cam Đường có điểm mạnh ở xử lý thủ tục, kiểm soát chi phí và hiệu lực thực thi, nhưng cần cải thiện thêm về hỗ trợ phát triển kinh doanh, tham vấn và thúc đẩy khu vực tư nhân theo chiều sâu.

Trụ cột 1 – Môi trường kinh doanh thuận lợi của phường Cam Đường có điểm mạnh ở thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ. Có 53,1% người trả lời khá hài lòng về chất lượng hướng dẫn thủ tục. 100% đánh giá thời gian thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động không chậm hơn quy định, trong đó 31,3% cho rằng nhanh hơn quy định; đối với thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, 100% cũng đánh giá đúng hoặc nhanh hơn quy định. Về hồ sơ, 93,8% cho biết hồ sơ được chấp nhận ngay hoặc chỉ phải bổ sung tối đa 1 lần; 93,8% hoàn thành toàn bộ thủ tục trong vòng 15 ngày, trong đó 53,1%

hoàn thành dưới 10 ngày. Đây là điểm tích cực, cho thấy quy trình xử lý hồ sơ cơ bản khá thông thoáng.

Tuy nhiên, trong Trụ cột 1, điểm nghẽn vẫn nằm ở minh bạch, tiếp cận nguồn lực và tham vấn chính sách. Chỉ 37,5% đánh giá tiếp cận thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là khá dễ hoặc rất dễ; 18,8% đánh giá tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thuận lợi; trong khi 81,3% chỉ đánh giá ở mức bình thường. Về minh bạch, 43,8% đánh giá dễ tiếp cận văn bản, thủ tục, chính sách; 59,4% hài lòng với thông tin trên cổng thông tin điện tử. Đáng chú ý, chỉ 3,1% cho biết thường xuyên được mời tham gia đối thoại, tham vấn chính sách. Dù 93,8% cho biết thường xuyên hoặc luôn nhận được phản hồi khi có kiến nghị, chỉ 9,4% hài lòng với chất lượng phản hồi, còn 65,6% chỉ đánh giá bình thường và 25,0% không hài lòng. Điều này cho thấy phường phản hồi khá thường xuyên, nhưng chất lượng giải trình và đối thoại thực chất vẫn cần cải thiện.

Ở nhóm chi phí tuân thủ, Cam Đường có kết quả khá tốt. 100% đánh giá thời gian thực hiện công việc/thủ tục của chính quyền phường đúng quy định hoặc sớm hơn. 65,6% hài lòng với thái độ phục vụ của cán bộ, 64,5% hài lòng với chuyên môn và hiệu quả giải quyết công việc. Gánh nặng thanh tra, kiểm tra tương đối thấp: 87,5% cho biết không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn thanh tra; 68,8% không phải tiếp hoặc chỉ tiếp 1 đoàn kiểm tra; 87,1% đánh giá nội dung thanh tra, kiểm tra ít trùng lặp hoặc hoàn toàn không trùng lặp. Đặc biệt, 90,0% cho rằng chi phí không chính thức trong thực hiện TTHC là không phổ biến hoặc hoàn toàn không có; tỷ lệ này với thanh tra, kiểm tra là 96,9%.

Trụ cột 2 – Thúc đẩy cạnh tranh có điểm mạnh ở hiệu lực thể chế và cảm nhận tương đối tích cực về công bằng trong thực thi. 71,9% đánh giá công bằng trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh và chương trình hỗ trợ; 78,1% đánh giá công bằng trong thực hiện TTHC; 78,1% đánh giá công bằng trong thanh tra, kiểm tra; và 71,9% đánh giá công bằng trong giải quyết kiến nghị. Tuy nhiên, vẫn có 28,1% đồng ý rằng việc tiếp cận nguồn lực kinh tế thuận lợi hơn với đơn vị có quan hệ quen biết với cán bộ địa phương. Đây là điểm cần lưu ý vì có thể làm giảm cảm nhận về cạnh tranh bình đẳng thực chất.

Điểm yếu rõ nhất của Trụ cột 2 là hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Chỉ 18,8% cho biết thường xuyên hoặc luôn được biết đến hay được mời tham gia chương trình hỗ trợ; 40,6% đánh giá thủ tục hưởng hỗ trợ khá/rất dễ; và 46,9% đánh giá chương trình hỗ trợ khá/rất hiệu quả. Trong khi đó, hiệu lực thể chế lại là điểm sáng: 84,4% đánh giá tình hình an ninh trật tự phần lớn ổn định hoặc luôn ổn định; 81,3% đánh giá tuyên truyền, phổ biến chính sách hiệu quả; 83,9% hài lòng với việc thực hiện chính sách; 71,9% hài lòng với cách giải quyết phản ánh; và 78,1% đánh giá biện pháp bảo vệ/hỗ trợ khi có phản ánh là hiệu quả.

Trụ cột 3 – Tăng trưởng bền vững và vai trò kiến tạo của chính quyền có kết quả khá nhưng chưa đồng đều. Về phát triển xanh, 56,3% cơ sở đã áp dụng ít nhất một số biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; 21,9% đánh giá phường tích cực hỗ trợ áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng. Ngược lại, các chương trình cho dự án đầu tư xanh được đánh giá tốt hơn, với 68,8% cho rằng có và hiệu quả; 78,1% đánh giá hạ tầng xử lý chất thải có và hoạt động hiệu quả. Về bao trùm, kết quả khá tích cực: 71,9% đánh giá địa điểm cung cấp dịch vụ dễ tiếp cận với người khuyết tật; 68,8% đánh giá dịch vụ/hỗ trợ phù hợp với người khuyết tật; 84,4% đánh giá phường đối xử bình đẳng giữa các chủ DN/HTX/HKD theo giới, dân tộc thiểu số và tình trạng khuyết tật.

Tuy nhiên, điểm nghẽn lớn vẫn là phát triển khu vực kinh tế tư nhân theo chiều sâu. 100% hộ kinh doanh không có ý định chuyển đổi thành doanh nghiệp, cho thấy động lực nâng cấp mô hình kinh doanh còn rất yếu. Chỉ 18,8% cho biết thường xuyên được hướng dẫn tham gia sàn thương mại điện tử hoặc kết nối doanh nghiệp cùng ngành; 37,5% đánh giá phường có quan tâm đến R&D và 35,5% cho rằng có hỗ trợ cụ thể cho R&D. Ở nhóm vai trò kiến tạo, kết quả tích cực hơn: 68,8% đồng ý rằng thái độ của chính quyền với khu vực tư nhân là tích cực; 65,6% đánh giá UBND phường linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật; 61,3% đánh giá phường năng động, sáng tạo trong xử lý vấn đề mới; 75,0% cho rằng chương trình, hành động tạo thuận lợi cho DN/HTX/HKD ổn định và nhất quán; và 74,2% cho rằng khó khăn được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại.

Phường Cam Đường có nền tảng điều hành khá tốt, nổi bật ở xử lý thủ tục, chi phí tuân thủ, hiệu lực thể chế, an ninh trật tự và vai trò điều hành của chính quyền. Tuy nhiên, để cải thiện DCCI theo chiều sâu, phường cần tập trung vào ba hướng: nâng chất lượng minh bạch và phản hồi kiến nghị, nhất là thông tin đất đai, quy hoạch và chất lượng giải trình; mở rộng độ phủ và tính thiết thực của các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh; và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi, kết nối thị trường, thương mại điện tử, R&D, chuyển đổi xanh và tạo thuận lợi hơn cho các dự án đầu tư tư nhân tại địa bàn.



Thông tin thêm về DCCI vui lòng truy cập website:
<https://laocai.dcci.vn/>

